NHIỀU TÁC GIẢ

79 câu hỏi đáp về thời niên thiếu của Bác Hồ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

79 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ

TRẦN NAM TIẾN CHỦ BIÊN

79 CÂU HỎI ĐÁP
VỀ THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Biên soạn: *NHÓM NHÂN VĂN TRẺ*
- TRẦN NAM TIẾN (Chủ biên)
- TRẦN VĂN PHƯƠNG
- NGUYỄN THỊ MINH THÚY
- NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT

LỜI NÓI ĐẦU

Trong lịch sử hơn 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta qua nhiều thời kỳ khác nhau, thời kỳ nào cũng có những anh hùng hào kiệt, làm vẻ vang cho non sông đất nước ta. Hồ Chí Minh – Người được toàn dân ta gọi bằng cái tên thân kính "Bác Hồ" – là một trong những vị anh hùng vĩ đại trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc; Người còn là một nhà tư tưởng lớn của thời đại, một danh nhân văn hóa Việt Nam và thế giới. Nhiều cơ quan, tổ chức cũng như cá nhân đã nghiên cứu và viết về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người. Thế nhưng, riêng phần quãng đời thời niên thiếu của Bác Hồ thì rất ít tài liệu ghi chép lại được, vì lúc sinh thời Bác Hồ ít khi nói về mình.

Ngoài Nghệ An là quê hương của Bác, cố đô Huế là nơi Bác đã sống qua lâu nhất – cả hai lần gần mười năm. Quãng đời thời niên thiếu có một ảnh hưởng nhất định trong việc hình thành tư tưởng yêu nước và cách mạng của Bác. Hoàn cảnh xã hội và sự hun đúc của gia đình đã tạo cho Bác sớm có những biểu hiện khác thường về trí thông minh và lòng yêu nước – những

dấu hiệu đầu tiên của nhà cách mạng, nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh sau này.

"Hồ Chí Minh là hiện thân của dân tộc Việt Nam và mọi người Việt Nam đều thấy mình trong Hồ Chủ tịch" (Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng). Với tinh thần yêu nước nồng nàn, với sự sáng suốt về chính trị, Người đã bắt đầu suy nghĩ về những nguyên nhân, thành bại của các phong trào yêu nước hồi bấy giờ và quyết tâm đi tìm con đường đúng đắn để cứu dân, cứu nước.

Lật lại những trang sách viết về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thêm hiểu, thêm yêu vị lãnh tụ vô cùng đáng kính, đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. Chưa có một vị lãnh tụ nào trên thế giới lại được ngay cả nhân dân của các nước "đối đầu" với mình cũng kính trọng và yêu mến như Bác Hồ của chúng ta. Nhiều nhà báo nước ngoài đã dành cho Người những dòng đầy kính nể, như trong một cuốn sách của nhà báo người Pháp Jean Lacouture viết năm 1967 có nội dung: "*...Trên thế giới hiện nay không có lãnh tụ nào đối với nhân dân của mình vừa là người phát sinh, vừa là người bảo vệ, vừa là nguồn gốc, vừa là phương hướng, vừa là tư tưởng, vừa là thực hành; vừa là dân tộc, vừa là cách mạng; vừa là người "Bác" nhân hậu, vừa là vị tướng cầm quân...*".

Hơn thế nữa, các tổ chức trên thế giới cũng dành cho Người những dòng đầy tôn kính: "*...Chủ tịch Hồ Chí*

Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

...Sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh truyền thống văn hóa của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho sự hiểu biết lẫn nhau..." (Nghị quyết của tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) về kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là một nhà văn hóa lớn").

Vì vậy, tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta càng hiểu rõ hơn lịch sử đất nước, kính yêu những người có công xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu cho sự tiến bộ của thế giới. Từ đó, xác định nhiệm vụ đối với hiện tại và tương lai, noi gương các tiền nhân trong công cuộc đấu tranh cách mạng ngày nay. Cuộc đời và sự nghiệp của Bác Hồ có tác dụng rất lớn đối với việc giáo dục thế hệ trẻ vững tin vào con đường mà Người đã chọn. Tư tưởng Hồ Chí Minh – một di sản vô cùng quý báu của Người để lại cho dân tộc ta và nhân loại – vẫn còn giá trị qua các thời đại tiếp sau.

Bộ sách "Hỏi đáp về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh" tuy chưa phải là một công trình khoa học về tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh, song được trình bày trên cơ sở tài liệu khoa học theo trình tự thời gian, qua đó khắc họa khá đầy đủ cuộc đời của Người với những hoạt động lớn, những công lao nổi bật. Bộ sách được trình bày dưới dạng những câu hỏi đáp gọn gàng, sinh động giúp người đọc dễ tra cứu. Bộ sách vừa có tính chất phổ biến kiến thức khoa học lịch sử, vừa đóng góp vào việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy sách có thể phục vụ nhiều đối tượng, các cán bộ làm công tác khoa học, giáo dục, tuyên huấn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng tiến hành biên soạn, nhưng do khả năng có hạn, nhất là chưa có điều kiện khảo sát tận nơi những sự kiện, tài liệu gốc còn lưu trữ... Vì vậy, chắc chắn bộ sách không tránh khỏi còn những khiếm khuyết chưa khắc phục ngay được. Chúng tôi chân thành mong mỏi nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc xa gần.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

? "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"[1]. Có thể nói, nhân cách Hồ Chí Minh đã sớm được hình thành từ thời niên thiếu. Hãy cho biết đôi nét về thời niên thiếu của Bác Hồ?

Bác Hồ lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890 tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Chùa). Nguyễn Sinh Cung sinh ra khi đất nước đã mất hoàn toàn về tay thực dân Pháp. Nhiều cuộc nổi dậy chống Pháp đã nổ ra nhưng đều lần lượt thất bại. Trong bối cảnh ấy, Nguyễn Sinh Cung đã lớn lên trong cái nôi gia đình đầy tình yêu thương đùm bọc của ông bà, cha mẹ và dì An.

Cha là Nguyễn Sinh Sắc tức Nguyễn Sinh Huy (1862-1929) - một nhà nho yêu nước. Ông là người làng Kim Liên thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Mẹ của Người là bà Hoàng Thị Loan (1868-1901) chuyên làm nghề nông và dệt vải. Bà là con của cụ đồ Hoàng Đường, người ở làng Hoàng Trù cách làng Kim Liên khoảng 2km.

Gia đình Bác Hồ có 4 anh chị em. Chị gái là bà Nguyễn Thị Thanh (còn có tên là Nguyễn Thị Bạch Liên (1884-1954), người anh trai của bác là Nguyễn Sinh

1. Trích Điếu văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng do đồng chí Lê Duẩn đọc trong Lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9-9-1969 tại Quảng trường Ba Đình.

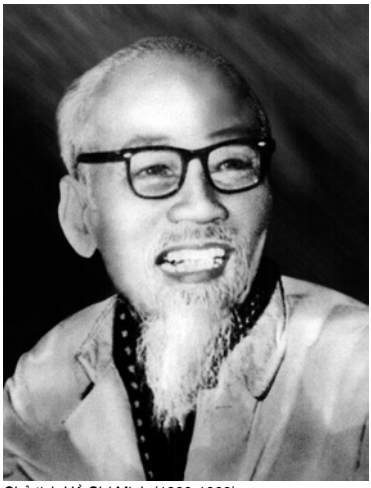

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969)

Khiêm (1888-1950), Bác Hồ tên lúc còn nhỏ là Nguyễn Sinh Cung (tiếng địa phương gọi là Côông). Người em của Bác là Nguyễn Sinh Xin (1900-1901) đã mất khi còn nhỏ.

Sau khi ông Nguyễn Sinh Sắc thi đậu Phó bảng năm 1901, theo tập quán địa phương, ông đã tổ chức lễ "Vào làng" và đổi tên cho hai con trai là Nguyễn Sinh Khiêm thành Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành.

Năm 1895, Bác cùng anh theo cha mẹ vào Huế để ông Sắc ôn luyện đi thi. Vừa học, ông vừa dạy kèm cho hai con. Vì thế, người thầy đầu tiên và có ảnh hưởng quan trọng đến Bác Hồ cũng chính là cha của Người. Ngoài ra trong khoảng thời gian từ 1901 đến 1905 khi còn ở quê nhà, những lúc cha bận, Bác cũng được theo học với các thầy đồ khác có tiếng trong vùng là Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý, và Trần Thân.

Năm 1906, Bác Hồ theo học tại trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba tại Huế. Ở đây, lần đầu tiên

Bác đã được biết đến những từ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái". Tháng 9-1907, Người vào học tại trường Quốc học Huế. Năm 1908, do tham gia cuộc biểu tình của phong trào xin xâu và chống thuế của nông dân Thừa Thiên, Bác bị trường Quốc học buộc thôi học. Người bắt đầu con đường đi vào phía Nam. Tháng 9-1909, Bác Hồ đến Quy Nhơn thăm cha và theo học tiếng Pháp với thầy Phạm Ngọc Thọ. Năm 1910, trên đường vào Sài Gòn, Bác dừng lại tại Phan Thiết và dạy học ở trường Dục Thanh môn chữ Hán và thể dục. Không lâu sau đó, Bác rời Phan Thiết để đến Sài Gòn.

Tháng 2-1911, Bác Hồ - Nguyễn Tất Thành đến Sài Gòn. Bác đã xin vào làm và học tại trường đào tạo công nhân kỹ thuật. Với ước mơ đi sang phương Tây xem các nước tư bản như thế nào để về giúp dân mình, Bác đã xin làm việc trên chiếc tàu L'Admiral Latouche Tréville của Hãng vận tải hợp nhất (Charguers Réunis) của Pháp mà người dân thường gọi là hãng Năm Sao (vì trên ống khói của tàu có vẽ hình năm ngôi sao). Ngày 5-6-1911, tàu L'Admiral Latouche Tréville rời cảng Nhà Rồng, rời Việt Nam bắt đầu cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước của Bác. Từ đây bắt đầu một trang mới của người chiến sĩ cách mạng quốc tế mang tên Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh...

? Tỉnh Nghệ An - quê hương của Bác Hồ - là một vùng đất có truyền thống yêu nước lâu đời, đã hun đúc cho Bác lòng yêu nước từ thuở còn thơ. Xin cho biết vài nét về vùng đất này?

Nghệ An là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hoá và truyền thống cách mạng lâu đời. Với vị trí chiến lược quan trọng, Nghệ An luôn là "phên dậu của nước nhà", là "thành đồng ao nóng", là "then khoá của mọi thời đại".

Đất Nghệ An xưa là bộ Hoài Hoan, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Thời Bắc thuộc, Đường Cao Tông đổi tên nước ta là An Nam Đô Hộ Phủ, đất này thành Châu Hoan, Châu Diễn, gồm 11 huyện. Đời vua Trần Duệ Tông (1372-1377), đổi Châu Hoan thành Nghệ An. Đời Vua Trần Thuận Tông, Hồ Quý Ly đổi lộ Nghệ An thành trấn Lâm An. Sang đến nhà Lê, đây là đạo Tây Hải, rồi gọi là Nghệ An thừa tuyên. Thời Tây Sơn đặt là Trung Đô, sau thành trấn Nghệ An. Đời nhà Nguyễn đất này là trấn Nghệ An. Năm Minh Mạng thứ 12, vua đổi trấn thành tỉnh Nghệ An. Hà Tĩnh cũng là tỉnh sau trở thành một đạo của Nghệ An.

Sông Lam, núi Hồng, huyện Nam Đàn, quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ những thế kỷ trước, Nghệ An là vùng biên viễn của nước Đại Việt, cũng là nơi dân tộc ta đi tiếp cuộc hành trình mở mang bờ cõi về phương Nam. Vì thế, ca dao xưa có câu:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ

Xa trung tâm, nên sự quản lý, ràng buộc của nhà nước Đại Việt đối với vùng đất này còn khá lỏng lẻo. Suốt cả một thời gian dài, các triều đại phong kiến chưa đủ sức quản lý chặt chẽ và giữ vững an ninh trật tự ở vùng đất này. Các cộng đồng cư dân ở đây phần lớn phải tự bảo vệ cho sự bình yên của mình. Mặc khác, do thường xuyên phải đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt nên con người nơi đây phải vươn lên bằng sức mạnh của ý chí và nghị lực để tồn tại, phát triển. Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên nét "gia phong" của người Nghệ An.

Nghệ An mang nhiều nét chung, tiêu biểu của đất nước, dân tộc, song con người ở xứ sở sông Lam, núi Hồng cũng có những nét riêng, những đặc điểm của "xứ Nghệ". Nhà sử học Phan Huy Chú nhìn thấy ở đây không chỉ là vùng "*đất xấu, dân nghèo, tập tục cần kiệm, nhà nông chăm chỉ làm ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành*". Trong sách *Đại Nam nhất thống chí* của triều Nguyễn đã mô tả, đây là địa phương có "*núi cao sông rộng, phong tục thuần hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất danh tiếng hơn cả Nam châu. Người thì thuận hoà mà chăm*

học, sản vật thì nhiều thứ quý lạ... Được khí tốt của núi sông nên sinh ra nhiều bậc danh hiền...".

Nhân dân Nghệ An giàu truyền thống lao động sản xuất, đấu tranh chống ngoại xâm. Nghệ An, Hà Tĩnh là nơi sản sinh ra nhiều anh hùng trong đấu tranh chống Bắc thuộc, là hậu phương, căn cứ vững chắc trong các cuộc kháng chiến chống phong kiến phương Bắc xâm lược. Khi tạm rời kinh thành Thăng Long, vượt biển vào phía Nam để chuẩn bị lực lượng phản công quân Mông Nguyên lần thứ hai (1285), vua Trần Nhân Tông đã viết lên đuôi thuyền rồng hai câu thơ:

Cối kê cựu sự quân tu ký
Hoan, Diễn do tồn thập vạn binh

Có nghĩa là:

Chuyện cũ cối kê người nên nhớ
Hoan châu, Diễn châu vẫn còn 10 vạn binh.

Trong kháng chiến chống quân Minh, trong phong trào Tây Sơn, vùng đất Nghệ An đóng góp nhiều vào cuộc đấu tranh cho độc lập, thống nhất đất nước. Trong phong trào chống Pháp vào cuối thế kỷ XIX, nhân dân Nghệ An đã giương cao ngọn cờ Cần Vương chống Pháp.

Nghệ An là vùng đất "địa linh, nhân kiệt", là nơi hội tụ nhiều anh hùng, chiến sĩ như năm 722, Mai Thúc Loan đã lấy vùng này để lập căn cứ khởi nghĩa chống ách đô hộ nhà Đường; đây cũng chính là quê tổ của anh em nhà Nguyễn Huệ (thuộc xã Hưng Đạo, huyện

Hưng Nguyên); Phan Bội Châu, một sĩ phu, nhà yêu nước lớn nửa đầu thế kỷ XX. Ngoài ra còn có những anh hùng hào kiệt như trên núi Chung có đền thờ Nguyễn Đắc Đài, một danh tướng đời Trần có công đánh giặc ngoại xâm; nơi đây cũng là nơi Tú tài Vương Thúc Mậu (1822 – 1886) lập đội *"Chung nghĩa binh"*, dựng cờ Cần Vương chống Pháp... Và đặc biệt, vùng đất này đã sinh ra vị lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới Hồ Chí Minh.

Với tất cả những truyền thống tốt đẹp ấy, Nghệ An trở thành một cái nôi nuôi dưỡng, hun đúc nơi cậu bé Nguyễn Sinh Cung (tên Bác Hồ hồi nhỏ) một tấm lòng nhân ái, tình yêu quê hương, lòng yêu nước, thương dân... để sau này đi đến hành động cứu nước. Khi nhận xét về mảnh đất truyền thống này, đồng chí Lê Duẩn đã nói: "Trong nước ta hàng ngàn năm nay, Nghệ Tĩnh là nơi xây dựng cơ sở chống ngoại xâm giữ vững nước nhà. Khi nào phía Bắc mất, người ta lại vào đây xây dựng lực lượng, xây dựng sức mạnh để giải phóng cả nước. Do cơ sở vị trí truyền thống đó mà chúng ta không lấy làm ngạc nhiên ở Nghệ Tĩnh đã sinh trưởng những lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Cái đó không phải tình cờ mà do lịch sử tự nhiên, lịch sử lâu đời, lịch sử xây dựng kiến thiết đất nước đã hun đúc lại Nghệ Tĩnh, nhân dân anh dũng, cần cù lao động, có nhiều năng lực phi thường"[1].

---

1 Theo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ Tĩnh, Nxb. Nghệ Tĩnh, 1987, tr. 17-18.

? Xin cho biết vài nét về quê nội của Bác Hồ?

Quê cha Bác Hồ ở làng Kim Liên thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Xã Chung Cự gồm có 7 làng là: Kim Liên, Hoàng Trù, Ngọc Đình, Vân Hội, Tỉnh Lý, Cường Ky, Khoa Cử. Cả 7 làng nằm xung quanh núi Chung.

Là vùng "đất văn vật, chốn thi thư", người dân ở đây có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt nhưng là vùng đất nghèo nên người dân phải lao động chân tay rất vất vả vì "có thực mới vực được đạo". Ngoài làm ruộng còn có làm thêm nhiều nghề khác như dệt vải, đan lát hoặc sơn tràng, kiếm củi, đốt than v.v...

Xưa kia vùng này được gọi là Trại Sen với những địa danh toàn tên sen như: Đồng Sen Cạn, Đồng Sen Sâu, Giếng Sen, Đầm Sen, Vực Sen, Bàu Sen, Chợ Sen v.v... Sen đã tạo nên cảnh trí thiên nhiên đặc sắc ở đây nên làng có tên gọi là làng Sen.

Núi Chung là một ngọn núi không cao, có tầm quan sát cả vùng. Đây là một thắng cảnh của Nam Đàn và cũng là một di tích lịch sử. Trên núi có đền thờ Nguyễn Đắc Đài, một danh tướng thời Trần có công đánh giặc. Năm 1886, khi thực dân Pháp đến xâm lược, tú tài Vương Thúc Mậu, người làng Kim Liên đã lập đội Chung nghĩa binh đánh giặc.

Phía Tây có núi Hùng Sơn (rú Đụn) đồ sộ. Nơi đây có thành Vạn An và đền thờ Mai Hắc Đế để tưởng nhớ người

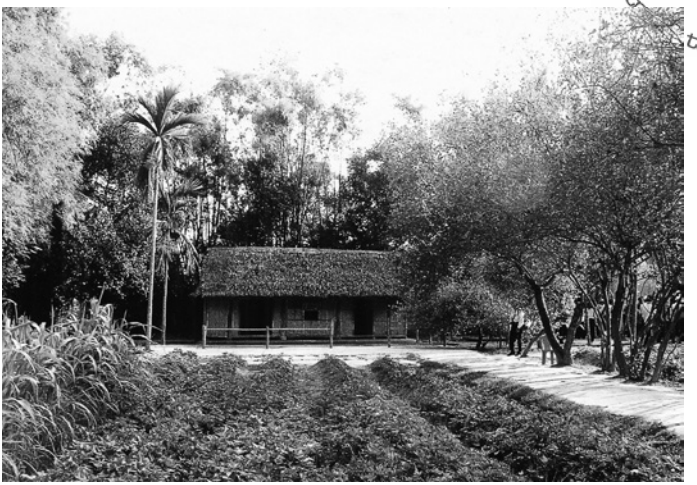

Ngôi nhà quê nội, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống cùng gia đình ở làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

anh hùng đã chống quân xâm lược nhà Đường năm 722. Phía tây nam là dãy núi Thiên Nhẫn trùng trùng điệp điệp. Nơi đây có thành Lục Niên, một trong những bản doanh của nghĩa quân Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, đánh đuổi quân Minh, giải phóng đất nước.

Phía Đông có núi Lam Thành với ba ngọn Triều Khẩu, Phượng Hoàng, Nghĩa Liệt đứng kề ngã ba Tam chế của sông Lam, một thời từng làm chỗ đứng cho lỵ sở Hoan Châu.

Phía Bắc là dãy núi Đại Vạc, Đại Huệ, là nơi Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương chọn xây thành lũy trong cuộc chiến chống quân Minh xâm lược. Dưới Đại Huệ là dãy Đại Hải, nơi có mộ tổ của Nguyễn Huệ. Ông đã chọn

Nghệ Tĩnh để xây dựng Phượng Hoàng trung đô dưới chân núi Dũng Quyết thuộc thành phố Vinh.

Nghệ Tĩnh còn là quê hương của các nhà cách mạng yêu nước như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái, Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai và xa hơn nữa dưới chân núi Hồng Lĩnh là quê hương của Nguyễn Công Trứ và đại thi hào Nguyễn Du. Đất nước, núi sông quê hương của Bác Hồ gắn bó chặt chẽ với lịch sử nước nhà.

Tuy là vùng đất sản sinh ra nhiều con người ưu tú như vậy nhưng khí hậu, thổ nhưỡng ở đây không hề được thiên nhiên ưu đãi. Đất đai thì cằn cỗi, nhiều nơi là đồng chua nước mặn, khí hậu khắc nghiệt. Thiên nhiên đã rèn luyện cho con người nơi đây sự cần cù, siêng năng để đấu tranh với thiên nhiên giành giật từng củ khoai, hạt lúa. Nhân dân đã có câu ca dao:

"Muốn ăn thì phải chăm làm
Một hạt thóc vàng chín hạt mồ hôi"

Thiên nhiên càng khắc nghiệt thì con người càng phải nghị lực, dẻo dai, bền bỉ. Cuộc sống đã rèn luyện cho con người nơi đây nghị lực, sự kiên cường, dũng cảm trong chiến đấu.

Nét độc đáo nổi bật trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của Nam Đàn là hát phường vải. Quê hương của hát phường vải là các làng ven núi Chung: Kim Liên, Hoàng Trù, Ngọc Đình, Tịnh Lý, Nguyệt Quả, Bố Ân, Bố Đức v.v... Hát phường vải là cuộc thử trí thi tài giữa nam và nữ. Điều này khiến cho người dân nơi đây,

nhất là phụ nữ tuy không thuộc mặt chữ song lại thông hiểu về nghĩa lý của chữ, đôi khi đạt đến mức độ sâu sắc. Ngoài hát phường vải, nơi đây còn có các làn điệu hát dặm, hát ví đò đưa. Truyện cổ tích, truyền kỳ, ca dao, tục ngữ cũng góp phần nuôi dưỡng, xây dựng tâm hồn lãng mạn tích cực cho con người nơi đây, giúp họ coi thường hiểm nguy và vật chất tầm thường, trọng nghĩa khí.

Vùng Kim Liên quê nội Bác Hồ nổi tiếng có truyền thống hiếu học. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, vùng Nam Đàn có bốn người học giỏi nổi tiếng được mệnh danh là "tứ hổ" thì làng Kim Liên đã có 3 người là Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương và Nguyễn Sinh Sắc, còn Phan Bội Châu là người ở làng Đan Nhiệm.

Ngày 16-6-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm lại quê cha sau 50 năm xa cách. Tại đây, Người đã thăm lại những kỷ vật gắn bó thân thiết thuở còn niên thiếu, Bác đã hỏi thăm giếng Cốc, lò rèn Cố Điền là những nơi Người thường ra gánh nước, thổi bể, rèn đồ chơi thuở nhỏ. Ngày 9-12-1961, Bác lại về thăm xã Kim Liên lần thứ hai.

? Bạn biết gì về quê ngoại Bác Hồ?

Quê ngoại Bác Hồ chính là nơi Người cất tiếng khóc chào đời – làng Hoàng Trù (hay còn gọi là làng Chùa), chung một xã Chung Cự với quê nội (làng Kim

Ngôi nhà quê ngoại, nơi sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh
ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Liên), tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Chính nơi đây, bà Hoàng Thị Loan – thân mẫu của Người - đã được sinh ra và lớn lên bởi truyền thống của họ Hoàng mà cha là cụ Hoàng Đường – có tiếng là nhân từ, trọng nghĩa tình, sống gần gũi với nhân dân. Theo gia phả họ Hoàng, chi nhánh ở làng Chùa có nguồn gốc là làng Hoàng Vân, tổng Yên Lạc, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Chính vì vậy mà trước nhà thờ họ Hoàng (thuộc khu di tích Kim Liên) có đôi câu đối:

"Hoàng Vân chính khí truyền thiên cổ
Chung Cự hùng thanh chấn ức niên"

Đại ý là: Hoàng Vân khí tốt truyền từ nghìn xưa lại. Chung Cự tiếng hùng vọng đến vạn năm sau.

Dòng họ này xưa kia có nhiều người học giỏi, làm quan to, con người chân chất, mộc mạc. Và cũng chính ở nơi này Nguyễn Sinh Cung đã lớn lên trong tình thương yêu đùm bọc của ông bà, cha mẹ, và dì An; được học những bài học đầu tiên về đạo làm người, về đức nhân từ ở bà ngoại, ở những ông hát xẩm, những người bạn đèn sách của cha...

Nét độc đáo nổi bật trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của Nam Đàn là hát phường vải. Quê hương của hát phường vải là các làng ven núi Chung: Kim Liên, Hoàng Trù, Ngọc Đình, Tịnh Lý, Nguyệt Quả, Bố Ân, Bố Đức v.v... Do nghề bông vải nên hát phường vải là hình thức sinh hoạt tinh thần rất phổ biến tại đây. Đêm đêm, trai gái trong vùng thường quay xa, kéo sợi và

Khung cửi mà bà Hoàng Thị Loan dùng để dệt vải.

hát với nhau, có khi thâu đêm suốt sáng. Sự phát triển của loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian này khiến cho người dân nơi đây, nhất là phụ nữ tuy không thuộc mặt chữ song lại thông hiểu về nghĩa lý của chữ, đôi khi đạt đến mức độ sâu sắc. Ngoài hát phường vải, nơi đây còn có các làn điệu hát dặm, hát ví đò đưa. Truyện cổ tích, truyền kỳ, ca dao, tục ngữ cũng góp phần nuôi dưỡng, xây dựng tâm hồn lãng mạn tích cực cho con người nơi đây, giúp họ coi thường hiểm nguy và vật chất tầm thường, trọng nghĩa khí. Bà Hoàng Thị Loan, mẹ Bác và bà Hoàng Thị An, dì của Bác cũng là những người hát hay nổi tiếng ở Chung Cự.

Ông bà ngoại của Bác sinh ra trong gia đình Nho học. Cụ ông là một nhà Nho, mở lớp dạy học tại nhà, cụ bà làm ruộng là chính, khi rảnh rỗi cụ cùng hai cô con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An làm thêm nghề dệt vải. Nhà của ông bà ngoại Bác Hồ là một ngôi nhà gỗ năm gian, lợp tranh. Khi tác hợp cho Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan, hai cụ đã làm một ngôi nhà ba gian đầu góc vườn phía Tây để cho hai con ở. Bác Hồ đã sinh ra và lớn lên trong ngôi nhà ba gian này.

Ngày 9-12-1961, sau hơn 60 năm xa cách, Chủ tịch Hồ Chí Minh mới về thăm lại ngôi nhà tranh, nơi Người cất tiếng khóc chào đời và sống những năm đầu của tuổi ấu thơ. Có thể nói, vùng đất này không những đã chứng kiến giờ phút Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời, ghi lại những kỷ

niệm êm đẹp, thân thương trong những năm đầu của tuổi ấu thơ, mà còn chứng kiến sự kiện Người về thăm quê năm 1961 sau bao nhiêu năm bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, xa cách quê hương.

? Nghệ An là vùng đất có truyền thống lao động cần cù, chăm học và giàu lòng yêu nước, anh dũng đấu tranh chống ngoại xâm, trong đó Kim Liên nổi tiếng là đất hiếu học, có nhiều người đỗ đạt, hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và giải phóng dân tộc. Những truyền thống này đã ảnh có hưởng đến cậu bé Nguyễn Sinh Cung như thế nào?

Nghệ An vốn là "đất xấu, dân nghèo, tập tục cần kiệm, nhà nông chăm chỉ làm ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành..."[1] nên được "gọi là đất danh tiếng hơn cả năm châu... sinh ra nhiều bậc danh hiền..."[2]. Trong đó, Kim Liên cũng nổi tiếng là đất hiếu học có truyền thống lao động cần cù và giàu lòng yêu nước. Từ năm 1635-1890, trong 96 kỳ thi hương, có 82 thí sinh làng Kim Liên và làng Hoàng Trù đỗ tú tài và Cử nhân Vương Thúc Mậu là nhà nho yêu nước, một lãnh tụ trong phong trào Cần Vương.

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, có nguồn gốc nông dân, Nguyễn Sinh Cung đã nhận được sự giáo dục tốt đẹp, đặc biệt là lòng nhân ái, tình yêu quê hương Tổ quốc. Từ sớm, cậu Cung được

1 Đại Nam nhất thống chí, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970, tr. 121.
2 Phan Huy Chú, Lịch triều hiến chương loại chí, phần "Dư địa chí", Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 65.

chứng kiến cảnh sống nghèo khổ của người dân bị áp bức, bóc lột, muốn tìm hiểu vì sao có cảnh ngang trái ấy, nhất là lúc vào sống tại kinh thành Huế.

Kế thừa những truyền thống tốt đẹp của quê hương, cậu thiếu niên giàu lòng thương người này đã dần dần nhen nhóm và hình thành lòng yêu nước, ý thức cứu nước để sau này đi đến hành động cứu nước. Lòng căm thù bọn thống trị, mong muốn giải thoát nhân dân thoát khỏi ách nô dịch, đói nghèo được nảy sinh và lớn lên từ truyền thống dân tộc, quê hương, do ảnh hưởng giáo dục của gia đình và hiện thực cuộc đời nô lệ. Vì vậy, Louis Arnoux – Chánh mật thám Đông Dương những năm đầu thế kỷ XX – đã có lý khi nhận xét rằng cuộc đời này của Nguyễn Tất Thành "đã bắt đầu trong không khí bất công, oán hận và phẫn nộ căm thù chống lại nước Pháp"[1].

Có thể nói, trong thời gian sống ở làng Sen, Nguyễn Tất Thành (tên mới của Nguyễn Sinh Cung) đã chịu ảnh hưởng rất nhiều từ cha ruột của mình - ông Nguyễn Sinh Sắc. Ông là người ủng hộ phái Nho giáo yêu nước. Ông tìm mọi cách làm cho con cái mình thấm nhuần tư tưởng yêu nước ấy. Cụ rất thích kể cho con cái nghe những câu chuyện mang tính chất giáo huấn tiếp thu được từ trong quá khứ của Tổ quốc, giảng giải cho con cái hiểu những câu châm ngôn và cách ngôn của

1 Dẫn theo Phan Ngọc Liên – Trịnh Vương Hồng, Hồ Chí Minh chiến sĩ cách mạng quốc tế, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr. 12.

các bậc hiền triết cổ xưa có tư tưởng gần gũi với tư tưởng của cụ. Chính nhờ ảnh hưởng quý báu đó nên tuy cũng nghiền ngẫm sách vở Nho giáo như thanh thiếu niên khác, nhưng Nguyễn Tất Thành lại hấp thụ một hệ thống quan điểm chính trị – tư tưởng hơi khác, có thể nói đó là một biến thể độc đáo của Nho giáo đã được chắt lọc và thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Cần nói rõ thêm rằng, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được hiện thực xã hội nước ta lúc bấy giờ và tìm câu trả lời cho các vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống: "Những nguyên nhân nào sinh ra các hiện tượng áp bức, bất công này? Phải làm gì để cứu nước, giúp đỡ đồng bào". Tất cả những câu trả lời này đều được thể hiện ở hành động của Người. Ngay từ khi còn tuổi niên thiếu, Nguyễn Tất Thành đã có các hoạt động yêu nước. Năm 1906, lúc đó mới 16 tuổi, người thanh niên này đã "tham gia công tác bí mật nhận công tác liên lạc". Song đến năm 1908, Người mới thực sự hoạt động cứu nước, khi tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên. Tuy nhiên, cái chí của người thanh niên giàu lòng yêu nước này không phải là làm cậu ấm con quan, mà chỉ lấy nơi đây làm chỗ trú chân tạm thời trên cuộc hành trình cứu nước. Vì vậy, khi được tin cha bị triều đình bãi chức, Nguyễn Tất Thành quyết định tiếp tục đi vào phương Nam để tìm đường cứu nước.

? Cụ Nguyễn Sinh Sắc - thân sinh của Bác Hồ là một nhà nho yêu nước, có nhân cách đáng quý. Hãy cho biết vài nét về nhân vật này?

Cụ thân sinh của Bác Hồ là cụ Nguyễn Sinh Sắc, hiệu là Trí Hiếu, Trí Để, khi vào thi hội cải là Nguyễn Sinh Huy, về sau lấy diệt danh Nguyễn Xuân Sắc, Nguyễn Phan Diêu. Ông sinh năm 1862[1] tại làng Kim Liên, thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, ông sống với người anh cùng cha khác mẹ. Không được học hành nhưng ông rất ham học. Tuy phải chăn trâu nhưng mỗi khi qua cổng lớp học của thầy đồ Vương Thúc Mậu là ông thường mải mê nghe giảng rồi tập viết vào nền đất, lá cây.

Có thầy Hoàng Đường ở làng Chùa hay đến làng Sen chơi cùng thầy Vương Thúc Mậu, thấy cậu bé chăn trâu ham học, biết hoàn cảnh gia đình nên xin về nuôi dạy. Từ đó, ông được đi học. Vài năm sau, khi trình độ học vấn đã khá, ông Hoàng Đường đã cho Sinh Sắc theo học thầy Nguyễn Thức Tự, một người nổi tiếng uyên bác, ông Sắc trở thành người học giỏi có tiếng vào hàng nhất nhì ở làng Sen.

---

1 Về năm sinh của ông Nguyễn Sinh Sắc, trước đây có sách ghi là năm 1863 nhưng các văn bản của triều Nguyễn bổ nhiệm ông, cũng như danh sách trúng tuyển kỳ thi Hội năm Thành Thái thứ 13 đều ghi ông sinh năm Nhâm Tuất (1862). Theo hồ sơ A.3780 của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ ngày 21-1-1920 gửi Sở Mật thám trung ương thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương thì Nguyễn Sinh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc) sinh năm 1862 (Nhâm Tuất). Qua nhiều nguồn hồi ký cho biết: ông Nguyễn Sinh Sắc lên 3 tuổi (tuổi âm lịch) thì bố là Nguyễn Sinh Vượng mất (7-1864). Từ đó chúng tôi đã chọn năm 1862 là ngày sinh của ông Sắc.

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (1862-1929) thân phụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Được mọi người trong làng yêu mến vì vừa học giỏi, vừa lễ độ, cụ Hoàng Đường đã gả cô con gái lớn của mình là Hoàng Thị Loan cho Sinh Sắc. Năm 1883, lễ cưới được tổ chức tại làng Chùa. Khoa thi Hương năm Tân Mão 1891, ông chỉ đậu nhị trường. Sau khi cha vợ mất, ông mở lớp dạy tại nhà và ôn luyện để chuẩn bị đi thi. Khoa thi Hương năm Giáp Ngọ (1894), ông đậu cử nhân.

Năm 1895, ông dự kỳ thi Hội khoa Ất Mùi nhưng không đậu. Sau đó, ông đã đưa gia đình vào Huế sinh sống để ông yên tâm lo bề khoa cử. Cuộc sống khó khăn của gia đình phải trông nhờ vào sự đảm đang lo toan của bà Loan. Bà tiếp tục dệt vải để nuôi con, nuôi chồng ăn học. Ông được nhận vào học tại Quốc Tử Giám để ôn luyện chờ khoa thi sau.

Năm 1898, ông Sắc trượt khoa thi Hội, ông không còn là nho sinh tại Quốc Tử Giám nên cũng không được nhận học bổng của trường. Qua người bạn, ông Sắc đã tìm được chỗ dạy học tại nhà ông Nguyễn Sĩ Độ ở làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang. Ông đem hai con Nguyễn

Nơi học tập của ông Nguyễn Sinh Sắc.

Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung theo đến đây ở để vừa dạy học vừa dạy chữ cho con, còn bà Loan vẫn ở lại Huế. Bà con trong làng và các vùng lân cận nghe tiếng ông hay chữ đã cho con em đến học ngày càng đông. Học trò thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau, tuy bận rộn với việc dạy học nhưng ông vẫn ôn luyện chờ khoa thi sau. Hàng tháng, ông vẫn xin dự thính bình văn ở trường Quốc Tử Giám.

Năm Canh Tý 1900, ông Sắc được cử đi làm đề lại (thư ký) cho trường thi Hương Thanh Hóa. Tại Huế, vợ ông đã mất sau khi sinh con thứ tư. Sinh Cung tuổi còn nhỏ phải chăm em chờ cha và anh về. Sau cái chết của vợ, ông Sắc đưa con trở về quê mở lớp dạy học để nuôi con. Nhiều người xa gần nghe tiếng của ông đã gửi con đến nhờ ông dạy dỗ.

Được sự động viên của bà con, nghĩ đến sự hi sinh của vợ và ơn nghĩa của cha mẹ vợ, ông quyết tâm vào Huế dự thi Hội lần nữa. Tại khoa thi Hội năm Tân Sửu 1901,

Nguyễn Sinh Sắc (lúc này lấy tên là Nguyễn Sinh Huy) đậu Phó bảng. Sau khi về quê vinh quy bái tổ, từ 1901 - 1906, Nguyễn Sinh Sắc không trở lại Kinh chờ lệnh bổ hàm. Mâu thuẫn trong lòng ông thực ra cũng là điều trăn trở của nhiều sĩ phu thời bấy giờ. Ba mươi năm dùi mài kinh sử mới đỗ đạt thế nhưng rồi ông chần chừ không muốn ra làm quan. Làm quan thì mới lo lắng được cho gia đình, nuôi dạy các con và phụng dưỡng người mẹ vợ đã già. Đây cũng là con đường ông đã chọn để đáp lại tấm lòng của cha mẹ vợ, của người vợ đã tận tình lo lắng cho ông suốt bao nhiêu năm. Thế nhưng, thân phận của người dân mất nước cùng sự nhốn nháo chốn quan trường lúc này làm cho ông trăn trở. Ông đã chọn cách cáo ốm để không ra nhận chức. Ông dùng thời gian này đưa hai con đi nhiều nơi trong các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh dạy học và giao du với các sĩ phu. Nhờ đó mà dù còn nhỏ nhưng Nguyễn Tất Thành đã được đi nhiều nơi, thấy được nhiều cảnh đời khác nhau, cảm nhận được sự nghèo khổ của nhân dân và nỗi nhục mất nước, được tiếp xúc với nhiều nhà nho yêu nước và những suy nghĩ, trăn trở của họ về thời cuộc từ đó mở rộng tầm mắt hơn.

Cuối cùng, không thể trì hoãn hơn được nữa, tháng 5-1906, ông Sắc đưa hai con trai đến Huế để nhậm chức. Tại đây, ông làm việc cho Bộ Lễ. Năm 1909, triều đình bổ nhiệm ông làm Thừa biện Bộ Lễ chuyên coi sóc việc

học hành. Mỗi tháng hai lần, ông đến giảng đường Di Luân, Quốc Tử Giám để trông coi các cuộc bình văn.

Tháng 5-1909. Ông được cử đi chấm thi hương ở Bình Định. Do ông có quan hệ rộng rãi với nhiều nho sĩ có tư tưởng yêu nước, tiến bộ đã bị bắt trong cuộc đàn áp chống thuế và cuộc vận động duy tân, triều đình đã đổi ông làm Tri huyện Bình Khê ở Bình Định (7-1909). Ông làm quan chính trực, thương yêu dân và hay bênh vực người nghèo nên không được hàng ngũ hương chức ủng hộ. Nhân vụ kiện của gia đình Tạ Đức Quang, dù bộ Hình đã có tờ trình rõ ràng nhưng ông vẫn bị Triều đình và Toà Khâm sứ giáng chức thành dân thường và buộc phải đi xa. Bản án được duyệt ngày 27-8-1910.

Để biết tin tức của con, ông Sắc đã đi hết nơi này đến nơi khác tìm gặp những người quen để hỏi thăm. Ông đã gặp con mình ở Sài Gòn trước khi Nguyễn Tất Thành lên tàu ra đi tìm đường cứu nước và phải đến gần 10 năm sau ngày chia tay, ông mới biết tin của con. Biết tin con qua những người thuỷ thủ từ Pháp về, biết tin con qua bản Yêu sách mà Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước gửi đến Hội nghị Versaille. Ông Phó bảng cảm thấy hạnh phúc vô cùng khi Tất Thành vẫn tiếp tục đi theo con đường yêu nước mà hai cha con đã chọn. Từ đó ông thường đi khắp đó đây giao du với bạn bè. Cuối cùng, ông chọn Cao Lãnh là nơi có phong trào yêu nước phát triển mạnh để đến sống và đã mất tại đây (1929).

? Những đức tính nhân hậu, cần mẫn, thương chồng con, cởi mở, chân tình với xóm làng của bà Hoàng Thị Loan như những sợi tơ đã dệt nên nhân cách Nguyễn Sinh Cung thời thơ ấu. Xin cho biết đôi nét về bà.

Thân mẫu của Bác Hồ là bà Hoàng Thị Loan (1868-1901), là con nhà nho Hoàng Đường và cụ Nguyễn Thị Kép. Bà là một người phụ nữ cần cù lao động, đảm đang, làm nghề nông và dệt vải, hiểu biết chữ nghĩa, thuộc nhiều ca dao, tục ngữ, hết lòng thương yêu và chăm sóc chồng con chu đáo.

Bà Hoàng Thị Loan sinh ra trong một gia đình nho học, trung lưu. Ông ngoại của bà là cụ Nguyễn Văn Giáp ở làng Kẻ Sía thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, đỗ bốn lần tú tài. Ông nội bà là cụ Hoàng Xuân Cẩn, ba lần đi thi đều đậu tú tài. Trong căn nhà gỗ năm gian, lợp tranh, hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của cụ Hoàng Đường, nên chị em bà cũng được học được một ít chữ nghĩa. Gia đình nhà bà Loan được nhân dân trong vùng rất kính trọng yêu mến vì tính hiền lành, trung thực, hay giúp người.

Năm 1883, tại làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan làm lễ thành hôn. Để mừng lễ thành hôn của con gái, ông bà Hoàng Đường đã dựng ngôi nhà tranh ba gian trong vườn cho đôi vợ chồng trẻ. Trong căn nhà đơn sơ nhưng với bàn tay khéo léo, đảm đang của người phụ nữ nên lúc nào cũng tươm tất, sạch sẽ và ấm cúng. Từ ngày lấy nhau, bà ngày đêm tần tảo giúp đỡ chồng

Cụ Hoàng Thị Loan (1868-1901), thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh.

ăn học, ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan sống với nhau rất đỗi hoà thuận, đầm ấm, với cảnh:

"Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ"

Năm 1884, vợ chồng ông Nguyễn Sinh Sắc sinh người con gái đầu lòng là Nguyễn Thị Thanh (tức Bạch Liên). Năm 1888, sinh con trai Nguyễn Sinh Khiêm (tức Nguyễn Tất Đạt). Năm 1890, sinh người con thứ ba Nguyễn Sinh Cung. Năm 1900, sinh người con trai út Nguyễn Sinh Xin.

Từ mái tranh nghèo, bà Loan lo toan việc ruộng vườn và làm thêm nghề dệt vải, chăm sóc các con để chồng an tâm học hành. Từ nơi tổ ấm đó, chị em Nguyễn Tất Thành lớn lên đều chịu ảnh hưởng đức tính giàu lòng vị tha, cần mẫn, chung thuỷ của người mẹ. Những tình cảm đó đã nảy nở lên tình yêu Tổ quốc, để rồi sau đó cả ba chị em đều hy sinh tình nhà vì đất nước, vì dân tộc.

Kỳ thi Hương khoa Giáp Ngọ (1894), ông Nguyễn Sinh Sắc thi đậu cử nhân. Năm 1895, ông vào Huế thi Hội nhưng không đậu. Không nản chí, cùng với sự

khích lệ của vợ, ông đã xin vào học Trường Quốc Tử Giám để có điều kiện rèn luyện văn chương. Do hoàn cảnh khó khăn, bà phải gửi con gái là Nguyễn Thị Thanh về quê ngoại, cùng hai con trai vào Huế đỡ đần chồng. Bà Loan lại miệt mài bên khung cửi để kiếm thêm tiền vừa nuôi con, vừa đỡ đần cho chồng.

Cuộc sống túng thiếu thường xuyên, những vất vả hàng ngày, năm 1900 sau khi sinh Nguyễn Sinh Xin, bà Loan mắc bệnh hiểm nghèo. Ngày 10-2-1901, bà qua đời tại Huế, trong lúc tuổi đời còn rất trẻ. Thi hài của bà được mai táng tại chân núi Ba Tầng thuộc dãy Ngự Bình bên dòng sông Hương.

Với những đức tính chịu thương, chịu khó, bà Hoàng Thị Loan là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam.

Chiếc võng ru con và khung cửi dệt vải của bà Hoàng Thị Loan.

Bà luôn là tấm gương sáng, là hình tượng bao la vì vậy mỗi lần nghe những lời ru, Nguyễn Tất Thành không khỏi bùi ngùi tưởng nhớ đến mẹ, bởi vì "*Đối với Sinh Cung, mẹ là một kho truyện cổ tích, truyện kiều và ca dao, dân ca. Mẹ thường dạy hai anh em cậu những câu dễ nhớ: đói cho sạch, rách cho thơm; thương người như thể thương thân; có công mài sắt, có ngày nên kim. Những đức tính ấy của mẹ như những sợi tơ dệt nên nhân cách Nguyễn Sinh Cung trong thời thơ ấu*".

? Bác Hồ có một người chị gái, sau này đã tham gia vào nhiều hoạt động yêu nước. Hãy cho biết đôi nét về nhân vật này?

Cô Nguyễn Thị Thanh là con gái đầu lòng của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan, sinh năm Giáp Thân (1884) tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn (nay là làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); có biệt hiệu là Bạch Liên, được nhân dân tôn sùng là Bạch Liên nữ sĩ.

Sinh trưởng trong một gia đình nho học, gốc nông dân, có truyền thống tốt đẹp về lòng yêu nước thương dân. Cô Thanh đã tiếp thu một cách sáng tạo truyền thống tốt đẹp của cả hai gia đình nội, ngoại, nên cô là người phụ nữ hiểu biết nhiều, tuy không theo học ở trường chữ Hán nhưng cô có một trình độ Hán học khá giỏi. Đặc biệt là cô am hiểu về y học dân tộc và cô đưa sự hiểu biết đó ra trị bệnh cứu dân. Trong cuộc sống, cô là một người phụ nữ đảm đang.

Bà Nguyễn Thị Thanh (1884-1954), chị gái Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Năm cô lên 11 tuổi (1895), bà Hoàng Thị Loan đưa hai con trai vào Huế, cô ở lại với bà ngoại Nguyễn Thị Kép. Lúc này, dì ruột cô, bà Hoàng Thị An đã về nhà chồng, cụ Nguyễn Thị Kép đã ngoài 60 tuổi, mọi việc sinh hoạt thường ngày trong nhà cô đều phải cố gắng giúp bà lo liệu.

Năm 1901, mẹ qua đời ở Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc đưa Nguyễn Sinh Cung và Nguyễn Sinh Xin trở về Hoàng Trù, cô phải nuôi nấng chăm sóc các em. Là một cô gái có nhan sắc, thông minh và đảm đang nên cô được nhiều chàng trai thương yêu, muốn hỏi làm vợ. Họ phần nhiều là con nhà giàu có, đã đậu tú tài hoặc cử nhân, nhưng cô đều từ chối.

Năm 1906, ông Nguyễn Sinh Sắc buộc phải vâng lệnh triều đình, đem theo cả hai con trai vào Huế nhậm chức Thừa biện ở bộ Lễ. Từ nay, một mình cô ở lại Kim Liên và bắt đầu tham gia các hoạt động cứu nước. Sớm giác ngộ tinh thần cách mạng, cô đã tham gia hoạt động cách mạng yêu nước trong phong trào của Phan

Bội Châu. Cô đã tham gia tích cực trong tổ chức chống Pháp của Đội Quyên, Đội Phấn.

Cuối năm 1910, trong một chuyến đi liên lạc với nghĩa quân Đội Quyên, Đội Phấn, bị bọn thực dân Pháp đón bắt ngay giữa đường, cô đã thông minh nhanh chóng thủ tiêu các tài liệu bí mật mang theo người. Tuy vậy, thực dân Pháp vẫn bắt nhốt cô vào nhà tù và dùng hết mọi thủ đoạn tra tấn dã man để khai thác tài liệu bí mật của tổ chức nghĩa quân, nhưng lòng yêu nước, chí trung kiên đã giúp cô vượt qua được tất cả.

Những người phụ nữ gần gũi cô Thanh kể rằng sau đợt bị địch bắt giam này, trên người cô có nhiều vết sẹo, dấu vết của những trận đòn tra tấn của bọn thực dân Pháp và bọn tay sai. Cuối cùng không có tang chứng cụ thể chúng buộc phải thả cô ra khỏi nhà tù.

Trong tập hồ sơ theo dõi hoạt động cứu nước của cô Thanh do Tòa khâm sứ Trung Kỳ lập mang ký hiệu A.11667 có đoạn viết: "*Trong một bản thông báo đề ngày 8 tháng 3 năm 1911 do quan bảo hộ ở Bộ Lại nói: ... Liên là con gái Nguyễn Sinh Huy, tên Liên được các nhà nho gọi là Bạch Liên cô. Các quan lại ở Nghệ An đều biết rõ, nhưng không dám bắt, mà cũng không dám nói đến. Bị tình nghi có quan hệ với Đội Quyên và Ấm Võ, bị bắt và được trả tự do vào đầu năm 1911*".

Sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân Pháp, cô mở một quán cơm kề thành Vinh (nhân dân hồi đó thường gọi là quán cơm cô Liên) để "phục vụ" cho tầng lớp cai đội thuộc lữ đoàn lính khố xanh đóng ở đó, nhằm khai

thác bí mật của thực dân Pháp và lấy vũ khí tiếp tế cho nghĩa quân Đội Quyên, Đội Phấn đang hoạt động ở căn cứ Bố Lư, Đông Hồ. Đầu năm 1918, khi tổ chức lấy trộm súng, cô bị bọn chúng bắt bỏ nhà tù để khai thác, nhưng cô vẫn một mực giữ lòng trung trinh, không hề khai báo. Do lấy được 3 quy lát súng dưới giường cô Thanh tại quán cơm, ngày 19-2-1918, Khâm sứ Trung Kỳ chính thức ký lệnh bắt giam cô Thanh.

Sau thời gian bắt bớ, khủng bố, tra tấn, thực dân Pháp đã chỉ thị cho Nam Triều mở phiên tòa số 80 ngày 4-6-1918 tại thành phố Vinh, cô phải chịu án đánh 100 trượng và tù khổ sai 9 năm, đày cách quê hương 3.000 dặm. Thực thi bản án, ngày 2-12-1918, chúng đưa cô Thanh giam tại nhà lao tỉnh Quảng Ngãi. Tại nay, cô được Phạm Bá Phổ (Án sát Quảng Ngãi lúc đó) rất ưu ái và đưa về nhà riêng dạy cho con của y là Phạm Bá Nguyên, đây là một biệt lệ. Phạm Bá Nguyên chịu sự ảnh hưởng của cô nên lớn lên cũng có tư tưởng tiến bộ. Năm 1930, Phạm Bá Nguyên được đồng chí Nguyễn Chí Diểu kết nạp vào Đảng Cộng sản, trở thành một trong những đảng viên của chi bộ đầu tiên ở Huế.

Tháng 1-1926, cô đã gửi cho Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ một lá thư nói rõ thái độ chính trị của mình và đòi ân xá cho vua Thành Thái và vua Duy Tân đang bị chúng giam giữ.

Khi Phan Bội Châu vừa bị thực dân Pháp đưa từ Hỏa Lò - Hà Nội về giam lỏng tại ngôi nhà tranh ở dốc Bến ngự, Huế, cô đã đến thăm, động viên cụ luôn luôn cảnh giác và giữ vững ý chí cách mạng.

Đầu năm 1926, cô cùng em trai là ông Nguyễn Sinh Khiêm lên hoạt động ở vùng Sơn Quả, Cổ Bi, ở nhà ông Hồ Văn Hiến và bị bọn mật thám theo dõi, có lần cho lính vây bắt nhưng cô thoát được. Sau vụ này, chính quyền thực dân và phong kiến Nam Triều ở Huế quản lý cô Thanh và ông Khiêm chặt chẽ hơn, bắt trình diện đều đặn hơn.

Năm 1930, với lòng dũng cảm và yêu quê hương tha thiết, cô Thanh đã tìm cách thuyết phục, can ngăn Phạm Bá Phổ khi y về tận làng Sen để trấn áp những người cách mạng và ra lệnh "đốt sạch, phá sạch" làng Sen.

Năm 1938, cô chuyển về Phú Lễ, ngoài việc bắt mạch, bốc thuốc chữa bệnh cứu dân, cô còn tổ chức mở lớp dạy chữ Hán. Sau đó, cô lại về Nam Đàn, tiếp tục làm nghề bắt mạch, bốc thuốc chữa bệnh cho dân.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, cô được chuyển về Kim Liên, được Đảng và Nhà nước chăm sóc chu đáo. Cuối năm 1946, cô ra Hà Nội thăm em trai lúc ấy là Chủ tịch Hồ Chí Minh, rồi lại trở về sống ở Kim Liên. Cô mất năm 1954.

Cuộc đời cô Nguyễn Thị Thanh là một tấm gương về lòng yêu nước, thương dân, thông minh hiếu học và chí

công vô tư. Cô xứng đáng là người chị cả đáng kính của Bác Hồ kính yêu. Cả cuộc đời xuân sắc của cô đã hiến dâng cho sự nghiệp chống Pháp cứu nước giải phóng dân tộc.

? Ông Nguyễn Sinh Khiêm là một người anh gương mẫu, hết mực yêu thương em trai. Hãy cho biết đôi nét về nhân vật này.

Ông Nguyễn Sinh Khiêm (1888-1950), anh trai Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nguyễn Sinh Khiêm sinh năm 1888, là người con thứ hai trong gia đình cụ Nguyễn Sinh Sắc. Tháng 9-1901, khi làm lễ vào làng, Nguyễn Sinh Khiêm được cha đổi tên thành Nguyễn Tất Đạt, nhưng người trong làng thường gọi là cậu cả Khiêm. Cậu Khiêm có tư chất thông minh và hiếu học, biết cả chữ Hán, chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Lúc nhỏ, được cha dạy học, sau đó học với thầy Vương Thúc Quý. Năm 1906, ông cùng em trai là Nguyễn Tất Thành vào học tại Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba (Huế), sau đó được tuyển vào học tại Trường Quốc học Huế.

Khi cha vào Bình Khê nhậm chức Tri huyện, cậu Khiêm trở về làng Kim Liên sống với chị gái và bắt đầu tham gia hoạt động phong trào yêu nước. Lúc đầu cậu dạy chữ Quốc ngữ cho trẻ em trong vùng, sau khi liên lạc được với đội Quyên, đội Phấn, cậu mở lớp dạy võ, do đội Phấn đảm nhiệm.

Năm 1912, khi nghe tin Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut đi qua Vinh, cậu Khiêm đã thay mặt nhân dân làng Sen đưa bản yêu sách đòi nhà nước bảo hộ phải nới rộng quyền tự do, giảm bớt sưu thuế, mở mang việc học hành cho dân bản xứ.

Năm 1913, ông tham gia trong Hội đồng lý dịch làng Sen (làm hương bản) và tìm cách rút 36 mẫu ruộng công chia cho nhân dân, đồng thời lập nên một bản hương ước, trong đó có những điều ước về cải cách cúng tế, bỏ bớt lễ lạt... để cho dân đỡ gánh nặng vì những tục lệ lâu đời của chế độ phong kiến. Tuy làm hương bản, nhưng Nguyễn Tất Đạt vẫn bí mật tham gia hoạt động yêu nước chống Pháp. Cùng với một số người, ông vận động đóng góp tài chính tiếp tế cho căn cứ địa của nghĩa quân đang đóng ở Bồ Lư (Thanh Chương) và Đông Hồ (Tân Kỳ).

Phát hiện được Nguyễn Tất Đạt có liên quan với các phong trào yêu nước, đầu năm 1914, chính quyền thống trị đã triệu tập ông xuống Vinh hăm doạ, dùng tiền mua chuộc ông nhằm bắt đội Quyên và đội Phấn. Tuy nhiên, ông đã chuyển toàn bộ số tiền đó cho nghĩa quân. Việc

bị bại lộ, ông bị bắt giam, ngày 25-9-1914, chính quyền đã kết án ông 3 năm tù khổ sai.

Vào tù, ông tìm cách vượt ngục, nhưng sự việc không thành, nên ông bị tăng án lên thành 9 năm. Sau năm năm bị tù đày ở Nha Trang, ngày 17-3-1920, Nguyễn Tất Đạt được chính quyền chuyển ra Huế giam lỏng. Ở Huế, ông làm thuốc trị bệnh cứu dân, mở lớp dạy chữ Hán cho trẻ em. Sau khi gặp lại chị gái, ông đã tham gia hoạt động trong tổ chức yêu nước của nhóm trí thức tiến bộ ở Huế.

Sau 20 năm bị quản thúc ở Huế, đầu năm 1940, ông được chính quyền thực dân trả về làng Kim Liên. Tại đây, ông đã tổ chức diễn vở tuồng "*Trưng Nữ Vương*", do ông Vương Thúc Lương biên soạn, nhằm khơi dậy lòng yêu nước trong đồng bào quần chúng và tập hợp những người có nghĩa khí. Trong một cuộc họp bí mật, ông bị mật thám vây bắt và tại phiên toà ngày 27-8-1940, ông bị kết án 2 tháng tù ngồi tại nhà lao Vinh và bị phạt 20 đồng bạc. Đến ngày 16-8-1941, ông được tha về.

Cách mạng tháng Tám - 1945 thành công, ông vẫn chiếc mũ calô, khoác súng gỗ, hăng hái đứng trong đoàn người đi biểu dương lực lượng cách mạng. Cuối năm 1946, ông đã ra Hà Nội thăm Hồ Chủ tịch. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, ông tham gia hoạt động trong Hội Phụ lão cứu quốc ở Kim Liên. Ngày 23-8-1950, ông từ trần tại quê nhà, thọ 62 tuổi.

Nhận được tin anh trai qua đời, Bác Hồ đã điện về làng Kim Liên bức điện: "*Nghe tin anh Cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu. Tôi xin chịu tội bất đệ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước*".

9-11-1950
Chí Minh

? Khi còn ở quê nhà, chính bà ngoại là người đã dạy nhiều bài học vỡ lòng về lòng yêu nước, khí tiết của bậc hiền tài cho Nguyễn Sinh Cung. Hãy cho biết đôi nét về bà.

Bà ngoại của Bác Hồ là con của nhà nho Nguyễn Văn Giáp ở làng Kẻ Sía (nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên), người đậu bốn khoa tú tài, ra đời đúng lúc cha được tin đậu tú tài lần hai nên được đặt tên là Nguyễn Thị Kép. Khi cụ Hoàng Đường (ông ngoại Bác Hồ) quyết định chọn ông Nguyễn Sinh Sắc làm con rể của mình thì cụ Kép chưa đồng ý vì không môn đăng hộ đối. Thế nhưng, khi ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan lấy nhau, sinh con thì cụ Kép lại rất thương yêu đùm bọc các con cùng các cháu. Chính cụ Kép là người gần gũi với Nguyễn Sinh Cung (tên Bác Hồ hồi nhỏ) nhất, là người dạy những bài học vỡ lòng về lòng yêu nước thương dân cho Nguyễn Sinh Cung.

Sau khi con gái là bà Hoàng Thị Loan (mẹ Bác Hồ) mất, gánh nặng gia đình đè lên vai cụ Kép, nhưng cụ vẫn tận tình động viên ông Sắc vào kinh thi Hội, và chính lần này ông Sắc đã đậu Phó bảng, vinh quy bái tổ, đền đáp xứng đáng công ơn của người vợ hiền và bố mẹ vợ, cùng bà con xóm giềng.

Trong thời gian con rể ra kinh thi Hội, một mình cụ Kép chẳng ngại tuổi già trông nom bốn đứa cháu mà đứa bé nhất hãy còn ẵm ngửa. Do thiếu sữa, bé Nguyễn Sinh Xin đã ốm rồi mất. Cái chết của đứa em bé bỏng đã gieo vào tâm hồn thơ trẻ của Nguyễn Sinh Cung một nỗi buồn da diết. Trong cảnh tang tóc, tình ruột rà giữa bà cháu, chị em trong gia đình ngày càng thêm thắm thiết bội phần. Thương bà, Sinh Cung thường giúp bà nhiều việc trong nhà, ngoài vườn. Khóm hoa huệ trong mảnh vườn trước sân luôn luôn được cậu chăm sóc, hoa trắng nở mịn màng. Gốc mít, vườn cau, bờ dâu, bụi chuối đều như trở thành những người bạn thân của chị em cậu. Đối với Nguyễn Sinh Cung, làng Chùa chính là nơi chôn rau cắt rốn, nơi sinh ra cậu trong căn nhà lá đơn sơ, dưới rặng tre vườn, nơi có biết bao kỷ niệm buồn vui, sướng khổ trong thời thơ ấu.

Làng Chùa mến cảnh vui thay
Trên chùa, dưới giếng đã hay địa hình

Cụ Kép rất mực thương yêu, chiều chuộng đứa cháu bé nhất trong nhà. Với Sinh Cung, chẳng mấy khi cụ quở mắng, nhưng cụ cũng không để cho cháu chơi lêu

lổng. Ông Sắc đi Huế được ít lâu, cụ gửi cháu sang làng Hữu Biệt (nay thuộc xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An) để tiếp tục học chữ Hán với thầy đồ Hoàng Phan Quỳnh. Chính cụ Kép là người gần gũi, kể cho Sinh Cung nghe những câu chuyện về lòng yêu nước thương dân, về sự đau đớn, khắc khoải khi nước còn lầm than - như tiếng cuốc kêu suốt cả mùa hè, mỗi tiếng kêu của nó là một giọt máu nhỏ từ trong tim ra. Những câu chuyện đầy tính nhân văn, những lời giải thích các câu hỏi ngô nghê của con trẻ một cách thấu đáo tận tình đã nuôi dưỡng, hun đúc lòng nhân ái, tình yêu đất nước cho Nguyễn Sinh Cung từ thuở ấu thơ.

Khi được tin cụ Kép lâm bệnh, Nguyễn Sinh Cung đã nhanh chóng cùng thân phụ và anh Khiêm trở về làng Chùa chăm sóc bà ngoại. Vì tuổi cao, bệnh nặng, cụ qua đời ngày 6-4-1904 tức ngày 28-2 năm Giáp Thìn.

? Lần đầu tiên cùng gia đình vào Huế (1895), khi ấy Nguyễn Sinh Cung còn quá nhỏ, ông Nguyễn Sinh Sắc phải cõng trên lưng. Những ngày vượt đường xa vào kinh cùng cha đã để lại trong trí nhớ của Nguyễn Sinh Cung nhiều kỷ niệm khó quên. Hãy kể về những kỷ niệm này.

Giữa năm 1895, ông cử Sắc vào kinh đô Huế dự kỳ thi Hội, khoa Ất Mùi, song không đậu. Ông lại xin vào học trường Quốc Tử Giám. Vì học bổng ít ỏi, ông phải trở về quê bàn với vợ cùng vào Huế để tạo điều kiện giúp đỡ ông. Bà Hoàng Thị Loan đã thu xếp để cùng chồng và hai con trai vào Huế.

Thời bấy giờ, hai tiếng "vào kinh" đối với người dân xứ Nghệ bao hàm nhiều nỗi gian truân, sự lo lắng và cả sợ hãi nữa.

Con đường "thiên lý" từ Vinh vào Huế hồi ấy còn là đường đất quanh co, hiểm trở, xuyên rừng, vượt núi. Đi thuyền vượt biển là nhanh nhất nhưng phải thuê nhiều tiền. Trên tuyến đường đất vào Huế, các quan chức nhà nước cùng vợ con họ đã có phu trạm phục dịch (cứ khoảng 30km có một trạm). Đối với dân nghèo như gia đình ông cử Sắc thì chỉ còn một phương tiện duy nhất là "cuốc bộ". Người ta kết thành từng nhóm, từng đoàn để giúp đỡ nhau dọc đường phòng khi ốm đau, hoặc gặp trộm cướp và thú dữ..

Ngày đầu chưa quen đi đường trường, bà Loan phải vất vả lắm mới theo kịp đoàn. Bé Cung chạy lon ton theo anh Khiêm nhưng chỉ được từng quãng ngắn đã mỏi chân, đành chịu cho cha cõng hoặc ngồi vào thúng cho mẹ gánh. Vừa đi đường, Sinh Cung vừa được cha mẹ kể cho nghe nhiều câu chuyện hấp dẫn và được nhìn thấy bao nhiêu cảnh mới lạ. Lần đầu tiên ra thành Vinh, bé Cung được thấy nhiều con đường tỏa ra như

bàn cờ và nhà cửa ở san sát dọc theo đường dài tăm tắp. Cung càng ngơ ngác trước những dòng người đi chân đất, quần áo rách rưới, lại có cả người Tây to béo, bụng phệ ngồi trên xe cho người gầy gò kéo đi.

Cung đã hỏi nhiều câu làm ông Sắc giật mình, tin con mình tuy còn nhỏ nhưng hiểu biết hơn bạn bè đồng trang lứa, ông Sắc đã nói với con nhiều điều về chuyện đại sự như: bên cạnh quan tổng đốc người Nam còn có quan công sứ, giám binh người Tây, chúng cai trị mình qua đám quan lại bản xứ. Khi bị anh Khiêm trêu về việc phải để mẹ gánh, cha cõng trên đường đi, bé Cung đã ứng khẩu theo lối đọc vè:

Em ngồi trong thúng,
Mẹ gánh cân vai.
Mẹ đi đường dài,
Nghe em kể chuyện...

Khi được cha chỉ cho biết "cái sợi dây đo đỏ nằm ngoằn nghoèo trên núi" là "con đường mòn", bé Cung đã ứng khẩu ngay một bài vè nữa:

Núi cõng con đường mòn
Cha thì cõng theo con
Núi nằm ì một chỗ
Cha đi cúi lom khom
Đường bám lì lưng núi
Con tập chạy lon ton
Cha siêng hơn hòn núi
Con đường lười hơn con.

? Giữa năm 1895, Nguyễn Sinh Cung cùng gia đình rời làng Hoàng Trù vào kinh đô Huế dự thi Hội. Hãy cho biết vài nét về sự kiện này.

Giữa năm 1895, ông Sắc vào kinh đô Huế dự thi Hội, khoa thi Ất Mùi nhưng không đậu. Nhờ sự giúp đỡ của cụ Cao Xuân Dục – Tế tửu Quốc Sử quán và cũng là chỗ quen biết của ông Hoàng Đường. Cụ cũng đã giúp anh chút tiền bạc để vào kinh đi thi - ông được theo học tại Quốc Tử Giám với một phần học bổng ít ỏi để đỡ một phần nào chi tiêu ăn học. Không yên lòng để vợ con ở quê, ông đã đưa gia đình vào Huế. Vì con đường học hành, thi cử của chồng, bà Loan gửi con gái lớn ở lại với mẹ, cùng hai con trai là Khiêm và Cung theo chồng rời khỏi làng quê vào Huế.

Ngày ấy, từ Nghệ An vào Huế phải đi đường đất quanh co, hiểm trở, vượt núi, vượt rừng. Đi bằng thuyền vượt biển là nhanh nhất nhưng do không có tiền, Bác cùng cha mẹ và anh trai phải đi bộ. Những người đi đường kết lại thành từng nhóm, từng đoàn để giúp nhau dọc đường phòng khi đau ốm, trộm cướp hay thú dữ. Trên đường đi, Bác được cha mẹ kể chuyện cho nghe vừa được nhìn thấy phong cảnh non nước, từ đồi núi chập trùng, những con sông, trảng cát ven biển. Phải mất nửa tháng đi đường Bác và gia đình mới đến được kinh đô Huế. Tại đây, nhờ người quen giúp đỡ, ông Sắc mượn được một gian nhà của trại lính bỏ trống trong thành nội làm chỗ nương thân cho cả gia đình.

Gian nhà tuy nhỏ nhưng cũng đủ chỗ cho 4 người và một khung cửi của bà Loan.

Quốc Tử Giám khi ấy là trường đại học chữ Hán lớn nhất ở nước ta. Trường nằm ở tả ngạn sông Hương, cách kinh thành khoảng 7 cây số. Các nho sinh là người của hoàng tộc hay con cháu các quan có chế độ sinh hoạt riêng. Đối với nho sinh từ các tỉnh đến, nhà trường chỉ cấp cho một ít gạo và tiền giấy bút, dầu đèn. Ông Sắc ngoài việc ôn luyện còn dạy học cho hai con và dạy thêm cho con cháu một số quan lại trong triều, mọi gánh nặng của gia đình do bà Loan một tay đảm đương. Bà tiếp tục nghề dệt vải để lo cho cuộc sống của gia đình.

Cuộc sống đắt đỏ nơi kinh thành có bao điều mới lạ đối với cậu bé Cung. Hàng ngày, cậu cùng anh chứng kiến bao nhiêu điều lạ mắt, lạ tai mà lần đầu tiên cậu được thấy như những anh lính gác cổng thành đầu đội chiếc nón chỉ nhỏ bằng cái lá sen, hay những ông quan ngồi chót vót trên chiếc kiệu cho người khác khiêng... Cái gì cũng làm cho cậu bé Cung thắc mắc, luôn miệng hỏi anh: "Cái chi đó, anh Khiêm?". Cái gì không biết thì hai anh em chạy về hỏi cha, mẹ.

Năm 1898, ông Sắc thi trượt trong kỳ thi Hội, hoàn cảnh gia đình ngày càng khó khăn hơn. Ông cũng mất luôn phần trợ cấp của trường vì ông không còn là nho sinh ở Quốc Tử Giám nữa. Nhờ người bạn giúp đỡ,

ông đã đưa hai con đến làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang dạy học ở nhà ông Nguyễn Sĩ Độ. Bà Loan ở lại Huế trong sự đùm bọc của bà con hàng xóm vẫn khuya sớm dệt vải lo cho chồng con. Thỉnh thoảng, ông Sắc cho hai con Khiêm, Cung về thăm mẹ vài buổi. Những buổi đi bình văn ở Quốc Tử Giám, ông cũng ghé qua thăm vợ.

Năm 1900, ông Sắc được cử đi làm đề lại cho trường thi Thanh Hóa, Thanh Hóa. Người con trai lớn là Tất Đạt đi theo cha. Xong công việc của trường thi, ông về quê lo xây mộ cho cha mẹ. Ở Huế, bà Loan sinh con thứ tư trong hoàn cảnh túng thiếu, sau đó đã lâm bệnh nặng và mất ngày 10-2-1901. Ở Huế chỉ còn Sinh Cung ở lại với mẹ. Bà con xóm giềng đã giúp cậu Cung chôn cất mẹ, an táng tại chân núi Ba Tầng thuộc dãy núi Ngự Bình, bên kia sông Hương.

Chôn cất mẹ xong, còn lại em nhỏ, Sinh Cung ngày ngày phải bế em đi xin sữa chờ cha về. Những đêm bé Xin thiếu sữa gào khóc, cậu cũng khóc theo em. Được tin bà Loan mất, ông Sắc lập tức trở về Huế. Đau buồn trước cái chết của vợ, không thể lo lắng được cho ba con, ông cảm ơn bà con xóm giềng rồi đưa các con trở về quê ngoại. Gia đình đoàn tụ nhưng mất mẹ, từ đây cô Thanh phải thay mẹ cùng bà ngoại chăm sóc gia đình và dạy dỗ các em. Ông cử Sắc mở lớp dạy tại làng làm kế sinh nhai cho cả gia đình.

? Trong những ngày ở Huế, Nguyễn Sinh Cung đã đặt tên "bến Ngự Đồng" cho địa danh nào?

Theo cha vào kinh, không lâu sau, Nguyễn Sinh Cung đã có nhiều bạn học chơi thân mà thân nhất là Công Tôn nữ Huệ Minh. Huệ Minh thuộc dòng dõi nhà vua, hơn Cung vài ba tuổi. Diệp Văn Kỳ là con ông Diệp Văn Cương người Sài Gòn, làm quan thông ngôn tiếng Pháp ít lâu cho vua Thành Thái, Kỳ cùng sắp tuổi với Cung. Tuy nhỏ tuổi nhất, bé Cung vẫn làm trung tâm trong đám "học trò thành nội" của "ông cử Nghệ". Cung thường rủ bạn ra chơi ngoài Phu Văn Lâu. Cung hay đặt câu hỏi với các bạn mỗi khi thấy một cảnh trí lạ, một việc lạ diễn ra trước mắt.

Huế có vẻ đẹp riêng của nó trước hết là do cảnh trí thiên nhiên tạo nên. Dòng Hương Giang trong xanh êm đềm trôi giữa lòng kinh đô. Phố xá, núi đồi in hình xuống mặt sông phẳng lặng như những bức tranh thủy mạc. Sông Hương bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, chảy qua những vùng có cây thạch xương bồ và các loại cây thơm khác tạo nên mùi hương dìu dịu trong làn nước trong xanh.

Huế còn có núi Ngự Bình, một thắng cảnh thường được ghép đôi với sông Hương thành biểu tượng nên thơ của Huế:

Núi Ngự lơ thơ chùm cỏ mới
Sông Hương lai láng bóng trăng xưa.

Cách núi Ngự Bình gần một cây số về phía tây còn có núi Ba Tầng, nơi anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lập đàn Nam Giao làm lễ lên ngôi hoàng đế Quang Trung, rồi xuất quân từ Phú Xuân, đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược vào đầu năm 1789.

Hôm đầu tiên ra ngồi bến đá cạnh Phu Văn Lâu, chơi trò "ném cóc nhảy" trên sông Hương, Cung nhìn về phía núi Nam thành Huế, hỏi Công Tôn nữ Huệ Minh:

"- Mệ (con gái thuộc dòng họ nhà vua gọi là mệ) ơi mệ, con sông ni có tên là Hương, cái lầu kia là Phu Văn Lâu, cái cửa lớn ở chính giữa là Ngọ Môn, cửa bên là Thượng Tứ, là Đông Ba. Vậy cái hòn núi tận xa kia tên là chi, hả mệ?

- Hòn núi nớ tên là Ngự Bình, Côn (tên gọi thân mật của Nguyễn Sinh Cung) ạ.

- Ngự Bình – Côn chau mày, hỏi gạn: - Hương Giang là sông thơm. Vậy... Ngự Bình nghĩa là gì, mệ có biết không?

- Hòn núi nớ thỉnh thoảng được hoàng thượng tới ngồi ngắm cảnh, nên gọi là "Ngự". Núi ấy lại giống như cái bình phong chắn phía tây nam cho cung thành, nên gọi là "Bình".

Côn lại nói:

- Chỗ tụi mình thường ngồi chơi ni thì nên đặt tên là bến Ngự Đồng, nghe.

Bạn bè đồng trang lứa rất ủng hộ sáng kiến này của Nguyễn Sinh Cung.

? Trong cuộc đời mình, Bác Hồ đã học qua rất nhiều người thầy. Hãy cho biết, người thầy đầu tiên của Bác Hồ là ai?

Người thầy đầu tiên của Bác Hồ chính là cha của Người, ông Nguyễn Sinh Sắc. Từ nhỏ, ông Sắc đã là người say mê học chữ. Vì nhà nghèo không được đi học nên những khi dắt trâu qua cổng nhà thầy đồ Vương Thúc Mậu, ông thường buộc trâu lại mải mê học lóm. Vì vậy, ông rất quan tâm đến việc giáo dục con cái. Từ khi còn học ở quê nhà là làng Hoàng Trù, ông vừa học vừa dạy con.

Trong kỳ thi Hội khoa Ất Mùi tại Huế (năm 1895), ông thi trượt. Để tiếp tục theo đuổi việc học, ông đã chuyển cả gia đình vào Huế để vừa học, vừa dạy dỗ cho hai cậu con trai đã đến tuổi học chữ. Con đường Thiên lý từ Nghệ An vào Huế phải qua hơn nửa tháng đi đường. Đây cũng là bài học thực tế đầu tiên mà ông dạy cho hai anh em Sinh Cung. Vừa đi đường, ông vừa kể cho con nghe nhiều câu chuyện hấp dẫn vừa được ngắm bao nhiêu cảnh đẹp vốn rất lạ lẫm với cả hai anh em trong lần đầu tiên theo cha mẹ rời khỏi ngôi làng quen thuộc.

Đến Huế, ngoài việc ôn thi ở Quốc Tử Giám, ông Nguyễn Sinh Sắc còn dành thời gian để dạy chữ cho hai con là Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Sinh Cung. Về sau, ông Sắc cùng hai con chuyển về làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang, cách Huế khoảng 7 cây số về phía Đông để dạy học. Hai anh em Bác Hồ được cha dạy học chung với trẻ

trong làng. Ông rèn dạy hai con từng nét chữ, dạy cả về đạo đức và nề nếp sinh hoạt. Càng ngày, ông càng đòi hỏi cao hơn ở hai anh em. Ông Nguyễn Sĩ Độ, người đón cha con ông Sắc về dạy cho con rất hài lòng vì từ khi có hai cậu Khiêm và Cung làm bạn, con ông đã tiến bộ trông thấy về cả học vấn và đạo đức.

Trở về quê sau cái chết của bà Hoàng Thị Loan, ông Sắc lại mở lớp dạy học. Anh em Sinh Khiêm và Sinh Cung vẫn được học Hán tự với cha. Với vốn tiếng Hán kha khá, Sinh Cung thích nhất là giờ đối chữ và thường tỏ ra khá hơn các bạn. Tuy việc học với cha cũng có lúc phải gián đoạn nhưng bù lại, Cung được học thêm với các thầy khác vốn cũng là những nhà Nho yêu nước, tiến bộ như thầy Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý, và Trần Thân.

Sau khi thi hội trở về, ông Nguyễn Sinh Sắc làm lễ "vào làng" cho hai con trai. Với mơ ước của mình và mong muốn cho tương lai của con, ông đặt tên con Sinh Khiêm là Tất Đạt và Sinh Cung là Tất Thành vào sổ của làng Sen.

? Trong thời gian học với cha, Nguyễn Sinh Cung đã nhận được một bài học về sự ích kỷ. Hãy cho biết vài nét về sự kiện này?

Trong thời gian ở nhà ông Nguyễn Sĩ Khuyến - em trai của Nguyễn Sĩ Độ, tại làng Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, ông Nguyễn Sinh Sắc tổ chức một lớp

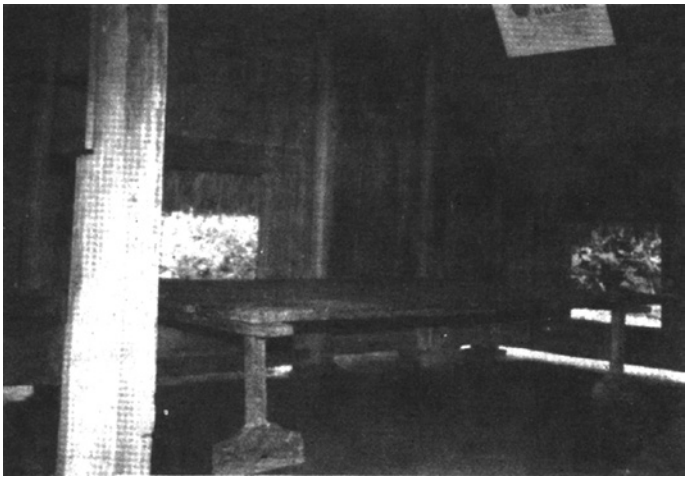

Cổ dong, nơi Nguyễn Sinh Cung được lắng nghe các sĩ phu và phụ thân ngồi bàn việc nước.

học, học trò có thể đóng tiền hàng tháng, tùy theo tâm của mỗi người. Yêu cầu học tập của hai người con trai lúc này cũng đã cao hơn, ông bèn đem họ xuống đó để kèm cặp thêm. Qua từng chương, ông còn chú ý dạy cho các con về lễ, nghĩa, liêm, sĩ. Vì theo ông đó là bốn điểm rường cột về đạo đức để làm người và cao hơn nữa là để giúp đời, giúp nước. Tại đây, Nguyễn Sinh Sắc đã dạy cho Nguyễn Sinh Cung một bài học về sự ích kỷ, qua đó ảnh hưởng sâu sắc đến nhân cách của Người sau này.

Thời gian này, ông vừa rớt khoa thi Hội (Mậu Tuất – 1898), nhưng với ý chí quyết tâm cao, ngày ngày ông vừa đến Quốc Tử Giám dự các buổi bình văn, ôn bài để chuẩn bị cho kỳ thi Hội khoa Tân Sửu (1901), vừa phải hàng ngày dạy học, lớp học trò có nhiều lứa tuổi, nhiều

trình độ khác nhau. Riêng lớp học trò chuẩn bị đi thi Hương có tới sáu người. Loại học trò nhỏ khoảng bảy, tám em. Nguyễn Sinh Cung bé nhất nhưng lại có khiếu học trội nhất. Mới lên tám tuổi, Cung đã có trí nhớ khác thường.

Hôm ông Sắc đi tiễn quan Đào Tấn về phụng dưỡng mẹ ốm, ông ra bài cho lớp học trò nhỏ trong hai ngày phải học thuộc và viết trầm mười lăm trang, mỗi trang 16 dòng của sách "Luận ngữ". Ông Sắc đi hôm trước, sáng hôm sau đã về. Lúc về đến xóm Dương Nổ Đông, ông thấy Cung đang ngồi câu cá dưới bến với mấy bạn học. Đám học trò nhìn thấy thầy, định chạy trốn, nhưng không kịp. Cung thì vẫn bình tĩnh vòng tay chào cha.

Ông Sắc hỏi ra mới biết chính Cung là người đã "đầu têu" rủ bạn bè đang giờ đi câu cá cho thoáng mát trong đầu rồi về học sẽ chóng thuộc bài. Tất cả đám học trò còn lại chưa ai thuộc hết bài, chỉ riêng có trò Cung là thuộc đủ mười lăm trang "Luận ngữ", không vấp một tiếng nào. Mặc dù rất mừng vui và tự hào vì tư chất thông minh của con mình, nhưng ông cử Sắc vẫn ân cần dạy con: "Con đã thuộc bài, các bạn của con chưa thuộc mà con rủ bạn đi câu cá là phạm lỗi. Cái lỗi ấy là: con chỉ thấy phần mình đã xong, không nghĩ đến phần người khác, như vậy là ích kỷ. Con đã rõ chưa?".

Bài học ấy đã theo Nguyễn Sinh Cung suốt đời. Ông cử Sắc không chỉ là người thầy dạy chữ cho con mình

mà cũng là người thầy đầu tiên dạy cho con "cái đạo làm người".

? Trong quá trình dạy học của mình, khi nào bận việc, cụ Sắc lại nhờ thầy Vương Thúc Độ dạy thay. Người thầy này đã dạy cho Nguyễn Sinh Cung rất nhiều về những tấm gương nghĩa liệt, qua đó góp phần khơi dậy lòng tự hào dân tộc ở Người. Xin cho biết đôi nét về thầy Độ?

Sau khi vợ qua đời, để vơi đi nỗi buồn và giúp đỡ trẻ em trong vùng được học tập, ông Nguyễn Sinh Sắc đã mở lớp dạy học tại quê nhà. Do số lượng học sinh đông, nên lớp học được mở tại gian nhà ngoài của ông Hương Nhàn. Anh em Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung cũng được học tại đây. Thế nhưng có lúc bận ôn luyện cho việc thi cử, ông Nguyễn Sinh Sắc lại nhờ thầy Vương Thúc Độ dạy thay.

Thầy Vương Thúc Độ là bà con họ hàng bên ngoại của Nguyễn Sinh Cung và được anh em Cung gọi bằng dượng. Thầy có người anh trai tên là Vương Hoàng Bỉnh bị giặc Pháp giết hại. Vì vậy trong lúc dạy học, thầy thường nêu cao tinh thần dân tộc, vạch mặt giả tâm của chính quyền thực dân đối với nhân dân Việt Nam. Nhằm giáo dục tinh thần yêu nước đối với học trò, thầy thường kể những câu chuyện về những tấm gương nghĩa liệt, anh hùng dân tộc...

Thầy Vương Thúc Độ là người điềm đạm, dễ gần gũi nên luôn được học trò yêu mến. Phương pháp dạy học của thầy cũng rất nhẹ nhàng nhưng hiệu quả, thầy

không bao giờ đánh học trò và luôn quan niệm rằng *"phải thương trẻ em như thương mình thì mới dạy được chúng"*.

Tuy thầy Vương Thúc Độ không dạy Nguyễn Sinh Cung nhiều nhưng đó là một người thầy đức độ, nhân hậu đã truyền cho cậu tình yêu quê hương, đất nước và con người. Bài học về những tấm gương nghĩa liệt là vốn quý để Nguyễn Sinh Cung bước tiếp trên con đường đi tìm chân lý, tìm ra con đường cứu nước.

? Trong thời gian ở kinh thành Huế, Nguyễn Sinh Cung đã được đến dự lễ Vạn Thọ của vua. Bạn biết gì về sự kiện này?

Khi còn ở kinh thành Huế, có một lần Nguyễn Sinh Cung đã được theo Công Tôn nữ Huệ Minh (một người bạn học) vô xem lễ Vạn Thọ (mừng sinh nhật) của vua Thành Thái. Dù không phải là con nhà hoàng thân, nhưng Cung vẫn quyết tìm cách đi bằng được vì một lời hứa với bà ngoại ở quê nhà là lúc về kinh đô cậu sẽ tìm cách nhìn bằng được mặt vua để rồi kể lại với bà khi cậu được về thăm bà.

Bà Hoàng Thị Loan rất lo lắng, vì hồi đó mỗi lần vua đi ra ngoài, thần dân đều phải trốn, nhà ở dọc hai bên đường phải đóng cửa, ai nhỡ gặp vua ngự ở giữa đường thì lập tức phủ phục ngay bên đường. Bởi vì nhìn thấy mặt vua không những bị tội "khi quân" mà còn tin dị đoan làm ăn sẽ gặp rủi ro, riêng Cung thì không sợ, cậu giương mắt nhìn thẳng vào mặt vua ngự trên điện.

Sau buổi xem lễ Vạn Thọ về, cậu thì thầm với mẹ "Con thấy vua, người nhà vua, các quan trong triều mặt mũi đều bình thường như mọi người mà sao họ sướng gấp vạn lần, còn dân lại không được lấy một lần là bởi tại đâu, hả mẹ?"

Cung còn hỏi nhiều câu nữa, chỉ xoay quanh: vua cũng là người, có khác gì dân đâu, sao vua sướng thế, dân khổ thế.

Bà Loan nghe những câu hỏi ngây thơ của con mà nước mắt chảy dài. Bà sung sướng có được đứa con khôn ngoan, nhưng bà cũng lo sợ về những điều đến trước tuổi của đứa con thân yêu.

? Núi Chung là một địa danh gắn liền với tuổi thơ của Nguyễn Sinh Cung khi còn ở làng Chùa. Bạn biết gì về núi Chung?

Làng Sen và làng Chùa vốn cùng chung một xã là Chung Cự (cùng nổi tiếng chung) thuộc tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, nằm giữa sông Lam và con đường hàng tỉnh. Bên cạnh làng Sen và làng Chùa, ở giữa xã Chung Cự, có ngọn núi Chung (tên chữ có nghĩa là cái chuông, cái chuông có tiếng vang xa ra khắp trời đất). Đối với Nguyễn Sinh Cung, làng Chùa chính là nơi chôn rau cắt rốn, nơi sinh ra cậu trong căn nhà lá đơn sơ. Hơn nữa, đó còn là một địa danh có nhiều cảnh đẹp, gắn bó với tuổi thơ của Nguyễn Sinh Cung cùng những bạn bè đồng trang lứa.

Núi Chung là danh thắng có tiếng ở làng Sen với nhiều huyền thoại lịch sử. Từ Núi Chung, chúng ta có

Núi Chung.

thể nhìn thấy hai dãy núi Đại Huệ, Đại Vạc đẹp như tranh cùng dãy Đại Hải giống như bức tường thành. Ngoài ra, còn một số di tích lịch sử - văn hóa như: Chùa Đạt, đền thờ Nguyễn Đắc Đài, miếu thờ Xuân Lâm tướng công, vùng đất của Chung nghĩa binh trong phong trào Cần Vương, bãi Xen Bàu Cự, hồ Màng Tang. Trên đỉnh núi Chung, nơi mà La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, ở thế kỷ XVIII, đã từng ca ngợi: "*Chung Sơn tại đỉnh hình vương tự, kế thế anh hùng vượng tử tôn*" (trên đỉnh núi Chung có hình chữ vương, con cháu nối đời là những anh hùng). Từ đây, phóng tầm mắt về bốn phương, tám hướng, gần là cố hương Nguyễn Huệ - Quang Trung, quê hương của Nguyễn Thiếp, Phan Bội Châu, Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái, xa hơn chút nữa là vùng đất đã sinh ra Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Đình Phùng, Nguyễn Trường Tộ, Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu...

Núi Chung tuy không cao lắm, nhưng đứng trên đó, người ta có thể bao quát được cả một vùng rộng lớn

chung quanh. Nhìn lên phía trên, chỗ Rú Đụn, là quê hương của người anh hùng xưa Mai Hắc Đế. Nhìn sang bên kia sông, ở vùng Đông Thái, là quê hương Phan Đình Phùng, Trần Phú. Dọc theo bờ sông, đi xuống một chút, là đất quê của Nguyễn Biểu, Đặng Dung. Đi xuống một chút nữa là làng Uy Viễn của tướng công Nguyễn Công Trứ, làng Tiên Điền của đại thi hào Nguyễn Du. Ở bên này sông, ngay gần quê Bác, chỉ cách một cánh đồng, là làng Đan Nhiệm, quê hương nhà chí sĩ Phan Bội Châu. Xuống chút nữa, gần Rú Mượu là Thái Xá, quê hương của tổ phụ người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ (Quang Trung). Lại xuống nữa, về phía Hưng Nguyên, là quê gốc của nhiều chiến sĩ cách mạng như Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai... Lịch sử ở vùng này còn ghi lại nhiều sự kiện oanh liệt.

Núi vừa là một thắng cảnh, vừa là di tích lịch sử của địa phương. Trên núi có đền thờ ông *Nguyễn Đắc Đài*, một tướng giỏi đời Trần, có công đánh giặc ngoại xâm. Đây là nơi tú tài Vương Thúc Mậu (1822-1886) (bạn thân của cụ Hoàng Đường – ông ngoại Sinh Cung) đã lập đội "Chung nghĩa binh", dựng cờ Cần Vương chống giặc Pháp (1885), vì vậy ở đây có câu ca:

Trăm năm xin nhớ nghĩa mình
Chung Sơn còn vững, ân tình còn lâu"

Núi Chung gắn liền với một kỷ niệm về một vế đối của Nguyễn Sinh Cung. Trong một buổi học với thầy Vương Thúc Độ, thầy ra đề bài tập làm câu đối: vế trên có "Chung Sơn", về dưới có "Trắc Lĩnh", trò Cung đã đọc:

Chung Sơn vượng khí thành kiên cố
Trắc Lĩnh đa vân thị lão niên"

(Núi Chung khí vượng nên kiên cố, Non Lĩnh nhiều mây hóa lâu năm").

Thầy Độ đã phải thốt lên: thật là "thi nhân chân cảm" (nhà thơ cảm xúc chân thực), bởi bức tranh hùng vĩ trong hai vế câu đối của Sinh Cung, đúng là "thi trung hữu họa" (như có bức vẽ trong thơ).

? Lúc sinh thời, cụ Đào Tấn[1] và gia đình Bác Hồ có một mối quan hệ rất mật thiết. Qua đó hình ảnh ông quan thanh liêm, ông tổ nghệ thuật tuồng đã có những ảnh hưởng nhất định góp phần hình thành nên, hun đúc nên nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh. Hãy cho biết vài nét về mối quan hệ này.

Sau khi ra đời thì tác phẩm *Búp sen xanh* của Sơn Tùng đã bị phê phán hai điều: Tại sao lại dựng Thành Thái hiên ngang và ca ngợi Đào Tấn thế? Đơn giản đó là những con người mang nhân cách lớn, diện mạo lớn của thời kỳ ấy. Có những ông quan như Đào Tấn, những vị vua như Thành Thái và các chí sĩ yêu nước khác thì mới tạo nên diện mạo của Hồ Chí Minh buổi bình minh thế kỷ XX này.

---

1 Đào Tấn sinh năm Ất Tị 1845, quê làng Vĩnh Thịnh, tổng Nhân Ân (nay là xã Phúc Lộc), phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Năm 1867, đỗ Cử nhân, làm Tổng đốc Nghệ An, sau được thăng làm Hiệp tá Đại học sĩ. Năm 1902, vì chống tên Việt gian Nguyễn Thân nên bị cách chức, lui về quê nhà ở ẩn. Ông nổi tiếng thanh liêm, công bình, được hầu hết sĩ phu trọng vọng, lại giỏi văn chương, thích soạn tuồng hát. Chính ông sáng lập ra bộ môn hát bội ở Bình Định. Ông mất năm Đinh Tị 1907. Đào Tấn là nhà soạn tuồng cao nhất về chất lượng cũng như số lượng của bộ môn nghệ thuật sân khấu Việt Nam từ trước tới nay.

Một ông vua thiếu niên thương dân chấp nhận đứng lên chống Tây để rồi phải chịu cảnh đi đày ra nước ngoài và 40 năm sau đó (1907-1947) khi trở về lại xứ sở thì hai mắt đã bị mờ... Còn Đào Tấn, vì sao lại đề cao vị quan hiền tài này mà đặc biệt là trong mối quan hệ với cậu bé làng Sen Nguyễn Sinh Cung...

Vào một đêm tại nhà cậu Sinh Cung ở Huế, có một bữa rượu chia tay gồm cụ Nguyễn Thượng Hiền, Đào Tấn, Nguyễn Sinh Sắc, Phan Văn San.

Đó là đêm tiễn đưa Đào Tấn trở ra làm Tổng đốc An Tĩnh lần thứ 2 và tiễn Phan Văn San (tức Phan Bội Châu) trở về quê. Bên chén rượu sâu nặng ân tình, Phan Văn San đã đọc những câu thơ: Tiến biệt tửu ngôn nhất chín hiền/ Đăng tình đại dạo đỗ quyên quyên/ Quốc quốc cũ ai ai tư quốc/ Bằng hữu cổ kim nhất chí hiền. Cả 4 người cam kết với nhau cho cụ San lần này về đỗ cử nhân vì không có học vị ấy thì khó để tạo dựng ngọn cờ Đông Du trong khi cụ Phan tuy thực tài nhưng vì tính cách nghệ sĩ nên hay phạm lỗi mỗi lần đi thi...

Đêm hôm ấy, Sinh Cung và Sinh Khiêm được hầu cha và bạn cha. Một mái ấm có được cho gia đình Sinh Cung cũng nhờ cụ Đào Tấn. Có hai người giúp để gia đình ông Sắc có nhà là Đào Tấn và con trai trưởng cụ Cao Xuân Thưởng tức Cao Xuân Tiến. Đào Tấn và Cao Xuân Tiến đã mua lại của một người lính khố vàng trong thành nội Huế - chợ Đông Ba căn nhà về dựng lại giúp ông Sắc trong những tháng ngày sống ở Huế đầy khó khăn thiếu thốn ấy. Đặc biệt tình nghĩa của

Đào Tấn và gia đình Nguyễn Sinh Sắc càng sâu nặng sau sự kiện đau lòng của gia đình ông Sắc năm 1900. Ngày ấy ông Sắc được bổ đi ra trường thi Thanh Hóa. Ông rời Huế cùng Sinh Khiêm còn để Sinh Cung lại Huế cùng người vợ chịu thương chịu khó và thảo hiền nết na đang trong kỳ sắp sinh nở.

Xa chồng xa con, xa quê hương làng xóm trong khi Tết Nguyên đán ngày một gần mà bà Loan lại lâm bệnh nặng sau khi sinh con. Ngày 23 tháng Chạp năm Canh Tý, khi trẻ con thành phố nô nức đi chợ Tết thì Sinh Cung chịu nỗi đau đớn tột cùng: mẹ mất, cha và anh đi vắng, em thơ khát sữa, xung quanh toàn người xa lạ... Lúc đó cụ Đào Tấn ở Nam An, ông Sắc ở Thanh Hóa. Hai người con của Đào Tấn là Đào Thụy Thạch và Đào Tuyên - đều là học trò ông Sắc đã đứng ra lo việc tang cho bà Loan thay ông Sắc và thân nhân ở xa. Hai người con của Đào Tấn đã đứng ra đi vay cỗ quan tài của một người quen đem đến cho vợ thầy mình. Ân tình ấy không phai mờ trong tâm cảm Sinh Cung.

Lúc đó cậu mới 10 tuổi, pháo nổ, Tết đến, cha vẫn không về và Sinh Cung chỉ còn biết nhờ vào các con trai Đào Tấn để lo việc cho mẹ, lo xin bú cho em Xin từng bữa. Điều đáng nói, để có những người học trò hiếu thảo này trong đó có hai con trai Đào Tấn cũng nhờ Đào Tấn đứng ra tổ chức cho ông Sắc nơi dạy học ổn định bằng cách giao cho một vị quan thuộc hạ của mình ở làng Dương Nỗ về mở lớp học này. Tình thầy trò đã đưa đến những nghĩa cử cao đẹp khi vợ thầy

mất, thầy đi vắng... Với Sinh Cung, từ những lần được hầu nước, thuốc cho cha và cụ Đào Tấn cho đến sự đi lại giúp đỡ tận tâm của Đào Tấn suốt từ khi gia đình Sinh Cung vào Huế đến lúc mẹ mất, trở thành những dấu ấn tình cảm sâu đậm của cậu với ông quan này. Với Đào Tấn, Sinh Cung có cả sự cảm phục, kính nể và khắc ghi công ơn. Và với một nhân cách làm quan như Đào Tấn, ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành nhân cách và những tư tưởng lớn của Nguyễn Sinh Cung trong những năm tháng ở tuổi trưởng thành.

Tình thân hữu của ông Sắc với Đào Tấn và gia đình Đào Tấn không chỉ sau cái đại tang của bà Hoàng Thị Loan mà nó còn thể hiện khi chính gia đình Đào Tấn đã ba lần đón Sinh Cung và Sinh Khiêm về nhà mình ở để tránh bớt khó khăn sau khi mẹ mất.

Cho đến khi Đào Tấn về hưu, lúc ông đau bệnh thì cả ba cha con ông Sắc chính là những người đi lại ân cần chăm sóc Đào Tấn với tình nghĩa hết mực yêu thương kính trọng. Đến khi Đào Tấn qua đời, đứng trước mộ Đào Tấn, ông Sắc đã nói với Nguyễn Tất Thành và Nguyễn Tất Đạt (nhưng có lẽ người cha muốn nói với Bác nhiều hơn) rằng: Phải lấy tấm gương của Đào Tấn để mà lập thân, cứu nước. Điều đó làm sao cậu bé Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành quên được.

Rõ ràng bên cạnh những ảnh hưởng từ quê hương, gia đình, truyền thống... thì mối quan hệ giữa hai gia đình Đào Tấn và Nguyễn Sinh Sắc cùng hình ảnh ông

quan thanh liêm, ông tổ nghệ thuật tuồng từng đã có những ảnh hưởng lớn góp phần hình thành nên, hun đúc nên nhân cách văn hóa Hồ Chí Minh, người anh hùng giải phóng dân tộc - danh nhân văn hóa thế giới.

? Đầu năm 1901, Nguyễn Sinh Cung đã phải chịu tang lớn trong tuổi thiếu niên của mình. Bạn hãy cho biết về sự kiện này.

Năm Canh Tý (1900), ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi làm đề lại (thư ký) cho trường thi Hương Thanh Hóa. Người anh Nguyễn Sinh Khiêm đi cùng với ông Sắc. Sau khi cha đi, Nguyễn Sinh Cung vẫn ở Huế với mẹ. Cuối năm 1900, bà Hoàng Thị Loan sinh người con thứ tư. Vì ông Sắc đi vắng, bà lại thiếu sữa phải cho con đi bú nhờ nên bà con gọi đùa là Xin. Nhưng Xin quá yếu, đã mất sau một thời gian.

Do đuối sức, bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng. Tuy được bà con nhiệt tình giúp đỡ, nhưng do bệnh quá nặng nên bà Loan đã qua đời tại Huế vào ngày 22 tháng 12 năm Canh Tý, tức ngày 10-2-1901. Bà đã được những người láng giềng thân thiết lo việc mai táng, vì lúc này ông Nguyễn Sinh Sắc sau khi coi thi ở Thanh Hóa đã trở về Kim Liên và đang ở quê nhà.

Bà là một phụ nữ cần cù lao động, đảm đang, hết lòng thương yêu, chăm sóc chồng con. Bà được học hành ít nhiều, nên thường ru con bằng những câu thơ

trong truyện Kiều hay những bài dân ca quen thuộc ở quê hương. Lời hát ru được nghe từ thuở ấu thơ in đậm trong tâm trí Hồ Chí Minh suốt cuộc đời. Sau này, ở xa quê, trong lúc hoạt động ở Xiêm (Thái Lan) vào những năm 1928-1929, nghe tiếng mẹ ru con, Thầu Chín (tên của Bác Hồ lúc bấy giờ) không khỏi bùi ngùi tưởng nhớ đến mẹ và lời ru của mẹ. Bác nói:

"Xa nhà chốc mấy mươi niên.

Tối qua nghe giọng mẹ hiền ru con!".

Đối với Sinh Cung, mẹ là một kho truyện cổ tích, truyện Kiều và ca dao, dân ca. Mẹ thường dạy hai anh em cậu những câu dễ nhớ: "Đói cho sạch, rách cho thơm; Thương người như thể thương thân; Có công mài sắt, có ngày nên kim...".

Trong tuổi thiếu niên của mình, đây là lần chịu tang lớn nhất. Tết năm đó một mình bé bỏng trong tang thương hương khói, hoa huệ trên bàn thờ, trên mộ mẹ, ấn tượng đó khắc sâu trong tâm khảm Người trong suốt cuộc đời.

Sau khi mẹ mất, Nguyễn Sinh Cung được ông Nguyễn Sinh Sắc đưa về Nghệ An, gửi sang bà ngoại chăm sóc.

? Sau khi cha đi Huế thi Hội, Nguyễn Sinh Cung được bà ngoại gửi sang học tiếp chữ Hán bên làng Hữu Biệt, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An với ai?

Năm 1901, sau khi mẹ mất, anh em Nguyễn Sinh Cung về làng Hoàng Trù ở với bà ngoại. Bà Nguyễn Thị Kép rất mực thương yêu chiều chuộng các cháu. Anh em Nguyễn Sinh Cung không bao giờ bị bà mắng hay lớn tiếng. Không để cháu thất học, ít chữ, bà đã gửi cháu sang làng Hữu Biệt nhờ thầy Hoàng Phan Quỳnh dạy dỗ. Thầy Hoàng Phan Quỳnh mở lớp học tại xóm Vang, làng Hữu Biệt, cách Hoàng Trù khoảng 3 kilômét (hiện nay là xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An). Lớp học được đặt tại ngôi nhà ngoài của cụ Nguyễn Trọng Vĩ.

Sau một thời gian ngắn, Nguyễn Sinh Cung được thầy đưa về nhà để cùng học tập với các con của thầy. Do sáng dạ, lễ phép nên Nguyễn Sinh Cung đã được thầy giáo chú ý và làm tấm gương cho con của mình noi theo. Hình ảnh thầy giáo Quỳnh luôn đọng mãi trong tâm trí của cậu bé Cung.

Sau khi đỗ Phó bảng khoa thi Hội năm 1901, Nguyễn Sinh Sắc đã đưa các con về quê nội ở. Nguyễn Sinh Cung phải tạm biệt thầy giáo và những người bạn của mình để về lại làng Sen. Thế nhưng tháng 12-1961, khi

ở cương vị là Chủ tịch nước khi về thăm quê hương lần thứ hai, khi qua làng Hữu Biệt, Bác vẫn chỉ tay vào làng và nói *"thuở bé mình có học với thầy đồ trong làng này"*.

? Bác Hồ đổi tên Nguyễn Tất Thành vào thời điểm nào?

Sau kỳ thi Hội không đậu, ông Nguyễn Sinh Sắc đã đưa vợ và hai người con trai vào Huế sinh sống, để ông có điều kiện rèn luyện thêm văn bài và trực tiếp dạy dỗ các con để chờ mùa thi sau. Thế nhưng, do cái chết đột ngột của vợ, Nguyễn Sinh Sắc đã phải đưa các con về quê. Không nản chí, truất bỏ nỗi buồn mất vợ, ông đã nhanh chóng sắp xếp, đưa các con nhỏ về nhờ bà ngoại nuôi dạy, nhanh chóng khăn gói về kinh thành cho kịp kì thi Hội khoa Tân Sửu. Khoa ấy ông đậu Phó bảng, được vua Thành Thái tặng biểu "Ấn tứ ninh gia" (có nghĩa: ơn vua ban cho gia đình tốt) và cờ "Phó bảng phát khoa".

Lần đầu tiên làng Sen có người đậu đại khoa, làng đã dựng cho ông ngôi nhà gỗ 5 gian để mừng ông phó bảng. Sau khi xây cất xong, dân làng Kim Liên đã qua làng Hoàng Trù rước cha con cụ Phó bảng về ở. Về nhà mới, ông Sắc thường răn dạy các con ông: "Vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng" (nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình). Tuy đã đỗ đạt, nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc và gia đình vẫn sống thanh bạch, đạm bạc.

Ở Việt Nam thời xưa theo tục lệ người ta thường có nhiều tên gọi. Tên thứ nhất, hay tên gọi lúc còn nhỏ, đặt cho đứa trẻ lúc mới ra đời và được gọi cho tới lúc tới trường. Khi ấy, người chủ gia đình mới đặt cho đứa trẻ một tên chính thức, còn gọi là tên "chữ" – tên trong giấy tờ.

Tháng 9-1901, cụ Nguyễn Sinh Sắc làm lễ vào làng cho hai người con trai. Đồng thời ông đã ghi tên Nguyễn Sinh Khiêm là Nguyễn Tất Đạt và tên Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành vào sổ làng. Trước cuộc sống lầm than, cơ cực của bản thân cũng như vận mệnh của nước nhà, ông Phó bảng muốn thay đổi tên gọi của con để hướng đến một tương lai tốt đẹp hơn. Tên Nguyễn Tất Thành đã gắn liền với thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt gần 20 năm. Tất Thành với mong ước làm việc gì cũng thành công!

? Bác Hồ được vinh dự học với thầy Vương Thúc Quý - con trai cụ Vương Thúc Mậu (người lập đội "Chung nghĩa binh" dựng cờ Cần Vương chống giặc Pháp (1885). Hãy cho biết đôi nét về thầy Quý?

Năm 1901 trở về làng Sen được ít lâu, ông Nguyễn Sinh Sắc cho cậu Nguyễn Sinh Cung tới học thầy Cử nhân Vương Thúc Quý. Nhà thầy cử Quý cách nhà cụ Phó bảng Sắc khoảng 200m về phía Tây. Thầy cử Vương Thúc Quý là con trai Tú tài Vương Thúc Mậu. Vương Thúc Quý (1862-1907) đậu cử nhân khoa Tân

Nhà thầy Cử nhân Vương Thúc Quý.

Mão (1891), nổi tiếng thông minh, học giỏi và tài hoa; đặc biệt về chữ đẹp và giỏi câu đối.

Ở đất Nam Đàn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ thứ XX có bốn người học giỏi nổi tiếng được nhân dân suy tôn là "tứ hổ" và được ca tụng: "Uyên bác bất như San, tài hoa bất như Quý, cường ký bất như Lương, thông minh bất như Sắc" (Nghĩa là không ai hiểu biết rộng như Phan Văn San (Phan Bội Châu), không ai tài hoa như Vương Thúc Quý, không ai nhớ giỏi như Trần Văn Lương, không ai thông minh như Nguyễn Sinh Sắc).

Vương Thúc Quý mang nặng mối thù nhà nợ nước (cụ Vương Thúc Mậu bị thực dân Pháp sát hại trong cuộc khởi nghĩa năm 1885), sau khi đậu cử nhân thầy

không đi thi hội, không ra làm quan mà ở nhà vừa dạy học vừa ngầm liên kết với những người có tâm huyết để mưu tính việc đánh Tây. Thầy có chân trong đội "Sĩ tử Cần Vương" do ông Phan Bội Châu và Trần Văn Lương lập ra. Thầy đã cùng với vài chục người khác dưới sự chỉ huy của ông Phan Bội Châu, định làm một cuộc bạo động đánh chiếm thành Nghệ An vào ngày lễ Chính trung 14-7-1901 (còn gọi là ngày "Hội Tây", tức là Quốc khánh nước Cộng hòa Pháp). Nhưng do tên Nguyễn Điểm phản bội, mật báo với thực dân Pháp nên kế hoạch bị bại lộ. May có Đào Tấn, Tổng đốc Nghệ An lúc đó che chở, nên Vương Thúc Quý mới thoát nạn.

Sau đó, Vương Thúc Quý và Phan Bội Châu ráo riết hoạt động thành lập hội Duy Tân (1904), rồi tổ chức cho Phan Bội Châu xuất dương sang Nhật, khởi xướng phong trào Đông Du năm 1905.

Năm 1907, thầy xây dựng tủ sách Tân Thư và thành lập phân hội Đông kinh nghĩa thục ở làng Sen.

Giữa năm 1907, Thầy Quý trên đường ra Hải Phòng để sang Nhật, nhưng vừa tới Nam Định thì bị ốm nặng, phải trở lại quê nhà. Ngày 19-7-1907 thầy qua đời. Trước lúc mất, cụ cử Vương Thúc Quý đã cố gắng ngồi dậy, bảo người bên cạnh đưa giấy bút, thầy viết tám chữ: "Phụ thù vi báo, thử sinh đồ hư" (nghĩa là: "Thù cha chưa báo được, đời này thật uổng") rồi trút hơi thở cuối cùng. Suốt cuộc đời mình, thầy Vương Thúc Quý là người thầy giáo luôn luôn nung nấu mối thù nhà,

nợ nước và quyết tâm hoạt động để cứu nước. Thầy xứng đáng là một tấm gương để các thế hệ học trò noi theo.

? Trong thời gian học với thầy Vương Thúc Quý, Nguyễn Sinh Cung đã có một vế đối "Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường", được thầy khen là có tư chất hơn bạn bè đồng trang lứa. Bạn biết gì về sự kiện ấy?

Vương Thúc Quý là một thầy giáo luôn luôn nung nấu mối thù nhà, nợ nước và quyết tâm hoạt động để cứu nước. Thầy thường gửi gắm tâm sự yêu nước và căm thù giặc vào những bài giảng cho học trò. Bởi vậy thầy rất thích khi gặp học trò của mình cũng có chí lớn.

Sau khi thoát nạn ở Vinh (1901), để vừa che mắt địch vừa bồi dưỡng lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, thầy Cử Vương đã mở một lớp học tại nhà mình. Trong lớp học có bàn thờ cụ Vương Thúc Mậu. Hàng ngày trước khi giảng bài cho học sinh thầy Cử Vương thường thắp đèn, đốt hương cúng cha. Việc làm đó của thầy Cử Vương là muốn nhắc nhở các học trò trong lớp luôn noi gương người đã hi sinh vì nước.

Thầy Cử Vương không dạy học trò nặng nề về sách vở, mà thầy dùng sách thánh hiền để giảng cho học trò về đạo lý làm người, phải biết thương yêu giống nòi, không ham tiền tài danh vọng, phải biết hy sinh vì đất nước, để làm nghĩa vụ cao cả của người dân, thầy thường lấy sự tích đông, tây, kim cổ để răn dạy, khích lệ tinh thần yêu nước, kêu gọi hợp quần.

Tới lớp học, Nguyễn Sinh Cung chăm chú, say mê nghe thầy Cử Vương giảng bài.

Một hôm thắp đèn đốt hương để tưởng niệm cụ Tú Mậu, Thầy lỡ tay làm dầu trên đĩa chảy xuống đế đèn. Nhân sự việc đó thầy liền ra cho học trò một vế đối: "*Thắp đèn lên dầu vương ra đế*" để thăm dò khí chất học trò. Một học trò nhanh ý, lấy ngay hình ảnh cây hương thầy vừa đốt ở trên bàn thờ để đối: "*Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn*".

Trò Nguyễn Sinh Cung xin đối: "*Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường*"

Thầy khen cả hai câu, nhưng với câu của trò Tất Thành, thầy cho rằng đối thoát hơn, nhiều ý hơn, không gò bó với nghĩa đen của từng từ. ("Vương" nghĩa là *chảy*, *vương vãi ra*, *dính vào*, còn có nghĩa là *Vua*; "đế" là *đế đèn* và *Hoàng đế*. "Tấn" vừa có nghĩa là *tiến*, vừa có nghĩa là *thời nhà Tấn*; "Đường" vừa là *đường đi* lại có nghĩa *nhà Đường*. Nhà Tấn vừa lập ngôi Vương mà nhà Đường đã lập ngôi Đế). Câu đối không chỉ chỉnh về ý, lời, ý nghĩa sâu rộng mà đã thể hiện ý chí của người thiếu niên 12 tuổi này.

Từ đó Nguyễn Sinh Cung được thầy chọn để bồi dưỡng thêm lòng yêu nước và những hiểu biết cần thiết khác. Những lúc có các sĩ phu yêu nước đến bàn luận văn thơ và việc nước, thầy cho học sinh đưa bài về nhà làm, riêng Nguyễn Sinh Cung được thầy giữ lại để lấy thuốc, lấy trà tiếp khách. Thầy muốn cho Cung

hiểu thêm về những việc quan trọng mà các cụ đang hoạt động và cũng có khi các cụ nhờ Nguyễn Sinh Cung chuyển các thư từ liên lạc bí mật với các sĩ phu yêu nước trong vùng.

Học với thầy Vương Thúc Quý, Tất Thành cảm thấy rất thoải mái, dễ hiểu vì thầy thức thời, không nệ cổ, không bắt học trò nhồi sọ cổ văn theo lối "tầm chương trích cú". Thầy cử Vương là người đã có tác động sâu sắc tới quá trình phát sinh, phát triển tư tưởng yêu nước trong thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi chia tay thầy để theo cha vào kinh đô Huế lần thứ hai, hai anh em Sinh Khiêm và Tất Thành đã được thầy tặng cho bộ sách "*Nhất nhật tam tỉnh ngô thân*" (Mỗi ngày tự kiểm điểm mình ba lần) và chúc Tất Thành "thẳng tấn" đến đích lớn mà cậu mơ ước như vế đối "*dong thẳng Tấn lên Đường*" của cậu hôm xưa.

Có thể nói, thầy Cử Vương là người đã có tác động sâu sắc đến quá trình phát triển tư tưởng yêu nước trong thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau này, trong cả hai lần về thăm quê hương (1957, 1961), Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hỏi thăm gia đình Cử nhân Vương Thúc Quý. Người nói: "Thầy Cử Vương là thầy học của Bác hồi niên thiếu".

? Sau thầy Vương Thúc Quý, Bác Hồ tiếp tục theo học với ai?

Học được với thầy Vương Thúc Quý một thời gian, do thầy bận hoạt động bí mật cùng với cụ Phan Bội

Châu, Nguyễn Tất Thành lại được thân phụ gửi sang học với thầy Trần Thân.

Thầy Trần Thân sinh năm 1839, mất năm 1917 tại làng Ngọc Đình, xã Chung Cự, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Làng Ngọc Đình có đền Thánh Cả, thờ một vị tướng có công đời nhà Trần, ghi vào kho tàng ca dao nước nhà những vần thơ:

Nhất vui là cảnh quê mình
Kim Liên sen tốt, Ngọc Đình chuông kêu.

Thầy Trần Thân là một nhà nho thông minh, thanh bạch, điềm đạm. Thầy thường khuyên học trò: *"Độc thị môn lâm tự vấn, hào vô kim hắc chi tâm"* (nghĩa là: phải biết tự hỏi lòng mình, chớ để đồng tiền làm đen tối lương tâm). Thầy rất nghiêm túc trong lúc dạy học. Cách dạy của thầy phần lớn dựa vào sách "Thánh hiền", trong đó thầy chú trọng nhiều vào việc dạy lễ nghĩa. Với cách học như vậy, học trò của thầy Trần Thân thường dễ cảm thấy bị đặt trong khuôn khổ, gò bó.

Tuy rất quý trọng phẩm chất của thầy nhưng học với thầy Trần Thân, Nguyễn Tất Thành cảm thấy gò bó. Thầy lấy làm khó chịu khi học trò hỏi thêm những điều ngoài sách vở "Thánh hiền". Cũng chính vì thế mà chỉ học với thầy Trần Thân được ít lâu, Nguyễn Tất Thành lại trở về học với thân phụ.

? Hãy cho biết đôi nét về lò rèn cố Điền, nơi thời niên thiếu Bác Hồ bắt đầu làm quen với lao động thủ công nghiệp thô sơ.

Lò rèn của cố Hoàng Xuân Luyến (dân trong vùng thường gọi là cố Điền), là cha của ông Hoàng Xuân Điền ở xóm Phụ Đầm, thuộc làng Sen, cách nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc 100 mét về phía đông. Cố Điền là người thợ rèn cần mẫn, thật thà, hiền lành và vui tính được nhân dân trong vùng yêu mến. Lò rèn này chuyên sản xuất lưỡi cày, cuốc, liềm, hái, dao rựa... làm công cụ sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong vùng.

Trong thời kỳ sinh sống ở làng Sen, những lúc rảnh rỗi Nguyễn Tất Thành thường ra lò rèn chơi. Cậu rất quý trọng cố Điền và cố Điền cũng rất mực yêu mến cậu. Nguyễn Tất Thành đã giúp cố Điền thụt bễ, đập đe và đặc biệt là hay hỏi han trao đổi, đàm luận với cố Điền về những vấn đề mà nhân dân hay bàn luận, phê phán. Cũng có những lúc cậu mượn dụng cụ, lấy đồ sắt của cụ cố Điền làm đồ chơi.

Sau năm mươi năm xa quê hương, ngày 16 tháng 6 năm 1957, khi trở về thăm lại Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không quên những kỉ niệm xưa, khi đi từ nhà ra cổng, Người chỉ tay về phía trước cổng hỏi bà con đi bên cạnh: *"trong này có lò rèn cố Điền, mấy lâu nay còn tiếp tục rèn nữa không?"*. Vừa lúc đó ông Hoàng Xuân Điền (con trai cụ cố Điền) từ ngõ đi ra. Bác liền hỏi *"Trông ông Điền còn khoẻ, lâu nay có tiếp tục rèn nữa không?"*. Ông Điền liền trả lời *"lâu nay tôi để con trai đầu lòng làm"*. Bác đã động viên ông *"nên tiếp tục rèn để bà con có nông cụ mà sản xuất"*.

Lò rèn cố Điền.

Lò rèn cố Điền là nơi thời niên thiếu Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu làm quen với lao động thủ công thô sơ. Cũng tại nơi đây, những câu chuyện trong đời sống hàng ngày mà nhân dân thường bàn luận, trao đổi đã giúp Bác hiểu thêm về quê hương xứ sở, về nỗi khổ của người nông dân, sự áp bức của hào lý, quan lại của triều đình phong kiến và thực dân Pháp. Thực tế sinh động đó, đã góp phần rèn đúc Nguyễn Tất Thành sớm có lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù giặc sâu sắc.

? Chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu đã có ảnh hưởng đáng kể với gia đình và bản thân của Nguyễn Tất Thành. Xin cho biết Nguyễn Tất Thành đã gặp gỡ cụ Phan Bội Châu thế nào?

Là người quan tâm đến vận mệnh đất nước, vì vậy nhà của cụ Phó bảng luôn là nơi tập hợp những sĩ

phu có tư tưởng tiến bộ, có tinh thần yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn, Bùi Danh Trứ... Những lúc có các sĩ phu yêu nước đến bàn luận văn thơ và việc nước, Nguyễn Tất Thành được cha giao cho việc lấy thuốc, lo việc trà nước cho các cụ. Chính qua những buổi hầu nước, cậu bé Nguyễn Tất Thành đã được nghe các cụ bàn về thời cuộc, về thành bại của những cuộc khởi nghĩa, về các lãnh tụ văn thân Cần Vương... nhờ đó mà nhận thức xã hội, về lòng yêu nước được nhen nhóm, nảy nở trong lòng cậu Thành từ rất sớm.

Trong số những người "thanh khí" thường lui tới nhà cụ Phó bảng đàm đạo việc nước, việc nhà, văn chương có cụ Phan Bội Châu là một người học rộng, uyên thâm đối đáp. Lúc đầu, Nguyễn Tất Thành rất mê tài đối đáp nhanh nhạy và hóm hỉnh của cụ Phan. Sau đó, cậu đã cảm nhận được rằng cụ Phan không chỉ hát phường vải để mua vui, tiêu khiển, mà trong đó còn ẩn uất mối tình non nước. Qua những câu hát đầy chất khích lệ như *"đôi ta cùng giọt máu đào; cùng vòng nô lệ biết thủa nào tự do"* cho thấy được trách nhiệm của con người đối với non sông, đất nước.

Nguyễn Tất Thành ngày càng kính phục Phan Bội Châu về kiến thức uyên bác và tinh thần trách nhiệm. Phan Bội Châu ở thôn Đan Nhiệm, tổng Xuân Liễu,

huyện Nam Đàn, cách làng Sen 5 kilômét. Ông có đôi mắt đăm chiêu, vầng tráng cao, tính tình sôi nổi, dễ tin người và yêu mến trẻ thơ. Ông thường xuyên qua lại nhà thầy Vương Thúc Quý và thỉnh thoảng lui tới nhà cụ Phó bảng để ngâm vịnh thơ phú và bàn luận thế sự. Phan Bội Châu thường kể cho chị em Nguyễn Tất Thành nghe chuyện cụ Hoàng Phan Thái bị xử chém vì chiêu tập nghĩa binh chống lại triều đình Tự Đức bán nước.

Có thể nói, nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu đã có ảnh hưởng đáng kể với với gia đình và bản thân của Nguyễn Tất Thành. Cụ Phó bảng rất tâm đắc với cụ Phan về tấm lòng yêu nước, thương dân; chị Nguyễn Thị Thanh và anh Nguyễn Tất Đạt về sau đã có những hành động theo gương Phan Bội Châu. Bản thân Nguyễn Tất Thành được học hỏi được nhiều chuyện, thuộc nhiều bài thơ văn mang nội dung yêu nước, thương dân của cụ Phan. Nguyễn Tất Thành đã cảm thụ được hai câu thơ mà cụ Phan thường ngâm:

Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương
(Mỗi bữa ăn không quên ghi sử sách
Lập thân kém nhất ấy (là) văn chương)

Từ đó cũng mở ra một đường hướng mới trong suy nghĩ và hành động của Nguyễn Tất Thành.

? Phan Bội Châu đã tặng Nguyễn Tất Thành câu thơ:

"Chim bằng tung cánh xuyên trời thẳm
Thử sức đại dương thuở cá côn"

vào thời điểm nào?

Trong những lần được tham dự vào những cuộc đàm đạo của ông Nguyễn Sinh Sắc cùng với các sĩ phu yêu nước, Nguyễn Tất Thành vô cùng khâm phục và ngưỡng mộ gương xả thân vì nước của các bậc tiền bối, đồng thời luôn tự hỏi tại sao tất cả những con đường cứu nước của các cụ đều dẫn đến thất bại? Dù không tán thành xu hướng cầu Nhật để đánh Pháp của cụ Phan Bội Châu nhưng Nguyễn Tất Thành vẫn rất tâm niệm hai câu thơ cụ Phan thường ngâm:

"Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương"

Nghĩa là:

"Mỗi bữa ăn không quên ghi sử sách
Lập thân kém nhất ấy (là) văn chương"

Phan Bội Châu lên đường tính việc Đông Du. Trước khi đi, ông tin cậy chọn Thành cùng đi. Nhưng Nguyễn Tất Thành cũng như cụ Nguyễn Sinh Sắc đã từ chối con đường này vì nhận định chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp của ông Phan khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Ngày cụ Phan lên đường, ông Sắc và thầy Vương Thúc Quý đưa Nguyễn Tất Thành đi cùng đến tiễn cụ Phan. Đến cầu Hữu Biệt, núi Độc Lôi, mọi người dừng

chân để chào từ biệt. Phan Bội Châu cầm tay Thành nói: "Cháu ơi! Hậu sinh khả úy. Chú tin cháu sẽ là:

"Chim bằng tung cánh xuyên trời thẳm
Thử sức đại dương thuở cá côn"

Cảm ơn cháu đã tiễn đưa chú. Chú hy vọng sẽ gặp cháu trên con đường vì nghĩa lớn".

Thành bối rối: "Cháu cảm ơn chú đã trao gửi cho cháu những tình cảm và niềm tin cao cả ấy. Cháu rất thích bài thơ "Chơi xuân" của chú mà mê nhất là hai câu:

"Nước non Hồng Lạc còn đây mãi
Mặt mũi anh hùng há chịu ri"

Câu thơ ghi dấu trong lòng Nguyễn Tất Thành đã cho thấy chí khí của người thanh niên yêu nước, không chịu ngồi yên trong cảnh nô lệ của đất nước.

Dù buồn vì chàng trai trẻ mà ông vô cùng quý mến không cùng con đường lựa chọn với mình nhưng cụ Phan rất tin tưởng Nguyễn Tất Thành. Trên thực tế, sau này Nguyễn Tất Thành đã thực sự là "hậu sinh khả úy", bởi anh đã nhận thức đúng đắn được con đường tốt nhất để ra đi cứu nước, tiếp thu truyền thống yêu nước của các bậc tiền bối và rút kinh nghiệm từ những thất bại của ông giải San.

? Ngay từ những ngày còn niên thiếu ở làng Sen, Nguyễn Tất Thành đã hình thành những tính cách đáng quý. Hãy nói về những sự kiện này.

Trong khoảng thời gian 1901-1902, Nguyễn Tất Thành đã bước đầu tiếp thu tư tưởng yêu nước của các bậc cha chú thông qua mối quan hệ giữa cha với các sĩ phu trong vùng. Trong tác phẩm *Phan Bội Châu niên biểu*, Phan Bội Châu kể lại rằng: Nguyễn Tất Thành thường nghe Cụ ngâm hai câu thơ và sau này anh vẫn nhắc lại:

"Mỗi phạn bất vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương".

Nghĩa là:

"Mỗi bữa ăn không quên ghi sử sách

Lập thân kém nhất ấy (là) văn chương".

Nguyễn Tất Thành còn tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới và được thân phụ dẫn đi thăm các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh trong vùng. Ngoài việc học tập, Nguyễn Tất Thành thường cùng bạn bè chơi các trò chơi của tuổi thiếu niên như đánh khăng, đánh trận giả, câu cá, bẫy chim, đánh vật... hoặc rủ nhau thăm các thắng cảnh, các di tích văn hóa lịch sử trong vùng như Núi Chung, Đền Thánh Cả, Chùa Đạt, Đền Độc Lôi... Nơi Nguyễn Tất Thành thường lui tới nhiều nhất là lò rèn ông Điền và giếng Cốc ở gần nhà.

Chính truyền thống của quê nhà, những câu chuyện của các bậc cha chú đã tác động mạnh đến Nguyễn Tất Thành, góp phần hình thành nên những tính cách đáng quý khi còn ở tuổi niên thiếu.

Có lần Nguyễn Tất Thành làm chung cùng các bạn trong làng một cái diều sáo. Làm xong đem thả, diều không lên. Sửa mấy cũng không được, các bạn nản chí bàn phá đi làm lại cái khác. Nguyễn Tất Thành không nghe theo các bạn và tiếp tục sửa chữa. Đến khi diều tung gió bay cao, các bạn hỏi về cách sửa chữa, Nguyễn Tất Thành chỉ vẽ cho các bạn và bảo: "Cứ kiên trì chịu khó là được".

Một lần khác, cùng các bạn câu cá ở ao gần nhà bà ngoại ở làng Chùa. Khi một bạn giật mạnh cần câu, lưỡi câu sắc nhọn, mắc vào tai Nguyễn Tất Thành, máu ra nhiều các bạn rất lo sợ. Nhưng Nguyễn Tất Thành nén chịu đau, bình tĩnh rút lưỡi câu ra, nhờ các bạn lấy "lá niệt" rửa sạch, đặt vào chỗ vết thương để cầm máu, và dặn các bạn đừng nói cho bà ngoại biết kẻo bà lo. Vết thương này sau thành sẹo, để dấu ấn ở tai Nguyễn Tất Thành.

Đầu năm 1903, Nguyễn Tất Thành theo cha đến xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và tiếp tục học chữ Hán. Thời gian này, ông Nguyễn Sinh Sắc dạy chữ Hán tại nhà ông Nguyễn Thế Vân. Trong thời gian theo cha đến học ở Võ Liệt, Nguyễn Tất Thành lại có dịp nghe chuyện thời cuộc của các sĩ phu đến đàm đạo với cha mình.

? Sau khi bà ngoại mất, Nguyễn Tất Thành theo cha đi khắp nơi dạy học và có ghé qua quê hương của cụ Phan Đình Phùng. Bạn biết gì về sự kiện này?

Sau khi cụ Kép mất, ông Sắc để tang nhạc mẫu theo nghi thức của con trai đối với cha mẹ đẻ. Sau kỳ đại tang ấy, ông lại sang huyện Đức Thọ (tỉnh Hà Tĩnh) dạy học thay một người bạn thân đang có việc phải đi vắng. Ông đưa Tất Thành cùng đi để kèm cặp. Thời gian ở Đức Thọ, ông Nguyễn Sinh Sắc dạy học tại nhà ông Nguyễn Bá Úy, ở thôn Hạ, xã Chính Trung, tổng Du Đồng, phủ Đức Thọ (nay là xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ). Trong thời gian dạy học, ông Nguyễn Sinh Sắc đã tổ chức những buổi bình văn thơ, có lúc kéo dài đến tận khuya. Nguyễn Tất Thành thường chăm chú lắng nghe các buổi bình thơ đó. Ngoài thời gian học tập, Nguyễn Tất Thành thường theo cha đến các vùng trong tỉnh như làng Đông Thái, quê hương của Phan Đình Phùng, làng Trung Lễ, quê hương của Lê Ninh, thăm các di tích thành Lục Niên, miếu thờ La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp v.v...

Theo cha đi khắp đó đây, tầm mắt Tất Thành được mở rộng, "đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Anh thấy đâu đâu cảnh nghèo đói cũng phơi bày ra trước mắt. Nhan nhản người ăn xin ở khắp mọi nơi. Hầu như làng quê nào cũng chỉ nổi lên vài ba ngôi nhà đồ sộ bên cạnh hàng trăm túp lều xơ xác, tiêu điều. Mùa đông giá lạnh càng nhiều cảnh thê thảm hơn. Không đủ manh áo

che thân, nhiều người phải quấn tơi, chiếu hoặc bao tải rách. Bọn đế quốc và địa chủ phong kiến đang hút tủy xương dân chúng bằng hàng trăm thứ thuế nặng nề và phu đài tạp dịch.

Tại Đức Thọ, Nguyễn Tất Thành được tận mắt thấy cảnh sống xa hoa, đài các của bầu đoàn thê tử Hoàng Cao Khải, một tên gian hùng, nhờ bợ đỡ Tây mà được thăng đến tước quận công, tức là phó vương. Y đang xây dựng dinh thự đồ sộ ở làng Đông Thái, bên cạnh những vùng bị triệt hạ tan hoang trong cuộc đàn áp khởi nghĩa Hương Khê.

Đông Thái (nay thuộc xã Đức Phong, huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh) ở cạnh sông La và cũng là đất văn vật, "Trai Đông Thái, gái Yên Hồ", quê hương của cụ Phan Đình Phùng bất tử. Cùng sinh ra trong một làng với cụ Phan Đình Phùng, nhưng đi ngược lại lợi ích của nhân dân, Hoàng Cao Khải đã từng trổ tài khuyển mã, định lấy tình đồng hương để dụ dỗ cụ Phan, nhưng cụ đã từ chối.

Tất Thành được thân phụ gửi về Xóm Đá, làng Du Đồng. Trên đường về Du Đồng, cảnh "sơn thủy hữu tình" ở bến Tam Sa thật là tuyệt đẹp! Mới về Xóm Đá được vài hôm, anh đã rủ các bạn đi bộ theo đoàn người làm sơn tràng lên vùng tiếp giáp núi Ngàn Trươi. Thấy một dãy núi thấp có tên là Rú Giao, anh đã hỏi ra lai lịch rồi kể lại cho bạn bè nghe: xưa kia núi ấy có tên là núi Tràm. Thời Lê Lợi chống giặc Minh, núi Tràm là

nơi giao nhận lương thực, khí giới của nghĩa quân để chuyển sang thành Lục Niên. Từ đó, người ta chỉ gọi là Rú Giao.

Theo bước bộ hành của thân phụ qua nhiều địa phương, tầm nhìn của Nguyễn Tất Thành được mở rộng và nâng lên một trình độ mới. Cảnh đói khổ của dân nghèo tương phản với cảnh xa hoa đài các của quan lại, địa chủ, thương nhân, thực dân; cảnh tan hoang, chết chóc của những vùng bị giặc khủng bố, cùng những biến chuyển ở thị xã Vinh giúp anh rút ra những kết luận bổ ích đầu tiên về xã hội.

? Trong một lần đến xem dinh của Hoàng Cao Khải vừa xây xong ở Đức Thọ - Hà Tĩnh, Nguyễn Sinh Cung đã làm một bài thơ rất có khẩu khí, để Hoàng Cao Khải phải thốt lên "hổ phụ sinh hổ tử". Hãy nói về sự kiện này?

Một ngày, đám trẻ làng Đông Thái nô nức đến xem dinh thự của Hoàng Cao Khải, phụ chánh đại thần, tước quận công, vừa xây xong.

Giữa làng quê rợp bóng tre cao vút lên những tòa nhà to lớn, bốn phía tường cao bao bọc. Qua cổng vào là một dãy tường hoa. Trước sân, một bể cạn lớn, cây si già, hòn non bộ. Ba ông Lã Vọng ngồi thu lu trên các bậc đá.

Tuy là từ nơi khác mới đến, Sinh Cung vẫn đi hàng đầu đám trẻ tới dinh quận công họ Hoàng. Từ ngoài

hàng cây đầu làng cột vô số ngựa của các quan ở xa về dự lễ khánh thành dinh cụ quận. Những chiếc xe kéo gọng đồng vàng chóe, những chiếc cáng điều, cáng vóc... để san sát trong vườn cây. Trong sân gạch, các quan khách đang ngồi trên những bộ ghế tràng kỷ, ghế bành tượng bằng gụ khảm xà cừ, lót nệm gấm, vóc điều...

Các quan khách đang hướng về hòn non bộ. Theo ý muốn của Hoàng Cao Khải, mỗi vị khách tặng cho một bài thơ tứ tuyệt mà hòn non bộ là đề tài.

Trong lúc các quan đang say sưa bình thơ, uống rượu vui vẻ, đám trẻ làng Đông Thái đứng ngoài tường hoa xô nhau nhốn nháo ngấp ngó vào sân. Cung vẫy tay về phía sau: "Im nghe bình thơ kìa!"

Có tiếng đáp lại: "Thơ của các quan nỏ hay, nỏ thích".

Mấy tên lính hầu rượu nghe giật mình. Các quan đều nghiêm mặt nhìn ra đám trẻ. Một tên lính toan chạy ra đuổi đánh đám trẻ, nhưng quan Hoàng Cao Khải vẻ cao đạo, rộng lượng nói: "Nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò. Chấp chi câu nói của đức học trò đồng ấu ấy".

Hoàng Cao Khải chống can đi ra, đám trẻ từ ngoài xa đã ùa chạy. Hoàng Cao Khải dụ bọn trẻ "đứa nào lúc nãy chê thơ các quan nếu làm được thơ hay ông sẽ thưởng nhiều thứ đẹp lắm".

Đám trẻ làng Đông Thái vẻ sợ sệt đã lần lần theo Cung, đứng xúm xít trước lối vào sân nhìn Cung, vẻ cầu cứu. Cung nhìn các bạn rồi quay sang nói với Hoàng Cao Khải "Ông ơi, ông phải hứa không đánh cháu nếu thơ cháu không vừa ý của ông". Hoàng Cao Khải trả lời: "Ồ! Đời nào ông lại nỡ đánh mắng cháu, dù cho cháu có làm điều chi dại dột".

Cung đọc chậm rãi, mắt đăm chiêu nhìn Hoàng Cao Khải:

Kìa ba ông lão bé con con
Biết có tình gì với nước non

Hoàng Cao Khải gật gật đầu đắc ý. Đám quan khách cũng nhìn cả về phía Cung, lắng nghe, vẻ khâm phục. Cung đọc tiếp:

Trương mắt làm chi ngồi mãi đó
Hỏi xem non nước mất hay còn

Hoàng Cao Khải căng tròn cả hai mắt nhìn Cung "Thằng bé ni con ai? Con nhà ai thế?" – "Con quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc bên Nghệ An ạ" – một em nhỏ đáp.

Hoàng Cao Khải cầm cái can không vững, đi trở vào, y nói lầm bầm: "Hổ phụ sinh hổ tử...".

? **"Xuân Lâm cho chí Đại Đồng**
Giao cho hai tổng làm cùng tháng ni.
Tháng sau mãn hạn ra về,
Bắt phu Lâm Thịnh, chí kỳ đổi cho.

Lương tiền quan phát không lo
Mười ngày một bận phát cho năm hào"
Khổ thơ trên đã gắn với những kỷ niệm nào của Bác Hồ?

Trong thời gian 1904-1905, Nguyễn Tất Thành được cùng cha đi "ngao du sơn thủy", nhưng thực tế không phải là để ngắm cảnh sơn nước hữu tình mà anh được chứng kiến những cảnh đời đen tối của nhân dân ta. Kẻ giàu thì thật giàu, phô trương thanh thế. Người nghèo thì lầm than, khổ cực. Kẻ thì nhung lụa xa hoa, người ăn xin vẫn nhan nhản khắp nơi. Cả một vùng làng quê hàng trăm túp lều tiêu điều, xơ xác, chỉ có vài ba ngôi nhà đồ sộ thì choáng ngợp với dinh thự, thành quách. Dân ta thì đói rách, nhiều người phải quấn tơi, chiếu hoặc bao tải rách; bọn nhà giàu thì nhung lụa, nhiễu điều...

Không chỉ có bọn địa chủ, phong kiến, dân ta còn phải chịu thêm cái ách của bọn thực dân. Từ người lớn đến trẻ con, ai ai cũng sợ "ông Tây". Anh Thành cảm thấy nỗi nhục mất nước hằn rõ trên mặt mỗi người Việt Nam.

Thời gian này, điều làm Nguyễn Tất Thành xúc động nhất là cảnh thực dân Pháp và Nam triều bắt phu đi làm con đường Phủ Diễn – Cửa Rào – Trấn Ninh (Lào). Tuyến đường này đã khởi công từ lâu, nhưng càng lên phía tây, địa hình càng hiểm trở nên vẫn chưa làm xong. Năm 1904, Toàn quyền Đông Đương giao cho công sứ Nghệ An phải hoàn thành gấp rút đoạn đường Cửa Rào – Trấn Ninh. Bọn tổng lý các làng xã hễ có trát

từ trên bổ xuống là chúng cuống cuồng dóng trống mõ bắt cho đủ số phu, chồng trốn thì bắt vợ đi thay, mặc dân chúng kêu la, khóc lóc thảm thiết. Và cảnh đó cũng diễn ra ngay tại làng xã anh:

"Xuân Lâm cho chí Đại Đồng
Giao cho hai tổng làm cùng tháng ni.
Tháng sau mãn hạn ra về,
Bắt phu Lâm Thịnh, chí kỳ đổi cho.
Lương tiền quan phát không lo
Mười ngày một bận phát cho năm hào"[1]

Đã thế *"...Dân phu phải đi bộ hàng trăm cây số mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh, không có tổ chức y tế... Bệnh hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp..."*[2].

Trước cảnh thương tâm đó, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã bán một số ruộng học điền để lấy tiền giúp mấy gia đình trong làng có người bị bắt phu đi Cửa Rào.

? Trong thời gian ở làng Sen (1904), những cảnh bi thảm diễn ra liên quan đến việc xây dựng con đường Cửa Rào gây xúc động mạnh nhất, sâu sắc nhất không sao xóa mờ được trong tâm hồn của Nguyễn Tất Thành. Bạn biết gì về sự kiện này?

Dân làng Kim Liên sống cực kỳ đói khổ. Ruộng đất cày cấy không đủ, bình quân mỗi người là ba sào. Hầu

1 Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930), Nxb.Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 734.
2 Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 81.

hết ruộng đất tập trung trong tay một số gia đình giàu có. Những cố nông – tá điền chiếm số đông dân cư ở đây. Suốt đời họ đói rách. Do đó, nhân dân vùng lân cận thường gọi làng Sen với cái tên không thi vị là làng "Khố rách áo ôm". Nguyễn Tất Thành là một cậu bé rất mẫn cảm. Nỗi khổ đau, bất hạnh của người khác làm cậu nhức nhối, đau khổ hơn cả nỗi khổ đau, bất hạnh của chính mình. Có lẽ những cảnh bi thảm diễn ra liên quan đến việc xây dựng con đường Cửa Rào (đi Trấn Ninh) gây xúc động mạnh nhất, sâu sắc nhất không sao xóa mờ được trong tâm hồn cậu bé Thành.

Cửa Rào là một hẻm núi ở vùng thượng nguồn sông Lam thuộc biên giới Lào – Việt. Đây là một vùng rừng rậm dây leo chằng chịt, ít dấu chân người. Con đường nối đất nước Lào và các khu vực miền tây Nghệ An với vịnh Bắc Bộ chạy qua vùng rừng núi ấy. Bọn thực dân dùng chế độ lao dịch đối với dân xứ Nghệ để xây dựng con đường này. Nam giới từ 18 đến 50 tuổi đều bị xua ra công trường. Điều kiện sống và làm việc ở đây vô cùng khắc nghiệt: rừng rậm ẩm ướt, bùn lầy, thú dữ, rắn rết, ruồi muỗi và bầu không khí ngột ngạt, oi nồng. Dân phu ăn không đủ no, rách rưới, làm việc cực nhọc dưới roi vọt, đêm về ngủ ngay trên đất ngoài rừng. Nhiều người dân làng Sen và những làng lân cận bị bắt đi làm đường đã bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc ấy. Những người khác còn sống sót về làng thì bệnh tật đầy mình.

Trong ký ức của Nguyễn Tất Thành dễ xúc cảm những ngày người làng Sen đi công trường Cửa Rào chẳng khác gì những ngày làng có đám tang. Mọi người tiễn đưa những dân phu bất hạnh đến tận cổng làng. Với bạn bè cùng tuổi, cậu bé Nguyễn Tất Thành đứng bên đường nhìn theo đường người rách rưới, gầy guộc lê từng bước trong tiếng hát tiễn biệt u buồn. Một trong những bài hát ấy đã khắc sâu vào tâm hồn cậu bé Thành:

Núi Hồng Sơn còn thắm
Bể Đại Hải thường đầy
Vua An Nam đã theo Tây
Cho dân mình thậm khổ.

Để thoát cảnh lao động khổ sai, ngày càng nhiều người bỏ trốn vào các khu rừng bên cạnh. Đêm đêm, họ bị lính đồn lùng sục dữ dội.

Gia đình cụ Nguyễn Sinh Sắc không bị bắt đi lao dịch, bởi lẽ gia đình cụ là gia đình khoa cử. Nhưng quan Phó bảng không thể thờ ơ trước những đau khổ đang ngày càng chồng chất lên đầu dân làng mà nhiều con cái họ là học trò của cụ. Để giúp những người dân trong làng, cụ Phó bảng quyết định bán phần đất dân làng đã dành cho cụ để lấy tiền giúp những gia đình ấy.

Tấn bi kịch "con đường Cửa Rào" gây ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn dễ xúc cảm của Tất Thành, làm cho cậu suy nghĩ mãi về cảnh đời, cuộc sống cùng cực xung quanh. Nỗi khổ đau của dân làng đã giúp cậu nhìn thấy

rõ những điều bất hạnh và những ngang trái, bất công khác đang ngự trị trên đất nước Việt Nam thuộc địa mà trước đây Thành chưa nhận thấy. Ham hiểu biết, ưa suy nghĩ phát triển sớm so với lứa tuổi, cậu cố tìm trong sách vở câu trả lời cho những câu hỏi của mình.

? Có lần Nguyễn Sinh Cung đã "chiết tự": "Rút ruột vua (bỏ nét sổ), tam dân bình đẳng. Chém đầu Tây (bỏ nét đầu), tứ chủng giai huynh". Hãy cho biết về sự kiện này?

Năm 1904, bà Nguyễn Thị Kép mất. Sau khi chôn cất bà ngoại xong, Nguyễn Sinh Cung được cha dẫn đi thăm các bạn thân trước ngày ông phải vào kinh đô nhậm chức. Cũng dịp này, Phan Bội Châu đã lập Duy Tân hội (tháng 5-1904). Trong một thời gian ngắn, ảnh hưởng của Duy Tân hội đã phát triển rất rộng lớn trong nước. Hầu hết các nhà danh nho, các nhà hằng tâm hằng sản có tinh thần yêu nước đều tham gia vào Hội, hoặc ủng hộ Hội tiền của để hoạt động.

Quan Phó bảng Sắc là bạn chí thân của Phan Bội Châu, nhưng ông không tham gia Duy Tân hội. Ông không tỏ thái độ tán thành mà cũng chẳng phản đối con đường của Phan Bội Châu. Ông thường trao đổi với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý về những nỗi đau mất nước. Ông quan niệm: Cơ trời vận nước dâu bể, một chí càn khôn khó chuyển vần. Sự nghiệp "thượng y y quốc", lớp người hiện thời như ông chưa thực hiện

được mà phải thế hệ sau con cháu mới có thể gánh vác được công việc lớn lao ấy. Cho nên, ông chỉ có thể làm phần việc "trung y y dân".

Cung thường được nghe cha đàm đạo những quan niệm ấy với Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý. Cung còn làm công việc liên lạc giữa Phan Bội Châu với những người bạn đồng tâm đồng chí của ông và cha mình. Có lần Cung nghe cha hỏi ông Phan về mục đích của Duy Tân hội. Cụ Phan trả lời: quét sạch bọn Tây dương ra khỏi bờ cõi, và "*chúng ta nhờ nước Nhật tân tiến giúp đỡ*". Ông Sắc cho rằng "Vọng ngoại tất vong" (trông nhờ vào nước ngoài ắt sẽ thất bại). Nhưng Phan Bội Châu đã khảng khái nói: Dù mục đích của bước đường tranh đấu không thành đạt, thì ta cũng phải dấn thân... *Sinh vi nam tử yếu hy kỳ, khẳng hứa càn khôn tự chuyển di... Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế, hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si*... (Đã sinh ra tiếng làm trai thì phải khác đời, chẳng lẽ cứ để mặc trời đất xoay vần tới đâu thì tới. Non sông mất rồi, sống thêm nhục, sách thánh hiền tẻ ngắt, càng đọc càng mụ đầu óc).

Nghe được những điều bàn luận của các nhà nho yêu nước, Cung luôn trăn trở suy nghĩ về điều đó. Nhân lúc trên đường cùng cha đi tiễn Phan Bội Châu, Cung đã "chiết tự" về mục đích của hội Duy Tân. Cung viết lên bàn tay chữ "Vương" biến ra chữ "Tam", chữ "Tây" biến ra chữ "Tứ"; nghĩa là "*Rút ruột vua (bỏ nét*

sổ), tam dân bình đẳng. Chém đầu Tây (bỏ nét đầu), tứ chủng giai huynh." (Tam dân: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc; ý nói: đánh đổ chế độ vua chúa, mọi người bình đẳng. Tứ chủng: theo quan niệm ngày xưa có bốn màu da: vàng, trắng, đen, đỏ – tất cả đều là anh em; ý nói: đánh đuổi giặc Tây (Pháp), mọi người đều là anh em).

Ngay từ tuổi thơ, Nguyễn Sinh Cung đã sớm thể hiện chí khí "yêu nước, thương dân" của mình. Theo cậu: mưu phương, tầm kế cứu nước là vô cùng trọng đại. Đó là công việc của những người tai mắt, của các đấng trượng phu, của người lớn tuổi. Thế nhưng "*Ai quốc bất phân nhân, vị bản, anh hùng vô luận thiếu niên do*" (Tạm dịch: Lòng yêu nước không phân biệt đó là ai; đã có chí anh hùng thì chẳng phải tính đến tuổi nhỏ làm gì).

Bởi vì, truyền thống của lịch sử nước nhà, cậu bé làng Phù Đổng mới 3 tuổi đã đứng ra gánh vác việc đánh giặc Ân cứu nước; Trần Quốc Toản đang tuổi thiếu niên, trộm nghe các bậc cha chú họp đại triều bàn việc chống giặc Nguyên, Trần Quốc Toản đã tự mình tập hợp một đạo quân hợp lực với chư tướng, chư quân dưới cờ Sát Thát của Hưng Đạo Vương. Như vậy, Nguyễn Sinh Cung có cùng suy nghĩ với cha về sự nghiệp cứu nước cứu dân của ông giải San.

? Trong khi cụ Phan Bội Châu nhất quyết không dùng chữ quốc ngữ và chữ Pháp thì cụ Nguyễn Sinh Sắc lại quyết định cho hai

anh em Tất Đạt, Tất Thành xuống thị xã học chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Tại sao ông lại có tư tưởng tiến bộ ấy?

Nền nho học của nước ta đã xuống dốc từ khi thực dân Pháp chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ (1867). Sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương năm 1897, Paul Doumer đã ký lệnh thành lập (từ năm 1905) trong phạm vi cả nước, một loạt trường tiểu học gọi là trường Pháp – bản xứ, đặt ở các thành phố và các tỉnh lớn để dạy tiếng Pháp kèm thêm quốc ngữ và chữ Hán. Năm 1905, *Nha học chính Đông Dương* được thành lập và *Hội đồng cải cách giáo dục* ra đời. Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho phép các tỉnh Trung Kỳ được mở trường Pháp – Việt. Những trường đó dần dần thu hút thanh niên, giành giật các nho sinh của các thầy đồ ở hương thôn. Các thầy nho phải than thở:

"Nào có ra gì cái chữ Nho,
Ông nghè, ông cống cũng nằm co" (Tú Xương)

Tất cả mọi người đều đã công nhận chữ Nho là đã lạc hậu so với thời đại.. Nhưng phần đông các nhà nho lại ghét chữ quốc ngữ và chữ Pháp, cho đó là chữ của "giặc Pháp", và tất nhiên chí sĩ Phan Bội Châu lại càng ghét những gì thuộc về "giặc Pháp".

Ở Nam Đàn bấy giờ, số người theo tân học, chữ Pháp còn hiếm lắm. Trong số các bậc khoa bảng có qua lại với thân phụ mình, Nguyễn Tất Thành chỉ thấy vài người cổ xúy cho việc học tiếng Pháp. Họ cho rằng: có

hiểu được giặc mới hòng thắng giặc. Thời Lê Lợi nếu cụ Nguyễn Trãi không giỏi Hán tự thì sao mà đối đáp được với bọn Phương Chính, Vương Thông... ở thành Nghệ An, Đông Quan... và thắng chúng bằng ngọn bút? Vậy thời nay, muốn đánh Tây ắt phải học chữ Tây.

Ông Nguyễn Quý Song, đã đỗ ông nghè còn học tiếng Pháp. Cụ Phan Bội Châu thì nhất định không chịu "thâu nhận" tiếng Pháp. Thơ văn yêu nước của ông làm bằng chữ Nôm và chữ Hán chứ tuyệt không có lấy một chữ Pháp hoặc chữ quốc ngữ nào. Thời ấy, việc nên học thứ chữ nào là vấn đề bàn luận sôi nổi không kém vấn đề nên dựa vào nước nào để đánh Tây.

Vốn ghét lối học "trên cành trên lá", ông Phó bảng Sắc thấy được lợi ích thiết thực và sự hợp thời của việc học chữ quốc ngữ. Theo ông: Ông cha ta chống giặc Tàu từ đời này qua đời khác – chống giặc Tàu chứ không chống dân chúng Tàu. Ông cha ta lại sùng bái chữ Hán, học chữ Hán – học cái chữ chứ không học tiếng nói. Ta dùng chữ người Hán để viết nhưng vẫn nói tiếng của ta, và ta viết chữ Hán theo lối sắp xếp của tiếng Việt ta. Vậy nên, ngày nay ta cũng nên học cái chữ người Tây, chữ mới. Chúng ta học chữ Tây là học cái tinh hoa của Pháp quốc, nhưng quyết không chịu để lũ quỷ trắng đè đầu cưỡi cổ dân mình.

Sau khi cân nhắc điều hơn lẽ thiệt, ông mạnh dạn cho cả Tất Đạt và Tất Thành xuống thị xã Vinh học trường

tiểu học. Tay quen cầm bút lông và viết chữ Hán, lần đầu tiên tập viết bút sắt, Tất Thành thấy rất ngượng tay. Thế nhưng, với tư chất thông minh, lại chịu khó, hai anh em Tất Thành, Tất Đạt tiếp thu bài rất nhanh, nhanh chóng "ngấm" thứ tiếng này.

Chính ở lớp học này, Tất Thành bắt đầu tiếp xúc với mấy chữ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" treo trên tường lớp. Anh bắt đầu suy nghĩ về ý nghĩa của những từ hấp dẫn ấy. Về sau, Bác Hồ đã có dịp nhắc lại kỷ niệm này: "Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp: "Tự do, Bình đẳng, Bác ái"... thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy". Đồng thời, bên cạnh đó Trường vẫn còn giờ chữ Hán. Anh em Tất Thành có lợi thế về môn này. Khi học từ vựng Pháp, Tất Thành thường chú thích thêm chữ Hán bên cạnh để dễ nhớ nghĩa từ.

Được xuống Vinh học, Tất Thành lại sớm có điều kiện tiếp xúc và hiểu biết hơn về cái xã hội tỉnh lỵ.

? Vào trạc tuổi 13, Nguyễn Tất Thành đã tiếp xúc với những chữ "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" như thế nào?

Sau khi hoàn tất việc xâm chiếm nước ta, thực dân Pháp đã cho xây dựng một loạt trường tiểu học gọi là trường Pháp – bản xứ tại các tỉnh lớn để dạy tiếng Pháp, chữ quốc ngữ và tiếng Hán nhằm đào tạo nhân viên cho hệ thống chính quyền của Pháp tại thuộc địa. Năm 1905, Nha học chính Đông Dương được thành lập,

Hội đồng cải cách giáo dục cũng ra đời. Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho phép các tỉnh Trung Kỳ mở trường Pháp - Việt. Các trường Tây học này đã có một sức thu hút mạnh mẽ với giới thanh niên. Đây là thời kỳ đấu tranh giữa Nho học và Tây học ngay trong bộ phận các sĩ phu. Chữ Nho được xem là đã lạc hậu rồi nhưng phần đông các nhà nho lại ghét chữ Pháp và chữ quốc ngữ vì cho đây là thứ chữ của giặc Pháp. Số sĩ phu theo Tây học rất ít. Họ cho rằng để đánh thắng giặc phải hiểu được giặc.

Trong lịch sử, Nguyễn Trãi là một ví dụ sinh động về việc hiểu giặc để đánh giặc. Nhờ tinh thông chữ Hán mà Nguyễn Trãi đã đánh thắng các tướng giặc Phương Chính, Vương Thông bằng ngòi bút, không cần đến đao kiếm. Ngày nay có ông Nguyễn Quý Song là một nhà nho đã đỗ ông Nghè song vẫn học tiếng Pháp. Tiêu biểu cho số sĩ phu chống lại Tây học là Phan Bội Châu. Thơ văn yêu nước của ông chỉ làm bằng chữ Nôm và chữ Hán chứ không dùng chữ quốc ngữ hay chữ Hán. Vì vậy, việc nên theo học thứ chữ nào là vấn đề được bàn luận rất sôi nổi trong cả giới nho sĩ lẫn thanh niên.

Những nho sĩ có xu hướng tiến bộ cổ động cho Tây học là bạn của ông Phó bảng Sinh Sắc tuy chỉ một số ít song đã có tác động đến Tất Thành. Cân nhắc lợi ích và sự cần thiết của việc học chữ quốc ngữ, ông đã cho hai con trai là Tất Đạt và Tất Thành xuống thị xã Vinh theo

học trường Tiểu học do người Pháp lập ra. Trường cách Kim Liên 14km. Hai anh em trọ ở một gia đình nghèo mạn Cầu Rầm (Vinh) và chiều thứ bảy thường đi bộ về thăm nhà, sáng thứ hai lại xuống Vinh.

Chính tại đây, Nguyễn Tất Thành đã lần đầu được tiếp cận với những chữ "***Tự do - Bình đẳng - Bác ái***" treo trên tường ở lớp học. Kỷ niệm ấy được Bác nhắc lại: "*Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp: Tự do – Bình đẳng – Bác ái... thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy*". Học lịch sử nước Pháp, nhất là lịch sử Cách mạng Tư sản Pháp (1789) thường nghe nhắc đến 3 từ này, Nguyễn Tất Thành càng muốn đi sâu tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của nó. Càng học, Nguyễn Tất Thành càng hiểu nước Pháp có một nền văn minh thực sự. Từ đó, anh say mê học lịch sử thế giới và tìm hiểu kỹ về cuộc Cách mạng Tư sản Pháp 1789, bỏ công tìm đọc những tác phẩm của các nhà triết học Pháp ở thế kỷ Ánh sáng.

Tiếp cận tri thức mới, hiểu biết của Nguyễn Tất Thành thêm dồi dào phong phú. Tuy nhiên, không phải vấn đề nào anh cũng hiểu hết. Gặp phải những vấn đề khó hiểu, anh phải mượn các loại sách chữ Hán, chữ quốc ngữ và chữ Pháp để đối chiếu nhằm tìm hiểu những luận điểm cơ bản của các nhà triết học Khai sáng của Pháp. Đối chiếu với tình cảnh của nhân dân ta tại Huế lúc này khiến cho câu hỏi: thực chất của khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" là gì luôn xoáy trong tâm trí Người.

Phải chăng những kẻ mệnh danh là người đi "khai hóa văn minh" đang làm những điều trái ngược với tư tưởng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" đó ở trên toàn cõi Việt Nam? Những suy nghĩ, trăn trở này đã góp phần thôi thúc anh dấn thân vào con đường gian khổ với mong ước tìm con đường giải phóng cho dân tộc.

? Trong ngày giỗ mẹ năm 1906, Nguyễn Tất Thành và cụ Đặng Thái Thân đã bàn về chuyện nước. Câu chuyện đó diễn ra như thế nào?

Nam Đàn - quê hương sinh ra Bác Hồ kính yêu là một vùng nông thôn nghèo khó nhưng nổi tiếng là đất học, cuối thế kỷ XIX đã có "tứ hổ": "Uyên bác bất như San - Thông minh bất như Sắc - Tài hoa bất như Quý - Cường ký bất như Lương". Ngoài các cụ San - Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý... làng Kim Liên của cụ Nguyễn Sinh Sắc - cha Bác Hồ còn có ông Nguyễn Đậu Tài được mệnh danh "thần đồng", nên dân làng Chung Cự hôm nay còn truyền nhau câu ca: "Sắc - Tài ai kém ai đâu - Nổi danh tài sắc một thời..." để nói về sự học giỏi giữa cụ Sắc với cụ Tài. Và người thầy học đầu tiên của Nguyễn Sinh Cung - tên Bác Hồ hồi nhỏ, chính là thân sinh của Người và các thầy trong vùng nổi tiếng về học vấn và đạo đức như Vương Thúc Quý, Vương Thúc Độ... ở làng, chưa nói ảnh hưởng tinh thần yêu nước của cả thế hệ trí thức lớn vừa là bạn đồng liêu, đồng môn... đồng chí hướng của người cha như Phan

Bội Châu, Đặng Thái Thân, Đặng Nguyên Cẩn... Trong đó, cụ Đặng Thái Thân vốn có mối quan hệ mật thiết với cụ Nguyễn Sinh Sắc. Trong những lần đến nhà chơi, cụ Đặng Thái Thân đã để lại những dấu ấn không nhỏ cho Nguyễn Tất Thành.

Cụ Đặng Thái Thân, hiệu Ngư Hải, sinh năm Giáp Tuất 1874 tại làng Hải Côn, tỉnh Nghệ An. Ông đỗ đầu xứ nên gọi là đầu xứ Đặng. Năm 1904, ông cùng với Phan Bội Châu và một số nhà yêu nước khác lập ra hội Duy Tân, xướng xuất phong trào Đông Du. Ông là cánh tay đắc lực của Phan Bội Châu, lo công việc của hội Duy Tân từ Huế ra như bố trí cho người xuất dương. Năm 1908, bị Pháp truy bắt, ông tạm lánh vào núi. Một đêm ông lẻn về làng Phan Thôn (nay là xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc). Có kẻ đi báo. Ông bị giặc Pháp bao vây, liệu không thoát, ông đã tự sát để khỏi rơi vào tay giặc.

Vào dịp tết năm 1906, cụ Ngư hải Đặng Thái Thân ghé nhà Nguyễn Tất Thành ở Huế chơi. Tại đây, cụ Thân đã tâm sự mọi sự tình và thổ lộ những suy nghĩ về vận nước với cụ Nguyễn Sinh Sắc là bạn tri kỷ và Nguyễn Tất Thành là người cháu thân yêu. Câu chuyện diễn ra rất sôi nổi.

Nguyễn Tất Thành lúc đó mới 16 tuổi đã hỏi cụ về Kỳ ngoại hầu Cường Để là người thế nào? Ông ta có chí phục thù không?... Cụ Đặng Thái Thân cẩn trọng trả lời Thành: Hội Duy Tân tôn ông ta làm minh chủ cốt để có thể tranh thủ cả những thành phần tích cực trong hoàng tộc và cả các bậc quan lại, phú hào trong nước...

Qua cuộc nói chuyện với cụ Đặng Thái Thân, Nguyễn Tất Thành đã hiểu thêm được nhiều điều. Lúc này Nguyễn Tất Thành đang học ở Huế đã biết những chuyện như: vua Thành Thái bị phế, vua Duy Tân thì bé bỏng nên Tòa Khâm sứ bắt nạt triều đình. Nghe các bạn của cha nói chuyện, nhìn cảnh làng nước cực khổ, đồng bào bị áp bức, Nguyễn Tất Thành đã nảy ý nghĩ khác: muốn ra đi tìm đường cứu nước...

? Nguyễn Tất Thành cùng anh trai Nguyễn Tất Đạt vào học trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba vào thời gian nào?

Tháng 5-1906, sau nhiều lần trì hoãn, ông Nguyễn Sinh Sắc buộc phải đến Bộ Lại nhậm chức. Ông được Bộ Lại bổ làm Kiểm thảo viện hàn lâm. Để lại con gái ở quê nhà, ông Sắc cùng hai con trai đi vào Huế. Thời gian đầu ông Sắc phải đưa hai con đến ở nhờ nhà người bạn cùng quê là Phạm Khắc Doãn. Sau đó ít lâu, ông được quan trên xếp chỗ ở. Các quan lại có phẩm hàm cao hơn thì được cấp nhà to và có lính hầu. Còn các "thuộc quan" thì ở trong các gian nhà làm bằng ngói âm dương. Ông Sắc được cấp gian số 11 trong dãy nhà thuộc 12 gian. Gian phòng nhỏ chỉ đủ kê một chiếc giường và một chiếc bàn. Ông Sinh Sắc đã đưa các con ra viếng mộ bà Loan. Đây là lần thứ hai Nguyễn Tất Thành đến Huế.

Sau khi ổn định cuộc sống, ông xin cho các con vào học tại trường tiểu học Pháp – Việt Đông Ba. Đây là

trường tiểu học Pháp – Việt của tỉnh Thừa Thiên nằm trên nền chợ Đông Ba cũ. Chợ đã được dời ra ngoài bãi từ năm 1899, đình chợ cũ được tu bổ để làm trường học. Trường có 4 phòng học và 1 văn phòng. Trước khi đến Huế, ông Sắc đã cho phép hai con hớt cái búi tóc trên đầu.

Tháng 9-1906, Nguyễn Tất Thành vào học lớp dự bị (cours préparatoire) tại Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên.

Trường dạy cả chữ Hán, chữ quốc ngữ và tiếng Pháp. Học sinh được dùng cả bút lông và bút sắt. Vốn đã được học trường tiểu học ở Vinh nên việc dùng loại bút sắt không còn làm cho Tất Thành ngỡ ngàng như trước. Càng học lên cao, giờ học chữ Hán càng ít đi, chủ yếu dùng tiếng Pháp và chỉ dùng tiếng Pháp trong giao tiếp.

Được cha dạy từ nhỏ nên hai anh em Tất Đạt và Tất Thành giỏi tiếng Hán, tuy nhiên tiếng Pháp thì không thể bằng bè bạn. Vì thế, ngoài giờ học chính, Tất Thành còn đến nhà thầy giáo để học thêm tiếng Pháp. Tuy vậy, nhờ có vốn chữ Hán và văn hóa dân gian nên Tất Thành dịch tiếng Pháp sang tiếng Việt khá nhuần nhuyễn, dễ dàng. Trong một giờ học, khi thầy giáo yêu cầu cả lớp dịch một câu tiếng Pháp "*O chat! O chat! O chat! Voulez – vous manger le rat, monter sur la poutre*", Tất Thành đã dịch sang tiếng Việt:

"Con mèo! Con mẻo! Con meo!
Mày muốn chén chuột thì leo lên xà"

Kỳ thi tốt nghiệp tiểu học niên khóa 1906 - 1907, Tất Thành là một trong những học sinh đạt điểm ưu tú. Tháng 9-1907, Nguyễn Tất Thành vào học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) của Trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên[1].

? Mùa thu năm 1906, Nguyễn Tất Thành đã nhận được thư của chị gái báo tin chị đã vào Hội kín. Bạn hãy cho biết nội dung lá thư đó?

Mùa thu năm 1906, tại kinh đô Huế, đồng bào các giới sôi nổi hưởng ứng Hải ngoại huyết thư của Phan Bội Châu. Nguyễn Tất Thành cũng đang xốn xang với thời cuộc, cha và anh Nguyễn Tất Đạt lại vào Bình Định thăm cụ Đào Tấn đã từ quan về quê nghỉ, bị ốm. Giữa lúc này, Thành nhận được thư của chị Thanh gửi qua Phạm Gia Cần lúc anh về thăm quê. Thư chị Nguyễn Thị Thanh viết bằng chữ quốc ngữ – "chữ mới":

Phong thư viết vội
Chị gửi hai em
Giấy trắng mực đen
Thắm tình của chị.

---

1 Về việc học tập của mình, có lần Bác nói với đồng chí thư ký của Bác rằng: Bác học chính thức trên ghế nhà trường chỉ hết lớp nhì của bậc tiểu học (theo nhật ký của đồng chí Vũ Kỳ. Bác nói vào tối ngày 27-8-1945). Đối chiếu toàn bộ quá trình, chúng tôi cho rằng Bác học lớp dự bị (préparatoire) tại Vinh vào năm 1905-1906 nhưng chưa hết năm học, vào Huế Bác học lại lớp dự bị và tiếp đó học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) tại Trường tiểu học Đông Ba vào các năm 1906-1908 (Xem Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, tập 2: 1890-1929, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2006, tr. 27).

Niềm thương như bể
Nỗi nhớ như non
Trăng khuyết trăng tròn
Lúc mưa lúc nắng.

Lòng chị nỏ vắng
Một phút hình em
Thương cha ngày đêm
Một mình một bóng
Khác chi gà trống
Nhặt thóc nuôi con
Sầu nước héo gan
Thờ vua khô dạ...

Em ơi có rõ
Chị sống một thân
Giữ nếp thanh bần
Mà không dốt nát
Chị đã học được
"Chữ mới" như em
Nghe lời giải San
Chị vô Hội kín...
Hai em đã lớn
Nhiều chữ, gần cha
Ắt là nhìn ra
Con đường cứu nước...

Đối với chị Thanh, Bác Hồ được đón nhận tình thương vô hạn; chị đã hy sinh hạnh phúc riêng để giúp gia đình vượt qua khó khăn từ khi bà Loan mất. Chính tình thương đó đã để lại dấu ấn đậm nét trong tâm hồn của Người trong suốt cuộc đời.

? Hè năm 1907, Nguyễn Tất Thành đã làm một bài phú "Săn cuốc". Xin cho biết nội dung của bài đó?

Mùa hè năm 1907 là kỳ nghỉ hè để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc trong ký ức Nguyễn Tất Thành. Hoa phượng nở đỏ rực khắp đường phố, trời nắng chang chang và trong lòng kinh đô Huế đang như là điểm xoáy của những con gió mạnh từ nhiều hướng ập tới. Thời tiết báo hiệu một thực tế xã hội lúc này đang trong tình hình phức tạp, có nhiều phong trào với nhiều hướng khác nhau, lôi cuốn các tầng lớp nhân dân tham gia. Đó là các phong trào của cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...

Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu đang cuốn hút những trái tim yêu nước từ Bắc chí Nam. Đây đang là thời kỳ "đắc ý" của nhà chí sĩ họ Phan. Thơ văn yêu nước của ông được hàng triệu người truyền miệng cho nhau. Sau tác phẩm *Lưu cầu huyết lệ tân thư* (1903), *Việt Nam vong quốc sử* (1905), *Khuyến quốc dân tu trợ du học văn* (1905), ông lại viết *Hải ngoại huyết thư* (1906), *Kính cáo toàn quốc phụ lão* (1907). Thơ văn của ông như xoáy

vào gan ruột mọi người dân, hừng hực lửa căm thù, có sức cổ vũ mãnh liệt, tinh thần đoàn kết quyết tâm cứu nước, cứu nhà. Ông kêu gọi:

Hòn máu uất chất quanh đầy ruột,
Anh em ơi xin tuốt gươm ra.
Có trời, có đất, có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm.

Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng bạo động. Ông chủ trương dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài để đánh đuổi giặc Pháp. Chủ trương ấy được tiến hành nhanh, biến thành một phong trào rầm rộ cả nước. Ông cùng Ngô Quảng (huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) lôi cuốn được nhiều tầng lớp, kể cả giáo dân tham gia phong trào kháng Pháp.

Cũng trong thời điểm này (1906-1907), một xu hướng khác nảy sinh, đó là xu hướng cải lương, đứng đầu là ông Phó bảng Phan Châu Trinh (tự Tây Hồ), đậu đồng khoa với thân phụ Nguyễn Tất Thành. Năm 1904, lúc nhiều thân sĩ có mặt ở Huế trong khoa thi Hội năm Giáp Thìn, Phan Châu Trinh công kích Nam triều. Ông phản đối chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, vì ông cho bạo động là chết, đừng trông ngoài (ngoại viện), trông ngoài là ngu (*bất bạo động, bạo động tắc tử, bất vọng ngoại, vọng ngoại giả ngu*). Phan Châu Trinh vượt biên sang Nhật tìm Phan Bội Châu để bàn bạc về chủ trương của đôi bên. Phan Bội Châu đã tự nói ra sự

trái ngược nhau về chủ trương giữa hai ông: *"Ông thì đi từ chỗ dựa vào Pháp để đánh đổ vua, tôi thì đi từ chỗ đánh đổ Pháp mà phục lại Việt, do đó mà khác nhau. Nhưng dù chính kiến ông có khác tôi, mà về ý chí thì ông rất thích tôi..."*[1].

Với chủ trương như vậy, Phan Châu Trinh đã cùng các sĩ phu tiến bộ khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên dấy lên một cuộc vận động Duy tân ở Trung Kỳ, bao gồm nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội.

Những hội buôn hàng nội hóa xuất hiện như: Quảng Nam hiệp thương công ty, Triệu Dương thương quán (Nghệ Tĩnh)... Một số trường học theo lối mới được thành lập ở Quảng Nam. Khắp nơi nhân dân lên án những hủ tục như mê tín dị đoan..., hô hào cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, dùng đồ nội hóa...

Đồng thời với hai phong trào kể trên, ở Bắc Kỳ, vào tháng 3-1907, trường Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập và nhanh chóng nhân phong trào ra nhiều tỉnh ở Bắc Kỳ, thu hút đông đảo quần chúng. Nhiều *"buổi diễn thuyết người đông như hội"*, nhiều *"kỳ bình văn khách tới như mưa"*. Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động trong khuôn khổ công khai, hợp pháp, lấy việc vận động duy tân đất nước làm mục đích. Đông Kinh Nghĩa Thục không chống đối lại chủ trương bạo động

1 Xem Phan Bội Châu niên biểu, Nxb.Văn sử địa, Hà Nội, 1957.

của Phan Bội Châu, hơn thế, còn tích cực vận động cho phong trào Đông Du.

Thời gian ấy ở Huế có rất nhiều thơ văn yêu nước cổ động duy tân đất nước của tất cả các phong trào phục vụ cho mục đích giải phóng đất nước. Nguyễn Tất Thành đã được đọc nhiều bài hấp dẫn, ứa lệ.

Nhớ lại hồi ở làng Sen, thường được bà ngoại đọc cho nghe bài "Cuốc kêu" (Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930), anh đã làm bài phú "Săn cuốc" ngụ ý giống bài "Cuốc kêu":

Nước Việt Nam có con cuốc cuốc
Cả mùa hè kêu suốt ngày đêm
Kêu nòi giống, gọi anh em,
Dựng xây quốc thái, báo đền gia hưng
Cuốc! Cuốc! Cuốc! Chạy cùng sông núi
Kêu quốc hồn và gọi quốc dân
Nhắn nhe nòi giống xa gần,
Có thương nhau hãy quây quần lấy nhau.
Cuốc! Cuốc! Cuốc! Bể dâu biến đổi,
Nghĩ thương người quốc biến, gia vong".

Nước mất nhà tan, tiếng kêu "quốc, quốc" càng như thôi thúc lòng người hãy cứu lấy đất nước giống nòi. Từ những phong trào của các sĩ phu đã nảy sinh bao nhiêu cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức, học sinh. Tất Thành hăng say bàn tán, tìm hiểu có khi quên ăn quên ngủ về những điều mới lạ đó. Tranh thủ thời gian nghỉ hè, anh đã đọc được nhiều sách quý. Ở Huế,

từ vài năm nay xuất hiện nhiều sách báo tân thư, tân văn. Những loại sách báo đó bắt nguồn từ phong trào duy tân theo xu hướng tư sản. Tiêu biểu cho xu hướng này ở Trung Hoa là Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu. Chính tân văn, tân thư đã tác động mạnh đến nhiều nhà chí sĩ yêu nước Việt Nam. Khác hẳn các sách kinh điển Nho giáo, các loại sách mới này chứa đựng nhiều kiến thức mới, bao gồm những tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những loại sách mới đó còn giới thiệu với bạn đọc về thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của những nhà khai sáng Pháp như Montesquieu, Rousseau, Voltaire...

? Tháng 9-1907, Nguyễn Tất Thành và anh trai Nguyễn Tất Đạt đã đến dự lễ đày biệt xứ vua Thành Thái. Hãy cho biết vài nét về sự kiện này.

Thời gian đầu mới vào Huế, ba cha con ông Nguyễn Sinh Sắc phải sống nhờ nhà người bạn cùng quê là Phạm Khắc Doãn. Ít lâu sau, cụ Phó bảng được triều đình cấp cho gian nhà số 11, cuối dãy "thuộc viện" (dãy nhà gồm có 12 gian), nay là số nhà 47, đường Mai Thúc Loan, thành phố Huế.

Kinh thành trong con mắt của cậu thanh niên 18 tuổi có biết bao nhiêu vẻ đẹp và cũng có nhiều điều làm anh suy nghĩ. Sống trong kinh thành nên Nguyễn Tất Thành biết rất nhiều về những hoạt động trong triều chính, về đời sống của các vị vua chúa. Tuy mới về Huế được mấy

tháng nhưng Nguyễn Tất Thành đã biết nhiều về vị vua đang ngự trị ngai vàng Thành Thái.

Thành Thái là một ông vua trẻ có nhiều tính cách đặc biệt, ham học hỏi, biết chữ Hán và cả chữ Pháp. Ông là người theo xu hướng duy tân vì thế ông đã cắt tóc ngắn, mặc âu phục, học lái ca nô, xe hơi, đọc tiếng Pháp và làm quen với văn minh phương Tây. Ông để ý cả các loại vũ khí nên đã giao cho họa sĩ Lê Văn Miến vẽ cho ông khẩu súng Pháp và đã từng nuôi dưỡng cả một đội quân mới trong thành, bao gồm cả đội nữ kị binh, ngày ngày tập tành múa đao, phi ngựa, bắn súng. Ông cũng ham văn nghệ, đánh trống tuồng khá thành thạo, có khi đóng một vài vai tuồng ở Duyệt Thị Đường.

Vua Thành Thái sớm bộc lộ tinh thần dân tộc và khinh ghét những bọn quan lại xu phụ. Khi thực dân Pháp biết vua Thành Thái đang huấn luyện một đội nữ binh đã cho những tên quan lại tay sai vào xem xét. Trước tình hình đó, nhà vua giả như bị điên, cào cấu các bà cung phi và xé nát các bản vẽ.

Lợi dụng cơ hội này, thực dân Pháp đã tìm cách phế truất ngôi vua của Thành Thái, vì chúng nhận ra đây là một ông vua bất trị. Sau đó chúng phao tin nhà vua bị điên, ép ông phải thoái vị nhường ngôi cho con vì lý do sức khoẻ. Viên Khâm sứ Pháp Lêvéccơ còn nói thẳng là đã biết ông có ý đồ chống Pháp nên không để ông ở ngôi được. Nếu nhà vua muốn tại vị thì buộc phải ký vào một tờ giấy xin lỗi, tuyên bố với quốc dân là có âm mưu chống lại nước Pháp, nay đã thành thực hối lỗi.

Nhưng Thành Thái đã ném tờ tuyên cáo thảo sẵn ấy xuống đất, cười vào mũi viên Khâm sứ và nói với các quan lại triều đình:

Muôn dân nô lệ từng đàn
Vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta
Hỡi ôi! Mất nước tan nhà
Cứu thù quốc sỉ ấy là nợ chung

Oán giận trước khí thế ngoan cố của Thành Thái, thực dân Pháp đã truất phế ngôi vua và đày ông đi biệt xứ. Ngày vua Thành Thái phải ra đi là một ngày đau buồn của cả nhân dân trong kinh thành Huế. Dân chúng "*mỗi nhà một án thư, đốt hương nghi ngút, đặt trước sân, đầu ngõ và mọi người quần áo chỉnh tề tiễn biệt đức vua*". Họ thương nhớ vua, tự hào về tinh thần dân tộc và ý chí bất khuất của ông. Vua bị buộc thoái vị vào năm 1907, khi ông mới 19 tuổi.

Ngày 12-9-1907, thực dân Pháp giải Thành Thái vào Sài Gòn rồi đưa đi đày tại đảo Réunion (châu Phi thuộc Pháp). Trong ngày này, một buổi lễ được tổ chức để đưa vua Thành Thái đi đày. Nguyễn Tất Thành và anh trai đã đến dự lễ. Sự kiện này đã có tác động khá lớn đến suy nghĩ của Nguyễn Tất Thành về vận mệnh nước nhà.

? Trong thời gian Nguyễn Tất Thành học ở Huế, đã xảy ra một sự kiện chính trị vào tháng 11-1907. Sự kiện này đã có tác động không nhỏ đến việc hình thành tư tưởng yêu nước của Người. Bạn biết gì về sự kiện này?

Từ đầu thế kỷ XX, tuy phân theo 2 khuynh hướng bạo động và bất bạo động song phong trào kháng Pháp, duy tân đất nước ngày càng mạnh mẽ, lôi cuốn mọi người theo xu hướng bạo động chống Pháp.

Ở Bắc Kỳ, tháng 3-1907 trường Đông Kinh Nghĩa thục được thành lập. Địa điểm của trường tại phố Hàng Đào, Hà Nội. Hiệu trưởng là: cử nhân Lương Văn Can, giám học: Nguyễn Quyền nguyên là huấn đạo tỉnh Lạng Sơn. Mục đích của trường là truyền bá tư tưởng mới, bài trừ hủ tục, đề cao tinh thần yêu nước, gây dựng phong trào chống thực dân Pháp trong nhân dân. Trường gồm có 4 ban, một thư viện riêng và một tờ báo riêng là *Đăng cổ tùng báo* in bằng nhiều thứ chữ: Nho, Quốc ngữ và cả chữ Nôm. Trường có 8 lớp học cả ban ngày và ban tối để thuận tiện cho học viên. Số học viên ban đầu chỉ khoảng 400, sau tăng lên 1.000 gồm nhiều lứa tuổi, có cả già, trẻ, trai, gái. Học sinh không phải trả tiền học mà còn được phát giấy, bút, mực, tài liệu học tập. Quỹ của trường do sự đóng góp của mọi người không kể có đi học hay không. Trường dùng một khoản nhỏ để trả lương cho giáo viên.

Nhiều hội viên của trường đã đứng ra thành lập các tổ chức kinh doanh công thương nghiệp như Nguyễn Quyền lập ra *Hồng Tân Hưng*, Hoàng Tăng Bí lập ra *Công ty Đông Thành Xương* ở Hà Nội, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Huân, Ngô Đức Kế lập ra *Triêu Dương thương*

quán ở Nghệ An, Nguyễn Quyền và Hoàng Tăng Bí lập ra *Quảng Nam hiệp thương Công ty, ở* Phan Thiết là *Công ty Liên Thành* v.v...

Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục nhanh chóng được nhân rộng khắp nơi và thu hút được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân. Nhiều "*buổi diễn thuyết người đông như hội*", "*kỳ bình văn khách tới như mưa*". Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục diễn ra công khai, hợp pháp, lấy việc vận động đông đảo quần chúng nhân dân duy tân làm mục đích chính. Vì vậy, hoạt động của nó bao hàm cả việc ủng hộ phong trào Đông Du của Phan Bội Châu.

Đông Kinh Nghĩa Thục và cuộc vận động duy tân ở Trung Kỳ đã ảnh hưởng không nhỏ đến giới trí thức và học sinh tại Huế bấy giờ. Nhiều cuộc tranh luận sôi nổi đã nổ ra. Trong triều đình, việc vua Thành Thái cắt tóc ngắn, mặc âu phục, học chữ quốc ngữ, lái thuyền máy... là một tấm gương duy tân cho nhân dân noi theo dù rằng sau đó ông đã bị người Pháp truất ngôi và bị đưa đi đày biệt xứ. Làn sóng duy tân diễn ra rộng khắp tại Huế, khắp mọi nơi đều thấy lên án hủ tục mê tín dị đoan, tệ đình đám, chè chén. Những người vận động duy tân hô hào mọi người mặc áo ngắn, cắt tóc ngắn. Hoạt động này đã tạo thành một phong trào rộng khắp mà thực dân Pháp gọi là "án đồng bào cắt tóc". Những thanh niên mặc âu phục đi đến các thôn xóm để hô hào, cổ động cho nếp sống mới. Việc cắt bỏ búi tóc được

phong trào vận động duy tân xem là biểu hiện của việc đoạn tuyệt với cái cũ, cái hủ lậu, cái phong kiến lỗi thời.

Trong cuộc vận động duy tân này, nhiều nhà nho cũng đã tuyên truyền cho việc học theo lối mới với chữ quốc ngữ.

Sự tác động lớn mạnh và rộng khắp của phong trào duy tân và Đông Kinh Nghĩa Thục khiến cho thực dân Pháp lo sợ. Tháng 11-1907, trường Đông Kinh Nghĩa Thục Hà Nội bị đóng cửa, các ông Lương Văn Can, Nguyễn Quyền bị bắt, tất cả những tài liệu giảng dạy, học tập và tuyên truyền của Đông Kinh Nghĩa Thục bị cấm lưu hành. Sự kiện này đã gây xôn xao trong trường Quốc học và cả trong dân chúng Huế bởi nhân dân ở kinh thành rất hưởng ứng phong trào duy tân.

Tuy đã đàn áp phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục nhưng thực dân Pháp không chặn được sự chuyển biến về tư tưởng trong nhân dân ta, nhất là tại Trung Kỳ. Chỉ 3 tháng sau khi Pháp đàn áp phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào đấu tranh "xin xâu" và đòi giảm sưu thuế của nhân dân Trung Kỳ đã bùng nổ.

? "Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình..." - Một bài viết của Bác Hồ đã viết như thế. Xin cho biết thêm về sự kiện này?

Sau vụ đàn áp trường Đông Kinh Nghĩa Thục, chỉ 3 tháng sau, một phong trào nông dân dữ dội đã bùng ra

ở Trung Kỳ: phong trào "xin xâu" và đòi giảm sưu thuế vào mùa xuân năm 1908.

Nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự kiện này là chính sách khai thác và đàn áp bóc lột nông dân của thực dân Pháp, đặc biệt là chính sách thuế khóa. Nguyên cớ trực tiếp là do nạn phu đài tạp dịch nặng nề và phiền phức, gây đụng độ ở Quảng Nam.

Từ khi thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1896), quyền nắm kinh tế – tài chính của triều đình Huế bị tước hết (vua quan đều nhận lương tháng như các công chức bảo hộ). Thực dân Pháp thống kê lại dân số, đo đạc lại ruộng đất rồi tăng thuế. Thuế điền mỗi mẫu từ 1 đồng tăng dần lên 1,5 đồng. Thuế đinh (thuế bổ vào nam giới từ 18 tuổi trở lên) tăng từ 0,2 đồng lên 2,5 đồng mỗi người. Đau khổ trước nạn cướp bóc do thuế khóa thực dân đó, cụ Phan Bội Châu tố cáo:

Trăm thứ thuế, thuế gì cũng ngặt,
Rút chặt dần như thắt chỉ se,
Miền kẻ chợ, phía nhà quê,
Của đi có lối, của về thì không!"

(Hải ngoại huyết thư)

Người dân đen chịu sưu cao thuế nặng, lại còn phải nai lưng làm phu đài tạp dịch như đào sông, đắp đường, phá rừng hoặc làm công sở cho thực dân. Phần

lớn dân phu phải ở vùng nước độc, lam sơn chướng khí. Lại còn cái tệ mua bán chức tước ở hương thôn để được miễn đi phu. Ai lắm tiền thì thuê người hoặc đút lót cho hương chức để trốn tránh. Kẻ chịu đựng khổ sở nhất vẫn là dân cùng đinh. Thậm chí có người vì nghèo nên phải đi phu 15, 16 lần trong một năm.

Riêng tỉnh Quảng Nam, trong công trình "đào sông Cu Nhí, đắp đường Bồng Miêu", nông dân bị hà hiếp quá đã nổi lên biểu tình "xin xâu" (xin giảm ngày làm phu). Từ Quảng Nam, phong trào tràn vào Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và cuốn ra Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, nhất là ở Huế (Thừa Thiên). Lúc ấy, học sinh trong các trường chỉ mong chóng tan học để đổ ra đường phố, hòa vào các cuộc biểu tình. Thực dân Pháp đã bắn chết và làm bị thương nhiều người dân tay không vô tội. Không nén nổi căm hờn, có người liều mạng lao vào bọn lính, ôm lấy chúng rồi cùng lao xuống sông Hương mà chết. Nguyễn Tất Thành cũng rất hăng hái tham gia vào các cuộc biểu tình này.

Cuộc khủng bố dã man của thực dân Pháp trong phong trào duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kỳ gây ấn tượng rất sâu sắc đối với Nguyễn Tất Thành. Những năm sau, nhiều lần anh nhắc lại ấn tượng đó trong bài viết của mình:

"Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra

hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người An Nam chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản – bao giờ cũng vậy – là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, ***trong vòng hai tuần lễ, một viên giám binh đã xử tử bảy mươi lăm lý hào***"[1].

Sống giữa vòng xoáy của các phong trào yêu nước ở kinh đô Huế, Nguyễn Tất Thành nhận thức được bao điều mới mẻ. Anh thấy rõ sức mạnh hợp quần của nhân dân. Hành động của dân chúng đã vượt ra ngoài tầm lãnh đạo của các sĩ phu tiến bộ. Vậy phải làm thế nào cho các cuộc đấu tranh của nông dân không dẫn tới chết chóc, tù đày, làng xóm khỏi bị triệt phá tan hoang. Đó là câu hỏi làm cho Tất Thành nhiều đêm trăn trở.

? Tháng 5-1908, Nguyễn Tất Thành đã tham gia một cuộc biểu tình tại tỉnh Thừa Thiên. Bạn biết gì về sự kiện này?

Tháng 5-1908, phong trào đấu tranh của nông dân đòi giảm sưu cao, thuế nặng bùng nổ ở nhiều tỉnh miền

1 Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sđd, tập 2, tr. 96.

Nguyễn Tất Thành tham gia biểu tình chống thuế (1908)

Trung, bắt đầu từ Hội An – Quảng Nam, lan đến Thừa Thiên Huế. Kinh thành Huế rung chuyển trong bước đi của những đoàn nông dân đói khổ, rách rưới. Đoàn người kéo qua các đường phố, nằm chắn ngang cầu Tràng Tiền, rải truyền đơn, diễn thuyết, đến Toà Khâm sứ Pháp đưa yêu sách... Trong đó có cả những quản giáo và học sinh Trường Quốc học và Trường Quốc Tử Giám đến đọc thơ ca, hò vè yêu nước, khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Các tờ truyền đơn mang thông tri: "*Đáng yêu thay dân tỉnh Quảng Nam; đáng kính thay dân tỉnh Quảng Nam; đáng học thay dân tỉnh Quảng Nam. Giặc Pháp mượn tiếng bảo hộ, ngược đãi nhân dân ta thật đã quá.*

Hàng năm nộp xong sưu thuế rồi, mình không còn chiếc áo lành, bụng không được ăn cơm no, đi nơi khác tìm ăn, khó hết chỗ nói. Nếu không một phen đứng dậy tỏ tình kêu nài thì sưu thuế vẫn còn tăng mãi. Dân ta mười nhà đã đến chín nhà rỗng không, khó lòng gánh chịu được.

Nếu cứ ngồi mà đợi, chết. Chi bằng vùng dậy mà tìm đường lối sống".

Nội dung tờ truyền đơn đã kích động tinh thần, khí thế đấu tranh lan truyền đi khắp nơi trong dân chúng ở Huế. Đoàn người với tóc cắt ngắn, áo quần rách rưới, mang bị và gậy như người đi xin, mo cơm bới bên hông, có người mang theo nồi niêu và chiếu rách tiến vào Toà Khâm sứ Pháp và Phủ doãn Thừa Thiên. Khi đoàn người đến gần Toà Khâm sứ, phía bên trên gần Trường Quốc học có một nhóm học sinh từ dưới chợ Cống đi lên. Với tư cách là người thông ngôn, Nguyễn Tất Thành đã dõng dạc giải thích với nhóm học sinh: "*đồng bào người ta đi xin xâu, thuế với Pháp, bọn mình là học sinh biết tiếng Tây nên đi thông ngôn giúp đồng bào*".

Khoảng 10 giờ sáng, đoàn người đã tiến vào cửa Toà Khâm sứ, cùng với nhóm học sinh đi trước thông ngôn. Tên Hội lí Bộ Lại De La Suisse cho lính khố xanh ngăn cản không cho đoàn người tiến vào. Nguyễn Tất Thành đã nhanh chóng len vào trước để gặp bọn Pháp đưa nguyện vọng giảm sưu thuế cho dân.

Thực dân Pháp giở thủ đoạn lừa phỉnh nhân dân, nhưng nhờ đoàn thông ngôn dịch lại khôn khéo đồng bào càng thấy được âm mưu của Pháp nên phản đối càng mạnh. Toán lính khố xanh đã dùng roi mây, gậy tre, vòi nước đàn áp giải tán đoàn người. Do đứng trước đoàn người nên Nguyễn Tất Thành bị đánh đập nhiều trận.

Sau nhiều đợt chống cự, nhân dân phải rút ra khỏi khuôn viên Toà Khâm sứ tiến về bao vây Phủ doãn Thừa Thiên. Cuối cùng Pháp buộc phải đưa lính từ đồn Mang Cá lên đàn áp dữ dội mới giải tán được cuộc đấu tranh xin xâu, xin giảm thuế.

Sau cuộc đấu tranh, hàng trăm người bị đàn áp chết tại trận hoặc bị thương, số còn lại bị bắt tù đày đi Lao Bảo, Côn Lôn hay bị tội hình. Nhóm học sinh đóng vai trò chủ chốt trong việc thông ngôn giúp đồng bào đã phải lẩn tránh khắp nơi trước sự truy nã ráo riết của mật thám Pháp. Đối với Nguyễn Tất Thành bị Đốc học Trường Quốc học gọi đến cảnh cáo. Ông Nguyễn Sinh Sắc bị thực dân Pháp và triều đình Huế khiển trách và cho thôi chức trong Bộ Lễ chuyển đến làm việc ở huyện Bình Khê, một huyện nhỏ miền núi hẻo lánh thuộc tỉnh Bình Định.

Phong trào chống thuế ở Huế là lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành thể hiện lòng yêu nước, thương dân, ý chí cứu nước, cứu dân bằng một hành động công khai và cụ thể.

? Nguyễn Tất Thành đã thi đậu vào trường Quốc học Huế năm nào?

Vì tham gia những hoạt động đấu tranh của nông dân ở Thừa Thiên Huế, Nguyễn Tất Thành đã bị chính quyền thực dân Pháp để ý theo dõi. Ông Nguyễn Sinh Sắc cũng bị chúng khiển trách với lý do đã để cho con trai có những hoạt động bài Pháp. Tuy nhiên, vào tháng 8-1908, một niềm vui đã đến với Nguyễn Tất Thành khi anh có thể được nhận vào học ở Trường Quốc học Huế với tên gọi Nguyễn Sinh Côn. Chi tiết này được ghi trong thư của ông Sukê (Chouquet) trả lời Công văn số 526 ngày 4-8-1908 của Khâm sứ Trung Kỳ. Nội dung bức thư viết:

Trường Quốc học Huế, nơi Nguyễn Tất Thành đã học tập trong những năm 1907-1908.

Huế, ngày 7 tháng 8 năm 1908.

Tiếp theo thư số 526 đề ngày 4-8 năm nay của Ngài, tôi hân hạnh báo cho Ngài rõ có thể tiếp nhận vào Trường Quốc học học sinh có tên Nguyễn Sinh Côn, người gốc Nghệ An, học sinh Trường Pháp – Việt tỉnh Thừa Thiên.

Ký tên: Chouquet.

Tháng 9-1908, Nguyễn Tất Thành vào lớp trung đẳng (cours moyen) tại Trường Quốc học Huế. Về việc học tập của mình, có lần Bác nói với đồng chí thư ký của Bác rằng: Bác học chính thức trên ghế nhà trường chỉ hết lớp nhì của bậc tiểu học (theo nhật ký của đồng chí Vũ Kỳ. Bác nói vào tối ngày 27-8-1945). Đối chiếu toàn bộ quá trình, chúng tôi cho rằng Bác học lớp dự bị (préparatoire) tại Vinh vào năm 1905-1906 nhưng chưa hết năm học, vào Huế Bác học lại lớp dự bị và tiếp đó học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) tại Trường tiểu học Đông Ba vào các năm 1906-1908. Qua thư của ông Sukê và lời khai của Nguyễn Tất Đạt ngày 19-3-1920 thì tháng 9-1908, Nguyễn Tất Thành mới vào học ở Trường Quốc học Huế[1].

Trong thời kỳ này Trường Quốc học Huế (Quốc gia học đường) có các lớp sơ đẳng, trung đẳng và cao đẳng (cours supérieur). Trường dạy Pháp văn, Việt văn và

1 Xem Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, tập 2: 1890-1929, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2006, tr. 27-29.

Hán văn, ngoài ra còn dạy các môn khoa học khác. Tiếng Pháp là ngôn ngữ chính dạy trong trường học.

Trong thời gian học tại Trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được chứng kiến bọn thực dân Pháp khinh rẻ, bóc lột, hành hạ người Việt Nam, nhà trường ca ngợi chế độ phong kiến thực dân.

Tại dây, Nguyễn Tất Thành còn được nghe kể về những hành động của những ông vua yêu nước như Thành Thái, Duy Tân và những bàn luận về con đường cứu nước trong các sĩ phu yêu nước.

? Trường Quốc học Huế chính là ngôi trường đã chắp cánh cho nhận thức và đã giúp cậu học trò Nguyễn Sinh Cung những năm ở lứa tuổi thanh niên dưới mái trường này thấy rõ bộ mặt thật của xã hội thực dân Pháp và phong kiến, khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước trong trái tim nhân hậu của Bác. Xin cho biết vài nét về ngôi trường này?

Sau khi học xong Trường Pháp - Việt Đông Ba, Nguyễn Tất Thành đã trúng tuyển vào trường Quốc học Huế, năm học đầu tiên là 1908 - 1909.

Trường Quốc học Huế được thành lập theo đạo dụ ngày 23-10-1896 của Vua Thành Thái và nghị định ngày 18-11-1896 của Toàn quyền Đông Dương Russeau và được đặt dưới quyền kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ. Đây là ngôi trường Quốc học đầu tiên và lớn nhất

ở xứ Trung Kỳ. Vì thế trường được nhiều chính sách ưu đãi của chính quyền bảo hộ và quan trọng hơn cả là trường nhằm đào tạo những thanh niên bản xứ để phục vụ trong các cơ quan hành chính của chính quyền bảo hộ. Chương trình và nội dung học tập được biên soạn theo yêu cầu này nên có nhiều điểm khác với các trường học khác. Điểm quan trọng nhất trong chương trình đào tạo của trường là học sinh phải nắm vững ngữ pháp tiếng Pháp để làm công việc hành chính. Những kiến thức phổ thông khác cũng được giảng dạy ở chừng mực nhất định để những học sinh này có thể trở thành những công chức tốt phục vụ cho "công cuộc khai hóa" của người Pháp tại Việt Nam.

Trường nguyên là doanh trại của đội lính thuỷ hoàng gia được sửa chữa lại. Ngoài các lớp học còn có phòng diễn thuyết, phòng ảo thuật. Các phòng được xây dựng sơ sài, trên là mái tranh, chung quanh thưng bằng phên nứa. Cổng trường được lợp ngói đỏ với bảng tên nền đỏ chữ vàng đề: "Pháp tự quốc học trường môn" (nghĩa là Trường quốc học chữ Pháp) được kẻ bằng chữ Hán.

Giáo sư tại trường Lơ Bơri trong bài viết "Le Quốc Học", đã viết "*Vì kiến trúc sơ sài và vì khí hậu mưa nắng bất thường và liên miên ở xứ Huế, cơ sở trường hư hỏng và không chịu nổi thời tiết. Do đó, có những buổi sáng, giáo sư, học sinh phải đội nón để chống lại ánh nắng mặt trời xuyên qua mái tranh rách dột và những lần mưa, nước chảy dài trên*

các bờ tường, nước gõ nhịp, nhỏ giọt trên các tường vỡ, có cả những chú chuột leo thang qua các lớp...".

Một vị Đốc học của trường đã có cử chỉ "rất mực văn minh" mà Tất Thành không thể quên được: "*Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan Khâm sứ, cho quan công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu.*

"Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?" rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học"[1].

Trong hàng ngũ các giáo viên cũng có những người rất thô bạo với học sinh. Một giáo viên dạy môn Khoa học thường thức là Lui Pêsô rất hay miệt thị học sinh. Một lần y mắng một học sinh là "côcông" (nghĩa là đồ lợn) khiến cho cả lớp đứng dậy phản đối và bỏ giờ không học. Hành động của người giáo viên này đã bị cấp trên khiển trách. Ngoài ra, còn có cả những giảng viên người Việt, trong số họ có thầy vừa giỏi, vừa có lương tâm nhà giáo như thầy Lê Văn Miến hoặc thầy Hoàng Thông dạy chữ Hán. Nguyễn Tất Thành đã theo

1 Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 98-99.

học tại trường Quốc học Huế không lâu. Trước làn sóng đấu tranh của nhân dân Huế, do có tham gia vào cuộc biểu tình của nhân dân 6 tỉnh Thừa Thiên đòi giảm sưu thuế, Nguyễn Tất Thành không còn được học ở trường Quốc học Huế nữa. Ông Nguyễn Sinh Sắc cũng vì thế mà bị khiển trách vì "*hạnh kiểm của hai người con ở trường Quốc học, đã nói trước mặt thầy giáo những lời bài Pháp trong dịp dân chúng biểu tình*"[1].

? Từ khi học ở Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành đã có ý thức chống phong kiến, lên án mạnh mẽ triều đình nhà Nguyễn như thế nào?

Năm học 1907-1908, Nguyễn Tất Thành cùng anh trai là Nguyễn Tất Đạt đã thi đậu vào trường Quốc học Huế. Chính ở đây, anh đã nhận ra thực tế phũ phàng của cái gọi là "thiên đường trường học". Mặc dầu gặp nhiều chuyện thất vọng, bất mãn nhưng Tất Thành, Tất Đạt vẫn tuân theo lời cha dặn dò, cố gắng học hành chăm chỉ. Tất Thành còn mượn nhiều sách báo về để mở mang kiến thức. Nhưng làn sóng duy tân đang dâng lên trong kinh thành Huế đã cuốn hút tâm trí Nguyễn Tất Thành.

Đâu đâu người ta cũng lên án hủ tục mê tín dị đoan, tệ đình đám, chè chén và hô hào mặc áo ngắn, cắt tóc ngắn. Người ta đả phá tư tưởng "thiên mệnh" của Nho

1 Hồ sơ Nguyễn Sinh Huy, số A3780 I ngày 21-1-1920 của Sở Mật thám Trung Kỳ.

giáo, và đề cao ý thức "nhân định thắng thiên". Có những thanh niên mặc âu phục đi đến tận nơi thôn xóm, chốn đình trung để hô hào cổ động cho nếp sống mới. Họ đọc bài *"Cáo hủ lậu văn"* (bài văn nói với người hủ lậu):

...
Nho ơi! Nhắn hỏi mọi nhà,
Khăng khăng nho thế sao ra cái đời?
Cổ ơi! Nhắn bảo mọi nơi:
Khư khư cổ mãi, đúng thời sao đây?
Thương thay! Thương thảy! Thương thày!
Ngắn than, dài thở, sự này tại ai?
Người sao trời rộng đất dài,
Ta sao co quắp một nơi thế mà!
Người sao nhẹ thẳng bay xa,
Ta sao co kéo xó nhà với nhau?
Người sao làm chủ hoàn cầu.
Ta sao nô lệ cúi đầu làm tôi...?"[1]

Nguyễn Tất Thành hăng hái sung vào đội quân vận động duy tân đất nước. Anh làm liên lạc cho các sĩ phu chỉ đạo phong trào. Hồi ấy, hầu hết đàn ông đều để tóc dài và quấn lại sau gáy như quả bưởi (búi tóc củ hành). Khi phong trào duy tân rộ lên thì cái "búi tóc" ấy là

1 Thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (1900-1930).

đối tượng cần xử lý đầu tiên. Do đó, thực dân Pháp gọi phong trào duy tân là *Les chveux coupes* (phong trào cắt tóc). Hồi ấy, không riêng gì học sinh mà dân phố từ già tới trẻ đều thuộc "Bài ca húi tóc":

"Tay trái cầm lược
Tay phải cầm kéo
Húi hề! Húi hề!
Thủng thẳng cho khéo.
Bỏ cái ngu này,
Bỏ cái dại này,
Ăn ngay nói thẳng
Học mới từ đây
Húi hề! Húi hề!

Tất Thành cùng một số bạn hăm hở mang giỏ, cầm kéo đứng ở chỗ đông người qua lại. Hễ có ai búi tó thì thưa: *"Em lạy anh, anh cho cắt quách cái cục hủ lậu này"*.

Phần đông người lớn đều vui vẻ cho cắt tóc. Tất nhiên, có người phản ứng, không bằng lòng, nhưng đi tới chỗ khác, họ vẫn được cắt bỏ "cái ngu", cái "cục hủ lậu" đó.

Thật chưa bao giờ trên đất cố đô Huế lại có một cuộc vận động đổi mới sôi nổi vậy. Trừ một số người quá nặng đầu óc bảo thủ, còn phần đông các tầng lớp nhân dân đều tán thành và ủng hộ phong trào này. Đã đến lúc dân tộc Việt Nam phải mở mặt với năm châu, phá bỏ mọi tập tục cổ hủ của chế độ phong kiến lỗi thời.

Các nhà nho vốn không ưa "chữ con giun" (quốc ngữ), nhưng trong cuộc vận động duy tân, nhiều sĩ phu tuyên truyền mạnh cho lối học mới bằng chữ quốc ngữ.

Ông Nguyễn Sinh Huy không những không ngăn cản con cái tham gia cuộc vận động duy tân, mà chính ông cũng rất tán thành mặt tích cực này của ông Phan Châu Trinh.

? Trong quá trình học tập tại Trường Quốc học Huế, thầy Lê Văn Miến đã để lại ấn tượng khá sâu đậm đối với Nguyễn Tất Thành. Xin cho biết cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa Nguyễn Tất Thành và thầy Lê Văn Miến đã diễn ra như thế nào?

Mùa thu năm 1906, trong khi Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành đang chờ tin được gọi vào "Thiên đường trường học" niên khóa 1906-1907 thì một buổi chiều, có một vị khách tới nhà thăm cụ Nguyễn Sinh Sắc và báo tin vui cho hai anh em. Đó là thầy Lê Văn Miến, người cùng làng với cụ Sắc.

Thầy Lê Văn Miến sinh năm 1873 trong một gia đình có truyền thống khoa bảng tại làng Ông La, xã Kim Khê (nay là xã Nghi Long), huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Từ rất sớm ông đã được tiếp xúc, làm quen với học vấn và sách vở, được sự dạy dỗ của người thầy và cũng là cha mình - cử nhân Lê Huy Nghiêm. Ngoài học chữ, Lê Văn Miến còn học được nhân cách từ người cha đáng kính, đặc biệt là được mở rộng tầm

mắt để sớm hiểu được sự an nguy của nước nhà cùng sự lo toan của những con người có nghĩa khí khi triều Nguyễn suy vong.

Ngay từ lần đầu gặp mặt, thầy Lê Văn Miến đã tin tưởng cậu học trò khôi ngô này, ông khen "*Hiền đức tại tâm, anh hoa tại mục*" (nghĩa là: đức lớn là ở lòng, sự thông minh hiện lên trên mắt). Thầy báo bài thi của Nguyễn Tất Thành đã được Hội đồng chấm thi cho 10 điểm. Thầy chia sẻ niềm tự hào với cụ Sắc "...Ai đậu bằng Thành chung do Trường Quốc gia học đường này đào tạo thì được trọng dụng ngang với người có bằng cử nhân nho học. Ngay cả khi còn đang là cậu học trò trường Quốc học thì người bên tòa khâm, có khi bản thân ông chánh sứ đến tận lớp học nhắn người để đưa về làm việc. Cho nên, dân kinh đô mới gọi là "thiên đường trường học", cháu ạ".

Tất Thành trả lời "Thưa chú, nếu luật lệ bắt buộc sau khi ở trường Quốc học ra phải đi làm thầy thông, thầy ký cho nhà nước bảo hộ thì... cháu sẽ xin phép cha cháu để tìm một trường học khác."

Thầy Lê Văn Miến tán thành: "Khá lắm. *Hữu chí cánh thành*" (Có chí thì nên). Ông hạ giọng: "Một người sớm có chí hướng như cháu thì chẳng có sức mạnh nào bắt cháu khuất phục được. Cho nên, cháu cần vào trường Quốc học. Hiện nay, trên khắp xứ mình không có trường học nào đáng để cháu học bằng cái trường Quốc học này. Lớp trẻ các cháu, nhất là cháu, cần có vốn văn hóa tân tiến."

Ông còn nói: "Nước mất mà không biết là bất trí, biết mà không chiến đấu cứu nước là bất trung, chiến đấu mà không quên mình vì nước là bất dũng...".

Với tài năng sư phạm và nhân cách ấy, thầy Lê Văn Miến đã góp phần đào tạo rất nhiều thế hệ học sinh tài ba, tâm huyết với đất nước. Một trong những người học sinh đó mà chính thầy cũng không được chứng kiến sau này trở thành người thầy của cách mạng Việt Nam: Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những lời khuyên của ông đã có nhiều ảnh hưởng đến người thanh niên Nguyễn Tất Thành ngay khi bắt đầu vào Trường Quốc học Huế, giúp Người nhận ra những hạn chế trong con đường cứu nước và phương pháp cách mạng của các bậc cha chú, để lựa chọn một con đường đi của riêng mình, đưa cách mạng Việt Nam tới thành công.

Lê Văn Miến mất ngày 6-6-1943, hai năm trước khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, không kịp chứng kiến người học trò xuất sắc nhất của mình - Chủ tịch Hồ Chí Minh - đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bức hoành phi "THẾ GIAN SƯ" (Thầy của thiên hạ) do các thế hệ học trò kính tặng là sự ghi nhận chính xác nhất tài năng, nhân cách và công lao của thầy Lê Văn Miến đối với sự nghiệp giáo dục của nước nhà.

? Ở trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành được học với thầy Hoàng Thông – cũng là một nhà nho yêu nước, vào dạy ở đây để giấu mình gửi gắm lòng yêu nước cho lớp trẻ. Cũng chính thầy đã giao cho anh nhiệm vụ liên lạc với một số người yêu nước ở Huế. Bạn biết gì về thầy Hoàng Thông?

Lúc mới vào học ở trường Quốc học Huế – nơi được gọi là "Thiên đường trường học" – Nguyễn Tất Thành rất buồn. Anh tiếp tục rèn luyện môn Pháp văn trên ghế nhà trường Quốc học. Thế rồi, dần dần anh cũng tìm thấy niềm vui. Bên dưới cái bộ mặt buồn bã của một ngôi trường trong tay thực dân còn có một trái tim nóng bỏng vì tình dân nghĩa nước. Anh được thầy Hoàng Thông dạy môn chữ Hán. Thầy thường giao cho anh lên viết bài học trên bảng đen và đọc trước cho học trò đọc theo. Nhiều hôm thầy bận việc đến trễ thường giao cho anh Thành coi lớp. Sau giờ học, anh hay lại nhà thầy ở trong trường, xin thầy đọc những Tân Thơ, Tân Sách do thầy biên soạn hay thầy đã sao chép được.

Không chỉ yêu mến, tận tâm dạy chữ, thầy Hoàng Thông còn chỉ dạy cho Thành cả cách sống, cư xử sao cho đúng.

Trong lớp, học trò xuất thân trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, phần lớn là con các quan, các cụ có chức có quyền trong hai chính phủ Bảo hộ và Nam triều. Nhiều người đã có vợ, có con, có người đi học có xe đưa xe đón; có người buổi trưa ở lại có lính hầu đội nón dấu xách cơm đến. Học trong lớp có điều gì khó hiểu, anh

Thành thường hay hỏi thầy. Bọn con ông cháu cha thấy anh được các thầy thương giảng giải cặn kẽ, chúng đâm ra ganh ghét. Chúng chọc tức anh bằng cách trọ trẹ nhái tiếng Nghệ hoặc cười đùa "dân cá gỗ". Anh Thành không cãi vã thô bạo, nhưng có hôm chịu không nổi, anh đã đấm vào mặt một thằng con lai mà cha hắn là chủ kho bạc. Hôm ấy, thầy Hoàng Thông gọi Thành vào và dạy:

- Mình là con nhà gia giáo, tại sao con lại hành động một cách nóng nảy như thế? Cha mẹ nó ỷ quyền ỷ thế mất dạy, làm sao nó có dạy được? Con có đủ sức đánh hết tụi nó không? Con nên cố gắng học hành và dùng sức lực tuổi trẻ của mình làm những việc lớn hơn!

Anh Thành rất cảm động trước những lời chỉ dạy của thầy. Anh cúi đầu nhận lỗi. Bỗng dưng trong đầu anh sáng lên một ý nghĩ: Phải chăng thầy Hoàng Thông là một đồng chí của các cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh? Anh ngước nhìn thầy, hai ánh mắt sáng như hai luồng điện:

- Thưa thầy, thầy thấy con có thể làm được gì, xin thầy hãy tin con!

Thầy Hoàng Thông nhìn kỹ cậu thanh niên tuấn tú đứng trước mặt, lòng thầy lâng lâng một niềm vui sướng. Hôm ấy, anh Thành được lãnh trách nhiệm liên lạc với một số người yêu nước.

? Sau một lần đến thăm thầy Hoàng Thông tại lao Thừa phủ, Nguyễn Tất Thành đã rơi nước mắt vì thương thầy. Không ngờ, thầy quát "...làm học trò mà có một người thầy như ta không lấy làm tự hào thì thôi chớ cớ làm sao lại khóc? Hãy để những giọt nước mắt ấy khóc cho dân, cho nước". Trần trọc vì những lời thầy dạy, Nguyễn Tất Thành đã quyết định rời xa Huế - bắt đầu chặng đường vào các tỉnh phía Nam.

Đầu năm 1908 có tin ở Đại Lộc (Quảng Nam) dân dậy chống thuế. Phong trào bị dìm trong biển máu nhưng càng ngày càng lan ra các huyện và các tỉnh Quảng Nam – Quảng Ngãi – Quảng Bình – Phú Yên. Anh Thành cùng các cơ sở bí mật ở Huế đang nghe ngóng thực hư như thế nào, thì có tin Tây cho lính lên trường Quốc học bắt thầy Hoàng Thông. Anh em lại nghe tin chúng đã tra tấn thầy rất dã man để truy lùng những cơ sở yêu nước do cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh tổ chức, cùng những người chủ mưu chống thuế ở Kinh đô. Chúng lục soát trong nhà thầy lấy hết Tân Thơ, Tân Sách; trong đó có cuốn *Tự Trị Thượng Sách* do thầy viết để giáo dục các tầng lớp thanh niên học sinh. Chúng tra tấn thầy đủ các cực hình nhưng vẫn chẳng khai thác được ở thầy lấy một lời. Chúng trích một câu văn trong cuốn sách của thầy ra chất vấn: "Nước dù bất hạnh mà mất, không phải mất nước của một họ (Nguyễn) riêng mà thôi; cùng với nước mất dân tộc bị diệt chủng". Chúng cho rằng câu này là có ý phản nghịch. Nét chữ của thầy rành rành, nghĩa của từng chữ cũng đã rõ không thể chối được. Chúng đưa thầy vào giam ở lao Thừa phủ.

Một hôm, anh Thành cùng con trai cụ Hoàng Thông là Hoàng Dương Sanh đến lao Thừa phủ thăm thầy. Thoạt nhìn thấy cụ Hoàng Thông ngồi trên một miếng ván kê sát đất, thân hình gầy còm nhễ nhại mồ hôi, cả học trò lẫn con trai đều thương xót khóc thút thít. Tưởng cụ Hoàng cũng sẽ cảm động mà chảy nước mắt khóc theo. Nhưng không ngờ cụ Hoàng quắc mắt, một tay đấm xuống ván, một tay vỗ vào ngực nói lớn: *"Làm con mà có một người cha như ta, làm học trò mà có một người thầy như ta không lấy làm tự hào thì thôi chớ có làm sao lại khóc? Hãy để những giọt nước mắt ấy khóc cho dân, cho nước"*.

Anh Thành và cậu Sanh giật mình, chắp tay vái thầy vái cha rồi kéo vạt áo lau khô nước mắt.

Về nhà đêm đó anh Thành trằn trọc không ngủ được. Anh suy nghĩ cố để hiểu cho hết những gì ẩn sau lời thầy Hoàng Thông dạy từ bên trong bốn bức tường lao Thừa phủ. Đến gần sáng anh thầm nhủ mình: "Ở đây không phải là nơi dụng võ."

Huế là mảnh đất anh đã được học chữ Hán, học chữ Quốc ngữ và học chữ Pháp, là nơi đã giúp cho anh hiểu thế nào là sự bất lực của vua quan triều Nguyễn và tội ác của thằng giặc Tây dương. Huế cũng là nơi đã chôn chặt nấm mồ thân yêu của mẹ hiền; bao bọc gia đình anh trong những ngày khốn đốn. Và cũng chính Huế là mảnh đất mà anh đã bắt đầu biết đứng dậy đấu tranh chống cường quyền bên cạnh những người khố rách áo ôm. Quyết định phải xa Huế làm anh cảm thấy bịn rịn

không khác gì một người khi phải xa quê cha đất tổ của mình. Anh vùng dậy giữa những tia nắng bình minh:

- Phải xa Huế để còn yêu mến Huế mãi mãi.

Vào một ngày cuối thu năm 1909, anh Thành đã bước lên tàu hỏa vào Đà Nẵng – chặng đường đầu tiên vào các tỉnh phía Nam – giã từ Huế thân yêu.

? Tại trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành thường kêu gọi học trò "phải làm cái gì cho dân, cho nước". Anh đã bị cảnh cáo, Ban giám hiệu gửi thư về khiển trách cụ Nguyễn Sinh Sắc vì "hạnh kiểm của hai người con ở trường Quốc học". Bạn biết gì về sự kiện này?

Thời điểm Nguyễn Tất Thành vào học tại Quốc học Huế, ngọn gió duy tân đang bùng lên ở kinh đô. Ngay cả cái tên của ông vua trẻ cũng được đem ra bình luận. Những điều vua Thành Thái không thực hiện được, ông đặt cả niềm tin vào đứa con. Mặc dù ông bị buộc phải thoái vị, nhưng triều đình còn lại cũng vẫn phải nể ông, nhận đặt tên Duy Tân cho người kế vị ông. Một phong trào diễn thuyết kêu gọi duy tân lan tràn khắp nơi. Hai người nổi tiếng nhất là Lê Đình Mộng (tức Ấm Mộng) và Trần Trinh Linh. Anh Thành cũng tập diễn thuyết ngay trên sân trường Quốc học.

Những lúc vắng thầy hay những buổi đi học sớm, Thành hay leo lên bàn đứng tập nói chuyện. Anh nói về tình trạng lạc hậu của người Việt Nam; sở dĩ mất nước là vì sự lạc hậu ấy. Anh nói về sự bất lực của Nam triều,

Trường Quốc học Huế, nơi Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh) theo học niên khóa 1907-1908

nói về tình hình sưu cao thuế nặng... Và cuối cùng bao giờ anh cũng sang sảng kêu gọi "Thanh niên là những người có ăn học, phải làm cái gì cho dân, cho nước!"

Có lần nghe tiếng anh nói, học trò kéo đến vây quanh xem. Một lúc có cậu sợ liên lụy lẩn tránh đi chỗ khác. Bọn con ông cháu cha nghe nói đụng đến cha ông chúng, vội vàng đi báo ngay với hiệu trưởng Chouquet. Thấy hiệu trưởng đến, Thành nhảy xuống đi chỗ khác; khi hiệu trưởng đi xa, anh lại nhảy lên tiếp tục nói. Viên hiệu trưởng tức giận gọi anh và các thầy giáo của anh đến quở trách, anh trả lời: "Những điều con nói có thấm vào đâu so với thư của cụ Phan Châu Trinh gởi cho ngài Toàn quyền Beau, so với những buổi diễn thuyết của ông Ấm Mộng, ông Trần Trinh Linh...

sao các thầy không cấm những người ấy để cho học trò khỏi bắt chước?"

Hiệu trưởng Chouquet giận đỏ mặt. Y cho Thành cứng đầu, lý sự, định đứng dậy bợp tai, nhưng vì trước mặt có các thầy giáo của Thành nên không dám thô bạo. Y nói: "Những người bất trị ấy trước sau rồi cũng bị nghiêm trị. Mi là thằng học sinh ăn học bổng của chính quyền Bảo hộ, tại sao mi dám nói những lời chống chính phủ Bảo hộ trước mặt các thầy giáo?". Nói xong y đứng dậy, không thèm nghe anh Thành nói thêm một lời nào nữa. Y đẩy anh Thành ra khỏi phòng, đóng cửa lại rồi hạch sách các ông giáo một lúc. Cuối cùng y đe: "Tôi sẽ báo cho sở Liêm phóng biết hạnh kiểm của thằng học trò ngỗ nghịch đó và cả anh hắn. Nếu các ông không dạy được hắn, tôi sẽ đuổi cả các ông luôn. Tôi cũng sẽ gọi bố chúng đến đây. Nếu bố chúng không dạy được, tôi sẽ đề nghị Nam triều khiển trách tên Thừa phái không biết dạy con ấy."

Sau cái hôm bị cảnh cáo, Thành thường hay bỏ học. Vào những ngày có phiên chợ, anh cùng bạn bè xách một cái giỏ trong ấy đựng một cái lược và một cái kéo, ra đứng ở các ngã ba có nhiều người qua lại. Anh tham gia phong trào Duy Tân, cắt bỏ búi tó. Bạn bè thấy anh lớn tuổi, đứng đắn, có uy tín với thầy với bạn, rất nể vì anh. Nhưng ai cũng sợ, ít người dám "đi" theo anh.

? Từ khi tiếp xúc với những từ "Tự do - Bình đẳng - Bác ái", Nguyễn Tất Thành luôn hăm hở tìm tòi để sáng tỏ những gì còn ẩn giấu đằng sau cái gọi là "nền văn minh Pháp". Anh đã thu hoạch được những gì?

Ngày nào tới lớp, ở trường Quốc học Huế, Nguyễn Tất Thành cũng trông thấy hai hàng chữ Pháp ở hai bên vách lớp:

Une âme saine dans un corps sain (một tâm hồn trong sáng trong một thân thể tráng kiện)

Liberté, Egalité, Fraternité (Tự do, Bình đẳng, Bác ái)

Câu trên dễ hiểu đối với anh, còn mấy tiếng *"Tự do, Bình đẳng, Bác ái"* làm rung động trái tim anh ngay từ hồi mới bước chân vào trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba. Học lịch sử nước Pháp, nhất là lịch sử Cách mạng tư sản Pháp (1789), nghe thầy giáo nhắc nhiều đến ba từ thiêng liêng đó, Nguyễn Tất Thành càng muốn đi sâu tìm hiểu nguồn gốc phát sinh và ý nghĩa sâu xa của nó. Từ đó, anh rất ham học lịch sử thế giới. Nước Pháp có một nền văn minh thật sự, Nguyễn Tất Thành công nhận điều đó. Anh đã không vì căm ghét những hành động của thực dân Pháp ở Việt Nam mà bài xích nền văn minh vào bậc nhất nhì thế giới của Cộng hòa Pháp. Vì vậy, anh đã say mê tìm hiểu một cách toàn diện cuộc Cách mạng tư sản Pháp (1789). Anh còn bỏ công tìm cho ra những tác phẩm của các nhà triết học Pháp của thế kỷ Ánh sáng.

Đọc những tác phẩm đó, anh thấy toát lên tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, lòng thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái.

Được tiếp cận với những đỉnh cao mới của văn hóa nhân loại, tri thức của Nguyễn Tất Thành càng dồi dào phong phú. Tuy vậy, còn nhiều vấn đề làm anh khó hiểu. Anh phải mượn các loại sách chữ Hán, chữ Pháp và chữ quốc ngữ để đối chiếu, mong hiểu được những luận điểm cơ bản của các nhà Khai sáng Pháp.

Còn bao nhiêu dấu hỏi buộc anh phải tiếp tục tìm hiểu. Tại sao Vônte lại ca ngợi đất nước Nga của Pie đại đế, còn Montesquieu lại ca tụng chế độ đại nghị của nước Anh? Cứ như thế, anh tự đặt vấn đề và lại hăm hở tìm tòi để sáng tỏ dần những gì còn mắc mớ.

Thu hoạch đáng kể đầu tiên của Nguyễn Tất Thành là ý thức chống phong kiến, phủ nhận vua, vốn đã nhú mầm trong anh được phát triển. Nhìn vào thực trạng triều đình Huế, liên hệ với những lập luận mà các nhà Khai sáng Pháp phanh phui ra về chế độ phong kiến, anh có cái nhìn đối với vua chúa khác xa hồi còn bé. Hơn nữa, thái độ căm giận của thân phụ anh đối với những ông vua "tôi tớ của giặc" và thái độ lên án mạnh mẽ triều đình nhà Nguyễn của Phan Châu Trinh làm cho anh đi dần đến chỗ đoạn tuyệt với chế độ phong kiến. Sở dĩ về sau, anh trở thành người đả kích mạnh nhất, hóm hỉnh nhất, chua cay nhất tên vua Khải Định (vở kịch

"Con rồng tre"), chính là vì từ thời gian này trên kinh đô Huế anh đã có ý thức chống phong kiến.

Song đó chỉ là một mặt, còn mặt thứ hai là những dấu hỏi lớn như những cái móc xoáy vào tâm trí Tất Thành. Khẩu hiệu "Tự do, Bình đẳng, Bác ái", thực chất nghĩa là thế nào?

Phải chăng những kẻ mệnh danh là người phất cao lá cờ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" lại đang làm trái ngược lý tưởng đó ở khắp nơi trên đất Đông Dương? Kể sao cho hết những bằng chứng hùng hồn để vạch trần tội ác của những người đi "khai hóa văn minh" trên bán đảo này. Nguyễn Tất Thành sẽ có thể kể lại được hàng trăm tội ác và sự giả dối của chúng.

Thật là trò hề! Ngay trên cửa nhà lao cũng nổi lên mấy chữ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" bằng tiếng Pháp hẳn hoi! Nhưng chính cái nhà lao đó lại giam giữ những người Việt Nam ca tụng tự do. Và còn biết bao nhiêu chuyện đau lòng khác mà anh được nghe, được chứng kiến:

"Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế.

Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hóa nhằm làm cho giống nòi An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc *cưỡng bức mua rượu tỵ*. Không sao kể xiết tất cả sự nhũng lạm chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thế nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ"...

"... Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên – mà kể cũng đáng ngạc nhiên thật – khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn, *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây*, để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

"Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đấy, viên công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt, già, trẻ, đàn ông, đàn bà"...

"...Tất cả những điều mà người ta có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có *những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể chỗ nào, bất kể là nam hay nữ*! Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết quần áo trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm đãng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ*".

Phải chăng đó là "Tự do, Bình đẳng, Bác ái?"!

Càng tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau những từ "Tự do, Bình đẳng, Bác ái", Nguyễn Tất Thành càng đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào, càng băn khoăn, day dứt về vận mệnh dân tộc Việt Nam.

Lẽ nào, hai mươi lăm triệu con Lạc cháu Hồng phải chết dần chết mòn dưới gót giầy đinh của đế quốc Pháp?

Không thể được! Nhưng làm thế nào đây?

Bao nhiêu cuộc nổi dậy đều bị dìm trong máu lửa. Nước mất thì nhà cũng tan, dân nô lệ... Làm thế nào để giành lại giang sơn đất nước? Làm thế nào để có *Độc lập, Tự do, Bình đẳng, Bác ái* thật sự? Đó là câu hỏi bức xúc mà hàng triệu người đang trông đợi sự giải đáp của lịch sử...

? Bạn biết gì về di tích "Ngôi nhà Thành Nội của Bác Hồ ở Huế"

Ở Huế có tới 12 di tích liên quan đến tuổi thơ của Bác Hồ như làng Dương Nỗ, Trường Quốc Học, đường Đông Ba v.v... Trong đó địa chỉ gây xúc động nhất là Ngôi nhà Thành Nội.

Ngôi nhà Thành Nội là nơi Bác sống với cha mẹ trong 5 năm trời, sau này mang số 112 đường Mai Thúc Loan - đầu thế kỷ XX gọi là đường Đông Ba. Năm 1895, cậu bé Nguyễn Sinh Cung vừa tròn 5 tuổi đã cùng anh Nguyễn Sinh Khiêm theo mẹ vào Huế. Bà Hoàng Thị Loan mới 25 tuổi đã gánh con vượt đèo Ngang vào nuôi chồng "dùi mài kinh sử".

Thời gian đầu, ông Sắc cùng vợ con ở nhờ trong một ngôi nhà trước Viện Đô Sát (nay là Trường PTCS Thuận Thành), sau đó mới thuê được căn nhà 112 Mai Thúc Loan và cải tạo thành nơi cư trú của gia đình trong hơn 5 năm (1895-1901) để chuẩn bị cho kỳ thi Hội năm Mậu Tuất 1898. Để có tiền giúp chồng theo đuổi khoa cử và nuôi con, bà Hoàng Thị Loan đã mang từ Nam Đàn vào chiếc xa quay, bộ khung cửi dệt vải.

Tại đây, bà đã sinh hạ thêm người con thứ tư nhưng chẳng bao lâu sau bà qua đời vào ngày 22 tháng chạp, năm Canh Tý (10-2-1901) lúc mới 33 tuổi do bị bệnh nặng, trong khi ông Nguyễn Sinh Sắc đi coi thi ở Thanh Hóa rồi về làng Kim Liên xây mộ cho song thân. Ông Sắc đi chuyến ấy mang theo cả Nguyễn Sinh Khiêm nên ở nhà lúc đó chỉ có Nguyễn Sinh Cung mới 11 tuổi cùng đứa em nhỏ mới sinh.

Sau đám tang vợ một thời gian ngắn, ông Sắc đưa các con về quê. Để chuẩn bị cho các con đi thi sau này, ông Sắc đã đổi tên Nguyễn Sinh Khiêm thành Nguyễn Tất Đạt, còn Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành vì chữ "Khiêm" là chữ húy của vua Tự Đức. Năm 1905, ông Nguyễn Sinh Sắc lại đưa Tất Đạt và Tất Thành vào Huế. Vào Huế lần này, hai anh em Tất Đạt, Tất Thành được học ở Trường Tiểu học Pháp -Việt Đông Ba, năm 1908 chuyển lên học Trường Quốc học Huế. Sau vụ tham gia biểu tình chống thuế năm 1908, đến năm 1909, Nguyễn Tất Thành bí mật rời Huế vào Nam.

Qua lời kể của ông Cả Khiêm và bà Thanh về ngôi nhà Thành Nội, trong bài Đi từ giữa một mùa sen, nhà thơ Thanh Tịnh có thơ tả rất chi tiết: "Ăn nhờ ở đậu lân la/ Mới thuê được một căn nhà hướng Nam/ Xế hiên một gốc mai vàng/ Trước sân bông bụt một hàng rào thưa/ Bên này nhà chú thợ cưa/ Bên kia nhà một viên

thừa bộ binh/ Dãy nhà gian ngói bếp tranh/ Chênh chênh nhìn phía cổng thành Đông Ba...".

Trải trăm năm biến động, đến nay ngôi nhà 112 Mai Thúc Loan, Huế vẫn còn trên nền đất cũ. Năm 1901, sau khi bà Hoàng Thị Loan mất, cụ Nguyễn Sinh Sắc không thuê ngôi nhà đó nữa. Sau đó, căn nhà được một gia đình khác thuê lại. Một trong những người con gái của gia đình đó là bà Nguyễn Thị Thịnh, 84 tuổi, hiện cư trú ở Nha Trang. 5 năm trước, bà được Bảo tàng Hồ Chí Minh mời ra Huế để tham gia đóng góp ý kiến về việc phục chế lại ngôi nhà cùng toàn bộ nội thất từ chiếc giá sách của ông đồ Sắc đến chiếc xa quay, khung cửa, cánh võng, nón lá, yếm, khăn, đôi quang gánh của bà Hoàng Thị Loan. Đồng thời, các cơ quan hữu quan tổ chức thu thập tranh ảnh và những câu chuyện có liên quan đến thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế để di tích thêm sống động.

? Tháng 7-1909, Nguyễn Tất Thành theo cha vào nhậm chức tri huyện ở Bình Định. Tại đây, Bác Hồ đã tham gia khoa thi Tổng sư. Bạn hãy cho biết đôi nét về sự kiện này.

Sau khi bị triều đình Huế cho thôi chức Thừa Biện Bộ Lễ, ngày 1-7-1909, ông Nguyễn Sinh Sắc được chuyển đến làm Tri huyện ở huyện Bình Khê, một huyện vùng sâu, hẻo lánh thuộc tỉnh Bình Định. Nguyễn Sinh Sắc đã đưa Nguyễn Tất Đạt về quê sống cùng chị gái và

đưa Nguyễn Tất Thành đi cùng vào Bình Định. Nguyễn Tất Thành đã cùng cha thực hiện cuộc hành trình vào Nam, qua Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Sơn và dừng lại ở Quy Nhơn.

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã nhờ người quen ở Huế gửi Nguyễn Tất Thành ở trọ nhà ông Đốc học Quy Nhơn là Nguyễn Hữu Thọ để học tiếp chương trình tiếng Pháp, đồng thời nhận dạy kèm thêm tiếng Pháp và các môn khoa học sơ đẳng cho số thầy đồ chuẩn bị thi hương Trường Bình Định (khoá Kỷ Dậu 1909) và các ông cử, cậu tú có nhu cầu học thêm để được sớm bổ nhiệm.

Ông Phạm Ngọc Thọ[1] có vợ là bà Công Tôn nữ Chánh Tín (cháu nội Tuy Lý Vương). Ông Phạm Ngọc Thọ đã từng dạy Pháp văn cho Nguyễn Tất Thành tại Trường Pháp – Việt Đông Ba (Huế). Bà Công Tôn nữ Chánh Tín là em ruột của cụ Ưng Dự, người cũng từng dạy Pháp văn cho Nguyễn Tất Thành ở Trường Pháp – Việt Đông Ba và lớp chiều (Cours du soir) tại Ngã Giữa.

Cuối năm 1909, Quy Nhơn mở khoa thi lấy Tổng sư đầu tiên. Ông Phạm Ngọc Thọ đã khuyên Nguyễn Tất Thành nên tham gia kỳ thi này, nhưng phải đổi tên họ để tránh sự theo dõi của chính quyền thực dân. Nguyễn Tất Thành đã nộp đơn ứng thí với cái bằng tiểu

1 Ông Phạm Ngọc Thọ là thân sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch, lúc đó là trợ giáo hạng nhì (instituteur auxiliaire 2e classe) của Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn.

học mang tên Nguyễn Sinh Côn. Anh hi vọng chính quyền thực dân sẽ không biết về thân thế và những hoạt động của anh trong việc làm phát ngôn giúp nhân dân Huế chống thuế năm 1908.

Viên chánh chủ khảo khoa thi Tổng sư năm ấy là thầy Hồ Đắc Quỳnh, người đã dạy học anh ở Trường Pháp – Việt Đông Ba tại Huế. Một phần do có kiến trức rộng, uyên bác và khả năng sư phạm, một phần vì tình thầy trò cũ, khoa thi Tổng sư năm ấy Nguyễn Tất Thành đã được chấm đỗ đầu bảng. Nhưng khi danh sách những người mới trúng tuyển được chuyển đến tên Công sứ Pháp ở Bình Định là Friès (tên công sứ đã có thành tích dìm phong trào chống thuế ở Bình Định trong biển máu) đã không công nhận và gạch tên Nguyễn Sinh Côn ra khỏi danh sách.

? Tháng 8-1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Rang, tại đây anh chứng kiến một cảnh tượng đầy phẫn uất: "Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó". Điều này càng thêm nung nấu ý chí quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của anh. Hãy kể về sự kiện này?

Trên con đường rời quê hương vào Nam, Nguyễn Tất Thành đã qua nhiều nơi. Cuối năm 1909, anh cùng cha đến Quy Nhơn, ở nhà ông Phạm Ngọc Thọ. Sau khi chia tay cha, anh nán lại nhà ông Phạm Ngọc Thọ một thời gian để chuẩn bị cho một chuyến đi xa. Ông Phạm Ngọc Thọ kính trọng quan thừa biện Nguyễn

Sinh Huy và rất mến Tất Đạt, Tất Thành. Tuy vốn liếng tiếng Pháp của Tất Thành đã khá, nhưng ông vẫn thấy cần phải bồi dưỡng thêm cho anh. Tất Thành rất yêu quý Phạm Ngọc Thạch (bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, sau này là Bộ trưởng Bộ Y tế nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa), con trai ông Thọ. Cả nhà ông Thọ ai cũng mến Tất Thành.

Nguyễn Tất Thành định ra đi sớm hơn nhưng ông Thọ bàn với anh nên chậm lại, chờ ông đi vào Nam một thể. Ông đã có lệnh thuyên chuyển từ Trường Pháp – Việt (Bình Định) vào dạy học ở Phan Thiết.

Vào một ngày đầu thu tháng 8-1910, Nguyễn Tất Thành tạm biệt Quy Nhơn đi vào Sài Gòn.

Phong cảnh tươi đẹp, đất đai màu mỡ, rừng vàng biển bạc, nhưng đâu đâu cũng thấy có những con người lam lũ, rách rưới.

Lần theo ven biển đi đến Phan Rang, anh thấy một cảnh tượng lạ lùng: Biển như đang nổi giận, sóng cồn lên dữ dội. Một chiếc tàu Pháp đang lù lù trước mặt, nhưng vì sóng dữ, không cập bến được. Mấy tên Pháp vung tay chỉ trỏ và thét to. Mấy người Việt Nam bơi ra tàu. Trong lúc vật lộn với sóng biển, có người mất hút. Trên bờ có tiếng kêu thất thanh và tiếng khóc ai oán của bà con ngư dân, xen lẫn tiếng cười ha hả của mấy người Pháp. Thành xúc động và căm uất. Hình ảnh đó còn lưu mãi trong trí nhớ của anh. Mấy năm sau anh còn nhắc lại với một người bạn:

"Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa da vàng hay da đen cũng không đáng một xu"[1].

Sự kiện này đã có ảnh hưởng rất lớn sự phát triển tư tưởng của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành, càng hung đúc thêm ý chí quyết tâm ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

? Trên đường vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã ghé lại Phan Thiết. Tại đây Người đã được nhận vào dạy học ở Trường Dục Thanh. Xin cho biết vài nét về ngôi trường này.

Tháng 9-1910, trên đường từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân tại Phan Thiết. Anh xin vào dạy học tại Trường Dục Thanh do gia đình cụ Nguyễn Thông, một nhân sĩ yêu nước, lập ra được vài năm[2]. Được sự giới thiệu của cụ Nghè Trương Gia Mô, Nguyễn Tất Thành được nhận vào dạy học ở Trường Dục Thanh.

---

1 Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Sự thật, H., 1984, tr. 24.

2 Năm 1960, tập sách Bác Hồ do nhiều tác giả viết, được Nxb. Văn học in tại Hà Nội. Khi đọc bài Quê hương và thời niên thiếu của Hoài Thanh và Thanh Tịnh viết, Bác nói với đồng chí thư ký: "Bác không có ý định dùng lại Phan Thiết song đến đó thì tiền lộ phí đã cạn mới quyết định ở lại tìm việc làm để có tiền đi tiếp cuộc hành trình. (Xem Hồ Chí Minh – biên niên tiểu sử, Sđd, tr. 34)

Trên đường vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân dạy học ở trường Dục Thanh, Phan Thiết từ 9-1910 đến 2-1911.

Trường Dục Thanh do *Công ty Liên Thành* bảo trợ và *Liên Thành thương quán* trực tiếp phụ trách. Tên gọi của trường: "Dục Thanh" có nghĩa là trường giáo dục thanh niên. Trường nằm trong khuôn viên đất của cụ Nguyễn Thông. Cụ là một nhà nho nghiên cứu giáo dục, lịch sử, địa lý và là nhà thơ yêu nước. Quê ở huyện Tân Thạnh, Gia Định (nay là huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An), khi cụ đang ở Huế thực dân Pháp chiếm Gia Định, cụ đã xin tòng quân vào chiến đấu ở Nam Kỳ. Khi lục tỉnh Nam Kỳ bị mất vào tay giặc Pháp, cụ trở ra Bình Thuận. Cuối đời, cụ giữ chức Phó sứ điền nông kiêm đốc học. Cụ mở lớp học và dựng nhà để tiếp đãi bạn bè các nơi đến Phan Thiết.

Khi cụ mất, con trai trưởng của cụ là Nguyễn Trọng Lội (hay còn gọi là Ấm Năm) tiếp tục trở thành nơi qua

lại cho những người yêu nước. Khi Phan Châu Trinh đến đây và lâm bệnh năm 1905, ông đã được hai anh em ông Lội tận tình chăm sóc và kết thân. Được sự khuyến khích của Phan Châu Trinh, ông Lội đã phụ trách "Liên Thành thương quán" của công ty Liên Thành. Đến năm 1907, ông Nguyễn Trọng Lội mở Trường Dục Thanh. Trường do ông Nguyễn Quý Anh (Ấm Bảy) làm hiệu trưởng.

Trường cất bằng gạch, lợp ngói âm dương nhìn ra con sông Mương Máng. Một cây cổ thụ phía trước, một hồ sen phía sau trường tạo ra một khung cảnh thích hợp cho học tập và tư duy. Trường tổ chức rất quy củ, có cả chỗ nội trú và phòng ăn cho thầy giáo và học sinh. Đồng bào địa phương ủng hộ mục đích cao cả của trường, tự nguyện hiến ruộng cho trường để có hoa lợi làm học bổng cho học sinh.

Trường Dục Thanh mô phỏng theo Trường Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, coi trọng chữ quốc ngữ, đồng thời có giảng dạy chữ Hán và tiếng Pháp. Học sinh được học toàn diện về cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, thể dục thể thao và văn nghệ. Cạnh trường có "Liên Thành thư xã" chuyên bán các sách báo tiến bộ do ông Nguyễn Hiệt Chi phụ trách với tôn chỉ được ghi trên câu đối treo ở trước cửa "Liên Thành thư xã":

"Cùng nhau xóa bỏ lề thói cũ,
Chung lòng cổ động lối duy tân"

Nhận thấy sự tồn tại của Trường Dục Thanh không có lợi cho nhà cầm quyền, công sứ Garnier đã ra lệnh đóng cửa Trường vào tháng 9-1920.

? Ở Trường Dục Thanh, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã dạy những môn học nào?

Vào thời điểm này, Dục Thanh là một trường học tiến bộ nhất miền Trung. Tiếng tăm của nó truyền đi khắp nơi, thu hút nhiều người yêu nước quan tâm đến vận mệnh dân tộc, trong đó có Nguyễn Tất Thành.

Trường có 4 lớp tiểu học, với non 100 học sinh trên dưới 10 tuổi, ăn mặc cách tân, phần lớn là con em các gia đình khá giả có cảm tình với phong trào Duy tân trong tỉnh. Trường có hai ban: Hán văn do các ông Nguyễn Quý Anh và Trần Đình Phiên phụ trách; Pháp văn do thầy Hải, Tây lai và thầy Của cựu xếp ga Phan Thiết phụ trách.

Tại Trường Dục Thanh, Nguyễn Tất Thành phụ trách dạy Hán văn, thể dục và quốc ngữ ở lớp nhì. Trong giờ dạy của mình, Nguyễn Tất Thành luôn chú ý dạy cho học sinh các bài thơ yêu nước. Để giúp cho học sinh hiểu hết được ý nghĩa sâu sắc của các bài thơ này, thầy Thành đặt câu hỏi cho các em trả lời rồi giảng giải cặn kẽ từng từ một cho các em hiểu. Để học sinh cảm nhận sâu sắc cái nhục mất nước, thầy Thành đã giảng những bài thơ của Phan Bội Châu như "*Đề tỉnh quốc dân ca*"

hay "*Bài ca húi tóc*". Thầy Thành giảng cho học sinh hiểu tư tưởng của Rousseau, Montesquieu, Voltaire... những văn hào và triết gia Pháp đã đề xướng những thuyết nhân đạo, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái trong khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thầy Thành còn khuyến khích các em đọc sách, nhất là những loại sách giáo dục nhân cách và lòng yêu nước, thương dân để giáo dục nhân cách cho các em. Đối với các học sinh lớn tuổi hơn, thầy cho đọc những tác phẩm văn học nổi tiếng của Pháp. Mỗi tháng đôi lần, thầy giáo Nguyễn Tất Thành dẫn học sinh lên chơi động Thành Đức. Thầy trò mang theo cơm nước, ăn uống, nghỉ ngơi, trò chuyện bên gốc cây thị đến chiều tối mới về.

Là giáo viên trẻ nhất trường, thầy Thành kiêm luôn dạy thể dục buổi sáng và hướng dẫn học sinh tham quan các thắng cảnh, di tích lịch sử tại địa phương.

Sân trường rộng và bằng phẳng được dùng làm nơi tập thể dục đồng thời tập các môn thể thao khác như bóng chuyền, bóng rổ và bóng đá cho học sinh. Khi trời vừa rạng sáng, thầy Thành gọi các em ra tập thể dục, tiếng hô của thầy trò vang cả một vùng. Vào những ngày nghỉ, thầy Thành thường dẫn học sinh đi tắm biển hoặc quây quần nghe thầy kể chuyện.

Trong quá trình dạy học tại Trường Dục Thanh, thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã chinh phục và cảm hóa được lớp trẻ của Trường, của thị xã Phan Thiết bằng sự

nhiệt tình, sự tận tâm và bằng cái đẹp của tâm hồn. Anh tiêu biểu cho một kiểu mẫu thầy giáo và thanh niên mới: sống có lý tưởng trong sáng, có lòng ham muốn học hỏi và nhất là có ý chí cứu nước, cứu dân.

? Sống trong môi trường mới, từ người học sinh thành người dạy học, Nguyễn Tất Thành đã có bước trưởng thành nhảy vọt. Hãy cho biết những những chuyển biến về mặt tư tưởng của Người trong thời gian dạy học ở Trường Dục Thanh?

Những ngày dạy học ở Trường Dục Thanh, từ vị trí người học sinh thành người dạy học, Nguyễn Tất Thành đã có bước trưởng thành khá quan trọng. Trên bục giảng tiếng nói của thầy Thành luôn luôn thu hút lắng nghe của học trò. Thầy hết lòng truyền đạt không chỉ tri thức mà còn là tư tưởng tiến bộ – hơi thở của thời đại vào những tâm hồn tuổi thơ, gieo vào tâm trí thế hệ tương lai đất nước một nỗi niềm suy tư về vận mệnh đất nước. Thầy Thành không chỉ là thầy giáo mà còn là người dẫn đường cho tuổi trẻ hướng tới tương lai bằng ý chí tự chủ.

Thầy là tấm gương sáng về tinh thần tự học. Thời gian rãnh thầy thường đọc sách tại Ngoa Du Sào – một thư viện có nhiều sách hay. Thầy sống hòa đồng với học sinh. Những ngày nghỉ học thầy thường tổ chức cùng các em đi tham quan để bổ sung thêm kiến thức xã hội. Thầy còn là người bạn tin cậy, luôn giúp đỡ các em, không quát mắng mà chỉ ôn tồn khuyên bảo khi các em có khuyết điểm, khuyến khích các em khi có bước

tiến bộ. Thầy hòa đồng với lối sống của nhân dân lao động. Thường lui tới xóm chài lưới, học hỏi ngư dân nhiều điều hay trong tự nhiên, xã hội. Ai gặp thầy Thành đều có ấn tượng tốt.

Tuy Nguyễn Tất Thành không xác định cho mình dừng chân nơi Phan Thiết lâu dài, song thầy vẫn sống và làm việc hết mình với những con người ở đây. Nơi đây đã gắn bó nhiều kỷ niệm đẹp của cuộc đời – đó là những cảm xúc được làm người dẫn dắt trí tuệ và tâm hồn thế hệ trẻ. Là bước khởi đầu của một sự nghiệp dẫn đường, chỉ lối cho cả dân tộc vào một thời đại mới. Bài học đầu tiên mà thầy dạy cho học sinh là bài học về lòng yêu nước, thương dân và hình thành ở các em ý thức trách nhiệm với Tổ quốc.

Sau này trong hoạt động cách mạng, Bác Hồ không có thì giờ dạy học, tuy Bác vẫn thường giảng dạy, nói chuyện ở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị cho các cán bộ cách mạng, nhưng Bác thường xuyên chăm lo việc học tập cho nhân dân cán bộ ta. Người đề ra chủ trương phải làm cho mọi người "ai cũng được học tập". Bởi vì, "một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", mà "đã yếu thì hèn, đã hèn thì dại". Vì vậy, Người đặc biệt quan tâm phát triển giáo dục, ngay sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công.

Việc Nguyễn Tất Thành dừng chân, dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết) có ý nghĩa rất quan trọng đối với cuộc đời của Người. Nó là bước chuẩn bị cho cuộc hành trình cách mạng gần 60 năm, từ khi

Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi qua đời. Có thể nói, "*tại trường Dục Thanh Bác Hồ đã mở đầu sự nghiệp giáo dục thanh niên Việt Nam lòng yêu nước thương nòi, có ý chí quyết tâm cứu nước. Theo con đường của Bác, các thế hệ thanh niên Việt Nam kế tiếp nhau đã hoàn thành xuất sắc sứ mạng lịch sử của mình*"[1].

? Thời gian thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học ở trường Dục Thanh đã để lại trong tâm trí lớp học trò hồi ấy nhiều kỷ niệm khó quên. Sau này, nhiều người đã kể lại những kỷ niệm của mình với lòng tôn kính về một người thầy đã xa. Hãy nêu một vài câu chuyện về quãng thời gian ấy?

Cụ Nguyễn Đăng Lầu (Cửu Lâu, 1897-1978) quê ở Đức Thắng, Phan Thiết, kể lại: "...Năm 1908-1909, ông thân sinh tôi cho tôi đi học tân thư tại trường Dục Thanh-Phan Thiết. Tôi nhớ, dạy ở trường Dục Thanh tất cả có 6 thầy: thầy Cung, thầy Hải, cậu ấm Bảy-tức Nguyễn Quý Anh, chú ruột của Nguyễn Quý Phầu, thầy Nguyễn Tất Thành... Trong số thầy giáo, thầy Thành trẻ hơn hết...".

Gia phả họ Huỳnh (Huỳnh Phái phổ lục) cho biết rõ: "...Năm Bính Ngọ -1906, tại Phan Thiết, các thân hào, nhân sĩ: ông Nguyễn Trọng Lội (con cụ Bố chánh Kỳ Xuyên Nguyễn Thông), Nguyễn Quý Anh (em ông Nguyễn Trọng Lội), Ngô Văn Nhượng, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi và Trần Lệ Chất đã hô hào, cổ động

1 Đại tướng Chu Huy Mân, trích theo sổ ghi cảm tưởng tại khu di tích Dục Thanh.

Trường Dục Thanh, Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, nơi Nguyễn Tất Thành dạy học trước khi vào Sài Gòn.

và thành lập ra Công ty Liên Thành. Thương quán này có mục đích là gây tài chính để đào tạo nhân tài, bằng cách cho học sinh ưu tú xuất dương du học tại các nước tiên tiến. Không quản công tiếc của, ông Huỳnh Văn Đẩu cổ động cho công ty, hùn vào một số tiền lớn và nhậm chức quản lý đầu tiên.

Năm 1907, hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội, ông Trần Lệ Chất lập "Liên Thành thơ xã" tại nhà võ ca đình làng Phú Tài. Tại đây có mở lớp học tối do ông trợ giáo Nguyễn Hiệt Chi phụ trách Hán văn, ông phán sự Lệ Chất thì đảm nhiệm phần Pháp văn... Sách học và tài liệu giảng dạy do Đông Kinh Nghĩa Thục sáng tác, biên khảo. Ông Đình nguyên Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ, bạn thân giao của ông Trần Lệ Chất, gửi vào. Cũng trong năm ấy, cụ Tấn sĩ

Minh viên Huỳnh Thúc Kháng, cụ Tấn sĩ Thái xuyên Trần Quý Cáp, và cụ Cử nhân Tây Hồ Phan Châu Trinh, cùng ông Nguyễn Quý Anh (lúc ấy trọ học tại Bình Định), vào Phan Thiết tìm cách xuất dương. Cụ Trần Quý Cáp là một danh sĩ và là nhà cách mạng, là người sau đó bị án yếu trảm (chém ngang lưng) tại bến sông cửa nam cổ thành Khánh Hòa...

Khi mới đến Phan Thiết, ba cụ được ông Trần Lệ Chất mời về nhà, sau lại được mời về nhà ông Nguyễn Trọng Lội. Thời gian này, các cụ có tổ chức nói chuyện tại nhà võ ca của đình làng Phú Tài. Thân sĩ, thân hào trong tỉnh đến dự khá đông đảo. Sau chừng một tháng thì hai cụ Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp trở về Quảng Nam, riêng cụ Phan còn ở lại hai tháng do bị bệnh kiết lỵ... Cũng chính trong năm ấy, sau bàn bạc, các thân sĩ lại mượn nhà ông Nguyễn Trọng Lội để lập Dục Thanh nghĩa thục, do ông Nguyễn Quý Anh làm hiệu trưởng. Trong ban giảng huấn về sau có ông Nguyễn Tất Thành, con cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (tức Nguyễn Sinh Huy) dạy cho trường, khoảng 10 tháng sau xuất dương sang Pháp...

Học sinh theo học ở trường Liên Thành khá đông và một số là con em của các thân sĩ Nam Việt gửi ra trọ học. Ông Huỳnh Văn Đẩu có hiến vào nhà trường một sở ruộng 10 mẫu để có huê lợi và cung cấp vào các chi phí. Còn đa số nhân viên Công ty Liên Thành và giáo sư trường Dục Thanh nghĩa thục là những đồng chí Nghệ Tĩnh và Quảng Nam đưa vào...

Cụ Cửu Lâu, học trò của Bác kể lại: "Thầy Thành chuyên dạy lớp nhì và lớp ba. Thỉnh thoảng thầy cũng dạy lớp nhất và lớp tư. Thầy dạy các môn Pháp văn, toán, thỉnh thoảng có dạy chữ Hán. Thầy Thành còn dạy thể dục mỗi ngày hai buổi, buổi sáng lúc 6 giờ, buổi chiều lúc 5 giờ. Sau khi tập thể dục buổi sáng xong, tất cả xếp hàng đi vào lớp học. Vào lớp rồi, tất cả đứng vòng tay hát bài "Bài ca ái quốc". Đây là bài được soạn lại dựa nội dung bài "Tính quốc hồn ca" dài 722 câu của cụ Phan Châu Trinh viết năm 1907. Tôi còn nhớ một đoạn:

Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc
Mấy ngàn năm khai phá đến nay
Á châu riêng một cõi này
Giống vàng ta cũng xưa nay một loài
Vuông dặm đất, ba mươi mấy vạn
Nào bạc vàng nhan nhản thiếu chi
Đồng tươi, ruộng tốt tư bề
Có điều lợi đất ai bì được đâu...

Ca rồi, đợi thầy rung chuông ra lệnh, học sinh mới được phép ngồi và bắt đầu học. Thầy Nguyễn Tất Thành tính tình bao dung và thương học trò. Thầy coi học trò như bầy em ruột của thầy, không phải một đôi lớp, mà từ lớp nhất đến lớp tư đều thương mến thầy. Có một ít trò nhiều khi trả bài thường quá sợ mà quên, thầy bảo: "Đừng sợ! Không việc chi mà sợ. Cứ bình

tĩnh mà trả bài, nếu chưa thuộc thì học lại". Vào ngày chủ nhật, thầy thường dắt học sinh đi chơi nhiều nơi, như ở bãi biển Thương Chánh, khi nước cạn ngoài cồn thật mát mẻ; hoặc bên Tòa sứ cũ-tức nơi tỉnh đóng bây giờ. Thời ấy đất còn trống, cây hoa sứ rất nhiều, ngày chủ nhật công chức nghỉ, đóng cửa, nên học trò chơi giỡn thoải mái. Trong những buổi đi chơi như thế, thầy giảng thêm về lịch sử, đất nước. Nhiều lần, thầy chỉ vẽ trò chơi cho học trò và cùng vui chơi nên thầy trò rất cảm mến nhau. Hồi ấy ở Phan Thiết chỉ có học trò trường Dục Thanh là hớt tóc hết, còn các trường công và trường tư khác ít người hớt tóc. Lúc ấy có bài "Khuyên hớt tóc" (tác giả là cụ Huỳnh Thúc Kháng) chính thầy Thành đọc cho học trò cả trường đều viết để học thuộc lòng, tôi còn nhớ:

...Duy tân lúc bấy chừ là phải
Tóc cúp đi là dại mới chừa cho
Biết ăn mà chẳng biết lo
Lửa đã đạp đến gò mà chẳng biết
Người chẳng tiếc sao tóc, da còn tiếc
Nghĩ cái đời dại thiệt chớ khôn đâu!
Muốn ăn, ngồi đợi kẻ và
Còn mang thói cũ ắt là hư thân...

Thầy Nguyễn Tất Thành ăn mặc rất giản dị, thường mặc áo dài đen bằng vải san đầm và quần trắng vải

quyến, đội mũ két bao vải trắng, chân đi guốc... Chúng tôi không bao giờ quên hình bóng thân thương ấy!".

Bác Hồ vào Phan Thiết dạy học ở trường Dục Thanh của Hội Liên Thành. Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi ở Bộ Y tế là học trò của thầy Thành kể lại:

- Thầy giáo Thành dạy lớp ba, thầy thường mặc áo vải, chân đi guốc. Trong giờ địa lý, thầy giáo Thành dạy tiếng Pháp, tôi còn nhớ mãi buổi học đầu tiên của thầy Thành: "Montagne" là núi, "rivière" là sông

Núi kia là núi của ai
Sông xanh nước biếc chảy dài đi đâu?

Thầy giáo Thành bảo núi thì có rừng. Trên rừng rất nhiều gỗ quí như lim, trai, sếu, táu, vàng tâm, v.v... Có nhiều cây thuốc quí, có nhiều muông thú như hổ, báo, hươu, nai, voi... Trong núi có nhiều khoáng sản như vàng, bạc, châu báu, dưới sông có nhiều cá ngon, nước sông có nhiều phù sa, nên nguồn nước ấy lại tưới cho đồng ruộng thì màu mỡ tươi tắn. Tổ tiên ta kiên cường, giang sơn ta gấm vóc: thầy giáo Thành dạy chúng tôi như vậy?

Ông Chi học xong rồi đi du lịch. Ông thắc mắc tại sao thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy rừng núi, sông ngòi, đất đai là của ta. Thế mà bây giờ Tây nó lại lấy. Đời sống của người lao động thì khổ cực, nghèo đói. Ngày ngày làm nghề thuốc tiếp xúc với người bệnh, bao nhiêu câu hỏi đã gieo vào đầu óc ông: tại sao người

đàn bà làm vất vả, sớm tối ngày đêm sương gió, thế mà chỉ có một cái yếm bằng vải và chiếc khố tải che thân? Người đàn ông cũng chỉ có cái quần đùi? Các em bé tám chín tuổi vẫn trần truồng chưa có áo quần mặc? Ông Chi suy nghĩ và càng thấm thía những lời giảng của thầy giáo Thành gieo vào lòng tuổi trẻ nhiều ý nghĩa. Ông và các bạn ở Trường Dục Thanh cũ dần dần ghét Tây. Từ đó ông bắt đầu đi tìm cách mạng và ông cũng như nhiều bạn bè khác trở nên người cộng sản.

? Đầu năm 1911, Nguyễn Tất Thành đã đến thành phố Sài Gòn. Tại đây, Người đã ở đâu?

Việc dạy học ở Trường Dục Thanh chỉ là một bước dừng nghỉ chân trên con đường đi vào Nam của Nguyễn Tất Thành. Nam Kỳ thuộc địa là mảnh đất trực trị của thực dân Pháp. So với những vùng đất Nguyễn Tất Thành đã đi qua thì Sài Gòn đồ sộ, sầm uất hơn gấp nhiều lần. Đến đây, Nguyễn Tất Thành mới thấy rõ cách tổ chức cai trị, bóc lột tinh vi của tư bản Pháp. Sau khi hoàn thành việc xâm lược nước ta, thực dân Pháp triệt để khai thác có hệ thống các nguồn tài nguyên phong phú và nguồn lao động rẻ mạt. Đường sá, cầu cống, nhà máy mọc lên cùng với sự hình thành đội ngũ những người làm thuê – tiền thân của giai cấp công nhân. Họ có mặt đông đảo trong các nhà máy xay xát, xưởng cưa, nấu rượu, làm nước đá, các

Nhà số 5 đường Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở trước khi ra đi tìm đường cứu nước.

xưởng đóng tàu, sửa chữa ô tô, khuân vác hàng hóa ở bến cảng. Cuộc sống của họ vô cùng cơ cực. Người Pháp tự do cướp đất mở đồn điền quanh Sài Gòn để trồng chè, càphê, cao su để xuất khẩu. Cảng Sài Gòn được mở rộng, xây thêm kho, mộ thêm công nhân. Các tàu buôn nước ngoài ra vào tấp nập.

Thành phố này có rất nhiều người Pháp sinh sống tại đây. Ngay tại chợ Bến Thành, anh đã chứng kiến thái độ thô bạo của người Pháp - vốn được xem là rất văn minh đi khai phá cho dân tộc anh – đối với người Việt Nam, nhất là đối với phụ nữ. Ngay tại chợ Sài Gòn – nơi mà người ta bảo là một thành phố Pháp – bọn người Âu gác chợ đã giơ roi gân bò, dùi cui đánh vào những người phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối đi.

Sau một thời gian ngắn dừng chân dạy học tại Trường Dục Thanh (thị xã Phan Thiết), đầu năm 1911,

thầy giáo Nguyễn Tất Thành đã chia tay đồng nghiệp và học trò của mình để vào Sài Gòn. Cùng đi với anh vào Sài Gòn có cụ Nghè Trương Gia Mô, là bạn của cụ Nguyễn Sinh Sắc thời kỳ làm quan ở Huế. Ngoài ra còn có các cụ Hồ Tá Bang và Trần Lê Chất là hai trong số 6 người trong Ban quản trị Công ty Liên Thành.

Những ngày đầu mới đến Sài Gòn, cụ Nghè Trương Gia Mô bố trí cho anh Thành ở nhà cụ Lê Văn Đạt làm nghề bán chiếu ở xóm Rạch Bần, phía tây nam Sài Gòn. Vùng đất lúc này còn rất hoang sơ phải đến những năm 1920, khu vực này mới được khai phá và nhập vào nội thành. Nền nhà trước đây nằm ở đường Dumortier, nay là 185/1 đường Cô Bắc, quận 1. Sau vài ba ngày ở nhà ông Lê Văn Đạt, Nguyễn Tất Thành chuyển về ở cùng với anh em trong Liên Thành phân cuộc tại Chợ Lớn. Đây là chi nhánh của Công ty Liên Thành ở Phan Thiết tại Sài Gòn. Địa điểm này trước đây nằm tại ba căn nhà số 1, 2, 3 trên bờ Quai Testard, Chợ Lớn. Vào những năm 1920, kênh này được lấp để làm đường Tổng đốc Phương, nay là số 5 đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5[1].

Trong những ngày ở Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành xin vào học việc ở trường đào tạo công nhân. Đây là một trường dạy nghề khá chật hẹp, trên đầu các thợ học việc

1 Được Bộ Văn hóa – Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử ngày 16-11-1988 theo quyết định số 1288-VH/QĐ.

nhằng nhịt những dây cua-roa. Anh muốn trở thành một công nhân đứng máy. Người thành niên Nguyễn Tất Thành đã mang đến Sài Gòn bầu nhiệt huyết và cái mới trong cách nghĩ và cách sống. Giữa một xã hội phong kiến và thuộc địa coi khinh lao động chân tay, anh tự nguyện và hăm hở đi vào nghề thợ máy để có điều kiện tiếp xúc với kỹ thuật mới.

? Trong những ngày ở Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã làm nghề gì để sống?

Sau một thời gian ở Liên Thành phân cuộc, được sự giới thiệu của một người bạn, với cái tên dân dã là "anh Ba", Nguyễn Tất Thành tìm đến xin ở trọ nhà một ông cụ tên "ông già Đờn" ở một xóm thợ gần Bến Nhà Rồng, làm nghề bốc vác tại cảng. Bởi vì lần đầu tiên ra cảng Sài Gòn anh đã chứng kiến và cảm kích trước cảnh ông già dám phản ứng lại tên thầy cai ức hiếp dân lao động. Căn nhà lụp xụp của ông già Đờn nằm trong một con hẻm rất sâu gần Bến Nhà Rồng. Con hẻm sâu hun hút, phải vượt qua những bãi rác sình lầy, đường vào xóm lao động càng sâu càng quanh co, gấp khúc, có nhiều nhánh rẽ hai bên như xương cá. Ở đây được ít bữa, Thành càng cảm kích nỗi lòng sâu kín của ông già về cảnh nô lệ của dân tộc.

Không chịu để lệ thuộc vào người khác, Nguyễn Tất Thành đã dựa vào nghị lực và sức lao động của chính anh để kiếm sống với phương châm "tôi sẽ làm việc,

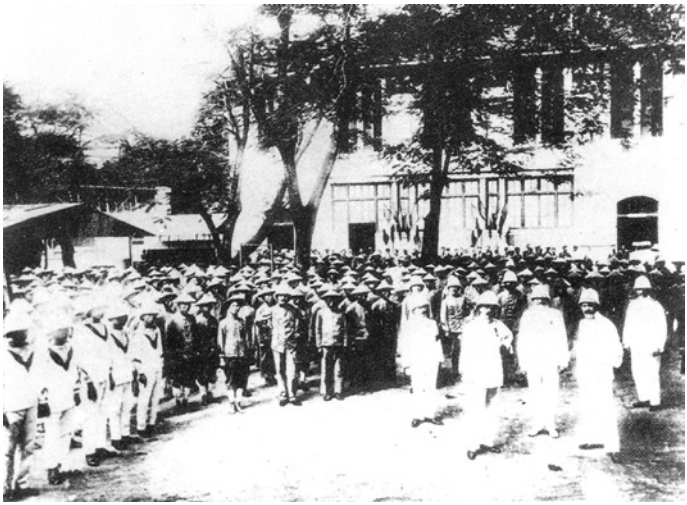

Trường Cơ khí Á châu Sài Gòn, nơi Nguyễn Tất Thành học nghề một thời gian ngắn đầu năm 1911.

tôi sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi". Để có tiền chi tiêu cho cuộc sống ở đây, Nguyễn Tất Thành đã nhờ ông già xin một chân làm "cu li bốc vác" tại Bến Nhà Rồng.

Hàng ngày, anh cùng đám thợ ra cảng, nhận việc không quản khó nhọc, có khi anh phải ngã sóng soài dưới sức nặng của những bao hàng, làm mọi người xung quanh rộ lên cười. Nhưng anh Ba không nản chí, vì đây là cách tốt nhất để anh tiếp cận với những con tàu buôn nước ngoài để tìm cách ra nước ngoài, học hỏi, tìm đường cứu nước.

Ban ngày, anh đầu tắt mặt tối với công việc của mình ở bến cảng, đêm về anh vẫn cần mẫn trau dồi thêm

tiếng Pháp và lục tìm, theo dõi những mẩu quảng cáo về thông tin các tàu buôn chạy hướng sang các nước châu Âu cập Bến Nhà Rồng.

Cũng nhờ tính chịu thương chịu khó, điềm đạm mà vẫn nhiệt tình với anh em thợ thuyền nên dần dần anh Ba được anh em phu khuân vác chấp nhận và rồi quý mến, nể trọng, dù ban đầu họ còn ái ngại về cái vẻ ngoài "thư sinh" của anh. Ngay cả những tên đầu bò cũng nể nang anh và dần dần chịu khó nghe những lời "thuyết giảng" của anh: do đâu mà dân ta khổ cực; do đâu lại có những nghịch cảnh như có nơi đèn đuốc sáng chưng phục vụ những cuộc chơi thâu đêm suốt sáng của bọn cầm quyền mà những người dân lao động không có lấy một ánh đèn, một ngọn gió từ cây quạt điện; những người thợ làm việc gò xương sống, vẹo xương sườn mà còn bị đòn roi, đá đít, bạt tai chẳng khác gì thân trâu ngựa, miếng ăn, cái mặc, nơi ở cũng chẳng hơn gì kiếp con vật... và muốn "đổi đời" thì anh em phải biết "cầu thị", chuyên tâm học hỏi, tìm tòi, tiếp thu những điều văn minh...

Có thể nói, Nguyễn Tất Thành đã vượt lên trên những người yêu nước cùng thời trong lĩnh vực tư tưởng xã hội bằng một phương thức chính xác để tìm chân lý, bằng tinh thần tự lực, tự cường đến cao độ và một quyết tâm sắt đá không gì lay chuyển nổi.

? Trong những ngày ở Sài Gòn chờ sang Pháp, Nguyễn Tất Thành cũng tranh thủ mở lớp học dạy chữ, khai tâm cho những người thợ bốc vác. Bạn biết gì về lớp học ấy?

Ở chung với những người phu khuân vác, anh Ba phải ngày ngày chứng kiến cảnh "sống cho qua ngày" của đám thợ: đi làm quần quật tối ngày, chẳng để ra được đồng nào, vậy mà cứ có chút tiền là rủ nhau mua rượu nhậu nhẹt và lập sòng bài chơi thâu đêm suốt sáng, ăn thua rồi cãi nhau, đánh nhau... Anh hiểu, buổi tối những người thợ ấy không biết làm gì, ngày chủ nhật cũng rảnh rỗi, tiền thì chẳng đủ ra phố chơi; nên đánh bài, nhậu nhẹt cũng là "một cách giải trí". Bằng uy tín của mình, anh đã giảng giải ích lợi của "cái chữ" cho anh em và động viên những người thợ bốc vác học chữ.

Lớp học được tổ chức ngay tại căn nhà lá lụp xụp của ông già Đờn, nép dưới bóng cây mận. Chính trong căn nhà này, trước đây trải chiếu làm nơi đánh bạc, nhậu nhẹt của anh em thợ thuyền, giờ đã đổi mới: cánh cửa kê làm bàn học, ở vách dựng lên một tấm ván thùng lượm ngoài cảng về làm bảng viết. Những người thợ, kể cả những "tay đầu bò" ngồi ngay ngắn lắng nghe lời thầy giáo Thành nói hôm khai giảng: Bọn cai trị dân bao giờ cũng đinh ninh cái điều "Dân ngu dễ trị, dân trí khó chăn". Cho nên, hễ ai quan tâm đến việc dân no cơm ấm áo, dân có chữ, dân hiểu biết là chúng triệt ngay. Vừa qua, trên khắp ba miền Trung, Nam, Bắc có các ông nghè, ông cử bị giết hại, bị đi đày Côn Lôn

chỉ vì "tội" hô hào dân sinh, dân trí... Chúng ta phải học để hiểu biết những bất công ấy, để có chí làm những công việc ích nước, lợi nhà...

Được anh Ba khai tâm, anh chị em thợ thuyền học rất chóng biết mặt chữ. Anh chú trọng dạy cho anh em phát âm thật đúng từ lúc còn đang tập đánh vần. Anh nắn tay cho từng người tập viết chữ thẳng hàng, ngay lối, đủ nét, đều đặn và rõ ràng. Anh cầm tay từng người hướng dẫn cách cầm bút, đưa bút lên nhè nhẹ để nét chữ thoáng, kéo bút xuống nhấn tay để nét đậm, vạch tròn vạch các chữ có "bụng" như a-d-đ-g-o-q... và cách đánh các dấu đúng vị trí của nó trong từng chữ.

Hàng ngày đi làm ngoài cảng, lúc sinh hoạt trong nhà, giữa anh Ba và anh em đều xưng hô thoải mái "mầy mầy", "tao tao". Nhưng lúc vào lớp học, ai cũng gọi anh Ba bằng thầy giáo.

Ông già Đòn lòng như trẻ lại khi thấy lớp học ngày càng đi vào nền nếp, ai cũng hứng thú học và kết quả ngoài cả sức tưởng tượng của ông. Ông vui nhất là đám thợ trẻ trong nhà ông không còn vùi đầu vào canh bạc và ẩu đả nhau vì sự được thua gian lận, cả đến nhậu nhẹt trong mỗi kỳ lãnh lương cũng đã giảm nhiều. Ông còn mừng vui hơn nữa là khi con người ta đã có học thì cũng sẽ có lòng tự trọng cao hơn và biết sống sao cho đáng sống, biết cư xử giữa người với người, đỡ phần tăm tối.

Chẳng bao lâu, lớp học trong nhà ông già Đờn được biết đến rộng rãi, anh em thợ đến xin học không còn chỗ để kê thêm bàn ghế. Và từ trong xóm thợ Bến Nhà Rồng giữa đêm dài nô lệ đã sáng lên một tiếng nói mới: *Chữ anh Ba.* Chữ anh Ba thắp sáng lên trong trái tim những người thợ...(!)

? Trong thời gian ở Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành đã có quan hệ thân thiết với cụ Trương Gia Mô. Cũng chính cụ nghè Mô là người đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn, sắp xếp nơi ăn chốn ở và giúp đỡ Nguyễn Tất Thành rất nhiều. Hãy cho biết vài nét về nhân vật này?

Trong thời kỳ dạy học ở Phan Thiết và những ngày đầu đến Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã nhận được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của cụ Nghè Trương Gia Mô, là bạn của cụ Nguyễn Sinh Sắc thời kỳ làm quan ở Huế, người đã giới thiệu Nguyễn Tất Thành vào dạy học ở Trường Dục Thanh. Những ngày đầu mới đến Sài Gòn, cụ Nghè Trương Gia Mô bố trí cho Nguyễn Tất Thành ở xóm Rạch Bần phía tây nam Sài Gòn. Sau vài ba ngày Nguyễn Tất Thành chuyển qua ở nhà ở nhà cụ Lê Văn Đạt, rồi về ở cùng với anh em trong Liên Thành phân cuộc tại Chợ Lớn. Trong thời gian này, giữa hai người có mối quan hệ thân thiết. Cụ Nghè Trương Gia Mô đã để lại ấn tượng rất sâu sắc đối với chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành.

Cụ Nghè Trương Gia Mô hiệu Cúc Nông, tự lúc đầu là Sư Thánh, sau đổi là Sư Quản, biệt hiệu Hoài Huyền

Tử, sinh năm 1866 tại làng Tân Hào, huyện Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Thân phụ là Trương Gia Hội (1822-1877), từng làm Tri phủ Hoằng Trị dưới thời Tự Đức, được thăng chức Binh bộ lang trung, về sau làm Tuần vũ Thuận Khánh (Bình Thuận và Khánh Hòa).

Tuy sinh ra tại Bến Tre, nhưng từ thời niên thiếu ông đã theo cha ra sống ở Thuận Khánh. Chính truyền thống của gia đình có ảnh hưởng không ít đến tính cách của ông. Thường mê đọc sách, ông đọc đủ loại, đêm khuya buồn ngủ, phải tự đánh mình cho khỏi ngủ gục, ban ngày ông luôn dắt quyển sách theo bên mình, để tranh thủ đọc những lúc rảnh rỗi.

Năm Nhâm Thìn, ông ra Huế (1892), được bổ nhiệm làm thừa phái bộ Công, mà sau này ông có kể lại trong bài thơ chữ Hán Tức sự. Chính vì là ấm sinh (con của cụ Trương Gia Hội), làm việc ở kinh, lại hay chữ, nên người ta nể phục và gọi ông là ông Nghè Mô, do đó người đời sau lầm tưởng ông có học vị tiến sĩ. Nhân Thượng thư Nguyễn Hợp được cử đi Pháp, Trương Gia Mô gửi một bản điều trần lên vua gồm 5 việc: 1-Mở rộng trường dạy chữ Pháp ở các tỉnh, dịch sách Pháp và Trung Quốc ra chữ quốc ngữ để tiện phổ biến, nhằm mở mang dân trí. 2-Chấn hưng công nghệ thực nghiệp, mở rộng việc khai hoang, chăm sóc, chữa bệnh cho dân nghèo. 3-Cách chức bọn quan lại tham nhũng, sàng lọc bọn vô dụng trong bộ máy công quyền. 4-Lập nghị viện mở báo quán để rộng đường dư luận. 5-Chỉnh đốn

hương tục, đẩy mạnh việc giáo hóa trong xã hội, ngăn ngừa sự đồi bại.

Ông cũng đã làm đơn xin sung vào phái đoàn của triều đình đi sứ sang Pháp, nhưng không được chấp thuận. Cả hai yêu cầu đưa ra đều bị bác bỏ, ông cởi áo từ quan, về sống ở Lục tỉnh một thời gian, sau đó lại trở ra Bình Thuận. Thời gian này, ông cùng với Nguyễn Lộ Trạch mưu tính chuyện xuất dương, nhưng không thành. Sau khi Nguyễn Lộ Trạch chết, ông về lại Nam Kỳ, dạy học ở Tân An và cũng trong dịp này ông đi khắp miền Lục tỉnh.

Năm 1904, Phan Châu Trinh sau khi từ quan, đã cùng Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp tổ chức chuyến "Nam du". Ở Bình Thuận, Phan Châu Trinh đã kết giao với Trương Gia Mô và cùng với các thân sĩ ở đây, hô hào duy tân cải cách, tổ chức công ty Liên Thành và Trường Dục Thanh.

Năm Mậu Thân (1908), ông bị bắt giam tại nhà lao Khánh Hòa với tội danh là đã tham gia vào tổ chức bí mật "đảng hội", nhưng sau đó ít lâu thì được tha. Trở về nhà lúc đã ngoài 40 tuổi, ông làm nghề bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong vùng. Cũng tại nơi làng Hà Thủy, tổng Đa Phước, tỉnh Bình Thuận này đã xảy ra cuộc gặp gỡ đầy lý thú giữa ông và Nguyễn Tất Thành. Nguyễn Tất Thành, qua thư giới thiệu của cụ Phó bảng, đã tìm gặp người bạn tín cẩn năm xưa của cha và đã được tiếp đón chu đáo. Để tránh sự theo dõi, dòm ngó của bọn mật thám, Trương Gia Mô đã gởi

Nguyễn Tất Thành cho một nhà sư yêu nước tại chùa Phước Quang trong thời gian ở tại Duồng. Vào đầu tháng 12, ông đưa Nguyễn Tất Thành đến thị xã Phan Thiết, vào dạy học ở Trường Dục Thanh. Mười tháng sau, ông trở lại, đưa Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn với cái tên mới Văn Ba, để rồi một thời gian ngắn sau, Văn Ba có mặt trên chiếc tàu L'Admiral Latouche Tréville sang Pháp.

Năm 1910, Trương Gia Mô vào Nam Kỳ và sống ở đây cho đến cuối đời. Ông giao du với những trí thức yêu nước ở Nam Kỳ như Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Cư, Nguyễn An Khương. Tuy nhiên, con người hành động và giàu nhiệt tâm này từng có mặt trong các phong trào yêu nước đã bị đổ vỡ vì ảo tưởng chính trị, nên bất đắc chí, buồn chán, có lúc uất ức đến giận dữ, đem đốt cả thơ mình, rồi đi tìm quên trong men rượu và khói thuốc phiện.

Ông đi nhiều nơi, gặp gỡ nhiều người, nhưng không làm sao khuây khỏa nỗi lòng. Trong chuyến từ Hà Tiên trở về núi Sam, một thắng cảnh của Châu Đốc, vào một đêm cuối năm 1929, người nho sĩ xông xáo của phong trào Duy Tân năm xưa đã gieo mình từ trên tháp cao của pháo đài xuống vực sâu để kết liễu đời mình. Các báo ở Sài Gòn lúc bấy giờ như tờ *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn*... đã đưa tin và bình luận về cái chết của ông với thái độ nể trọng và tiếc thương vô hạn. Nhiều trí thức và học giả nổi tiếng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đông Hồ... đều có thơ điếu họ Trương.

Tác phẩm của ông để lại gồm có *Gia Định tam linh liệt truyện* (chép tiểu sử và sự nghiệp của ba anh hùng kháng Pháp ở Nam Kỳ: Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp), *Thu hoài phú và Cúc Nông thi thảo* (cả hai tập thơ này đều thất lạc, chỉ còn lại 35 bài thơ chữ Hán và 10 bài thơ Nôm đăng trên báo *Nam Phong*). Ngoài ra, ông còn có một số bài thơ "giáo huấn" (dạy con, dạy học trò), một bài Tán đề trên tường đền thờ Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá và một số bài thơ truyền khẩu khác.

? ***"Nước mất thì lo mà cứu, con chỉ có một việc đó phải làm. Cứu nước túc là hiếu với cha rồi đó. Con hãy mạnh dạn lên đường".*** **Bạn hãy cho biết cụ Nguyễn Sinh Sắc đã nói câu nói trên ở thời điểm nào?**

Tháng 8-1910, Nguyễn Tất Thành rời Quy Nhơn lên đường đi vào Sài Gòn, quyết định thực hiện ý định đi sang phương Tây để tìm cho kỳ được giải pháp cứu nước mà các bậc tiền bối không thể tìm ra ở phương Đông.

Trên con đường đi từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành buộc phải dừng chân ở Phan Thiết vì đã hết tiền. Nhưng chỉ sau mấy tháng dạy học ở Trường Dục Thanh, một bộ phận của công ty Liên Thành do một nhóm sĩ phu trong hội Duy Tân thành lập, Thành được ông Nghè Trương Gia Mô, bạn của cha, đưa vào Sài Gòn.

Khi ông Nguyễn Sinh Sắc đến Phan Thiết thì Nguyễn Tất Thành không còn ở đây nữa, và theo sự chỉ dẫn của

gia đình ông Nghè Mô, ông Sắc đi thẳng vào Sài Gòn, đến nhà ông Lê Văn Đạt ở xóm cầu Rạch Bần (nay là số 185/1 đường Cô Bắc, TP. Hồ Chí Minh). Tại đây, ông Sắc đã gặp lại ông Nghè Mô và Nguyễn Tất Thành.

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc gặp lại con trong niềm hân hoan vô hạn, và hằng ngày ông đi xem mạch, kê đơn ở hai tiệm thuốc, cố dành dụm một số tiền cho con làm lộ phí.

Thấy cả cha và ông nghè Mô đều khổ sở mà vẫn chưa có được số tiền cần thiết cho chuyến đi của mình, Nguyễn Tất Thành nói: *"Việc của con, để cho con lo. Con có thể tự lực"*.

Hôm trước khi lên đường, Thành nhìn cha ái ngại[1]:

- Cha, hồi này sức khỏe của cha suy sụp quá nhiều, cha đã hy sinh cho con suốt bao năm dài, nuôi dưỡng, dìu dắt con từng bước đường đời. Nay đã từng tuổi này mà con chưa kịp báo đền, quả thật là bất hiếu, ra đi con chưa yên lòng.

- Nước mất thì lo mà cứu, con chỉ có một việc đó phải làm. Cứu nước tức là hiếu với cha rồi đó. Con hãy mạnh dạn lên đường. Cha chỉ ở quanh quẩn đất Sài Gòn này để trông tin tức của con.

- Xin cha hãy cố gắng giữ gìn sức khỏe, chờ tin con báo về.

---

1 Theo Mai Văn Bộ, Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh, Nxb.Trẻ, 2000.

Sau đó, khi đi ra nước ngoài, có vài lần Nguyễn Tất Thành gửi thư về cho cha nhưng đều không tới tay người nhận.

Thế rồi, sau gần 10 năm bặt tin, ông Nguyễn Sinh Sắc nhận được tin người thanh niên tên Nguyễn Ái Quốc đã viết "*Quyền của các dân tộc*" đăng trên nhiều tờ báo cả ở nước ngoài và được đưa về Việt Nam, chính là Nguyễn Tất Thành – con trai của ông. Hạnh phúc lớn nhất của ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là biết được con mình đang tiếp tục đi theo con đường yêu nước mà hai cha con đã cùng chọn. Từ đó, ông Sắc thường giao du với bạn bè, đi khắp đó đây, và cuối cùng, vì cho rằng Cao Lãnh có phong trào yêu nước mạnh hơn, ông quyết định đến sống hẳn ở đây.

Như vậy, dù không ở bên chăm sóc cho cha, nhưng Nguyễn Tất Thành đã làm tròn chữ hiếu, là làm cho cha mình vui lòng.

? Ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành đã ra cảng Nhà Rồng làm gì?

Để tìm cách đi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành chú ý đến khu bến cảng Nhà Rồng. Đây là một cảng sông, có tên gọi Nhà Rồng vì trên nóc ngôi nhà của Sở đại lý hàng hải Pháp có đắp hình hai con rồng chầu mặt trời nên người dân gọi đây là Nhà Rồng.

Lúc này, thực dân Pháp đang mở rộng việc khai thác thuộc địa. Tại thành phố Sài Gòn nhà cửa, cầu đường

và các cơ sở ăn chơi phục vụ cho bọn thực dân thi nhau mọc lên. Tại khu vực cảng Sài Gòn, nhiều cầu tàu, kho tàng, bến bãi được mở rộng. Tại đây, Nguyễn Tất Thành rất chú ý đến các hãng tàu, trong đó có hai Công ty tàu biển lớn chạy đường biển Pháp – Đông Dương là hãng Messageries Maritimes còn gọi là hãng "Đầu Ngựa" và hãng Chargeurs Réunis còn gọi là hãng "Năm Sao". Tên gọi này là do người dân đặt ra vì trên ống khói tàu của hãng Đầu Ngựa có sơn hình đầu con ngựa, còn hãng Năm Sao thì có sơn năm ngôi sao đỏ.

Hãng Đầu Ngựa có trụ sở nằm ngay trung tâm khu vực cảng, trên ngã ba rạch Bến Nghé và sông Sài Gòn. Đó là ngôi nhà có kiến trúc đặc biệt kiểu Á - Âu được xây dựng từ năm 1862 đến cuối năm 1863 thì hoàn thành. Ở bốn góc mái đều có trang trí hình đầu rồng. Chính vì lẽ đó mà người dân quen gọi ngôi nhà này là Nhà Rồng. Ngôi nhà vừa làm trụ sở của tổng đại diện hãng vừa là nơi ở của chủ hãng nên nơi đây gọi là Hotel des Messageries Maritimes.

Riêng hãng Năm Sao mới mở đường chạy thường xuyên từ Pháp sang Đông Dương và ngược lại. Khắp đường phố Sài Gòn, quảng cáo của hãng với hình vẽ con tàu rẽ sóng cùng hành trình: Tuaran - Hải Phòng - Xingapo - Côlômbô - Ghibuti - Poxaít - Mácxây - Boócđô - Lơ Havrơ – Đoongkéc in bằng tiếng Pháp và

tiếng Hán dán khắp nơi. Qua thăm dò tin tức, Nguyễn Tất Thành được biết hãng Năm sao đang tuyển người phụ việc trên tàu. Tất Thành quyết định xin một chân "bồi" trên tàu để có điều kiện sang Pháp.

Trưa ngày 2-6-1911, tàu của hãng Năm Sao từ cảng Đà Nẵng (Tuaran) vừa cập bến Sài Gòn. Nguyễn Tất Thành ra bến Nhà Rồng, anh lên thẳng tàu xin việc làm. Những người Việt làm bồi tàu đã giúp đưa anh đến gặp thuyền trưởng. Nhìn thấy anh mặt mũi khôi ngô nhưng dáng người gầy gò như thư sinh hơn là một người lao động, viên thuyền trưởng có vẻ ngần ngại. Ông ta hỏi anh:

- Anh có thể làm được việc gì?

- Tôi có thể làm bất cứ việc gì, anh trả lời.

Nghe câu trả lời của chàng trai, viên thuyền trưởng hứa:

- Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp, sáng mai anh đến đây nhận việc.

Vậy là anh đã có được công việc làm để thực hiện ý định đi sang phương Tây, nơi có trào lưu tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học kỹ thuật phát triển, nơi có nước Pháp và những sự khác biệt giữa người Pháp ở Việt Nam với những tư tưởng tiến bộ mà anh đã được tiếp xúc qua sách báo tiến bộ.

Ngày 3-6-1911, anh chính thức nhận việc trên tàu với tên gọi Văn Ba

? Trước khi lên đường sang Pháp, Nguyễn Tất Thành đã rủ một người bạn cùng đi. Đó là ai?

Sáng ngày mồng 3-6-1911, chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã tiến hành tỉ mỉ một kế hoạch đã được bàn kỹ với một người Việt Nam làm bếp dưới tàu và có mặt sáng sớm hôm đó để đón Thành lên tàu.

Nhưng trước khi bước chân xuống con đò nhỏ quen nghề chở khách lén lút trên sông Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đứng tần ngần hồi lâu nhìn không biết chán con tàu viễn dương Pháp lù lù trong sương sớm như một con quái vật khổng lồ sắp nuốt mình vào bụng nó, hết nhìn con tàu, Thành quay lại quan sát mấy con đường dẫn đến chỗ anh đứng, có vẻ sốt ruột lắm.

Phải, anh đang chờ một người bạn đồng hành đã cùng anh học tại Trường đào tạo công nhân kỹ thuật từ khi anh vào Sài Gòn. Chính người bạn Sài Gòn này, sau khi hai bên quen nhau đã dắt anh đi xem thành phố, giới thiệu với anh bao nhiêu là cảnh sinh hoạt hoàn toàn mới lạ của cái thành phố sầm uất này, như đưa anh đến trước tiệm cà phê của Pháp xem đèn điện, hay mời anh đi xem chiếu bóng và máy nước. Những cái đó trước kia anh chưa hề thấy.

Nhưng, vì anh cho thời gian đào tạo ba năm của Trường đào tạo công nhân kỹ thuật là quá dài so với kế hoạch ra đi của anh, nên Nguyễn Tất Thành

quyết định bỏ học và rủ người bạn tốt bụng cùng đi với mình.

Một hôm anh Lê (tên người bạn) mời anh ăn kem. Anh rất lạ. Lần đầu tiên anh mới nếm mùi kem. Thấy chỗ thân tình không cần phải giấu giếm nhau nữa, anh nghiêm trang hỏi bạn: "Anh Lê, anh có yêu nước không?"

Người bạn ngạc nhiên và đáp: "Tất nhiên là có chứ!".

- Anh có thể giữ bí mật không?

- Có.

Thành liền thổ lộ với bạn: "Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta".

Thấy bạn ngồi yên, Thành nói tiếp: "Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như khi đau ốm... Anh có muốn cùng đi với tôi không?"

Biết rõ hoàn cảnh túng quẫn của Thành, người bạn không giấu nổi sự băn khoăn: "Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?"

- Đây, tiền đây. Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay.

Trước sự sửng sốt của bạn, Thành nói: "Chúng ta đều khỏe mạnh, chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chứ?"

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của anh, không nỡ phụ lòng người bạn đáng mến, sau mấy giây im lặng, anh

Lê quyết định nhận lời. Thành thấy lòng nhẹ nhõm.

Nhưng sau khi suy nghĩ kỹ về cuộc phiêu lưu, người bạn không có đủ can đảm để giữ lời hứa.

Sáng hôm ấy, Thành đứng trên bến, trời đã sáng dần, giờ hẹn trôi qua đã lâu mà người bạn vẫn chưa thấy đến (?)

Nguyễn Tất Thành lặng người. Không còn nghi ngờ gì nữa, người bạn của anh đã bỏ cuộc rồi.

Anh đang suy nghĩ miên man thì người lái đò lên tiếng giục:

- Trời sắp sáng rồi, ta đi thôi!

Con đò nhỏ lướt nhanh trên mặt sông và chỉ mấy phút sau, nó đã nhẹ ngành cập sát mạn tàu L'Admiral Latouche Tréville. Một cái giỏ từ trên thả xuống. Thành ngồi vào và chiếc giỏ tức thì được kéo lên.

? Bạn biết gì về con tàu L'Admiral Latouche Tréville đã đưa Nguyễn Tất Thành lên đường đi tìm đường cứu nước?

Tàu L'Admiral Latouche Tréville – con tàu đã đưa Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước – thuộc hãng vận tải Sác-giơ Rê-uy-ni (Chargeurs Réunis) còn gọi là hãng "Năm Sao" do có in hình năm ngôi sao trên ống khói lớn.

Tàu L'Admiral Latouche Tréville chạy trên tuyến Pháp – Đông Dương. Đây là một con tàu lớn được hạ

Tàu L'Admiral Latouche Tréville,
nơi Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp khi rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước (6-1911).

thuỷ đã 8 năm của hãng Chargeurs Réunis. Tàu có trọng tải 5.572 tấn, dài 124,10m, rộng 15,20m, vừa chở hàng, vừa chở khách. Tàu chạy bằng máy hơi nước có 2.800 sức ngựa. Tàu có hầm lớn có thể chứa 900 tấn nước ngọt và đủ số than để chạy liên tục 12.000 hải lý mà không phải ghé bến. Trên tàu có buồng ngủ cho các sĩ quan, thuỷ thủ Pháp. Có phòng ăn, phòng hút thuốc lá và một dãy buồng cho 40 khách đi vé hạng nhất. Khoang dưới cùng ở giữa tàu là nơi đặt máy móc, nồi hơi và chỗ ngủ của người phục vụ trên tàu. Ở đây không khí ngột ngạt, tranh tối tranh sáng, suốt ngày đêm tiếng máy tàu chạy sình sịch làm rung chuyển những vách hầm. Tiếng ồn của máy khiến cho những người không quen rất khó ngủ.

Thuyền trưởng tàu là Louis Edward Maisen, 38 tuổi, quê ở vùng Dunkerque, miền Bắc nước Pháp.

Tàu rời bến Nhà Rồng ngày 5-6-1911; đến Singapore ngày 8-6-1911; đến Colombo (Ceylan) ngày 14-6-1911;

đến cảng Sa'id (Ai Cập) ngày 30-6-1911; đến Marseille (Pháp) ngày 6-7-1911 và cập bến Le Havre ngày 15-7-1911.

? Ở vị trí người phụ bếp tại khách sạn Carlton anh Ba (Bác Hồ) đã cho chúng ta một bài học về tính tiết kiệm. Hãy cho biết về câu chuyện này?

Sau chuyến đi châu Phi, anh Ba sang Luân Đôn, thủ đô nước Anh làm nghề phụ bếp tại khách sạn Carlton. Điều khiển nhà bếp là ông vua đầu bếp Escophier người Pháp. Trong thời gian làm việc ở đây, anh Ba đã cho chúng ta một bài học về tính tiết kiệm như sau:

"Mỗi ngày có một người dọn dẹp đồ đạc. Những người phục vụ, sau khi dọn chỗ khách ăn, phải dọn bát đĩa, bỏ tất cả chén bát và thức ăn lẫn lộn vào trong một cái thang điện đưa xuống bếp. Lúc bấy giờ người dọn dẹp phải để riêng ra một bên, để người ta đem đi rửa. Khi đến lượt anh Ba, anh làm rất cẩn thận. Đáng lẽ vứt thức ăn thừa vào một cái thùng, đôi khi còn cả phần tư con gà, những miếng bíttết to tướng, v.v... thì anh lại giữ gìn sạch sẽ và đưa cho nhà bếp. Chú ý đến việc này, ông già Escophier hỏi anh: "Tại sao anh không quẳng thức ăn thừa vào thùng như những người kia?"

- Không nên vứt đi. Ông có thể cho người nghèo những thứ ấy.

- Anh bạn trẻ ơi, anh nghe tôi. – Ông Escophier vừa nói vừa cười và có vẻ bằng lòng. – Tạm thời anh hãy gác ý nghĩ cách mạng của anh lại một bên, và tôi sẽ dạy

cho anh cách làm bếp, làm ngon và anh sẽ được nhiều tiền, Anh bằng lòng chứ?

Và ông Escophier không để anh Ba phải rửa bát nữa mà đưa anh vào chỗ làm bánh, với một số lương cao hơn."

Thật là một "việc lớn" xảy ra trong nhà bếp, vì đó chính là lần đầu tiên mà ông "vua bếp" làm như thế.

? Một nhân viên trên tàu L'Admiral Latouche Tréville đã kể lại: "Không bao giờ tôi đoán rằng người bạn nhỏ của tôi, người phụ bếp, anh Ba ngây thơ, siêng năng và ngoan ngoãn ấy, lại trở thành Chủ tịch Chính phủ ta, người xây dựng nên nước Cộng hòa chúng ta." Bạn hãy cho biết về câu chuyện nhân vật này đã nói về Bác?

Chính ông Mai ở Hải Phòng, nhân viên cũ trên chiếc tàu của hãng "Vận tải hợp nhất" đã kể lại:

"Vào khoảng cuối năm 1911 hay 1912 – tôi không nhớ đúng nữa – tôi làm việc ở phòng ăn của các sĩ quan trên tàu. Tàu chúng tôi cập bến Sài Gòn để lấy hàng và đón khách.

Một buổi trưa, một người trai trẻ lên tàu. Sau một phút ngập ngừng, anh ta hỏi xin việc.

Chúng tôi trả lời là không có việc và có chăng nữa, chúng tôi cũng không có quyền nhận anh ta.

Chúng tôi cười vì chàng trai có vẻ một anh học trò, không phải là người lao động như chúng tôi. Chúng tôi

nói nhỏ với nhau: "Một người như thế có thể làm được công việc gì trên tàu?".

Tôi không hiểu tại sao tôi thấy thương hại anh ta và tôi nói: "Đi theo tôi, tôi sẽ dẫn anh đến gặp chủ tàu. Có lẽ, ông ta sẽ có việc cho anh làm".

Chủ tàu hỏi: "Anh có thể làm được việc gì?".

Tôi có thể làm bất cứ việc gì!. – Chàng trai trả lời.

Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp. Sáng mai anh đến đây nhận việc.

Chàng trai ấy xưng tên là Ba. Vì tôi đã giúp anh ta việc nhỏ ấy, cho nên anh ta rất thân với tôi, và cũng vì anh ta rất dễ mến nên tôi cũng rất thân với anh ấy. Việc gì tôi làm được là tôi cố làm để giúp anh ta, vì anh ta chưa biết làm gì cả. Vả lại, anh ấy có can đảm và nhẫn nại. Phụ bếp trên tàu, mỗi ngày anh ta phải làm: từ bốn giờ sáng, quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, rồi đốt lửa trên các lò. Sau đó đi khuân than, rồi xuống hầm lấy rau, thịt cá, nước đá, v.v... Công việc khá nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét. Nhất là khi vừa phải vác một bao nặng vừa leo lên những bậc thang trong khi tàu tròng trành.

Xong công việc ấy, phải dọn cho bọn chủ bếp Pháp ăn. Sau đấy, nhặt rau, rửa chảo nồi và đun lò lại. Công việc kéo dài suốt ngày.

Nhà bếp lo ăn cho bảy, tám trăm người kể cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn

và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn. Và những cái nồi cao quá, anh phải leo lên ghế để chùi nồi. Luôn luôn nghe tiếng:

Ba, đem nước đây!

Ba dọn chảo đi!

Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia!

Suốt ngày, anh Ba đẫm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than. Người ta thấy anh Ba phải dùng hết tinh thần và sức lực để làm cho xong việc. Và hơn nữa, vì chưa quen việc, anh phải gọt xong đống củ cải và khoai tây. Anh không biết làm thế nào. Tôi dạy cho anh. Tôi còn nhớ một lần phải gọt măng tây. Anh ta bắt đầu gọt trơ trụi, thì vừa lúc tôi đến. Tôi hối hả quăng xuống bể tất cả măng đã gọt và tôi bày cho anh ta phải làm như thế nào. Nhờ thế không xảy ra việc gì.

Mỗi ngày, chín giờ tối, công việc mới xong. anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm. Về thứ bậc, anh Ba là người dưới chúng tôi, chúng tôi là những người có chức vị, còn anh Ba chỉ là người phụ bếp. Nhưng vì anh Ba hiểu biết – anh giúp những người bạn mù chữ của tôi viết thư về cho gia đình họ và anh không bao giờ nói tục – vì vậy anh Ba được tất cả chúng tôi yêu mến.

Một lần, dọc đường, anh Ba suýt chết đuối. Bể nổi sóng. Làn sóng to như những quả núi chồm lên đổ

xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Như mọi ngày, anh Ba đi lên đi xuống từ bếp đến hầm. Không thể vác những rổ rau trên vai vì tàu tròng trành, anh phải buộc rổ rau vào dây sắt để kéo đi, chuyến thứ hai, một ngọn sóng lớn thình lình phủ lên sàn tàu và cuốn xuống bể mọi vật trên sàn tàu. Cả những rổ rau và anh Ba nữa. Anh bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết.

Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn súp thì anh dùng nĩa.

Vài ngày sau tàu rời bến, có hai hành khách – hai người lính trẻ tuổi giải ngũ trở về Pháp. Tôi không hiểu tại sao hai anh này trở nên bạn thân của anh Ba. Họ giúp anh nhặt rau và buổi tối họ cho anh mượn những quyển sách nhỏ, dạy cho anh đọc và viết. Và anh Ba dạy lại họ quốc ngữ và thỉnh thoảng giấm giúi cho họ một cốc cà phê. Anh nói với tôi với một vẻ ngạc nhiên: "Anh Mai, cũng có những người Pháp tốt, anh ạ".

Hồi ấy, Bùi Quang Chiêu, kỹ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng với gia đình. Ông ta đưa con sang Pháp học. Trông thấy anh Ba, ông ta gọi anh lại và thân mật bảo:

"Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn...". Anh Ba lễ phép cảm ơn ông Chiêu, nhưng không nói đồng ý hay không.

Đến Marseille, chúng tôi lĩnh lương; mỗi nhân viên Việt Nam được từ một trăm đến hai trăm quan, thêm vào đấy tiền thưởng của hành khách. Anh Ba là phụ bếp, chỉ được mười quan.

Anh ta được ít lương, nhưng anh học được nhiều chuyện mới lạ. Coi tôi là bạn thân thiết nhất, anh ta nói với tôi tất cả những điều anh trông thấy và suy nghĩ.

"Ơ! Ở Pháp cũng có người nghèo như bên ta!"

Trông thấy những gái điếm đến làm tiền trên tàu. Ba nói với tôi:

"Tại sao người Pháp không "khai hóa" đồng bào của họ trước khi đi khai hóa chúng ta, sao thế anh Mai?".

Tàu điện đối với anh Mai là một chuyện kỳ lạ. Lần đầu tiên anh ta trông thấy những "cái nhà biết chạy" ấy. Cái gì cũng làm anh ta chú ý, vì cái gì đối với anh ta cũng mới cả. Luôn luôn anh ta nói:

"Lần đầu tiên, tôi mới thấy cái này..."

Công việc trong ngày xong, tôi cho anh ta mượn bộ quần áo, và chúng tôi đi đến tiệm cà phê ở đường Canobia. Không cần phải nói, đây là lần đầu tiên anh ta vào tiệm cà phê và cũng là lần đầu tiên người Pháp gọi anh bằng "ông".

Sau những ngày đầu tiên ở Marseille, anh Ba tóm tắt cảm tưởng của mình bằng mấy chữ:

Người Pháp ở Pháp tốt, lễ phép hơn người Pháp ở Đông Dương.

Chúng tôi đi theo tàu lên Havoro (Havre) để sửa chữa. Chúng tôi được đưa sang làm việc ở một chiếc tàu khác, trở về Đông Dương. Anh Ba không muốn trở về. Ông chủ tàu đem anh về nhà. Từ đấy, tôi không được tin tức gì của anh Ba nữa...

Không bao giờ tôi đoán rằng người bạn nhỏ của tôi, người phụ bếp, anh Ba ngây thơ, siêng năng và ngoan ngoãn ấy, lại trở thành Chủ tịch Chính phủ ta, người xây dựng nên nước Cộng hòa chúng ta".

? Bến Nhà Rồng là một di tích lịch sử nổi tiếng, và càng nổi tiếng hơn bởi nơi đây gắn với một sự kiện lịch sử – là nơi Bác đặt chân xuống con tàu L'Admiral Latouche Tréville để bắt đầu ra đi tìm đường cứu nước. Bạn biết gì về di tích này?

Bến Nhà Rồng là di tích lịch sử nổi tiếng ở TP. Hồ Chí Minh và cũng là thương cảng lớn nằm bên sông Sài Gòn. Ở đó có tòa nhà to lớn, cao hai tầng do Công ty vận tải đường biển của Pháp là Messageries Maritimes xây dựng vào năm 1863 dùng làm nơi bán vé tàu và nơi ở cho người quản lý.

Được khởi công xây dựng ngày 4-4-1863 do Công ty Vận tải đường biển của Pháp (Messageries Maritimes) xây cất dùng làm nơi ở cho viên tổng quản lý và nơi bán vé tàu. Trước đây từ mé sông Sài Gòn hoặc từ đường Nguyễn Tất Thành nhìn vào thì sẽ thấy hai chữ M.I (chữ viết của Công ty Vận tải Hoàng Gia

Messageries Impériales), hiện giờ không còn nữa. Đây là tên gọi của công ty vận tải đường biển, vì năm 1859 lúc Pháp đã chiếm thành Gia Định, nước Pháp còn theo chế độ quân chủ với Hoàng đế Napoléon III. Sau chiến tranh Pháp-Đức 1870, nhà vua bị lật đổ, lập ra chế độ Cộng hòa, tức đệ tam cộng hòa, vì vậy Công ty Vận tải Hoàng Gia được đổi tên thành Công ty Vận tải đường biển để xóa bỏ di tích quân chủ.

Vì trên nóc tòa nhà này có gắn một đôi rồng lớn bằng đất nung tráng men xanh, nên giới bình dân mới gọi tên là Bến Nhà Rồng. Còn những người lớn tuổi lại gọi là Sở ông Năm bởi tòa nhà này do quan Năm người Pháp Domergue đứng ra xây dựng. Đến tháng 10 năm 1865, Nhà Rồng còn được gọi là Sở Canh tân tàu biển, sau khi ở đây có xây thêm cột cờ Thủ Ngữ treo cờ hiệu để cho tàu thuyền ra vào dễ dàng.

Tòa nhà được gắn hình rồng trên nóc, ở giữa chiếc phù điêu mang hình "đầu ngựa và chiếc mỏ neo" được thay thế cho trái châu. "Đầu ngựa" nhắc lại giai đoạn xưa ở bên Pháp công ty này lãnh chuyên chở đường bộ với phương tiện là xe ngựa, còn "mỏ neo" tượng trưng cho tàu thuyền. Năm 1893 Công ty Nhà Rồng dùng đèn điện, dùng bóng đèn 16 nến nhưng ánh sáng vẫn leo lét, kém xa mấy ngọn đèn lồng thắp bằng dầu lửa mà Tòa đô chính cho thắp thử ở đường Catinat (Đồng khởi). Đến gần cuối năm 1899 Công ty mới được phép

xây cất bến cho tàu cập vào. Bến được lót bằng ván dày, đặt trên trụ sắt dọc theo mé sông 42m (phía tàu cập vào). Bến này cách bến kia 18m. Bề ngang của mỗi bến vào phía trong bờ là 8m. Từ bờ ra đến bến có cầu rộng 10m. Ban đầu chỉ xây dựng hai bến, mãi sau này mới xây dựng thêm bến thứ ba. Năm 1919 Công ty được phép xây bến cảng cement cốt sắt, nhưng không thực hiện được, mãi đến tháng 3-1930 mới hoàn tất được bến mới, chỉ có một bến nhưng chiều dài lên đến 430cm. Con đường sát bến cảng gọi là bến Khánh Hội. Bến này không được chắc chắn, đôi chỗ bị sụt lở. Năm 1900 bến Khánh Hội được khởi công tu bổ, nhưng công việc này kéo dài mãi đến năm 1912 mới hoàn thành.

Trụ sở Nhà Rồng là ngôi nhà xưa lâu đời nhất còn lưu lại của thực dân Pháp ở Đông Dương. Lúc bấy giờ bến Nhà Rồng có một dãy cầu ván dày lót trên những chiếc cọc sắt. Chính từ hệ thống cầu này, năm 1911, người thanh niên yêu nước hai mươi mốt tuổi Nguyễn Tất Thành đã xuống tàu L'Admiral Latouche Tréville, ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Từ đó bến Nhà Rồng chứng kiến nhiều sự kiện, biến cố lịch sử:

Ngày 1-1-1937, 20.000 đồng bào Sài Gòn mít tinh đón tiếp đại diện Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương trong thời kỳ Mặt trận Bình Dân lên nắm chính quyền ở Pháp.

Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1945 quân và dân Việt Nam nhiều lần tiến công quân Pháp ở vùng Khánh Hội-Bến Nhà Rồng. Đặc biệt đêm 15-10-1945 quân Việt Nam đã đốt cháy chiếc tàu Alee của Pháp vừa cập bến Nhà Rồng. Trong thời kỳ Mỹ chiếm đóng, nhiều lần bến cảng Nhà Rồng bị tê liệt vì những cuộc bãi công của công nhân cảng.

Những ngày đầu giải phóng thành phố Sài Gòn, chiều ngày 13-5-1975 nhân dân thành phố vui mừng đón tiếp chiếc tàu biển "Sông Hồng" trọng tải một vạn tấn, cập bến Nhà Rồng, chính thức nối lại con đường biển thông thương giữa hai miền Nam-Bắc Việt Nam.

Ngày nay, cơ sở bến Nhà Rồng thuộc số 1, đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Nếu đứng ở bến Bạch Đằng hay bến đò Thủ Thiêm nhìn sang bên kia sông Sài Gòn vẫn thấy nổi lên trên nên trời gần cầu Khánh Hội tòa nhà cổ kính, kiểu cách vừa Âu vừa Á, gần đó là những tàu biển mang cờ đủ quốc tịch đang neo đậu san sát.

Bến cảng nhà Rồng còn lưu lại cho dân tộc Việt Nam một kỷ niệm thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Sau khi rời Trường Dục Thanh ở Phan Thiết, thầy giáo Nguyễn Tất Thành xin vào học Trường đào tạo công nhân kỹ thuật tại Sài Gòn. Ngày 5 tháng 6 năm 1911, với cái tên Văn Ba, thầy giáo Thành lên tàu L'Admiral Latouche Tréville tại Bến Nhà Rồng làm chân phụ bếp để có điều kiện sang nước ngoài tìm đường cứu nước.

Tòa nhà này bây giờ vẫn giữ nguyên kiến trúc cũ. Ngày 9-7-1979, UBND TP. Hồ Chí Minh quyết định giao khu vực Nhà Rồng cho Sở Văn hóa-Thông tin thành phố để xây dựng khu lưu niệm Bác Hồ. Cũng theo quyết định của Thành ủy và UBND Thành phố tháng 10-1995, nhà lưu niệm được đổi thành bảo tàng Hồ Chí Minh thuộc hệ thống chi nhánh bảo tàng về Người trên khắp mọi miền đất nước. Trên tổng diện tích quy hoạch 12.000m^2, trừ diện tích xây dựng, còn lại tràn ngập màu xanh của đủ loại cây quý hiếm từ khắp nơi hội tụ về. Đó là tấm lòng thành kính của đồng bào cả nước và khách nước ngoài kính dâng lên Người - Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Gần một phần tư thế kỷ qua ngót 400 gốc cây các loại quanh năm tươi xanh góp một phần làm trong sạch môi trường thành phố. Trong số này có chậu mai chiếu thủy trồng từ năm 1946, có cây đa Tân Trào do chính cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh mang từ ngoài Bắc vào, có cây bồ đề do Tổng thống Ấn Độ trồng lưu niệm trong chuyến thăm chính thức nước ta. Ngoài ra còn có 23 cây Hoàng nam do sứ quán Thái Lan mang tặng... Bến Nhà Rồng hàng năm thu hút hàng triệu du khách trong và ngoài nước đến tham quan, tìm hiểu về di tích lịch sử có liên quan đến cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác Hồ kính yêu.

? Quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã chọn châu Âu để đến mà không phải sang Trung Quốc, sang Nhật Bản, sang Xiêm (Thái Lan). Tại sao?

Trước tiên, tấm gương những bậc tiền bối thất bại trong phong trào Cần Vương, Đông Du và Duy Tân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự lựa chọn của chàng trai trẻ Nguyễn Tất Thành; để anh từ chối đi về phương Đông mà lên một chiếc tàu viễn dương đi sang phương Tây tìm đường cứu nước. Từ chối lời kêu gọi của cụ Phan Bội Châu muốn đưa anh sang Nhật không phải là quyết định một sớm một chiều của chàng thanh niên thông minh, giàu chí khí này mà đó là cả một quá trình tiếp nhận, đúc rút kinh nghiệm từ những người xung quanh, từ môi trường xung quanh mình.

Ngay từ lần đầu tiên tiếp xúc với những khẩu hiệu văn minh của nước Pháp "Tự do – Bình đẳng – Bác ái" cũng là lúc Nguyễn Tất Thành mang nhiều tâm tư, uẩn khúc về sự thật ẩn giấu đằng sau khẩu hiệu ấy. Bởi vì anh đã nhìn nhận được: "...Trong trường học của người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô, Mông-téx-kiơ cũng bị cấm...". Và đặc biệt Nguyễn Tất Thành đã có một sự "đồng khí tương lân" với cha mình – một sĩ phu yêu nước thức thời là ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Chính ông Nguyễn Sinh Sắc đã nói với con mình: *"Theo cha chỉ có một con đường là đi ra nước ngoài, hay là*

sang phương Tây, thậm chí sang tận nước Pháp, mới có khả năng tìm ra chân lý."

Muốn tìm hiểu gốc rễ của vấn đề, muốn giải quyết vấn đề, trước tiên phải tìm hiểu nguyên nhân của nó, mà muốn tìm hiểu nguyên nhân thì phải tìm hiểu, phân tích vấn đề từ gốc rễ. Và không có cách nào tốt hơn là xâm nhập vào chính cái nơi đã sản sinh ra những kẻ cầm quyền các đất nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành hoàn toàn nhất trí với cha, cũng như Thành đã suy nghĩ nhiều về câu nói của ông nghè Nguyễn Quy Song: *"Muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp, muốn hiểu Pháp thì phải học chữ Pháp"*. Rồi thầy Lê Văn Miến đã mang đến cho Nguyễn Tất Thành một sự háo hức tìm hiểu "Người Pháp ở nước Pháp khác với người Pháp ở thuộc địa", "Người Pháp rất tôn trọng người Việt Nam học giỏi và có tư cách", và "Trên đất Pháp lại có nhiều thư viện, đủ các loại sách vở nói về các cuộc cách mạng của các nước trên thế giới, vào đọc không mất tiền"...

Nguyễn Tất Thành không bảo thủ, không đoạn tuyệt với đất nước kẻ thù của mình mà anh vẫn công nhận nền văn minh Pháp, anh mong muốn tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, cũng như "xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào", nên đã quyết định sang các nước phương Tây để mở rộng hiểu biết, qua đó trở về giúp đỡ đồng bào trong nước. Lần cuối cùng gặp cha tại Sài Gòn, anh nói:

"Từ ngày con ngồi trên ghế nhà trường Quốc học Huế, con học lịch sử nước Pháp, con chú ý nhiều về cuộc cách mạng 1789. Họ đã lật đổ chế độ vua quan phong kiến. Rồi con đọc sách, tìm thấy ở nước Pháp đúng là có tự do, bình đẳng, bác ái; đặc biệt là coi trọng nhân quyền, có tổ chức bảo vệ gọi là Hội Nhân Quyền. Con muốn được nhìn thấy tận mắt cái nước Pháp có nhân quyền lại vừa là nước Pháp đi xâm lược các nước nhỏ yếu khác".

? Kể tên một số nhà yêu nước có tiếng đã ảnh hưởng đến lòng yêu nước của Bác Hồ thời niên thiếu?

Cụ Phan Đình Phùng là một học giả nổi tiếng và là một vị quan to. Ở Trung Kỳ, Cụ là người chí sĩ yêu nước đầu tiên đứng lên chống lại bọn đế quốc Pháp xâm lược. Cụ tổ chức những phần tử trí thức và nông dân Trung Kỳ, lãnh đạo họ đấu tranh gian khổ chống bọn xâm lược, trải qua chín, mười năm. Tuy Cụ đã mất nhưng tên Cụ trở thành tượng trưng cho lòng yêu nước.

Cụ Hoàng Hoa Thám là một nông dân ở Bắc Kỳ. Trong mấy năm, Cụ lãnh đạo một số chiến sĩ du kích đấu tranh anh dũng. Năm 1913, trong khi sơ suất, cụ bị tay sai của Pháp ám sát.

Đầu thế kỷ XX, để đắp con đường Cửa Rào, bọn Pháp bắt nông dân từ mười tám đến năm mươi tuổi phải đi phu. Vì bọn đốc công Pháp tàn bạo, nước độc

Phan Đình Phùng (1844-1895) người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê trong Phong trào Cần vương chống thực dân Pháp (1885-1895).

và lương thực thiếu nên nhiều người đi phu bị chết, những người sống thì đều đau ốm. Điều đó khơi sâu thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với thực dân.

Kinh tế thuộc địa xâm nhập, đảo lộn kinh tế trong nước. Giai cấp tư sản dân tộc không ngóc đầu lên được. Giai cấp tiểu tư sản bắt đầu phá sản. Để củng cố thế lực còn yếu, thực dân Pháp ra sức giúp đỡ thế lực phong kiến và bọn tay sai của chúng. Hối lộ công khai, nhân dân khốn khổ. Thuế má nặng nề, sưu dịch phiền phức, bắt buộc phải uống rượu của Pháp nấu, khuyến khích hút thuốc phiện... Tất cả những điều đó đã biến Việt Nam thành một địa ngục.

Cũng trong thời kỳ ấy, cuộc vận động cải lương phát triển ở Trung Quốc, trước thì có Lương Khải Siêu, sau thì có bác sĩ Tôn Dật Tiên. Đồng thời chiến tranh Nga – Nhật kết thúc. Đế quốc Nhật thắng Nga hoàng.

Cụ Phan Châu Trinh mở trường học, bí mật truyền bá chủ nghĩa yêu nước và công kích bọn cầm quyền

Pháp. Vì vậy Cụ bị kết án tử hình, nhưng được Hội nhân quyền Paris cứu.

Cụ Phan Bội Châu sang Nhật, sau sang Trung Quốc. Ở nước ngoài, Cụ kêu gọi nhân dân Việt Nam làm cách mạng. Những bài thơ của Cụ được bí mật truyền tụng trong nhân dân Việt Nam.

Năm 1908, lần đầu tiên nhân dân các tỉnh Trung Kỳ nổi dậy chống thuế. Họ đi tay không, không có khí giới. Họ chỉ yêu cầu giảm thuế. Để tỏ tình đoàn kết nhất trí, họ đều cắt tóc ngắn và gọi nhau là "đồng bào".

Bọn Pháp dùng khủng bố đại quy mô để trả lời họ. Chúng giết hơn một nghìn người cầm đầu và những người bị nghi là có dính dáng đến việc đó. Nhà tù chật ních người. Những người cất giấu báo chí Trung Quốc hoặc báo chí gì khác, nếu giặc tìm ra, đều bị trừng phạt nặng.

Hầu hết những phần tử trí thức yêu nước đều bị bắt bỏ tù. Những nhà học giả nổi tiếng được nhân dân kính mến, cũng bị chém đầu.

Bọn Pháp gọi phong trào ấy là "án đồng bào cắt tóc" vì nông dân dùng hai tiếng "đồng bào" để gọi nhau.

Đó là tình trạng trong nước và ngoài nước, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là cậu thiếu niên mười lăm tuổi. Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, anh

đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Vì:

Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương.

Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp.

Cụ Hoàng Hoa Thám thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì Cụ còn nặng cốt cách phong kiến.

Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi. Cụ Phan Bội Châu vào bậc chú bác của anh. Cụ Phan Bội Châu muốn anh và một số thanh niên sang Nhật.

Nhưng anh không đi. Và anh chọn con đường sang Pháp để bắt đầu con đường cứu nước....

? Phan Bội Châu là một chí sĩ yêu nước trong lịch sử nước nhà và có ảnh hưởng tới con đường cứu nước của Bác Hồ. Cho biết đôi nét về nhân vật này?

Phan Bội Châu là bạn thân của cụ Nguyễn Sinh Sắc, cụ Phan rất mến anh. Từ bé, Nguyễn Sinh Cung cũng đã rất kính trọng và hiểu biết về con đường mà chí sĩ họ Phan lựa chọn, đi theo và lấy đó làm gương để học

hỏi, rút kinh nghiệm. Người đồng hương thân thiết của gia đình anh ngày càng trở nên lừng lẫy tiếng tăm về những hoạt động yêu nước của mình. Ông xứng đáng là ngọn cờ tiêu biểu của phong trào yêu nước những năm đầu thế kỷ XX. Ông vào Nam ra Bắc, vượt qua muôn trùng khó khăn đưa hàng trăm thanh niên đi du học để mưu tính công cuộc giải phóng Tổ quốc. Kỳ vọng của ông là dựa vào Nhật – nước "đồng chủng, đồng văn", đã từng đánh thắng nước Nga Sa hoàng – để chống Pháp. Ông còn cố công tìm Kỳ ngoại hầu Cường Để làm "minh chủ".

Nguyễn Tất Thành tán thành thuyết bạo lực nhưng không đồng ý chủ trương dựa vào một "ông hoàng" và nhờ sự giúp đỡ của Nhật Bản. Đối với Phan Bội Châu, ông Nguyễn Sinh Sắc có thể giao phó hai con mình. Nhưng khi cụ Phan Bội Châu cho người về nước đưa Nguyễn Tất Thành sang Nhật, anh đã từ chối.

Cách nhìn của Nguyễn Tất Thành nhanh chóng được chứng minh là đúng. Ông Phan bị "ông anh cả" da vàng mưu toan bán rẻ cho Pháp. Giữa năm 1908, cảnh sát Nhật đột nhiên xộc vào trường Đồng văn thư viện, nơi học sinh Việt Nam đang học. Họ ghi tên tuổi, quê quán của từng người rồi tuyên bố: "Theo lời yêu cầu của công sứ Pháp, mỗi học sinh phải tự tay viết một bức thư gửi về nhà, do cảnh binh Nhật đem bỏ bưu điện. Nếu không cảnh binh Nhật sẽ đem học sinh Việt Nam nộp cho công sứ Pháp".

Phan Bội Châu (1867-1940) người lãnh đạo phong trào Đông Du và tổ chức Việt Nam quang phục hội.

Bị phản bội bất ngờ, ông Phan tìm kế trì hoãn, không cho học sinh về nước. Tháng 10 năm 1908, Chính phủ Nhật ra lệnh giải tán trường Đồng văn thư viện. Chính phủ Nhật cấu kết với Chính phủ Pháp, phá hoại đến cùng những cố gắng của Phan Bội Châu. Chính phủ Nhật cũng hạ lệnh trục xuất Cường Để, buộc ông này phải rời khỏi nước Nhật trong vòng 24 tiếng đồng hồ, và Phan Bội Châu, trong vòng một tuần.

Tuy tồn tại không được lâu, phong trào Đông Du cũng đã để lại một dấu ấn trong lịch sử Việt Nam thời hiện đại. Sự kiện đông đảo người dân trên gần khắp đất nước tiếp tay với phong trào cho thấy ý thức chung của người dân về sự cần thiết của cái học mới trong việc hiện đại hóa đất nước để qua đó thoát khỏi sự chế ngự của ngoại bang. Người dân ở Nam Kỳ, vốn sớm phải sống dưới sự cai trị trực tiếp của người Pháp, hẳn đã hiểu rõ ý nghĩa và vai trò của sự duy tân đối với vận mệnh của đất nước và họ đã ở trong số những người tham gia hỗ trợ phong trào Đông Du một cách tích cực

và đa dạng nhất. Họ không chỉ đóng góp tiền của, gửi con em xuất dương du học theo tiếng gọi của phong trào, mà còn tổ chức các hội khuyến học, khuyến khích người trẻ trau dồi những kiến thức mới, hiện đại của phương Tây.

Các tổ chức này, tiếp tục tồn tại ngay cả sau khi phong trào Đông Du ngưng hoạt động, có thể đã là động lực của việc mở hàng loạt những cơ sở giáo dục tư nhân trong các thập niên 1920 của thế kỷ XX tại Nam Kỳ. Nội dung của Đông Du như vậy đã được mở rộng. Cái học mới, cần thiết cho duy tân không thể chỉ giới hạn nơi số người xuất dương, dù có thể là đông đảo (vào năm 1908, khi Nhật Bản đóng cửa và các du học sinh Việt Nam, con số thanh niên theo học tại Nhật là khoảng 300), mà phải được mở rộng từ nhiều người trẻ trong nước, góp phần tạo nên một thế hệ mới...

Dù Phan Bội Châu không thành công trong con đường cứu nước của mình nhưng ông vẫn là một "bậc tiền bối" mà Nguyễn Tất Thành vô cùng kính nể, học hỏi được sự nhiệt huyết, quyết tâm trong con người ấy.

? Phan Châu Trinh cũng có dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ. Hãy nói về nhân vật này.

Phan Châu Trinh là người bạn đồng khoa của cụ Nguyễn Sinh Sắc và cũng từng giữ chức thừa biện Bộ Lễ. Ông thường đến nhà cụ cử Sắc chơi và rất mến Nguyễn Tất Thành. Biết được con đường cứu nước của

cụ Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành rất chú ý tìm hiểu chính kiến và những hoạt động của ông. Tất Thành tán thành thái độ chỉ trích thẳng thừng của ông đối với vua tôi nhà Nguyễn. Phải gọi vua là "dân tặc", "độc phu" như ông mới thích đáng.

Một điều nữa làm cho Nguyễn Tất Thành hâm mộ cụ Phan Châu Trinh, đó là cuộc vận động Duy tân do ông khởi xướng. Phan Châu Trinh tán thành phong trào xuất dương du học do Phan Bội Châu khởi xướng. Lời kêu gọi của Phan Bội Châu, với sự hưởng ứng của Phan Châu Trinh gây được một phong trào xuất dương rất rầm rộ. Để được quan sát tại chỗ sự tiến triển của các nước, Phan Châu Trinh liền trốn sang Trung Hoa. Ông gặp Phan Bội Châu tại Hương Cảng rồi hai ông cùng sang Nhật. Ở đó được 10 tháng, ông lên đường về nước (năm 1906). Phan Châu Trinh quyết đứng ra tranh đấu công khai với chính quyền bảo hộ Pháp. Ngày 15 tháng 8 năm Bính Ngọ (1906), ông gởi lên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương một bức thư dài 12 trang lên án chính quyền bảo hộ. Bức thơ của Phan Châu Trinh đã có ảnh hưởng rộng lớn trong dân chúng.

Ông bắt đầu hoạt động mạnh, hô hào tổ chức nhiều buổi diễn thuyết tại trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Thực dân Pháp để ý căm thù và triều đình Huế cũng rất bực tức quyết tìm cách hãm hại ông. Nhưng Phan Châu Trinh vẫn không màng đến, ông đứng ra lãnh đạo phong trào duy tân, khuyến khích đồng bào mở trường dạy học, lập các hội buôn như Đông Kinh Nghĩa Thục,

Phan Châu Trinh (1872-1926), nhà yêu nước, nhà hoạt động chính trị đầu thế kỷ XX.

Hồng Hưng Tân, công ty Minh Tân, ông cảm hóa được rất nhiều nhân sĩ. Phan Châu Trinh lại hô hào thanh niên vận Âu phục, cắt tóc ngắn, ủng hộ các sản phẩm và hàng nội hóa để giúp cho nền kinh tế trong nước được dồi dào. Đa số thanh niên trong toàn quốc đã nhiệt liệt hưởng ứng phong trào duy tân này. Nguyễn Tất Thành cũng hăng hái tham gia vào phong trào duy tân, cắt tóc, xóa bỏ hủ tục.

Năm 1908, nhân việc kháng thuế ở Quảng Nam, vốn đã không ưa Phan Châu Trinh vì ông đã nhiều lần đả kích và nguyền rủa thậm tệ chúng, nên bọn quan lại Nam triều và thực dân Pháp đổ cho ông "xui dân làm loạn" và "phá rối" và hạ lệnh bắt giam ông... Rất nhiều nhân sĩ bị bắt, và trong dịp này, ông nghè Trần Quý Cáp bị Nam triều lên án xử chém tại Nha Trang. Riêng Phan Châu Trinh bị bắt đem về giam tại tòa Khâm Sứ.

Để phản đối hành động khủng bố của thực dân, Phan Châu Trinh tuyệt thực trong bảy ngày. Nhận thấy tình thế khó xử, viên Khâm sứ Pháp phải giao trả ông về Cơ mật Viện của tòa án Nam triều, ông bị bọn quan lại kết án tử hình. Nhờ có hội Nhân quyền can thiệp

với Chính phủ Pháp, chính quyền Bảo hộ phải điều đình với Nam triều đổi bản án "tử hình" ra "Côn lôn ngộ xá bất nguyên" (bị đày ra Côn Đảo mãn kiếp không được ân xá)". Bỏ giam ở nhà lao Phủ Thừa được ít lâu, Phan Châu Trinh bị đày đi Côn Đảo. Trong cảnh tù đày, nhưng Phan Châu Trinh rất được Chính phủ Pháp trọng đãi và kính nể. Chính viên Thống đốc Nam Kỳ đã ra tận Côn Đảo để tìm hiểu lập trường tranh đấu của ông.

Năm 1910, nhờ có hội Nhân quyền Pháp (do sự vận động của ông Ernest Babut trong 3 năm trời) can thiệp ráo riết với Chính phủ Pháp, Toàn quyền Pháp lúc bấy giờ là Klobukowski và Tổng trưởng Bộ Thuộc địa là Trouillet lập Hội đồng để xét án Phan Châu Trinh. Chánh tham biện tỉnh Mỹ Tho là Cousineau được cử làm chánh án. Mặc dù đã được ân xá, nhưng ông cũng bị thực dân Pháp tìm cách giữ mãi tại Mỹ Tho. Ông phản kháng và cương quyết đòi trở về Côn Đảo. Chính phủ Pháp đành phải để ông tự do.

Vì muốn tranh đấu có hiệu quả trong việc cải cách nền chính trị nước nhà và đồng thời để được học hỏi thêm, năm 1911, Phan Châu Trinh đã sang Pháp, cùng theo ông có người con trai tên là Phan Chu Dật. Tại Paris, ông gởi con vào trường học còn ông thì lại làm nghề rửa ảnh để sinh sống. Dù cho phải sống xa quê hương, ông vẫn không ngừng hoạt động tranh đấu cho đất nước. Ông viết báo Pháp phản đối việc đào lăng Tự Đức, yêu cầu Chính phủ Pháp nên cấp tốc thay đổi

chính sách thuộc địa, giáo dục tinh thần tranh đấu của Việt kiều tại Pháp.

Ông tìm cách liên kết với các lãnh tụ thuộc đảng cấp tiến ở Pháp. Ông không tiếc lời đả kích những nạn tham nhũng thối nát của thực dân Pháp ở Đông Dương và chỉ trích chính sách cai trị của họ. Phái khuynh tả ở Pháp rất tán thành việc làm của Phan Châu Trinh, nhưng các quan lại ở các thuộc địa Pháp rất căm thù và oán ghét. Tiền trợ cấp của ông và tiền học bổng của con ông là Phan Chu Dật đều bị truất, đó là kết quả sự trả thù của thực dân. Hai cha con ông phải sống kham khổ và vất vả với số lương rửa ảnh của ông hàng tháng là 50 quan. Dù phải sống trong cảnh đói rét, khốn khổ đủ mọi bề, Phan Châu Trinh vẫn cương quyết tranh đấu cho lý tưởng cao cả.

Là một tấm gương sáng để Nguyễn Tất Thành noi theo, nhưng hơn cả, chính "tiền bối" Phan Châu Trinh đã cho Tất Thành một bài học kinh nghiệm xương máu cho con đường cứu nước. Bởi cái thuyết "ỷ Pháp cầu tiến bộ" (dựa vào Pháp để tiến bộ) của ông đã đẩy ông đến thất bại.

? Không chỉ hai chí sĩ họ Phan, Hoàng Hoa Thám cũng đã cho Nguyễn Tất Thành những kinh nghiệm về con đường cứu nước. Bạn biết gì về nhân vật này?

Hoàng Hoa Thám, tên thật là Trương Văn Nghĩa, con ông Trương Văn Thân, thường gọi là Đề Thám, quê

làng Dị Thế, huyện Tiên Lữ, nay thuộc huyện Phù Tiên, tỉnh Hưng Yên. Năm 16 tuổi, tham gia phong trào chống Pháp ở Sơn Tây, sau lên Yên Thế tham gia phong trào nông dân khởi nghĩa ở Yên Thế do Hoàng Đình Kinh (Cai Kinh), Lương Văn Nắm (Đề Nắm) lãnh đạo. Sau khi Đề Nắm bị sát hại (4-1892), Hoàng Hoa Thám đã đứng ra tổ chức lại phong trào và trở thành thủ lĩnh tối cao của nghĩa quân Yên Thế với biệt danh "Hùm xám Yên Thế", gây cho quân Pháp nhiều nỗi kinh hoàng. Địa bàn hoạt động ở quanh vùng Bắc Giang, Thái Nguyên và Hưng Hóa.

Đầu năm 1894, Pháp sai Tổng đốc Bắc Ninh là Lê Hoan lấy danh nghĩa Nam triều mua chuộc ông và tìm cách ám hại, nhưng không thành công. Sau nhiều lần đàn áp không thành công, Pháp buộc phải điều đình và cắt nhượng cho Hoàng Hoa Thám bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ và Hữu Thượng của căn cứ Yên Thế (phía Tây tỉnh Bắc Giang) để ông lập đồn điền, đưa đến giải giáp quân đội.

Tại Yên Thế, nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đã hai lần đón tiếp nhà yêu nước Phan Bội Châu. Giữa năm 1906, Phan Châu Trinh cũng lên Yên Thế gặp Đề Thám để nghiên cứu tình hình. Thời gian này, nghĩa quân Yên Thế được trang bị thêm một số vũ khí mới và mở rộng địa bàn hoạt động xuống đồng bằng, kể cả Hà Nội. Tháng 6-1908, Hoàng Hoa Thám chỉ đạo cuộc đầu độc

Hoàng Hoa Thám, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế chống thực dân Pháp (1884-1913).

quân Pháp và tiến công các đồn binh ở Hà Nội, nhưng không thành.

Tháng 1-1909, thực dân Pháp huy động 15.000 quân ào ạt tấn công vào Yên Thế, tiếp sau là những cuộc vây ráp gắt gao nhằm tiêu diệt lực lượng nghĩa quân. Ngày 10-2-1913, ông bị một thuộc hạ là Lương Tam Kỳ phản bội ám sát tại một khu rừng cách chợ Gò 2km. Sự kiện này đánh dấu việc chấm dứt phong trào nông dân Yên Thế chống Pháp (1884 – 1913).

Sau khi Yên Thế bị san bằng, đại gia đình Hoàng Hoa Thám đều bị bắt hết. Thất bại đó đã chấm dứt một cuộc khởi nghĩa nông dân võ trang vĩ đại nhất trong lịch sử chống Pháp của dân tộc ta. Người dân Việt Nam cảm kích ông, tôn thờ ông bao nhiêu thì càng phỉ báng những tên tay sai, bán nước đã tiếp tay cho giặc gây cảnh đầu rơi, máu đổ trên quê hương suốt một thế kỷ. Hơn ba mươi năm sau khi Hoàng Hoa Thám bị ám sát, cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đã nối tiếp con đường ông và bạn bè làm nên lịch sử và Hoàng Hoa Thám với chiến khu Yên Thế xanh bạt ngàn đã đi vào

huyền thoại để khẳng định chắc chắn một điều rằng: nhân vật lịch sử này đã trở nên bất tử.

Người anh hùng Yên Thế này đã cho Nguyễn Tất Thành một bài học về con đường cứu nước là phải thoát ra khỏi cái cốt cách phong kiến, bảo thủ. Muốn thắng Pháp, phải học từ cái văn minh Pháp. Phải "lấy độc trị độc".

? "Quê hương nghĩa trọng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình"
Đây là câu thơ Bác Hồ đã đọc khi về thăm quê (lúc đã là Chủ tịch nước), thăm những kỷ niệm thời niên thiếu. Hãy kể về sự kiện này?

Ngày 14-6-1957, Bác Hồ về thăm quê – làng Sen, Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An sau hơn 50 năm xa cách.

Nghe tin ngày mai Bác về, dân làng thao thức. Mọi người đều nghĩ đến ngày đón người con của quê hương nhưng cũng là đón vị Chủ tịch nước chắc phải thật long trọng.

Sáng ấy, Bác về với bộ quần áo ka ki và đôi dép cao su quen thuộc. Hình ảnh ấy đã xua tan cái cảm giác xa cách nửa thế kỷ, trái lại bà con cảm thấy gần gũi, thân thiết lạ thường như mới gặp Bác ngày hôm qua vậy. Bác vẫy tay cất tiếng chào mọi người. Một chú mời Bác vào nhà tiếp khách mới xây ở gần nhà Bác, nhưng Bác ngăn lại:

Cây mít non gắn bó những kỷ niệm tuổi thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Tôi xa nhà, xa quê đã lâu, nay mới có dịp về, tôi phải về, còn đây là nhà tiếp khách để dành cho khách, tôi có phải là khách đâu!

Ngôi nhà mà Bác Hồ nhắc tới là ngôi nhà năm gian được xây dựng năm 1901. Chú cán bộ hướng dẫn Bác đi vào ngõ cạnh nhà ngang. Chiếc cổng tre gắn một tấm biển nhỏ: "Nhà Bác Hồ", Bác cười vui:

- Đây là nhà cụ Phó bảng chứ có phải nhà Bác Hồ đâu!

Bác ngập ngừng trong giây lát rồi thong thả dọc theo hàng rào bước tiếp đến góc của mảnh vườn rồi rẽ tay phải dọc theo hàng rào râm bụt ở trước ngôi nhà chính. Bác nhẹ tay vạch rào râm bụt đi thẳng vào sân, vừa đi Bác vừa nhắc chú cán bộ địa phương:

- Các chú mở lối đi đằng ấy sai rồi. Cổng nhà cụ Phó bảng ở hướng đông này chứ!

Bác đứng giữa sân, nhìn quanh rồi lần lượt chỉ cho mọi người biết, trong vườn này ngày xưa chỗ nào là cây ổi, chỗ nào là cây thanh yên. Bác đi một lượt từ nhà trên

xuống nhà dưới. Bác lại đi ra ngõ, nhìn quanh chòm xóm, nhìn ra núi Chung, nơi xưa kia Bác thường chơi thả diều.

Một cụ già chờ Bác ở ngõ, Bác lên tiếng hỏi ngay:

- Có phải ông Điền không?

- Vâng... anh Côông ... Bác, Bác Hồ!

Bác nhanh nhẹn bước tới, nắm tay ông cụ đang run run vì cảm động, Bác hỏi:

- Anh Điền, anh vẫn khoẻ chứ!

Cụ già đó là ông Điền, người bạn thời niên thiếu của Bác, đã từng cùng nhau đi câu cá, đi thả diều. Hai tiếng "anh Điền" làm cho cụ già cảm động. Trước mặt cụ vẫn là người bạn năm xưa dù Bác đã trở thành Chủ tịch nước.

Họp mặt thân mật với bà con quê nhà, Người nói: "Tôi là một người con của tỉnh nhà đã 50 năm xa cách quê hương. Đã lâu về thăm quê hương thì thường tình người ta tủi tủi, mừng mừng. Tôi không thấy tủi tủi mà chỉ thấy mừng mừng. Lúc ra đi nước ta còn bị thực dân cai trị, đồng bào ta đều là những người nô lệ. Bây giờ trở về thì đồng bào miền Bắc nói chung, đồng bào Nghệ An nói riêng là những người dân tự do, làm chủ nước nhà".

Nói rồi Bác đọc câu thơ:

Quê hương nghĩa trọng tình cao
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình.

? Có một cuốn sách viết về thời niên thiếu của Bác Hồ, gắn liền với "làng Sen", được dịch ra tiếng Anh, rất nổi tiếng. Bạn biết gì về cuốn sách này?

Cuốn tiểu thuyết lịch sử *Búp sen xanh* từng được nhiều người biết đến như những huyền thoại về cuộc đời của Bác. Tác giả Sơn Tùng đã tái hiện cho người đọc hình ảnh quê hương, gia đình nơi quê hương Nam Đàn mà cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã được sinh ra. Đặc biệt nhấn mạnh sự ảnh hưởng to lớn của hoàn cảnh gia phong cùng những tư tưởng lớn đã góp phần tạo nên nhân cách Hồ Chí Minh sau này. Bên cạnh đó, tác giả Sơn Tùng đã dẫn người đọc theo những nhịp bước của Bác Hồ trong những ngày đến Huế, đến trường Dục Thanh tại Phan Thiết, và ra đi tìm đường cứu nước từ bến cảng Nhà Rồng.

Để viết nên "Búp sen xanh" ông đã bỏ ra quãng thời gian gần 10 năm để tìm hiểu, chắt lọc, thu thập tư liệu. Viết về Bác là phải trân trọng sự thật về cuộc đời hoạt động của Bác. Nhưng cũng như viết về các nhân vật lịch sử khác, nhà văn không chỉ là người viết lên con chữ đơn thuần, mà phải hóa thân vào bối cảnh lịch sử của nhân vật. Muốn làm được điều đó, phải có kiến thức lịch sử sâu sắc về thời kỳ ấu thơ mà Bác đã sống. Nhà văn đã có được nhiều câu chuyện, tìm đọc được nhiều tư liệu lịch sử về thời niên thiếu của Bác và may mắn được gặp bà Thanh – chị gái Bác kể lại nhiều câu chuyện cảm động về tuổi thơ nhọc nhằn của gia đình Bác...

Hơn nữa, nhà văn Sơn Tùng được sinh ra trong gia đình cách mạng, cha là cụ Bùi Phú, một sáng lập viên chi bộ Cộng sản ở làng. Những câu chuyện thì thầm như Nguyễn Ái Quốc đã về Xiêm, về Hoa Nam, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng ở Hương Cảng... đã tác động mạnh mẽ đến tâm hồn yêu nước của ông lúc bấy giờ. Nhưng việc tìm tư liệu lịch sử cũng phải kỳ công và tốn nhiều sức lực. Ông đã phải cố gắng hàng năm trời để tiếp cận chị gái Bác, và một số anh em, họ hàng, thân nhân cùng thời với Bác ở Nam Đàn. Quan trọng nữa đó là sự hóa thân của người viết. "Viết về đề tài lịch sử, danh nhân là nhằm giải đáp cho được vấn đề của thời đại đặt ra chứ không phải triệu cái bóng ma của quá khứ". Khi giải quyết được cái đó thì nhân vật và đời thực mới có thể gặp nhau.

Trong cuộc đời của mỗi con người giai đoạn từ tuổi niên thiếu đến khi trưởng thành rất quan trọng bởi đây là giai đoạn hình thành nhân cách tâm hồn của mỗi con

người. Các bạn trẻ khi đọc "Búp sen xanh" sẽ thấy một tấm gương sáng ngời về nhân cách, tâm hồn của chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành.

Ngoài "Búp sen xanh", tác giả đã có rất nhiều tác phẩm khác viết về Hồ Chủ tịch như: "Trái tim quả đất", "Từ làng Sen", "Hẹn gặp lại Sài Gòn", "Ánh sáng tâm đăng Hồ Chí Minh", "Hoa Râm Bụt", "Truyện Bác Hồ, cả trăm năm chưa dễ thấu ngọn nguồn"... Với ông, đề tài về Bác không bao giờ vơi cạn.

? Ngoài Nghệ An, Huế là nơi Bác Hồ có thời gian gắn bó lâu dài thời niên thiếu của mình. Để góp phần tìm hiểu thêm thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học đã cho xuất bản một tập sách "Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế". Bạn hãy cho biết vài nét về tập sách này.

Tập bút ký lịch sử "*Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế*" của nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân được Nhà xuất bản Văn học xuất bản, nhằm góp phần cung cấp thêm những tư liệu mới về thời kỳ Bác Hồ ở Huế. Để hoàn thành cuốn sách "*Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế*", nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân đã phải bỏ ra 20 năm, được may mắn tiếp xúc với những người bạn học của Bác Hồ (hiện nay đều đã qua đời), và cho đến hôm nay đã đưa đến cho độc giả một công trình quý báu.

Bằng nhiều cách tiếp cận: 70 cuốn sách, bài báo, thư từ tài liệu, đặc biệt là hơn 20 tư liệu gốc của mật thám Pháp về Bác và gia đình Bác; 26 bài viết về Bác của các

tác giả trong và ngoài nước; 18 tài liệu lịch sử về thời niên thiếu của Bác; phỏng vấn 50 người cùng thời hoặc quen biết gia đình Bác Hồ thời niên thiếu, những người quen biết hoặc cùng thời với bà Thanh và ông Cả Khiêm - anh, chị ruột của Bác; của các nhân sĩ, trí thức được nghe Bác kể chuyện; những cán bộ, trí thức, nhà nghiên cứu đã quan tâm đề tài về thời niên thiếu của Bác Hồ... qua hàng trăm tư liệu lời kể (đều có địa chỉ, tên tuổi cụ thể) và hàng trăm cuộc nói chuyện về Bác... Nguyễn Đắc Xuân đã góp phần làm sáng rõ, cụ thể và sinh động khoảng thời gian Bác ở Huế từ năm 1895 cùng gia đình cho đến năm 1910, Người rời Huế vào Sài Gòn đi tìm đường cứu nước.

Những sự kiện đã được làm rõ là ngôi nhà đầu tiên Bác và gia đình thuê tại đường Đông Ba (nay là số 112 Mai Trúc Loan). Những tháng năm Bác theo cụ thân sinh về làng Dương Nổ (1898-1900) sự kiện thân mẫu Bác qua đời (1901) tại Huế; Những tháng năm Bác học trường Pháp Việt Đông Ba và trường Quốc học Huế (1905-1908) và đặc biệt soạn giả làm rõ được sự kiện Bác đã tham gia cuộc đấu tranh chống thuế tháng 4-1908 tại Huế. Chính trong thời gian sinh sống và học tập ở Huế, chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành đã được chứng kiện sự bất lực của các vị vua cuối triều Nguyễn, thấy được bộ mặt thật và tội ác của thực dân Pháp. Thế nhưng bên cạnh đó, trong thời gian này, Người cũng đã có điều kiện tiếp thu được những văn minh, văn

hóa phương Tây, được tiếp xúc với đồng bào yêu nước (tiêu biểu là những thầy giáo của Bác như thầy Hoàng Thông, thầy Lê Văn Miến...).

Có thể nói, tư tưởng yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được hình thành ngay từ khi vừa bước chân vào ngưỡng cửa của trường trung học, được xây dựng trên nền tảng truyền thống yêu nước của quê hương xứ Nghệ cộng với những gì Bác đã tiếp nhận được trong những ngày ở Huế.

Tập bút ký gồm 13 chương, khắc họa lại sinh động và rõ nét thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những ngày mới theo gia đình đặt chân lên đất Huế năm 1895, đến lúc Bác rời Huế đi vào phía nam, khởi đầu cuộc hành trình đi tìm đường cứu nước vào năm 1909. Cuốn sách dày đặc tư liệu viết với một tình cảm xúc động, chân thực của Nguyễn Đắc Xuân là một đóng góp mới và lớn vào việc nghiên cứu cuộc đời sự nghiệp, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - một con người, một lãnh tụ Cách mạng vĩ đại, một nhân cách lớn, một nhà văn hoá lớn, một ngọn cờ tư tưởng lớn không chỉ cho Việt Nam. Nhà sử học Mỹ William J.Duiker khi thực hiện công trình nghiên cứu Hồ Chí Minh, Alife (698 trang) đã trích dẫn tài liệu của Nguyễn Đắc Xuân tới 12 lần.

Về cuộc đời của Bác, các nhà nghiên cứu có thể tìm được nhiều nguồn tài liệu nhiều hơn nữa. Nhưng cuốn *Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế* của

Nguyễn Đắc Xuân chắc chắn là một cuốn sách hấp dẫn, bổ ích, nó là một công trình nghiên cứu công phu, tận tình, khoa học.

"Đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế" qua những trang viết xúc động, với những tư liệu chân xác, quý báu lần đầu tiên được công bố, sẽ là một nguồn tư liệu quý góp phần hữu ích vào công việc nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

? Năm 1990, UNESCO đã ra Nghị quyết về tổ chức kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hãy cho biết nội dung của Nghị quyết này.

Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là danh nhân văn hóa kiệt xuất của thế giới. "...Từ buổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, HỒ CHỦ TỊCH đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới. Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ..."[1].

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật, năm 1990, UNESCO đã ra Nghị quyết về tổ chức kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của

1 Trích Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới đây là toàn văn Nghị quyết của Tổ chức Liên hợp quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa (UNESCO):

"Phiên họp toàn thể.

Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hóa là góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới.

Nhắc lại Quyết định số 18C 4351 về việc tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại.

Ghi nhận rằng năm 1990 sẽ được đánh dấu bằng lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là nhà văn hóa lớn.

Xét thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Xét thấy sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam, và những tư

tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

1- Khuyến nghị các quốc gia thành viên kết hợp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách tổ chức những hoạt động đa dạng để tưởng niệm Người, để làm cho mọi người hiểu được tầm vóc to lớn của những tư tưởng và sự nghiệp của Người vì công cuộc giải phóng dân tộc.

2- Đề nghị Tổng giám đốc UNESCO tiến hành những bước đi phù hợp để kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp đỡ các hoạt động tưởng niệm chung được tổ chức nhân ngày này, đặc biệt là những hoạt động diễn ra ở Việt Nam.

(Theo cuộc họp lần thứ 24, năm 1987 của Đại hội đồng UNESCO)

PHỤ LỤC

BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH

Bảo tàng Hồ Chí Minh là một công trình văn hoá lớn được xây dựng theo nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam để tưởng niệm vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của mình - Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất. Công trình được khánh thành ngày 19-5-1990, đúng vào kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là thể hiện lòng biết ơn và đời đời ghi nhớ công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quyết tâm của nhân dân Việt Nam kế tục trung thành sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người, đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, hợp tác và hữu nghị với nhân dân thế giới.

Từ ngày khánh thành Bảo tàng đã đón tiếp hàng triệu lượt khách trong nước và quốc tế đến tham quan, nghiên cứu và học tập. Với chức năng, nhiệm vụ của một thiết chế văn hoá, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã trở thành một trung tâm nghiên cứu, giới thiệu về cuộc

Bảo tàng Hồ Chí Minh.

đời của một vĩ nhân thế kỷ XX, một con người đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; một con người trọn vẹn trong tư tưởng, đạo đức và phong cách, sống cao thượng và giàu lòng nhân ái.

Ở Hồ Chí Minh sự nghiệp cách mạng gắn liền với sự nghiệp văn hoá của Người. Sự nghiệp văn hoá lớn nhất, quan trọng nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người đã huy động sức mạnh của truyền thống văn hiến của dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hoá của thời đại, lãnh đạo thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, trả lại địa vị xứng đáng cho nền văn hoá Việt Nam và góp phần vào nền văn hoá nhân loại. Tri thức sâu rộng và chất văn hoá trong con người Hồ Chí Minh đã làm cho Người có sức cuốn hút mạnh mẽ. Một nhà thơ của châu Mỹ La tinh viết: "Những ai muốn biết thế nào là một

con người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở đâu, ở đâu có mùa xuân, xin hãy đến thăm cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự tồn tại điển hình của một anh hùng của thời đại chúng ta". Ngày nay ánh sáng văn hoá, ánh sáng cách mạng của Người vẫn tiếp tục toả sáng. Thông qua hệ thống trưng bày tại bảo tàng và di sản mà Người để lại, khách tham quan có thể cảm nhận sức cổ vũ to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng cuộc sống hiện tại và tương lai.

Nhận thức vai trò to lớn của văn hoá đối với sự phát triển, Đảng và nhà nước Việt Nam đang có những chính sách cụ thể nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong sự nghiệp ấy, với tư cách là một công trình đặc biệt tưởng niệm nhà văn hóa lớn, Bảo tàng Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ góp phần quan trọng. Bởi vì đây không chỉ là hình thức một công trình kiến trúc mà thực sự là truyền thống và niềm tin của dân tộc vào tư tưởng của một con người vĩ đại. Như giáo sư Trần Văn Giàu viết trong cuốn sổ vàng của Bảo tàng: "Cụ Hồ là một nhà yêu nước, một nhà cách mạng, một nhà tư tưởng chính trị và triết học lớn, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh nói lên được tư tưởng chính trị và triết học của cụ Hồ. Dân tộc Việt Nam tự hào có một vĩ nhân của nhân loại. Trong tương lai vấn đề độc lập dân tộc nổi lên bao nhiêu thì

tư tưởng cụ Hồ càng sáng tỏ bấy nhiêu". Nhiều khách nước ngoài đánh giá cao tính giáo dục của Bảo tàng, một vị khách viết: Bảo tàng tồn tại như một tượng đài: Hồ Chí Minh sống mãi.

Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng ở phía sau Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mặt chính hướng ra đường Hùng Vương, cách đường Hùng Vương 260m. Bảo tàng cùng với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Khu di tích Phủ Chủ tịch tạo thành một quần thể kiến trúc, lịch sử, văn hoá tưởng niệm vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, chiến sĩ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Toà nhà Bảo tàng Hồ Chí Minh là một hình vuông đặt chéo góc mỗi cạnh khoảng 70m và mang hình dáng một bông sen.

Với diện tích sử dụng hơn một vạn mét vuông, Bảo tàng Hồ Chí Minh có kho bảo quản hiện vật đảm bảo mọi điều kiện kỹ thuật, có tầng trưng bầy, gian triển lãm. Bảo tàng còn có thư viện chuyên đề phục vụ công tác nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, có hội trường 400 chỗ ngồi để hội họp và chiếu phim tư liệu về Bác Hồ. Tầng trưng bầy của Bảo tàng Hồ Chí Minh gồm 3 không gian chính: gian long trọng, phần trưng bầy tiểu sử và phần trưng bầy các đề mục mở rộng.

Gian long trọng (gian mở đầu) là trung tâm của toà nhà, trang nghiêm và giản dị. Tại đây có bức tượng đồng toàn thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tư thế đứng giơ

tay như chào mọi người đến thăm. Bức tượng cao 3,50m, đặt trên bệ cao 60cm. Trên bức tường phía sau tượng là những bức phù điêu, khắc hoạ truyền thống lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Từ gian long trọng rẽ tay phải, chúng ta sẽ thăm phần trưng bầy tiểu sử Chủ tịch Hồ Chí Minh - Mở đầu cho phần trưng bầy tiểu sử là bức bình phong chạm gỗ, bằng hình tượng nghệ thuật thể hiện câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Các vua Hùng đã có công dựng nước". Đối xứng qua gian long trọng là bức bình phong thứ hai thể hiện tư tưởng "Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước".

Tiếp thu sự đổi mới trong trưng bầy bảo tàng, phần tiểu sử là một thể thống nhất gồm: đai tiểu sử và các tổ hợp không gian hình tượng.

Đai tiểu sử trưng bày các tài liệu hiện vật phản ánh cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gồm 8 chủ đề:

Chủ đề I (1890-1910) giới thiệu quê hương, gia đình và thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chủ đề II (1911-1920) giới thiệu con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh qua nhiều nước, cuộc sống và quá trình nghiên cứu học tập tìm con đường giải phóng dân tộc.

Chủ đề III (1920-1924) giới thiệu những hoạt động quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đất Pháp và

Liên Xô, những cống hiến lý luận của Người về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Chủ đề IV (1924-1930) giới thiệu công lao truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức nhằm sáng lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Chủ đề V (1930-1945) giới thiệu hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, sáng lập mặt trận Việt Minh và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, sáng lập nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Chủ đề còn giới thiệu cuộc sống gian khổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc Người bị giam cầm ở nhà tù đế quốc Anh ở Hồng Kông và nhà tù của Quốc dân đảng ở Quảng Tây.

Chủ đề VI (1945-1954) giới thiệu hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua sách lược đúng đắn và tài tình, xây dựng và củng cố chính quyền non trẻ, tiếp đó lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến anh dũng và chính nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược.

Chủ đề VII (1954-1969) giới thiệu hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiều mặt đồng thời xây dựng miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà, xây dựng tình đoàn kết hữu nghị hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn thế giới.

Chủ đề VIII kết thúc bằng sự kiện đau thương: những ngày cả nước để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh và thế giới chia sẻ nỗi đau buồn với nhân dân ta.

Chủ đề IX với tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của nhân dân Việt Nam, giới thiệu sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam theo di huấn thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Bắc Nam sum họp, cùng nhau "đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Những tranh ảnh, tài liệu bút tích và hiện vật trên đai tiểu sử được gắn bó chặt chẽ với giải pháp mỹ thuật đa dạng nhằm tăng sức hấp dẫn và sự chú ý của người xem. Theo vành đai tiểu sử, mọi người còn được xem 8 phim tư liệu lịch sử giới thiệu những hình ảnh sống động trên những chặng đường hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kết thúc của mỗi chủ đề là những biểu tượng mỹ thuật gợi người xem suy tư về ý nghĩa của từng giai đoạn lịch sử, đó cũng là những điểm ghi dấu những mốc quan trọng cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của cách mạng Việt Nam: tìm ra đường lối cứu nước năm 1920, Đảng Cộng sản ra đời năm 1930, đất nước độc lập năm 1945, chiến thắng Điện Biên Phủ oanh liệt năm 1954, những ngày đau thương năm 1969.

Giải phóng miền Nam năm 1975. Các tổ hợp không gian hình tượng là một bộ phận không thể tách rời của phần trưng bày tiểu sử.

Bằng hình tượng nghệ thuật khái quát, mang tính hoành tráng và sự kết hợp với hiện vật gốc, hiện vật mô phỏng, hiện vật có tính nghệ thuật đem lại cho người thăm những hiểu biết và cảm xúc về mảnh đất Việt Nam gắn liền với từng giai đoạn hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong chu trình tham quan, chúng ta gặp 6 tổ hợp không gian hình tượng.

1. Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh
2. Xô Viết Nghệ Tĩnh
3. Mảnh đất cách mạng (Pác Bó)
4. Mảnh đất chiến đấu (1945-1954).
5. Tang lễ (1969)
6. Nước Việt Nam thống nhất

Trên tầng trưng bày còn có phần các chuyên đề và đề mục mở rộng (gọi tắt là các chuyên đề) những chuyên đề này được trưng bày ở 8 gian bao quanh phía sau đai tiểu sử với nội dung sau:

Gian I: Tình hình thế giới và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Gian II: Ý nghĩa của cách mạng Tháng Mười vĩ đại và ảnh hưởng đối với cách mạng Việt Nam.

Gian III: Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít

Gian IV: Sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Gian V: Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Gian VI: Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào cách mạng thế giới

Những chuyên đề trên giúp người xem hiểu biết thêm những phong trào và sự kiện lớn của thế giới trên mỗi chặng đường hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngoài ra còn có 2 chuyên đề có tính chất thời sự:

Gian VII: Bác Hồ với thế hệ trẻ

Gian VIII: Nước Việt Nam ngày nay

Bảo tàng Hồ Chí Minh được khánh thành trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh dấu kết quả lao động của cán bộ khoa học, kỹ thuật, mỹ thuật của nhiều ngành, kết quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa Việt Nam và Liên Xô, là biểu tượng cao đẹp của tình hữu nghị Việt Nam - Liên Xô. Bảo tàng trung ương V.I. Lê-nin ở Mát-xco-va là cố vấn và là người cộng tác của Bảo tàng Hồ Chí Minh về khoa học và phương pháp trưng bày bảo tàng; Phương pháp hướng dẫn tham quan.

Bảo tàng Hồ Chí Minh khánh thành còn là kết quả đóng góp của nhiều ngành, nhiều địa phương thể hiện tấm lòng của nhân dân cả nước đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vô vàn kính yêu và sự quan tâm đến giáo dục tấm gương của Người cho mọi thế hệ người Việt Nam mai sau.

Cùng với Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Hà Nội, các di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước và một số chi nhánh tạo thành một hệ thống thống nhất, phục vụ đồng bào khắp mọi miền Tổ quốc. Đến nay, các di tích sau đây thuộc sự chỉ đạo của Bảo tàng Hồ Chí Minh:

1. Khu di tích Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ Tĩnh
2. Khu di tích Dục Thanh - Phan Thiết - Thuận Hải
3. Khu di tích Pác Bó - Hà Quảng - Cao Bằng
4. Di tích 48 Hàng Ngang - Hoàn Kiếm - Hà Nội
5. Di tích Vạn Phúc - Hà Đông - Hà Sơn Bình
6. Di tích Phủ Chủ tịch - Ba Đình - Hà Nội
7. Khu lưu niệm Cụ Nguyễn Sinh Sắc - Cao Lãnh - Đồng Tháp

Và các chi nhánh:

1. Bảo tàng Hồ Chí Minh - chi nhánh TP.HCM
2. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thừa Thiên Huế
3. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quân khu V
4. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thuận Hải
5. Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum

NHỮNG DI TÍCH VỀ BÁC HỒ TRÊN QUÊ HƯƠNG KIM LIÊN

Khu di tích làng Hoàng Trù, xã Chung Cự (nay thuộc xã Kim Liên), huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

Khu di tích gồm:

- ***Ngôi nhà tranh ba gian,*** nơi Nguyễn Sinh Cung (tên hồi nhỏ của Chủ tịch Hồ Chí Minh) cất tiếng khóc chào đời. Ngôi nhà do cụ Hoàng Đường dựng năm 1883 vào dịp lễ thành hôn của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan, người con gái đầu lòng của cụ.

+ Gia đình cụ Hoàng Đường đã dành gian nhà ngoài để làm nơi học tập và nơi nghỉ cho ông Sắc. Ở đó có một bộ phản, nơi ông nằm nghỉ, một chiếc án thư, hai cái ghế kê sát cửa sổ, hai cái giá để sách, là nơi cụ Đường dạy cho ông Sắc học tập. Tất cả các kỷ vật ở gian thứ nhất trong ngôi nhà này ghi dấu sự miệt mài khổ học của ông trên mười năm trời để nhận được tấm bằng cử nhân.

+ Gian thứ hai là nơi nghỉ của bà Hoàng Thị Loan. Sau tấm vải màn nhuộm nâu, có chiếc giường tre nhỏ

Ngày 19-5-1890 Nguyễn Sinh Cung đã cất tiếng chào đời trong ngôi nhà này.

Chiếc giường, nơi lọt lòng Nguyễn Sinh Cung.

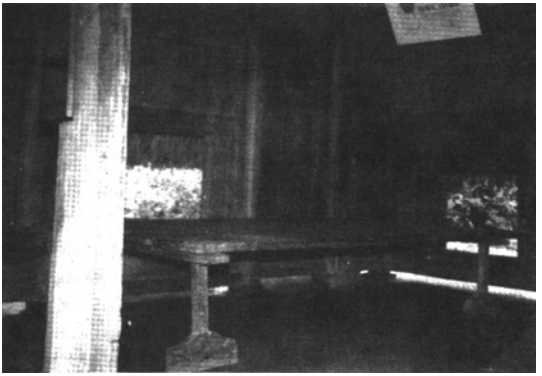

Toàn cảnh khu nhà cụ Hoàng Đường.

đơn sơ, nơi bà đã sinh ra ba người con (cô Nguyễn Thị Thanh, cậu Nguyễn Sinh Khiêm và cậu Nguyễn Sinh Cung). Phía trước chiếc giường là chiếc rương gỗ của cụ Hoàng Đường cho 2 vợ chồng ông Sắc bà Loan khi chuyển sang ở riêng trong ngôi nhà này năm 1883.

+ Gian thứ ba để bộ khung cửi dệt vải của bà Hoàng Thị Loan; ngoài công việc đồng áng, bà Loan thường thức khuya dậy sớm dệt vải giúp gia đình trang trải khó khăn, thiếu thốn. Bên cạnh đó là chiếc võng cói dài uốn cong lên mái nhà, đêm đêm bà vừa đưa thoi vừa đưa võng ru con.

- Ngôi nhà cụ Hoàng Đường và cụ bà Nguyễn Thị Kép, ông bà ngoại Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là một ngôi nhà gỗ năm gian lợp bằng lá mía. Ba gian nhà ngoài cụ Hoàng Đường dành làm nơi dạy học và tiếp khách; có đặt một bộ tràng kỷ bằng tre, một án thư, hai cỗ dong dài, hai giá sách. Đây chính là nơi ông Nguyễn Sinh Sắc được cụ Hoàng Đường dạy dỗ, kèm cặp từ năm 15 tuổi. Hai gian phía trong, một làm buồng, một làm chỗ sinh hoạt cho cụ Nguyễn Thị Kép và hai con gái. Chính tại ngôi nhà gỗ năm gian này đã diễn ra lễ hứa hôn giữa ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Tại đây, tuổi ấu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được ông bà ngoại bồng bế, nâng niu, ru cho nghe những làn điệu dân ca quê nhà, điệu ví đò đưa, điệu hát phường vải...

Và tại đây, tuổi thơ của Người đã chứng kiến sự dạy dỗ tận tình của ông ngoại với học trò; sự tiếp thu những điều lành, ý đẹp của cha mẹ qua những buổi đàm đạo, trao đổi với ông bà ngoại và chính Người đã cảm nhận sự dạy bảo ân cần, chứa đựng những hoài bão đẹp đẽ lớn lao của ông bà ngoại đối với người cháu thông minh và ham hiểu biết.

- ***Ngôi nhà thờ chi nhánh họ Hoàng***: sau khi đưa Nguyễn Sinh Sắc về nuôi ăn học được ba năm thì cụ Hoàng Đường dựng ngôi nhà thờ này để thờ cố nội Hoàng Xuân Miệu, ông nội Hoàng Xuân Lý, thân sinh Hoàng Xuân Cẩn. Theo dòng chữ tạc trên xà nhà ở gian chính giữa "Tự Đức tam thập tứ niên tạo hoàn" (Nghĩa là làm xong năm Tự Đức thứ 34), tức năm Tân Tỵ 1881. Đây chỉ là ngôi nhà thờ chi nhánh họ Hoàng, còn nhà thờ đại tôn, thờ tổ tiên dòng họ Hoàng Xuân nằm ở làng Hoàng Vân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (nay là Hoàng Vân, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng). Truyền thống của họ Hoàng này trước có nhiều người học giỏi, làm quan to, được phong tước hầu, quận công. Cả nhà thờ đại tôn và nhà thờ chi nhánh họ Hoàng Xuân đều có hai câu đối:

Hoàng Vân chính khí truyền thiên cổ
Chung Cự hùng thanh chấn ức niên.

(Nghĩa là: Hoàng Vân khí tốt lành truyền từ xưa lại, Chung Cự tiếng hùng vọng đến vạn năm sau)

Từ khi khởi dựng đến khi Nguyễn Sinh Cung ra đời, đây vẫn là ngôi nhà gỗ, lợp tranh, xung quanh

thương phên. Cho đến năm 1930, bà con trong họ Hoàng đã tu sửa và lợp ngói như hiện nay. Bước ra khỏi gian nhà thờ là một cây mít cành lá sum suê. Trước, cây mít này khá gắn bó với tuổi thơ của Bác Hồ, về sau cây cũ bị gãy, thân cây bây giờ là chồi mới mọc trên gốc cũ của ngày trước

Tất cả đều nằm gọn trong mảnh đất rộng bảy sào Trung bộ (3.500m^2).

Nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc

Căn nhà nằm gọn trong khu vườn rộng 4 sào 14 thước Trung bộ (2.467m^2), thuộc làng Sen (tên chữ là Kim Liên), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau khoa thi Hội năm Tân Sửu

Ngôi nhà quê nội Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Sen, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

(1901), ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng, làng Sen quyết định xuất quỹ công, sang tận xã Xuân La (nay là xã Xuân Lâm) mua một ngôi nhà gỗ năm gian về dựng trên mảnh đất công của làng để mừng ông Phó bảng. Tất cả cây cối trong vườn cũng đều do dân làng trồng giúp. Sau đó, dân làng xuống làng Hoàng Trù đón ông Sắc cùng các con về sống tại đây theo tập tục địa phương.

Ở gian thứ nhất được đặt một bộ phản lớn làm nơi tiếp khách. Chính tại đây, Nguyễn Sinh Cung đã được nghe những lời đàm đạo của các nhà nho yêu nước bạn của cha mình, mang đến cho cậu nhận thức xã hội và lòng yêu nước sâu sắc từ thuở còn thơ. Với lối sống giản dị và thanh bạch, ông Sắc làm một bàn thờ đơn giản ở gian thứ hai để tưởng niệm người vợ đã sớm qua đời. Bàn thờ được làm bằng tre, không có chân mà chỉ dùng hai miếng gỗ đóng gá vào hai bên cột đỡ bàn thờ lên, liếp bằng nứa, trên trải chiếu mộc. Đồ thờ làm bằng gỗ mộc, không sơn son thếp vàng. Gian thứ ba là căn buồng, nơi nghỉ của cô Nguyễn Thị Thanh, chị gái Bác Hồ. Gian thứ tư được đặt một tấm phản để ông Nguyễn Sinh Sắc nằm, nghỉ, đọc sách. Gian thứ năm cũng được đặt một bộ phản là nơi nghỉ của cậu Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung.

Ngoài ra, còn có một số đồ dùng khác: chiếc võng bện bằng sợi đay để nằm mát vào những ngày hè, một

án thư để đọc sách và uống trà, một rương gỗ đựng lương thực, một tủ hai ngăn để bát chén. Trên tủ có chiếc mâm gỗ sơn, gia đình dùng khi có khách quý. Trên vách treo chiếc đèn đĩa thắp bằng dầu thực vật. Căn nhà còn có một gác tre, một cái hộp gỗ để sách vở của ông Nguyễn Sinh Sắc và các con.

Còn lại, ngôi nhà ngang ba gian là nơi nấu ăn hàng ngày của gia đình, người nội trợ chính là cô Nguyễn Thị Thanh.

Ngôi nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Kim Liên đã gắn bó với một giai đoạn hết sức quan trọng trong cuộc đời Hồ Chủ tịch. Ngôi nhà này là một kỷ vật chứng kiến quá trình lao động, học tập và trưởng thành từ mười một tuổi đến mười sáu tuổi của Bác; là nơi ghi dấu những cảm xúc đầu tiên về lòng yêu nước, về nhận thức xã hội và bước đầu có những hoạt động cứu nước của Người.

Lò rèn cố Điền

Trong thời kỳ sinh sống ở làng Sen, những lúc rỗi rãi, cậu Nguyễn Sinh Cung thường ra lò rèn của cố Hoàng Xuân Luyến (nhân dân thường gọi là cố Điền) chơi. Cố Hoàng Xuân Luyến là thân phụ ông Hoàng Xuân Điền ở xóm Phụ Đầm, thuộc làng Sen, cách nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc khoảng 100m về phía đông. Lò dùng để rèn nông cụ như lưỡi cày, cuốc, liềm, hái, dao,

rựa... Chính tại nơi đây, Nguyễn Sinh Cung bắt đầu làm quen với thủ công nghiệp thô sơ. Cậu thường giúp cố Điền thụt bễ, đập đe; cũng có lúc cậu mượn dụng cụ cố Điền, lấy sắt vụn làm đồ chơi. Và đặc biệt là cậu hay hỏi han trao đổi, đàm luận với cố những vấn đề mà nhân dân thường bàn luận, phê phán; giúp cậu hiểu thêm về quê hương xứ sở, về nỗi khổ của người nông dân, sự áp bức, đè nén của hào lý, quan lại triều đình phong kiến và thực dân Pháp. Thực tế sinh động đó đã góp phần rèn đúc Nguyễn Sinh Cung sớm có lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù giặc sâu sắc.

Giếng Cốc

Giếng Cốc cách nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc gần 100m. Giếng này trước kia do ông Nguyễn Danh Cốc người làng Sen đào ra. Nước giếng trong và ngọt.

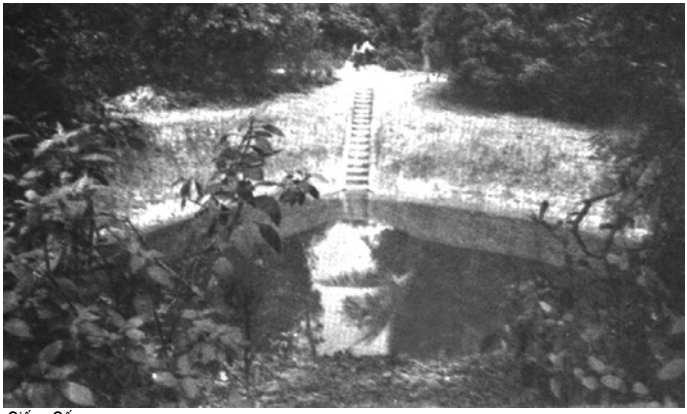

Giếng Cốc.

Nhớ ơn người đào giếng nên người dân làng quen gọi là giếng Cốc. Thời gian sống ở làng Sen, Nguyễn Sinh Cung thường ra giếng Cốc gánh nước về cho gia đình dùng. Những buổi trưa hè cậu và các bạn cùng lứa tuổi thường ra ngồi hóng mát dưới gốc cây trên bờ giếng Cốc. Nước giếng trong và ngọt, nấu chè xanh và làm tương ngon nổi tiếng cả vùng. Giếng Cốc đã trở thành di tích lịch sử gắn liền với quãng đời niên thiếu của Bác Hồ trên đất làng Sen.

Nhà thầy cử Vương

Nhà thầy cử Vương Thúc Quý cách nhà cụ Phó bảng Sắc khoảng 200m về phía Tây. Đây là nơi Nguyễn Sinh Cung theo học thầy Quý sau khi trở về

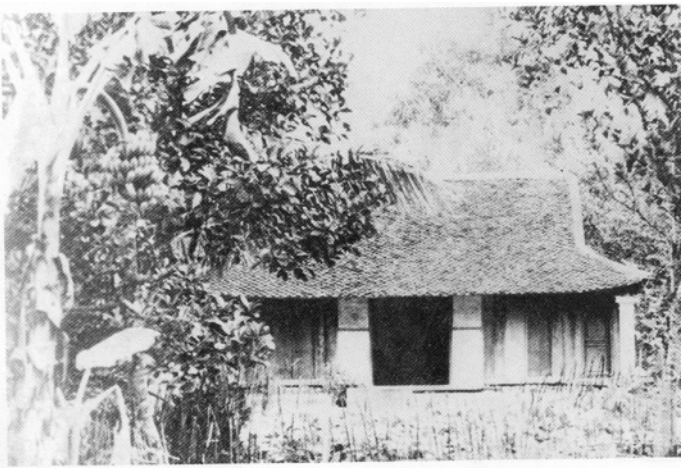

Nhà cụ Vương Thúc Quý (xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An) nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh học chữ Hán trong những năm 1901-1906.

làng Sen được ít lâu (năm 1901). Thầy cử Quý là con trai tú tài Vương Thúc Mậu, thầy nổi tiếng là người học giỏi, tài hoa. Vương Thúc Quý là người thầy giáo luôn nung nấu mối thù nhà, nợ nước và quyết tâm hoạt động để cứu nước. Sau thất bại ngày 14-7-1901, thầy về quê mở lớp học ngay tại nhà và Nguyễn Sinh Cung theo học lớp này. Cũng chính tại nơi này, học trò của thầy Vương đã chứng kiến câu đối đầy khí phách của trò Cung: "Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường". Tại đây, thường hội ngộ các sĩ phu yêu nước đến bàn luận văn thơ và việc nước, Nguyễn Sinh Cung được giữ lại lo trà nước tiếp khách. Sau đó, được thầy tin tưởng, Nguyễn Sinh Cung được giao nhiệm vụ chuyển các thư từ liên lạc bí mật với các sĩ phu yêu nước trong vùng.

Cây đa và sân vận động làng Sen:

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, sân vận động làng Sen được khởi dựng.

Ở góc phía đông bắc sân vận động có một cây đa vốn là chồi của cây đa cổ thụ đã bị đổ. Được nhân dân chăm sóc chu đáo, chồi cây phát triển, cành lá xum xuê, tô điểm cảnh sắc thiên nhiên Kim Liên tươi đẹp.

Trong hai lần về thăm quê (16-6-1957 và 9-12-1961), Bác đều ngồi dưới gốc đa trò chuyện cùng bà con, dặn dò nhiều điều.

Cây đa làng Sen.

Cây đa làng Sen đã đi vào lịch sử chứng kiến những giờ phút rạo rực thiêng liêng trong không khí tưng bừng đón Bác, lắng nghe lời dặn của Người.

Khu mộ bà Hoàng Thị Loan

Bà Hoàng Thị Loan mất ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (10-2-1901) ở Kinh đô Huế, mai táng tại núi Ba Tầng, thuộc dãy núi Ngự Bình bên dòng sông Hương.

Năm 1922, cô Nguyễn Thị Thanh đang bị thực dân Pháp an trí ở Huế đã tìm cách đưa hài cốt mẹ về quê hương, để trong khu vườn nhà mình tại làng Sen.

Năm 1942, sau khi thoát khỏi nhà tù thực dân Pháp, cậu Nguyễn Sinh Khiêm trở về quê và đi khắp vùng

Khu mộ bà Hoàng Thị Loan.

Nam Đàn, Hưng Nguyên tìm nơi cải táng mẹ. Vị trí được chọn là núi Động Tranh trong dãy núi Đại Huệ, thuộc địa phận xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, có độ cao gần 100m so với mặt biển. Đứng ở ngôi mộ, ta có thể thấy bao quát cả một vùng rộng lớn gồm các huyện: Nam Đàn, Hưng Nguyên, Thanh Chương, Đức Thọ, Hương Sơn, là những nơi có nhiều di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng.

Vị trí ngôi mộ chỉ cách quê hương cụ Nguyễn Thị Kép (bà ngoại Bác Hồ) ở làng Kẻ Sía xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên chưa đầy 2km. Đặc biệt từ vị trí ngôi mộ nhìn phía tây nam khoảng 5km là toàn cảnh xã Kim Liên, Nguyệt Quả, Khoa Cử đều ở quanh núi Chung, trông rất ngoạn mục.

Ngày 19-5-1984, Đảng bộ và quân dân tỉnh Nghệ Tĩnh, Bộ Tư lệnh Quân khu 4 đã làm lễ khởi công xây dựng lại ngôi mộ. Quanh mộ được ốp bằng những phiến đá hoa cương Liên Xô do Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng và những phiến đá cẩm thạch của núi đá Quỳ Hợp do tỉnh Nghệ Tĩnh sản xuất. Mộ được phủ kín bằng những hòn đá tự nhiên tại chỗ của núi Đại Huệ. Phía trên ngôi mộ có dàn hoa che mát, đồng dạng với dàn hoa tại khu vực nhà sàn Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội. Đặc biệt là dàn hoa được cách điệu, tượng trưng cho chiếc khung cửi dệt vải, một công cụ lao động đã gắn bó với cả cuộc đời bà Hoàng Thị Loan. Dàn hoa che mát là bốn cụm hoa giấy do tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Bình Trị Thiên trồng trong dịp khánh thành. Trên nền sân thượng, trước mộ có dựng tấm bia lớn ghi tiểu sử và công lao của bà Hoàng Thị Loan bằng đá đen núi Nhồi Thanh Hóa. Đường lên xuống thăm ngôi mộ men theo sườn núi đứng xa trông như hai dải lụa đẹp, mỗi bên dài 500m. Thung lũng trước mộ là vườn cây hoa quả đặc sản và gỗ quý. Trước cảnh vườn cây rộng 10 héc-ta là nhà đón khách và cũng là nơi đặt sa bàn khu mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc do Đảng bộ và nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày.

Di tích khu mộ bà Hoàng Thị Loan được khánh thành vào ngày 16-5-1985.

Nhà thờ họ Nguyễn Sinh

Nhà thờ họ Nguyễn Sinh

Dòng họ Nguyễn Sinh ra đời cách đây 400 năm. Nhà thờ họ Nguyễn Sinh dược dựng lên ở trung tâm Làng Sen. Đến năm Tự Đức nguyên niên (1848), nhà thờ mới được làm bằng gỗ. Trải qua nhiều năm tháng, nhà thờ được tu sửa nhiều lần, lần tu sửa lớn nhất là năm 1894. Sau khi đậu cử nhân ông Nguyễn Sinh Sắc trích ba sào ruộng học điền bán lấy tiền mua ngói lợp mái, xây tường bao quanh và lát nền bằng gạch Bát Tràng. Tự hào về truyền thống dân tộc và quê hương yêu quý của mình, ông Sắc đã trân trọng tạc vào hai cột nanh của nhà thờ đôi câu đối:

Hồng lạc giang sơn kình thiên trụ thạch
Liên Hoàng tả hữu bạt địa văn minh

Dịch nghĩa:

Sông núi Hồng Lạc là cột đá trụ trời

Kim Liên, Hoàng Trù là vùng đất văn minh nổi tiếng.

Thuở thiếu thời, những ngày giỗ, lễ tết, Nguyễn Sinh Cung thường theo cha đến nhà thờ phúng viếng tổ tiên. Qua những lần ấy, đạo lý nhớ ơn tiên tổ, bản sắc quê hương Kim Liên đã dần dần thắm được trong con tim của Người.

Ngày 2-9-1969, nhân dân cả nước và bè bạn năm châu đã đau đớn vĩnh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại nhà thờ họ Nguyễn Sinh, bà con trong họ đã trân trọng đặt thêm bài vị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên bàn thờ tổ tiên. Nhà thờ họ Nguyễn Sinh đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp là "Di tích lịch sử văn hóa".

Nhà ông Nguyễn Sinh Nhậm, ông nội Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhà ông Nguyễn Sinh Nhậm - ông nội Bác Hồ

Ông Nguyễn Sinh Nhậm thuộc thế hệ thứ 10 của dòng họ Nguyễn Sinh ở Kim Liên. Năm 1863, tại căn nhà gỗ của ông Nhậm và bà Hà Thị Hy ở làng Sen, ông Nguyễn Sinh Sắc đã cất tiếng khóc chào đời. Nơi đây thuở thiếu thời Nguyễn Sinh Cung cùng với chị Nguyễn Thị Thanh, anh Nguyễn Sinh Khiêm thường qua lại và tiếp thu được sự dạy bảo ân cần của những người thân trong gia đình. Năm 1942, khi được ra khỏi nhà tù của đế quốc Pháp ông Nguyễn Sinh Khiêm đã về sống trong ngôi nhà này và đây cũng chính là nơi an nghỉ cuối cùng của ông Nguyễn Sinh Khiêm – người anh thân yêu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngôi nhà ông Nguyễn Sinh Nhậm là cái nôi dưỡng dục những người thân trong gia đình Bác Hồ và gắn bó thân thiết với quãng đời ấu thơ của Người.

NHỮNG DI TÍCH VỀ BÁC HỒ TRÊN ĐẤT HUẾ

Ngôi nhà 112 Mai Thúc Loan

Nằm trên đường Đông Ba xưa, trong khu vực Thành Nội Huế, ngôi nhà 112 Mai Thúc Loan ngày nay đã từng ghi dấu những năm tháng đầu tiên khi Bác Hồ và gia đình Người đến Huế. Nơi đây cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã cùng cha mẹ và anh sống trong những năm đầu mới vào Huế. Kỳ thi hội khoa Ất Dậu (1895) ông Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Bác Hồ) thi không đỗ. Để chuẩn bị cho kỳ thi tiếp theo, ông xin vào học trường Quốc Tử Giám và được chấp thuận. Học bổng của trường quá ít ỏi, không đủ điều kiện sinh sống, ông Nguyễn

Nhà số 112 đường Mai Thúc Loan, thành nội Huế, nơi gia đình Người sinh sống thời gian ở Huế (1895-1901)

Sinh Sắc phải trở về quê (làng Kim Liên) bàn bạc và đưa vợ vào Huế giúp mình. Bà Loan đã gửi đứa con gái đầu lòng cho bà ngoại, đưa hai con trai cùng đi theo chồng vào kinh đô. Gia đình ông Sắc vất vả ngược xuôi mấy tháng trời mới có được ngôi nhà này.

Đây là ngôi nhà gỗ rộng 3 gian, gồm 4 vài cột kiến trúc theo kiểu nhà rường ở Huế, mái lợp ngói liệt, tường bao quanh bằng gạch vồ. Tuy gian nhà chật chội, đồ đạc giản đơn của thủa hàn vi nhưng cũng đủ chỗ cho bà Loan đặt khung cửi dệt vải và chỗ học hành, ăn, nghỉ của ba cha con. Chiếc giường tre kê ở góc phía đông ngôi nhà nơi Bà Loan nằm ngủ. Cạnh chiếc võng đu đưa là khung cửi. Gian giữa là chiếc bàn thờ và bức phản gỗ tiếp khách. Gian nhà này từ 1895 đến 1901 đã chứng kiến những nổi gian lao vất vả, đau thương của gia đình Nguyễn Sinh Cung. Tại đây cậu bé Nguyễn Sinh Xin ra đời và cũng tại đây bà Loan đã trút hơi thở cuối cùng khi lâm bệnh nặng.

Gian nhà "dãy trại" 47 Mai Thúc Loan

Sau khi đỗ phó bảng kỳ thi hội khoa Tân Sửu 1901, tháng 5-1906, ông Nguyễn Sinh Sắc vào kinh đô nhận chức Thừa biện Bộ Lễ. Anh em Nguyễn Sinh Cung, Nguyễn Sinh Khiêm cùng theo cha vào Huế sinh sống và học tập. Ông Phó bảng được cấp một căn trong dãy "thuộc viên", hay còn gọi là "Dãy trại" đường Đông

Ba thành Nội. Nay là căn nhà số 47 đường Mai Thúc Loan.

Mỗi căn trong "Dãy Trại" bấy giờ là một gian dài 12m, rộng 4.5m chia làm hai phòng có cửa thông với nhau. Nhà xây bằng gạch, nền đất, mái lợp ngói liệt, vôi cát có pha mật mía, nhà không có cột kèo và cũng không có trần. Phía sau có nhà bếp rộng 2m, dài 3m, được phân làm hai cho mỗi căn hộ. Gia đình Bác Hồ được phân căn hộ thứ 19 của dãy bên trái tính từ cửa đông Ba vào (Dãy Trại có 40 gian kế tiếp nhau thuộc hai dãy nhà hai bên đường Đông Ba cũ, kéo dài từ cửa Đông Ba 40 gian đến đường cắt Ngô Đức Kế ngày nay) Bác Hồ cùng gia đình sống ở đây từ năm 1906 đến năm 1909, khi Ông Sắc được bổ nhiệm làm tri huyện Bình Khê (tháng 7 năm 1909).

Tại đây, Nguyễn Sinh Cung đã trải qua những năm tháng học tập, rèn luyện và trưởng thành, cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã bắt đầu hình thành nhân cách, đạo đức, tư tưởng yêu nước, hun đúc, thúc đẩy ý chí ra đi tìm đường cứu nước.

Làng Dương Nỗ và Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nhà Lưu niệm Bác Hồ tại Dương Nỗ nằm trong cụm di tích về Người ở làng Dương Nỗ (xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế), cách thành phố Huế 7km trên đường về bãi biển Thuận An, một

Nhà ông Nguyễn Sĩ Khuyến, làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang ngoại ô thành phố Huế, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng cha, anh ở trọ thời gian ở Huế (1898-1901).

làng quê sầm uất, giàu truyền thống lịch sử - văn hóa. Đình Dương Nỗ là di tích tiêu biểu cho mô hình làng Việt cổ truyền. Năm 1898, ông Sắc dự kỳ thi hội lần thứ hai khoa Mậu Tuất vẫn không đỗ. Cuộc sống gia đình và nghiệp văn chương của ông gian nan, lận đận. Giữa đất đế đô, một mình bà Loan lao động quần quật mà vẫn không thể nào đưa gia đình thoát khỏi cảnh nghèo khổ. Sau lần thi trượt này, ông Sắc không được hưởng học bổng của Trường Quốc Tử Giám nữa. Muốn thi lại ông phải tự chèo chống ôn bài. Trước tình cảnh đó, được một người bạn giới thiệu về dạy học cho con cái gia đình ông Nguyễn Sĩ Độ - làm chức Hương bộ trong làng. Ông Sắc đã đem hai anh em là Khiêm và Cung về cùng học với mình tại Dương Nỗ.

Ngôi nhà ông Sắc ở tại Dương Nỗ vốn trước kia là nhà thờ bên vợ ông Độ, nhà gỗ ba gian, hai chái, mái lợp tranh, xung quanh thưng bằng gỗ ván. Cách bài trí trong nhà tiện lợi và đẹp mắt mang dáng dấp ngôi nhà của ông đồ nho xứ Nghệ. Lớp học đặt ở đây, nhưng không có bàn, ghế. Có bức phản ngựa gỗ kê ở hai gian bên để học trò ngồi học, gian giữa có kê bức phản lớn. Trước một án thờ là nơi ngồi giảng bài của ông Sắc. Ở góc trong hai gian kế gian giữa có kê chiếc chõng tre, bên trái kê chiếc sập đựng đồ đạc cho ba cha con. Hai chái hai đầu nhà là hai buồng: một buồng là nơi cất áo quần của ba cha con, một buồng là để cất cơm gạo. Hai bên lối vào nhà có hai hàng dâm bụt được cắt xén cẩn thận, trước mặt là dòng sông Phổ Lợi, xung quanh nhà hoa thơm ngát bốn mùa, chiều hè gió từ biển Thuận An thổi lên vừa mát vừa nồng nàn hương biển. Giữa khung cảnh làng quê với bến nước, cây đa, đình làng, ngôi nhà như gợi cho ta nhớ về làng Kim Liên nơi quê Bác. Du khách đến Dương Nỗ không chỉ thăm ngôi nhà giản dị tuổi ấu thơ của Bác Hồ mà còn thăm ngôi đình, dòng sông, bến nước, miếu Am Bà... là những nơi ngày xưa Người thường lui tới, vui chơi, học tập với bạn bè.

Nhà bia lưu niệm bà Hoàng Thị Loan

Cuối năm 1900, sau khi sinh người con thứ tư, bé Nguyễn Sinh Xin. Bà Loan bị bệnh và qua đời vào ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (tức 10-2-1901).

Cả một đời tần tảo nuôi chồng, con, bà đã ra đi quá sớm ở độ tuổi 33. Con thuyền đưa thi hài bà đến nơi an nghỉ cuối cùng cũng lặng lẽ như chính cuộc đời bà. Bà được an táng tại triền phía Tây núi Bân (nhân dân địa phương thường gọi là núi Tam Tầng) cách trung tâm thành phố Huế 4km về phía Nam. Cho đến năm 1922, bà Nguyễn Thị Thanh (chị của Bác Hồ) trong thời gian bị quản thúc tại Huế đã tìm cách đưa hài cốt của mẹ về quê Kim Liên. Thi hài của Bà Loan được cải táng. Mặc dù không còn hài cốt của bà tại Huế, nhưng hiện vẫn có một nhà bia tưởng niệm ngay tại vị trí mai táng bà trước đây. Hài cốt của bà được đưa về quê hương nhưng suốt 20 năm trời trên đất Huế, linh hồn, máu thịt của bà đã hòa quyện thấm sâu vào mảnh đất này.

Trường Quốc học Huế

Đây là ngôi trường mà hai anh em Nguyễn Sinh Cung học lớp trung đẳng niên khóa 1907-1908 trong thời kỳ thứ hai Người theo cha vào Huế.

Thời Bác học, các lớp học đang còn là nhà gỗ lợp tranh. Đến năm 1914 được xây dựng lại bằng gạch lợp ngói khang trang và đẹp đẽ hơn. Dấu tích còn lại là bình phong Long Mã.

Năm 1901, sau kỳ thi Hội (khoa Tân Sửu), ông Nguyễn Sinh Sắc thi đỗ Phó bảng. Tháng 5-1906, ông vào Huế nhận chức Thừa biện Bộ Lễ, Nguyễn Sinh

Trường Quốc học Huế nơi Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã học trong thời gian 1908-1909.

Cung cùng anh trai là Nguyễn Sinh Khiêm theo cha vào Huế sinh sống và học tập. Vào kinh đô Huế lần này, ông Nguyễn Sinh Sắc đã cho hai con vào học ở trường Tiểu học Pháp Việt Đông Ba, Nguyễn Sinh Cung là một học trò ham học, chăm chỉ, thông minh, sau đó đã thi vượt cấp vào lớp đệ nhị niên trung học tại trường Quốc học năm học 1908-1909. Đây chính là ngôi trường đã chắp cánh cho nhận thức và đã giúp cậu học trò Nguyễn Sinh Cung những năm ở lứa tuổi thanh niên dưới mái trường này thấy rõ bộ mặt thật của xã hội thực dân Pháp và phong kiến, khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước trong trái tim nhân hậu của Bác. Từ đây Nguyễn Sinh Cung đã tham gia phong trào đấu

tranh chống thuế của nhân dân các tỉnh miền Trung, ý chí ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Sinh Cung cũng đã được hình thành để rồi chia tay với mái trường, lên đường thực hiện một hoài bão cứu nước lớn lao. Hiện nay tại sân trường có dựng tượng đài tưởng niệm người học sinh ưu tú và anh hùng của trường thời ấy.

Địa điểm Tòa Khâm sứ Trung Kỳ

Ngày 9-4-1908, nông dân các huyện ngoại thành từ các ngã đường kéo về Huế biểu tình đòi chính quyền giảm sưu cao thuế nặng. Ngày 11-4-1908, nông dân bao vây tòa Khâm Sứ Trung Kỳ đưa đơn đòi yêu sách. Pháp cho lính bắn vào đoàn biểu tình, cuộc biểu tình vô cùng quyết liệt.

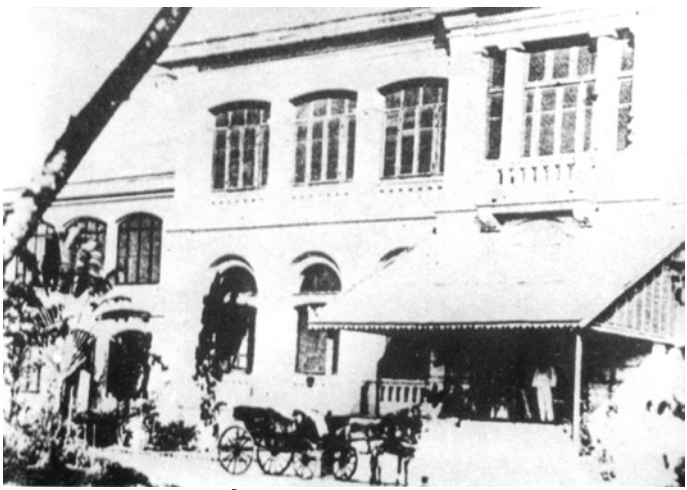

Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, nơi Nguyễn Tất Thành tham gia đấu tranh chống thuế năm 1908.

Bác Hồ lúc ấy là học sinh trường Quốc học, đã cùng bạn bè tham gia vào đoàn biểu tình. Trước tiền sảnh toà Khâm Sứ, với tư cách phiên dịch cho đồng bào, Bác sớm thể hiện ý chí đấu tranh của người thanh niên yêu nước.

Tòa Khâm Sứ đã chứng kiến cuộc đấu tranh hào hùng, quyết liệt của nông dân Thừa Thiên Huế, và hành động yêu nước đầu tiên của Nguyễn Tất Thành, hình ảnh ấy sẽ còn sống mãi cùng năm tháng.

Địa điểm Trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba

Trường Tiểu học Pháp Việt Đông Ba được thành lập năm 1905 trên nền đình chợ Đông Ba cũ, cách cửa Đông Ba chệch hướng Đông Nam khoảng 100m. Năm 1923 Trường được di chuyển về địa điểm trường Gia Hội ngày nay. Nơi Trường cũ được xây dựng thành một công viên nhỏ, nằm cuối đường Phan Đăng Lưu, phường Phú Hòa.

Bác Hồ học ở trường Pháp Việt Đông Ba lớp nhì niên khoá 1906-1907, và lớp nhất, niên khóa 1907-1908. Học sinh lúc bấy giờ mặc áo dài đen, quần trắng bằng vải quyến, đầu đội khăn đóng, đi guốc mộc. Kỳ thi năm 1908, Bác là một trong 10 học trò giỏi nhất lớp được vượt cấp vào lớp đệ nhị niên khóa 1908-1909, ban trung học hệ Thành Chung.

Vị trí cũ của trường nay đã được dựng bia lưu niệm.

Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tọa lạc tại số 7 đường Lê Lợi Huế, Bảo tàng được thiết kế bày trí trong tòa nhà ba tầng bên bờ sông Hương. Nơi đây trưng bày nhiều hình ảnh, tư liệu, hiện vật về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó đặc biệt là thời niên thiếu của Người ở Huế.

Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế hiện quản lý gần 4.000 tài liệu và hiện vật, 14 di tích và địa điểm di tích. Hàng năm, bằng các loại hình hoạt động phù hợp, thông qua trưng bày tại chỗ và triển lãm lưu động về vùng sâu, vùng xa, Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế đã phục vụ và đón trên 3 vạn lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập, nghiên cứu và tìm hiểu, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền, giáo dục, giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp cách mạng, tư tưởng, đạo đức, phong cách và lối sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

NHỮNG DI TÍCH VỀ BÁC HỒ TRÊN ĐẤT BÌNH ĐỊNH

Bình Định - vùng đất rất vinh dự và tự hào là nơi Bác Hồ dừng chân trong những năm vào Nam bôn ba tìm đường ra nước ngoài hoạt động cứu nước. Bình Khê, An Nhơn, Quy Nhơn... là những địa danh ghi dấu bước chân của Người cùng một ý chí sắt đá, ra đi tìm đường làm người cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Trên đường từ Huế vào Sài Gòn để đáp tàu ra nước ngoài *"tìm con đường giúp đồng bào thoát khỏi ách thống trị của Pháp"*, Nguyễn Tất Thành - sau này là Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu - đã dừng chân lại tỉnh Bình Định gần một năm. Trong thời gian này, Người có đến nhiều nơi, nhưng chủ yếu sống tại Quy Nhơn ở nhà giáo học Phạm Ngọc Thọ - bạn thân của cụ Nguyễn Sinh Huy, dạy trường Pháp - Việt Quy Nhơn - để học thêm tiếng Pháp. Thỉnh thoảng Người lên Bình Khê thăm cha, hoặc cụ Sắc xuống Quy Nhơn thăm con. Trong *"Búp sen xanh"*, Sơn Tùng viết về ngày đầu tiên Nguyễn Tất Thành đến Bình Khê: *"Sau những ngày vượt núi trèo non, Nguyễn Tất Thành*

đã tới huyện Bình Khê. Anh bâng khuâng tắm ánh mắt vào dòng sông Côn hiền hòa và ngẫm nghĩ trước những tầng núi cao hùng vĩ, nơi sinh ra người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Thành bước vào cửa Huyện đường Bình Khê lúc chiều tà. Quan huyện Nguyễn Sinh Sắc và vài người lính lệ đang làm vườn...". Trong *"Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc"*, Nguyễn Hữu Tiến kể lại rằng: *"Những lần Cung (tức Nguyễn Tất Thành) từ Quy Nhơn lên thăm cha đều được cụ Sắc đưa đi thăm di tích lịch sử vùng Tây Sơn để chiêm ngưỡng vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ...".*

Ngoài Quy Nhơn và Bình Khê, trong thời gian lưu lại Bình Định, Nguyễn Tất Thành còn đến một số nơi khác như: tỉnh thành Bình Định (huyện An Nhơn) là nơi thỉnh thoảng cụ Sắc đến làm việc và chờ trở về Huế sau khi thôi chức Tri huyện Bình Khê; thăm nhà cụ Đào Tấn (ở Vinh Thạnh, Phước Lộc, Tuy Phước) - là bạn vong niên với cụ Sắc, lúc ấy đã cáo quan về quê; hoặc *"thỉnh thoảng cụ Sắc đưa anh Thành thăm những người quen ở Hữu Giang...".* Những ký ức trong nhân dân về *"Quan Tri huyện thanh liêm"*, *"Người con trai thứ có đôi mắt tinh anh, đôi lần có lên Đồng Phó thăm cha"*... (ý nói Nguyễn Tất Thành) và những di tích gắn với sự nghiệp của Người còn lưu mãi đến ngày nay như:

Di tích Huyện đường Bình Khê

Địa điểm Huyện đường Bình Khê xưa - nơi cụ Nguyễn Sinh Huy làm Tri huyện - thuộc thôn Thượng

Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn, tại trụ sở UBND xã Tây Giang ngày nay. Xưa kia, Huyện đường nằm hướng mặt về phía đông, trông ra dòng sông Côn. Công đường kiến trúc kiểu chữ "Môn", dãy chính là nơi Tri huyện làm việc, hai bên là nơi làm việc của Lại mục, Thừa phái và Lệ mục. Phía sau công đường có nhà bông - nơi Tri huyện ăn ở, nghỉ ngơi ngoài giờ làm việc - và nhà tạm giữ thường phạm ở Huyện đường. Các dãy nhà công đường kiến trúc theo kiểu nhà lá mái 3 gian 2 chái, khung gỗ chắc chắn, vách tường bằng đất tô trát ngay thẳng, mái nhà lợp tranh săng, cửa gỗ đóng kiểu bàn pha. Nền nhà đắp cao, xung quanh kè đá. Lối vào Huyện đường ở phía đông theo con đường từ bến đò lên, cổng ngõ làm bằng gỗ, hàng rào bao quanh bằng cây xanh. Từ cổng vào sân hai bên có hai cây vông đồng tạo bóng mát. Ngoài ra, trong khuôn viên Huyện đường còn có khu vực trồng cây cảnh, trồng rau để quan và lính lệ thưởng ngoạn, chăm sóc lúc rảnh rỗi. Tuy nhiên, đến nay toàn bộ phần kiến trúc cũ không còn dấu tích gì.

Trường Pháp - Việt Quy Nhơn

Nơi Nguyễn Tất Thành học thêm tiếng Pháp trong thời gian ở Bình Định. Trước kia trường thường được gọi là trường Sở Cò, vì ở gần cơ quan cảnh sát (Gendarmerie) Pháp. Cổng trường ghi mấy chữ quốc

ngữ "*Pháp - Việt trường*". Trường xây gạch lợp ngói vảy nhỏ, trên mái đắp các đường vôi dày đè ngói; có các gian mở lớp Đồng ấu (Enfantin), Dự bị (Préparatoire) và Sơ đẳng (Elémentaire). Trường nằm cạnh bờ đầm, sau Tòa giám mục, trước mặt là Trạm khí tượng (Météorologie) và sân vận động (khu vực từ đường Trần Bình Trọng xuống đường Phan Châu Trinh ngày nay). Địa điểm của trường hiện nay là khu vực sau Tòa giám mục giáo phận Quy Nhơn, nằm phía bắc đường Bạch Đằng, bên trái đường Trần Bình Trọng. Đây là trường công đầu tiên do Pháp mở cho thành phố Quy Nhơn và cả tỉnh Bình Định trong thập kỷ đầu của thế kỷ XX.

Nhà ông giáo Phạm Ngọc Thọ

Từ nhiều nguồn tài liệu, các nhà nghiên cứu cho rằng, khả năng Alliance Francaise Quy Nhơn là nơi gia đình giáo học Phạm Ngọc Thọ ở từ 1905-1910, tức nơi Nguyễn Tất Thành trú ngụ một thời gian, khi dừng chân lại Bình Định trong những năm 1909 - 1910, Alliance Francaise lúc đó gọi là "Pháp truyền học hội" tại Quy Nhơn, vừa mở các lớp học, vừa là nơi ở của các thầy giáo trường Pháp - Việt Quy Nhơn và số học sinh các dân tộc ít người Tây Nguyên. Vị trí Alliance Francaise Quy Nhơn trước kia, phần lớn nằm trong khuôn viên Khu tập thể cán bộ, dưới đường Trần Bình Trọng và trên Trường Quân chính binh đoàn Tây Nguyên hiện nay.

Tỉnh thành Bình Định (An Nhơn)

Tại Tỉnh thành Bình Định xưa, Nguyễn Tất Thành gặp cha trong khoảng thời gian cụ Nguyễn Sinh Huy chấm thi Hương (từ 18-5 đến 17-6-1909); và lúc cụ Huy bị cách chức Tri huyện Bình Khê, về nằm chờ tại Tỉnh thành, đợi ngày đưa ra Huế. Do đó có thể nói, trong thời gian dừng chân ở Bình Định, ngoài Quy Nhơn, Bình Khê, Nguyễn Tất Thành có đến và lưu lại thị trấn Bình Định một thời gian ngắn. Nguyễn Tất Thành có khả năng ở Dịch đình (còn gọi là Dịch xá, Thừa dịch) hoặc trường học tỉnh Bình Định (còn gọi là Trường tỉnh học, Trường Đốc, Ký túc đình...). Dịch đình là một ngôi nhà vuông, lợp ngói vảy; phía sau có dãy nhà gỗ lợp tranh, có giếng nước. Khi Tỉnh thành chưa dời về Quy Nhơn, Dịch đình là nơi đón tiếp các quan từ xa đến, các quan trong tỉnh về làm việc với quan Tổng đốc. Dịch đình xưa nằm cạnh quốc lộ 1, tại ngã ba vào thành Bình Định, nay là góc phía nam Nhà văn hóa huyện An Nhơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bá Ngọc, *79 mùa xuân Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H., 2001.

2. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Nghệ Tĩnh, *Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ*, Nxb. Sự thật, H., 1995.

3. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, H., 1980.

4. Bảo tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh tại TP.HCM, *Hỏi & đáp về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, 2005.

5. Đoàn Minh Tuấn, *Bác Hồ cây đại thọ*, Nxb. Trẻ, 1999.

6. E. Cô-bê-lép, *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội – Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1985.

7. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Sự thật, H., 1986.

8. Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, 2000.

9. Mai Văn Bộ, *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, 2004.

10. Nguyễn Đắc Xuân, *Bác Hồ thời niên thiếu ở Huế*, Nxb. Trẻ, 2004.

11. Nhiều tác giả, *Mãi mãi theo Người Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Quốc gia TP.HCM, 2000.

12. Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Hồ Chí Minh những chặng đường lịch sử*, Nxb. Hải Phòng, 2005.

13. Phan Ngọc Liên – Trịnh Vương Hồng, *Hồ Chí Minh chiến sĩ cách mạng quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000.

14. Sơn Tùng, *Búp sen xanh*, Nxb. Văn nghệ TP.HCM, 2001.

15. Trần Dân Tiên, *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 1995.

16. Trần Minh Siêu, *Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên*, Nxb. Trẻ, 2004.

17. Trần Minh Siêu, *Những người thân trong gia đình Bác Hồ*, Nxb. Trẻ, 1997.

18. Trần Ngọc Linh – Lương Văn Phú, Kể chuyện Bác Hồ, 3 tập, Nxb. Giáo dục, 2006.

19. Viện Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử, tập 1: 1890-1929, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., 2006.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5

? "DÂN TỘC TA, NHÂN DÂN TA, NON SÔNG ĐẤT NƯỚC TA ĐÃ SINH RA HỒ CHỦ TỊCH, NGƯỜI ANH HÙNG DÂN TỘC VĨ ĐẠI, VÀ CHÍNH NGƯỜI ĐÃ LÀM RẠNG RỠ DÂN TỘC TA, NHÂN DÂN TA VÀ NON SÔNG ĐẤT NƯỚC TA". CÓ THỂ NÓI, NHÂN CÁCH HỒ CHÍ MINH ĐÃ SỚM ĐƯỢC HÌNH THÀNH TỪ THỜI NIÊN THIẾU. HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ? 9

? TỈNH NGHỆ AN - QUÊ HƯƠNG CỦA BÁC HỒ - LÀ MỘT VÙNG ĐẤT CÓ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC LÂU ĐỜI, ĐÃ HUN ĐÚC CHO BÁC LÒNG YÊU NƯỚC TỪ THUỞ CÒN THƠ. XIN CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ VÙNG ĐẤT NÀY? 11

? XIN CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ QUÊ NỘI CỦA BÁC HỒ? 16

? BẠN BIẾT GÌ VỀ QUÊ NGOẠI BÁC HỒ? 19

? NGHỆ AN LÀ VÙNG ĐẤT CÓ TRUYỀN THỐNG LAO ĐỘNG CẦN CÙ, CHĂM HỌC VÀ GIÀU LÒNG YÊU NƯỚC, ANH DŨNG ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM, TRONG ĐÓ KIM LIÊN NỔI TIẾNG LÀ ĐẤT HIẾU HỌC, CÓ NHIỀU NGƯỜI ĐỖ ĐẠT, HY SINH CHO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ GIẢI PHÓNG DÂN TỘC. NHỮNG TRUYỀN THỐNG NÀY ĐÃ ẢNH CÓ HƯỞNG ĐẾN CẬU BÉ NGUYỄN SINH CUNG NHƯ THẾ NÀO? 23

? CỤ NGUYỄN SINH SẮC - THÂN SINH CỦA BÁC HỒ LÀ MỘT NHÀ NHO YÊU NƯỚC, CÓ NHÂN CÁCH ĐÁNG QUÝ. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ NHÂN VẬT NÀY? 26

? NHỮNG ĐỨC TÍNH NHÂN HẬU, CẦN MẪN, THƯƠNG CHỒNG CON, CỞI MỞ, CHÂN TÌNH VỚI XÓM LÀNG CỦA BÀ HOÀNG THỊ LOAN NHƯ NHỮNG SỢI TƠ ĐÃ DỆT NÊN NHÂN CÁCH NGUYỄN SINH CUNG THỜI THƠ ẤU. XIN CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ BÀ. 31

? BÁC HỒ CÓ MỘT NGƯỜI CHỊ GÁI, SAU NÀY ĐÃ THAM GIA VÀO NHIỀU HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC.
HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ NHÂN VẬT NÀY? 34

? ÔNG NGUYỄN SINH KHIÊM LÀ MỘT NGƯỜI ANH GƯƠNG MẪU, HẾT MỰC YÊU THƯƠNG EM TRAI. HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ NHÂN VẬT NÀY. 39

? KHI CÒN Ở QUÊ NHÀ, CHÍNH BÀ NGOẠI LÀ NGƯỜI ĐÃ DẠY NHIỀU BÀI HỌC VỠ LÒNG VỀ LÒNG YÊU NƯỚC, KHÍ TIẾT CỦA BẬC HIỀN TÀI CHO NGUYỄN SINH CUNG. HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ BÀ. 42

? LẦN ĐẦU TIÊN CÙNG GIA ĐÌNH VÀO HUẾ (1895), KHI ẤY NGUYỄN SINH CUNG CÒN QUÁ NHỎ, ÔNG NGUYỄN SINH SẮC PHẢI CÕNG TRÊN LƯNG. NHỮNG NGÀY VƯỢT ĐƯỜNG XA VÀO KINH CÙNG CHA ĐÃ ĐỂ LẠI TRONG TRÍ NHỚ CỦA NGUYỄN SINH CUNG NHIỀU KỶ NIỆM KHÓ QUÊN. HÃY KỂ VỀ NHỮNG KỶ NIỆM NÀY. 44

? GIỮA NĂM 1895, NGUYỄN SINH CUNG CÙNG GIA ĐÌNH RỜI LÀNG HOÀNG TRÙ VÀO KINH ĐÔ HUẾ DỰ THI HỘI. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ SỰ KIỆN NÀY. 47

? TRONG NHỮNG NGÀY Ở HUẾ, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ ĐẶT TÊN "BẾN NGỰ ĐỒNG" CHO ĐỊA DANH NÀO? 49

? TRONG CUỘC ĐỜI MÌNH, BÁC HỒ ĐÃ HỌC QUA RẤT NHIỀU NGƯỜI THẦY. HÃY CHO BIẾT, NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN CỦA BÁC HỒ LÀ AI? 51

? TRONG THỜI GIAN HỌC VỚI CHA, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ NHẬN ĐƯỢC MỘT BÀI HỌC VỀ SỰ ÍCH KỶ. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ SỰ KIỆN NÀY? 53

? TRONG QUÁ TRÌNH DẠY HỌC CỦA MÌNH, KHI NÀO BẬN VIỆC, CỤ SẮC LẠI NHỚ THẦY VƯƠNG THÚC ĐỘ DẠY THAY. NGƯỜI THẦY NÀY ĐÃ DẠY CHO NGUYỄN SINH CUNG RẤT NHIỀU VỀ NHỮNG TẤM GƯƠNG NGHĨA LIỆT, QUA ĐÓ GÓP PHẦN KHƠI DẬY LÒNG TỰ HÀO DÂN TỘC Ở NGƯỜI. XIN CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ THẦY ĐỘ? 55

? TRONG THỜI GIAN Ở KINH THÀNH HUẾ, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẾN DỰ LỄ VẠN THỌ CỦA VUA. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 57

? NÚI CHUNG LÀ MỘT ĐỊA DANH GẮN LIỀN VỚI TUỔI THƠ CỦA NGUYỄN SINH CUNG KHI CÒN Ở LÀNG CHÙA. BẠN BIẾT GÌ VỀ NÚI CHUNG? 58

? LÚC SINH THỜI, CỤ ĐÀO TẤN VÀ GIA ĐÌNH BÁC HỒ CÓ MỘT MỐI QUAN HỆ RẤT MẬT THIẾT. QUA ĐÓ HÌNH ẢNH ÔNG QUAN THANH LIÊM, ÔNG TỔ NGHỆ THUẬT TUỒNG ĐÃ CÓ NHỮNG ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐỊNH GÓP PHẦN HÌNH THÀNH NÊN, HUN ĐÚC NÊN NHÂN CÁCH VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ MỐI QUAN HỆ NÀY. 61

? ĐẦU NĂM 1901, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ PHẢI CHỊU TANG LỚN TRONG TUỔI THIẾU NIÊN CỦA MÌNH. BẠN HÃY CHO BIẾT VỀ SỰ KIỆN NÀY. 65

? SAU KHI CHA ĐI HUẾ THI HỘI, NGUYỄN SINH CUNG ĐƯỢC BÀ NGOẠI GỬI SANG HỌC TIẾP CHỮ HÁN BÊN LÀNG HỮU BIỆT, HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN VỚI AI? 67

? BÁC HỒ ĐỔI TÊN NGUYỄN TẤT THÀNH VÀO THỜI ĐIỂM NÀO? 68

? BÁC HỒ ĐƯỢC VINH DỰ HỌC VỚI THẦY VƯƠNG THÚC QUÝ - CON TRAI CỤ VƯƠNG THÚC MẬU (NGƯỜI LẬP ĐỘI "CHUNG NGHĨA BINH" DỰNG CỜ CẦN VƯƠNG CHỐNG GIẶC PHÁP (1885). HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ THẦY QUÝ? 69

? TRONG THỜI GIAN HỌC VỚI THẦY VƯƠNG THÚC QUÝ, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ CÓ MỘT VẾ ĐỐI "CƯỠI NGỰA DONG THẲNG TẤN LÊN ĐƯỜNG", ĐƯỢC THẦY KHEN LÀ CÓ TƯ CHẤT HƠN BẠN BÈ ĐỒNG TRANG LỨA. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN ẤY? 72

? SAU THẦY VƯƠNG THÚC QUÝ, BÁC HỒ TIẾP TỤC THEO HỌC VỚI AI? 75

? HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ LÒ RÈN CỐ ĐIỂN, NƠI THỜI NIÊN THIẾU BÁC HỒ BẮT ĐẦU LÀM QUEN VỚI LAO ĐỘNG THỦ CÔNG NGHIỆP THÔ SƠ. 76

? CHÍ SĨ YÊU NƯỚC PHAN BỘI CHÂU ĐÃ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KỂ VỚI GIA ĐÌNH VÀ BẢN THÂN CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH. XIN CHO BIẾT NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ GẶP GỠ CỤ PHAN BỘI CHÂU THẾ NÀO? 78

? PHAN BỘI CHÂU ĐÃ TẶNG NGUYỄN TẤT THÀNH CÂU THƠ: "CHIM BẰNG TUNG CÁNH XUYÊN TRỜI THẲM, THỬ SỨC ĐẠI DƯƠNG THUỞ CÁ CÔN" VÀO THỜI ĐIỂM NÀO? 80

? NGAY TỪ NHỮNG NGÀY CÒN NIÊN THIẾU Ở LÀNG SEN, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ HÌNH THÀNH NHỮNG TÍNH CÁCH ĐÁNG QUÝ. HÃY NÓI VỀ NHỮNG SỰ KIỆN NÀY. 82

? SAU KHI BÀ NGOẠI MẤT, NGUYỄN TẤT THÀNH THEO CHA ĐI KHẮP NƠI DẠY HỌC VÀ CÓ GHÉ QUA QUÊ HƯƠNG CỦA CỤ PHAN ĐÌNH PHÙNG. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 84

? TRONG MỘT LẦN ĐẾN XEM DINH CỦA HOÀNG CAO KHẢI VỪA XÂY XONG Ở ĐỨC THỌ - HÀ TĨNH, NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ LÀM MỘT BÀI THƠ RẤT CÓ KHẨU KHÍ, ĐỂ HOÀNG CAO KHẢI PHẢI THỐT LÊN "HỔ PHỤ SINH HỔ TỬ". HÃY NÓI VỀ SỰ KIỆN NÀY? 86

? "XUÂN LÂM CHO CHÍ ĐẠI ĐỒNG" KHỔ THƠ TRÊN ĐÃ GẮN VỚI NHỮNG KỶ NIỆM NÀO CỦA BÁC HỒ? 88

? TRONG THỜI GIAN Ở LÀNG SEN (1904), NHỮNG CẢNH BI THẢM DIỄN RA LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG CON ĐƯỜNG CỬA RÀO GÂY XÚC ĐỘNG MẠNH NHẤT, SÂU SẮC NHẤT KHÔNG SAO XÓA MỜ ĐƯỢC TRONG TÂM HỒN CỦA NGUYỄN TẤT THÀNH. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 90

? CÓ LẦN NGUYỄN SINH CUNG ĐÃ "CHIẾT TỰ": "RÚT RUỘT VUA (BỎ NÉT SỔ), TAM DÂN BÌNH ĐẲNG. CHÉM ĐẦU TÂY (BỎ NÉT ĐẦU), TỨ CHỦNG GIAI HUYNH". HÃY CHO BIẾT VỀ SỰ KIỆN NÀY? 93

? TRONG KHI CỤ PHAN BỘI CHÂU NHẤT QUYẾT KHÔNG DÙNG CHỮ QUỐC NGỮ VÀ CHỮ PHÁP THÌ CỤ NGUYỄN SINH SẮC LẠI QUYẾT ĐỊNH CHO HAI ANH EM TẤT ĐẠT, TẤT THÀNH XUỐNG THỊ XÃ HỌC CHỮ QUỐC NGỮ VÀ CHỮ PHÁP. TẠI SAO ÔNG LẠI CÓ TƯ TƯỞNG TIẾN BỘ ẤY? 95

? VÀO TRẠC TUỔI 13, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ TIẾP XÚC VỚI NHỮNG CHỮ "TỰ DO - BÌNH ĐẲNG - BÁC ÁI" NHƯ THẾ NÀO? 98

? TRONG NGÀY GIỖ MẸ NĂM 1906, NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ CỤ ĐẶNG THÁI THÂN ĐÃ BÀN VỀ CHUYỆN NƯỚC. CÂU CHUYỆN ĐÓ DIỄN RA NHƯ THẾ NÀO? 101

? NGUYỄN TẤT THÀNH CÙNG ANH TRAI NGUYỄN TẤT ĐẠT VÀO HỌC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÁP - VIỆT ĐÔNG BA VÀO THỜI GIAN NÀO? 103

? MÙA THU NĂM 1906, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ NHẬN ĐƯỢC THƯ CỦA CHỊ GÁI BÁO TIN CHỊ ĐÃ VÀO HỘI KÍN. BẠN HÃY CHO BIẾT NỘI DUNG LÁ THƯ ĐÓ? 105

? HÈ NĂM 1907, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ LÀM MỘT BÀI PHÚ "SĂN CUỐC". XIN CHO BIẾT NỘI DUNG CỦA BÀI ĐÓ? 107

? THÁNG 9-1907, NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ ANH TRAI NGUYỄN TẤT ĐẠT ĐÃ ĐẾN DỰ LỄ ĐÀY BIỆT XỨ VUA THÀNH THÁI. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ SỰ KIỆN NÀY. 111

? TRONG THỜI GIAN NGUYỄN TẤT THÀNH HỌC Ở HUẾ, ĐÃ XẢY RA MỘT SỰ KIỆN CHÍNH TRỊ VÀO THÁNG 11-1907. SỰ KIỆN NÀY ĐÃ CÓ TÁC ĐỘNG KHÔNG NHỎ ĐẾN VIỆC HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 113

? "NĂM 1908, NHÂN DÂN MIỀN TRUNG KHÔNG CHỊU NỔI SƯU CAO THUẾ NẶNG VÀ BAO NHIÊU SỰ HÀ LẠM ÁP BỨC, ĐÃ PHẢI BIỂU TÌNH..." - MỘT BÀI VIẾT CỦA BÁC HỒ ĐÃ VIẾT NHƯ THẾ. XIN CHO BIẾT THÊM VỀ SỰ KIỆN NÀY? 116

? THÁNG 5-1908, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ THAM GIA MỘT CUỘC BIỂU TÌNH TẠI TỈNH THỪA THIÊN. BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 119

? NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ THI ĐẬU VÀO TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ NĂM NÀO? 123

? TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ CHÍNH LÀ NGÔI TRƯỜNG ĐÃ CHẮP CÁNH CHO NHẬN THỨC VÀ ĐÃ GIÚP CẬU HỌC TRÒ NGUYỄN SINH CUNG NHỮNG NĂM Ở LỨA TUỔI THANH NIÊN DƯỚI MÁI TRƯỜNG NÀY THẤY RÕ BỘ MẶT THẬT CỦA XÃ HỘI THỰC DÂN PHÁP VÀ PHONG KIẾN, KHƠI DẬY LÒNG YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC TRONG TRÁI TIM NHÂN HẬU CỦA BÁC. XIN CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ NGÔI TRƯỜNG NÀY? 125

? TỪ KHI HỌC Ở QUỐC HỌC HUẾ, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ CÓ Ý THỨC CHỐNG PHONG KIẾN, LÊN ÁN MẠNH MẼ TRIỀU ĐÌNH NHÀ NGUYỄN NHƯ THẾ NÀO? 128

? TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ, THẦY LÊ VĂN MIẾN ĐÃ ĐỂ LẠI ẤN TƯỢNG KHÁ SÂU ĐẬM ĐỐI VỚI NGUYỄN TẤT THÀNH. XIN CHO BIẾT CUỘC GẶP GỠ LẦN ĐẦU TIÊN GIỮA NGUYỄN TẤT THÀNH VÀ THẦY LÊ VĂN MIẾN ĐÃ DIỄN RA NHƯ THẾ NÀO? 131

? Ở TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐƯỢC HỌC VỚI THẦY HOÀNG THÔNG – CŨNG LÀ MỘT NHÀ NHO YÊU NƯỚC, VÀO DẠY Ở ĐÂY ĐỂ GIẤU MÌNH GỬI GẮM LÒNG YÊU NƯỚC CHO LỚP TRẺ. CŨNG CHÍNH THẦY ĐÃ GIAO CHO ANH NHIỆM VỤ LIÊN LẠC VỚI MỘT SỐ NGƯỜI YÊU NƯỚC Ở HUẾ. BẠN BIẾT GÌ VỀ THẦY HOÀNG THÔNG? 134

? SAU MỘT LẦN ĐẾN THĂM THẦY HOÀNG THÔNG TẠI LAO THỪA PHỦ, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ RƠI NƯỚC MẮT VÌ THƯƠNG THẦY. KHÔNG NGỜ, THẦY QUÁT "...LÀM HỌC TRÒ MÀ CÓ MỘT NGƯỜI THẦY NHƯ TA KHÔNG LẤY LÀM TỰ HÀO THÌ THÔI CHỚ CỚ LÀM SAO LẠI KHÓC? HÃY ĐỂ NHỮNG GIỌT NƯỚC MẮT ẤY KHÓC CHO DÂN, CHO NƯỚC". TRẦN TRỌC VÌ NHỮNG LỜI THẦY DẠY, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ QUYẾT ĐỊNH RỜI XA HUẾ - BẮT ĐẦU CHẶNG ĐƯỜNG VÀO CÁC TỈNH PHÍA NAM. 136

? TẠI TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ, NGUYỄN TẤT THÀNH THƯỜNG KÊU GỌI HỌC TRÒ "PHẢI LÀM CÁI GÌ CHO DÂN, CHO NƯỚC". ANH ĐÃ BỊ CẢNH CÁO, BAN GIÁM HIỆU GỬI THƯ VỀ KHIỂN TRÁCH CỤ NGUYỄN SINH SẮC VÌ "HẠNH KIỂM CỦA HAI NGƯỜI CON Ở TRƯỜNG QUỐC HỌC". BẠN BIẾT GÌ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 138

? TỪ KHI TIẾP XÚC VỚI NHỮNG TỪ "TỰ DO - BÌNH ĐẲNG - BÁC ÁI", NGUYỄN TẤT THÀNH LUÔN HĂM HỞ TÌM TÒI ĐỂ SÁNG TỎ NHỮNG GÌ CÒN ẨN GIẤU ĐẰNG SAU CÁI GỌI LÀ "NỀN VĂN MINH PHÁP". ANH ĐÃ THU HOẠCH ĐƯỢC NHỮNG GÌ? 141

? BẠN BIẾT GÌ VỀ DI TÍCH "NGÔI NHÀ THÀNH NỘI CỦA BÁC HỒ Ở HUẾ" 145

? THÁNG 7-1909, NGUYỄN TẤT THÀNH THEO CHA VÀO NHẬM CHỨC TRI HUYỆN Ở BÌNH ĐỊNH. TẠI ĐÂY, BÁC HỒ ĐÃ THAM GIA KHOA THI TỔNG SƯ. BẠN HÃY CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ SỰ KIỆN NÀY. 147

? THÁNG 8-1910, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐẾN PHAN RANG, TẠI ĐÂY ANH CHỨNG KIẾN MỘT CẢNH TƯỢNG ĐẦY PHẪN UẤT: "BỌN PHÁP CƯỜI SẶC SỤA TRONG KHI ĐỒNG BÀO TA CHẾT ĐUỐI VÌ CHÚNG NÓ". ĐIỀU NÀY CÀNG THÊM NUNG NẤU Ý CHÍ QUYẾT TÂM RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA ANH. HÃY KỂ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 149

? TRÊN ĐƯỜNG VÀO SÀI GÒN, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ GHÉ LẠI PHAN THIẾT. TẠI ĐÂY NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC NHẬN VÀO DẠY HỌC Ở TRƯỜNG DỤC THANH. XIN CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ NGÔI TRƯỜNG NÀY. 151

? Ở TRƯỜNG DỤC THANH, THẦY GIÁO NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ DẠY NHỮNG MÔN HỌC NÀO? 154

? SỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG MỚI, TỪ NGƯỜI HỌC SINH THÀNH NGƯỜI DẠY HỌC, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ CÓ BƯỚC TRƯỞNG THÀNH NHẢY VỌT. HÃY CHO BIẾT NHỮNG NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ MẶT TƯ TƯỞNG CỦA NGƯỜI TRONG THỜI GIAN DẠY HỌC Ở TRƯỜNG DỤC THANH? 156

? THỜI GIAN THẦY GIÁO NGUYỄN TẤT THÀNH DẠY HỌC Ở TRƯỜNG DỤC THANH ĐÃ ĐỂ LẠI TRONG TÂM TRÍ LỚP HỌC TRÒ HỒI ẤY NHIỀU KỶ NIỆM KHÓ QUÊN. SAU NÀY, NHIỀU NGƯỜI ĐÃ KỂ LẠI NHỮNG KỶ NIỆM CỦA MÌNH VỚI LÒNG TÔN KÍNH VỀ MỘT NGƯỜI THẦY

ĐÃ XA. HÃY NÊU MỘT VÀI CÂU CHUYỆN VỀ QUÃNG THỜI GIAN ẤY? 158

? ĐẦU NĂM 1911, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ ĐẾN THÀNH PHỐ SÀI GÒN. TẠI ĐÂY, NGƯỜI ĐÃ Ở ĐÂU? 164

? TRONG NHỮNG NGÀY Ở SÀI GÒN, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ LÀM NGHỀ GÌ ĐỂ SỐNG? 167

? TRONG NHỮNG NGÀY Ở SÀI GÒN CHỜ SANG PHÁP, NGUYỄN TẤT THÀNH CŨNG TRANH THỦ MỞ LỚP HỌC DẠY CHỮ, KHAI TÂM CHO NHỮNG NGƯỜI THỢ BỐC VÁC. BẠN BIẾT GÌ VỀ LỚP HỌC ẤY? 170

? TRONG THỜI GIAN Ở PHAN THIẾT, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ CÓ QUAN HỆ THÂN THIẾT VỚI CỤ TRƯƠNG GIA MÔ. CŨNG CHÍNH CỤ NGHÈ MÔ LÀ NGƯỜI ĐƯA NGUYỄN TẤT THÀNH VÀO SÀI GÒN, SẮP XẾP NƠI ĂN CHỐN Ở VÀ GIÚP ĐỠ NGUYỄN TẤT THÀNH RẤT NHIỀU. HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ NHÂN VẬT NÀY? 172

? "NƯỚC MẤT THÌ LO MÀ CỨU, CON CHỈ CÓ MỘT VIỆC ĐÓ PHẢI LÀM. CỨU NƯỚC TỨC LÀ HIẾU VỚI CHA RỒI ĐÓ. CON HÃY MẠNH DẠN LÊN ĐƯỜNG". BẠN HÃY CHO BIẾT CỤ NGUYỄN SINH SẮC ĐÃ NÓI CÂU NÓI TRÊN Ở THỜI ĐIỂM NÀO? 176

? NGÀY 2-6-1911, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ RA CẢNG NHÀ RỒNG LÀM GÌ? 178

? TRƯỚC KHI LÊN ĐƯỜNG SANG PHÁP, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ RỦ MỘT NGƯỜI BẠN CÙNG ĐI. ĐÓ LÀ AI? 181

? BẠN BIẾT GÌ VỀ CON TÀU L'ADMIRAL LATOUCHE TRÉVILLE ĐÃ ĐƯA NGUYỄN TẤT THÀNH LÊN ĐƯỜNG ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC? 183

? Ở VỊ TRÍ NGƯỜI PHỤ BẾP TẠI KHÁCH SẠN CARLTON ANH BA (BÁC HỒ) ĐÃ CHO CHÚNG TA MỘT BÀI HỌC VỀ TÍNH TIẾT KIỆM. HÃY CHO BIẾT VỀ CÂU CHUYỆN NÀY? 185

? MỘT NHÂN VIÊN TRÊN TÀU L'ADMIRAL LATOUCHE TRÉVILLE ĐÃ KỂ LẠI: "KHÔNG BAO GIỜ TÔI ĐOÁN RẰNG NGƯỜI BẠN NHỎ CỦA TÔI, NGƯỜI PHỤ BẾP, ANH BA NGÂY THƠ, SIÊNG NĂNG VÀ NGOAN NGOÃN ẤY, LẠI TRỞ THÀNH CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ TA, NGƯỜI XÂY DỰNG NÊN NƯỚC CỘNG HÒA CHÚNG TA." BẠN HÃY CHO BIẾT VỀ CÂU CHUYỆN NHÂN VẬT NÀY ĐÃ NÓI VỀ BÁC? 186

? BẾN NHÀ RỒNG LÀ MỘT DI TÍCH LỊCH SỬ NỔI TIẾNG, VÀ CÀNG NỔI TIẾNG HƠN BỞI NƠI ĐÂY GẮN VỚI MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ – LÀ NƠI BÁC ĐẶT CHÂN XUỐNG CON TÀU L'ADMIRAL LATOUCHE TRÉVILLE ĐỂ BẮT ĐẦU RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC. BẠN BIẾT GÌ VỀ DI TÍCH NÀY? 191

? QUYẾT TÂM RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, NGUYỄN TẤT THÀNH ĐÃ CHỌN CHÂU ÂU ĐỂ ĐẾN MÀ KHÔNG PHẢI SANG TRUNG QUỐC, SANG NHẬT BẢN, SANG XIÊM (THÁI LAN). TẠI SAO? 196

? KỂ TÊN MỘT SỐ NHÀ YÊU NƯỚC CÓ TIẾNG ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LÒNG YÊU NƯỚC CỦA BÁC HỒ THỜI NIÊN THIẾU? 198

? PHAN BỘI CHÂU LÀ MỘT CHÍ SĨ YÊU NƯỚC TRONG LỊCH SỬ NƯỚC NHÀ VÀ CÓ ẢNH HƯỞNG TỚI CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA BÁC HỒ. CHO BIẾT ĐÔI NÉT VỀ NHÂN VẬT NÀY? 201

? PHAN CHÂU TRINH CŨNG CÓ DẤU ẤN QUAN TRỌNG TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA BÁC HỒ. HÃY NÓI VỀ NHÂN VẬT NÀY. 204

? KHÔNG CHỈ HAI CHÍ SĨ HỌ PHAN, HOÀNG HOA THÁM CŨNG ĐÃ CHO NGUYỄN TẤT THÀNH NHỮNG KINH NGHIỆM VỀ CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC. BẠN BIẾT GÌ VỀ NHÂN VẬT NÀY? 208

? "QUÊ HƯƠNG NGHĨA TRỌNG TÌNH CAO". ĐÂY LÀ CÂU THƠ BÁC HỒ ĐÃ ĐỌC KHI VỀ THĂM QUÊ (LÚC ĐÃ LÀ CHỦ TỊCH NƯỚC), THĂM NHỮNG KỶ NIỆM THỜI NIÊN THIẾU. HÃY KỂ VỀ SỰ KIỆN NÀY? 211

? CÓ MỘT CUỐN SÁCH VIẾT VỀ THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ, GẮN LIỀN VỚI "LÀNG SEN", ĐƯỢC DỊCH RA TIẾNG ANH, RẤT NỔI TIẾNG. BẠN BIẾT GÌ VỀ CUỐN SÁCH NÀY? 214

? NGOÀI NGHỆ AN, HUẾ LÀ NƠI BÁC HỒ CÓ THỜI GIAN GẮN BÓ LÂU DÀI THỜI NIÊN THIẾU CỦA MÌNH. ĐỂ GÓP PHẦN TÌM HIỂU THÊM THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC ĐÃ CHO XUẤT BẢN MỘT TẬP SÁCH "ĐI TÌM DẤU TÍCH THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ Ở HUẾ". BẠN HÃY CHO BIẾT VÀI NÉT VỀ TẬP SÁCH NÀY.216

? NĂM 1990, UNESCO ĐÃ RA NGHỊ QUYẾT VỀ TỔ CHỨC KỶ NIỆM LẦN THỨ 100 NGÀY SINH CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH. HÃY CHO BIẾT NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT NÀY. 219

? PHỤ LỤC 223

KHU DI TÍCH LÀNG HOÀNG TRÙ, XÃ CHUNG CỰ (NAY THUỘC XÃ KIM LIÊN), HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN 233

NHÀ ÔNG PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC 237

LÒ RÈN CỐ ĐIỂN 239

GIẾNG CỐC 240

NHÀ THẦY CỬ VƯƠNG 241

CÂY ĐA VÀ SÂN VẬN ĐỘNG LÀNG SEN: 242

KHU MỘ BÀ HOÀNG THỊ LOAN 243

NHÀ THỜ HỌ NGUYỄN SINH 245

NHÀ ÔNG NGUYỄN SINH NHẬM - ÔNG NỘI BÁC HỒ 247

NGÔI NHÀ 112 MAI THÚC LOAN 249

GIAN NHÀ "DÃY TRẠI" 47 MAI THÚC LOAN 250

LÀNG DƯƠNG NỖ VÀ KHU LƯU NIỆM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH 251

NHÀ BIA LƯU NIỆM BÀ HOÀNG THỊ LOAN 253

TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ 254

ĐỊA ĐIỂM TÒA KHÂM SỨ TRUNG KỲ 256

ĐỊA ĐIỂM TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÁP - VIỆT ĐÔNG BA 257

BẢO TÀNG HỒ CHÍ MINH 257

DI TÍCH HUYỆN ĐƯỜNG BÌNH KHÊ 260

TRƯỜNG PHÁP - VIỆT QUY NHƠN 261

TÀI LIỆU THAM KHẢO 264

79 CÂU HỎI ĐÁP VỀ THỜI NIÊN THIẾU CỦA BÁC HỒ

NHIỀU TÁC GIẢ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT

Biên tập:
AN HUY
Bìa:
MAI QUẾ VŨ
Sửa bản in:
AN HUY
Kỹ thuật vi tính:
THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 9316289 - 9350973 - 9316211 - 8465595 - 8465596
Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@ hcm.vnn.vn
Website: http://www. nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 7734544 - Fax: (04) 7734544
E-mail: vanphongnxbtre@ hn.vnn.vn